CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

ĐIỀU HƯỚNG SỰ BIẾN ĐỘNG



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH 04

01 **TỔNG QUAN** 08

Tầm nhìn - Sứ mệnh -Giá trị cốt lõi
Thông tin Doanh nghiệp
Lịch sử phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Giải thưởng tiêu biểu
Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức

02 **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2021** 28

Môi trường Kinh doanh 2021
Báo cáo kết quả Kinh doanh 2021
Yếu tố thúc đẩy thành công

03 **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN** 76

Môi trường Kinh doanh 2022
Chiến lược phát triển trung – dài hạn
Kế hoạch hành động 2022

04 **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP** 92

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc
Quản trị rủi ro
Thông tin cổ phiếu & hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
Đánh giá quản trị công ty tại SSI

05 **HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** 136

06 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2021** 148

07 **THÔNG TIN KHÁC** 240

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

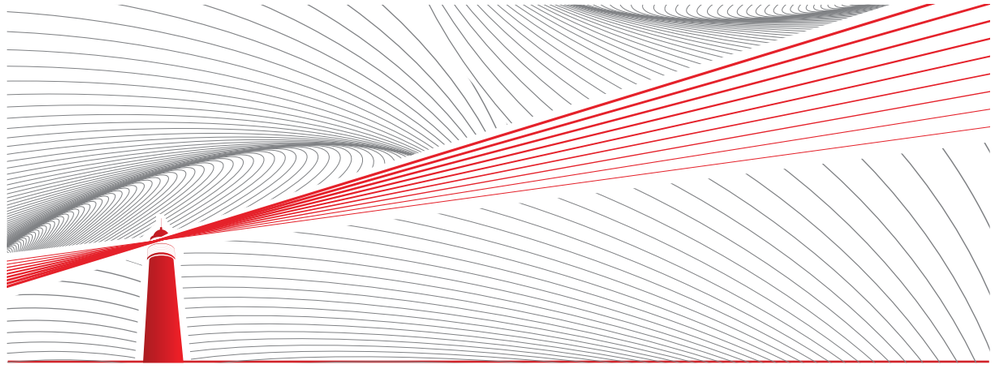
Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2021 đầy biến động đã khép lại với nhiều sự kiện và dấu mốc đáng nhớ. Các biến chủng mới của virus Sars-CoV-2 có tốc độ lây lan nhanh, bùng phát mạnh chưa từng có trên phạm vi cả nước, gây nguy hại nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của người dân. Đà phục hồi của nền kinh tế cũng bị ảnh hưởng khi giãn cách xã hội kéo dài tác động lên tất cả các hoạt động của nền kinh tế, tạo sự đứt gãy trong chuỗi sản xuất của nhiều tỉnh thành. Tuy vậy, chiến lược "Sống chung với Covid" được thực thi phù hợp cùng tỷ lệ tiêm chủng được cải thiện đã khiến nền kinh tế hồi phục mạnh mẽ trong những tháng cuối cùng của 2021. Hoạt động sản xuất, kinh doanh dần được khôi phục; lạm phát bình quân năm 2021 chỉ tăng 1,86% – mức thấp nhất trong 5 năm trở lại đây; cán cân thương mại cũng có bước chuyển ngoạn mục từ nhập siêu trong 9 tháng đầu năm sang xuất siêu 4,1 tỷ USD cho cả năm 2021.



Trái với diễn biến của nền kinh tế, Thị trường Chứng khoán lại trải qua một năm phát triển mạnh mẽ chưa từng có. VN-Index lập đỉnh 1.500,81 điểm ngày 25/11/2021, giá trị giao dịch bình quân trên đạt 26,6 nghìn tỷ VNĐ/phiên, tăng 252% so với năm 2020. Tính đến cuối năm 2021, mức vốn hóa thị trường đạt 7,7 triệu tỷ VNĐ, tăng 46% so với cuối năm 2020 – tương đương 122,8% GDP của năm 2020 và 92% GDP năm 2021. Số lượng nhà đầu tư chứng khoán cũng gia tăng kỷ lục trong năm, với 1,5 triệu tài khoản mở mới, cao hơn tổng số lượng mở mới trong giai đoạn 2017 – 2020.

TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI TRÁI CHIỀU VÀ VƯỢT NGOÀI DỰ ĐOÁN CỦA NỀN KINH TẾ NÓI CHUNG VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NÓI RIÊNG TRONG NĂM 2021, SSI LỰA CHỌN KẾ HOẠCH LINH HOẠT ỨNG PHÓ, ĐIỀU HƯỚNG SỰ BIẾN ĐỘNG VỚI MỤC TIÊU XUYÊN SUỐT LUÔN LÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH SONG SONG VỚI LỢI ÍCH BỀN VỮNG CHO NHỮNG BÊN LIÊN QUAN: PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM; GIỮ AN TOÀN TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ LÂU DÀI CHO KHÁCH HÀNG; TẠO NGUỒN THU NHẬP ỔN ĐỊNH VÀ TĂNG TRƯỞNG CHO CỔ ĐÔNG, NHÂN VIÊN; ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO CỘNG ĐỒNG.



Doanh thu thuần của Công ty năm 2021 đạt 7.786 tỷ VNĐ, tăng 72% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.365 tỷ VNĐ, vượt 60% kế hoạch năm với mức tăng trưởng 116% so với năm 2020. Thành công này đạt được từ sự đóng góp tích cực của tất cả các mảng kinh doanh: Dịch vụ Chứng khoán, Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, và Quản lý Quỹ. Đây cũng là kết quả ghi nhận nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể Nhân viên Công ty đã kịp thời triển khai nhiều giải pháp duy trì hoạt động kinh doanh thông suốt trong bối cảnh dịch bệnh khó khăn; chuẩn bị tốt về mặt nguồn nhân lực và nền tảng công nghệ nhằm đáp ứng kịp thời tốc độ gia tăng mạnh mẽ của khối lượng giao dịch và khách hàng mở tài khoản mới trên thị trường; phát triển sản phẩm – dịch vụ mới, mang đến nhiều lựa chọn và nâng cao trải nghiệm khách hàng; tận dụng cơ hội kinh doanh để đưa SSI đạt kết quả kỉ lục trong 21 năm hoạt động, với quy mô vốn tăng đáng kể đồng thời hạn chế ở mức thấp nhất rủi ro trong hoạt động của Công ty.

SSI tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất. Vì vậy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, Công ty luôn nỗ lực đảm bảo mỗi cá nhân trong hơn 1.300 thành viên đều cảm thấy an tâm, hài lòng với công việc, được hưởng chế độ đãi ngộ cạnh tranh – công bằng – toàn diện, được đóng góp những giá trị tích cực và nuôi trong mình động lực phát triển hơn nữa cùng SSI.

Với mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích Cổ đông", cùng với việc chi trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 10% năm 2021, SSI đã thực hiện thành công liên tiếp hai đợt phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu – không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn đảm bảo nguồn thu nhập tốt cho cổ đông, đặc biệt trong giai đoạn bị ảnh hưởng kinh tế bởi đại dịch Covid-19. Đồng thời, cam kết "Chúng tôi tình nguyệt thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng", Công ty dành gần 80% ngân sách hoạt động cộng đồng trong năm để hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đồng hành cùng đội ngũ y bác sĩ, chung sức với chính quyền, đoàn thể nhằm hỗ trợ tiếp sức những đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh.

Bước sang năm 2022, nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi tốt với kì vọng tăng trưởng GDP thậm chí có thể vượt mức 7%. Thị trường Chứng khoán được dự đoán vận động trong xu hướng tích cực khi đã đón nhận lớp nhà đầu tư mới, tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. SSI tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, lấy nguyên lý thành công cho tất cả các bên liên quan làm nguyên tắc, lấy sự minh bạch làm phương châm hoạt động. Song song với nền tảng công nghệ đang được đầu tư và xây dựng một cách mạnh mẽ, Công ty dành nguồn lực phát triển nhiều sản phẩm đầu tư đáp ứng đa dạng nhu cầu, khẩu vị rủi ro và phù hợp với nhiều bối cảnh khác nhau của thị trường, đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân, khiến thị trường thực sự trở thành một kênh huy động vốn và giữ tài sản an toàn, hiệu quả.

Xin chân thành cám ơn các quý Khách hàng, các Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng SSI, cám ơn Cổ đông đã tin tưởng Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo phê chuẩn các kế hoạch đưa ra tại Đại hội Đồng Cổ đông, cám ơn các thành viên Hội đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hợp lý. Và xin đặc biệt cám ơn toàn thể Cán bộ, Nhân viên đã đồng cam cộng khổ, cùng kiến tạo nên những dấu ấn sâu sắc của SSI, cùng nhau vững vàng bước vào tương lai đưa SSI lên một tầm cao mới. Với sự hợp tác của quý vị năm 2022 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Xin kính chúc các Quý vị sức khoẻ và thành công!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN DUY HƯNG

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2021

Trước những biến động mạnh và trái với dự đoán của tình hình kinh tế – xã hội và thị trường chứng khoán năm 2021, SSI là ngọn hải đăng trong bão tố, tỏa ánh sáng điều hướng để chính Công ty cùng các Bên liên quan hướng tới bến bờ của sự phát triển thịnh vượng, lâu dài và bền vững.

TỔNG TÀI SẢN

50.793 TỶ VNĐ

2021

2020

▲42%

DOANH THU THUẦN

7.786 TỶ VNĐ

2021

2020

▲72%

2021

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3.365 TỶ VNĐ

2021

2020

▲116%

VỐN CHỦ SỞ HỮU

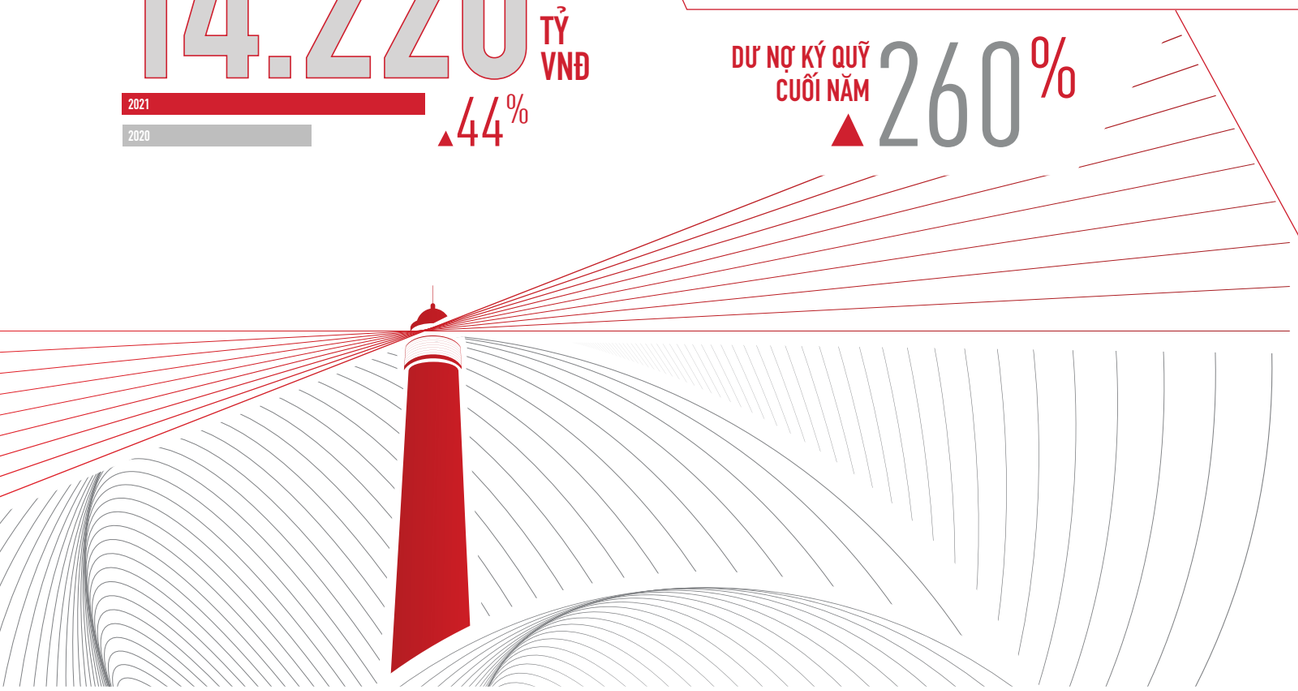
14.220 TỶ VNĐ

2021

2020

▲44%

DƯ NỢ KÝ QUỸ CUỐI NĂM ▲260%



03 CHUỖI CHƯƠNG TRÌNH CÙNG HÀNG CHỤC BUỔI PHÁT SÓNG TRỰC TIẾP

NHẰM BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC CHO NHÀ ĐẦU TƯ, ĐƯA CHỨNG KHOÁN ĐẾN GẦN NGƯỜI DÂN VÀ TRỞ THÀNH KÊNH CẤT GIỮ TÀI SẢN AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ

SẢN PHẨM ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN

SSI

CỔ PHIẾU | **CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH** | **CHỨNG QUYỀN**

CÁC SẢN PHẨM S-PRODUCTS

S-BOND | **S-NOTES** | **S-SAVINGS**

QUỸ MỞ

SSI-SCA | **SSI-BF** | **SSI-VLGF**

QUỸ ETF

SSIAM VNX50 | **SSIAM VNFINLEAD**

PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG 219 TRIỆU CỔ PHIẾU THƯỞNG & 109,5 TRIỆU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN BẰNG MỆNH GIÁ CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

HƠN 1.056 TỶ VNĐ
CHI TRẢ CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN NĂM 2021

HƠN 21 TỶ VNĐ
DÀNH CHO HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2021

TRONG ĐÓ GẦN **80%** TẬP TRUNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

TỔNG QUAN

Tầm nhìn – Sứ mệnh –Giá trị cốt lõi 10
Thông tin Doanh nghiệp 12
Lịch sử phát triển 14
Ngành nghề kinh doanh 16
Giải thưởng tiêu biểu 18
Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức 22

01

TẦM NHÌN

CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

SỨ MỆNH

KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SẴN SÀNG GIẢI PHÁP

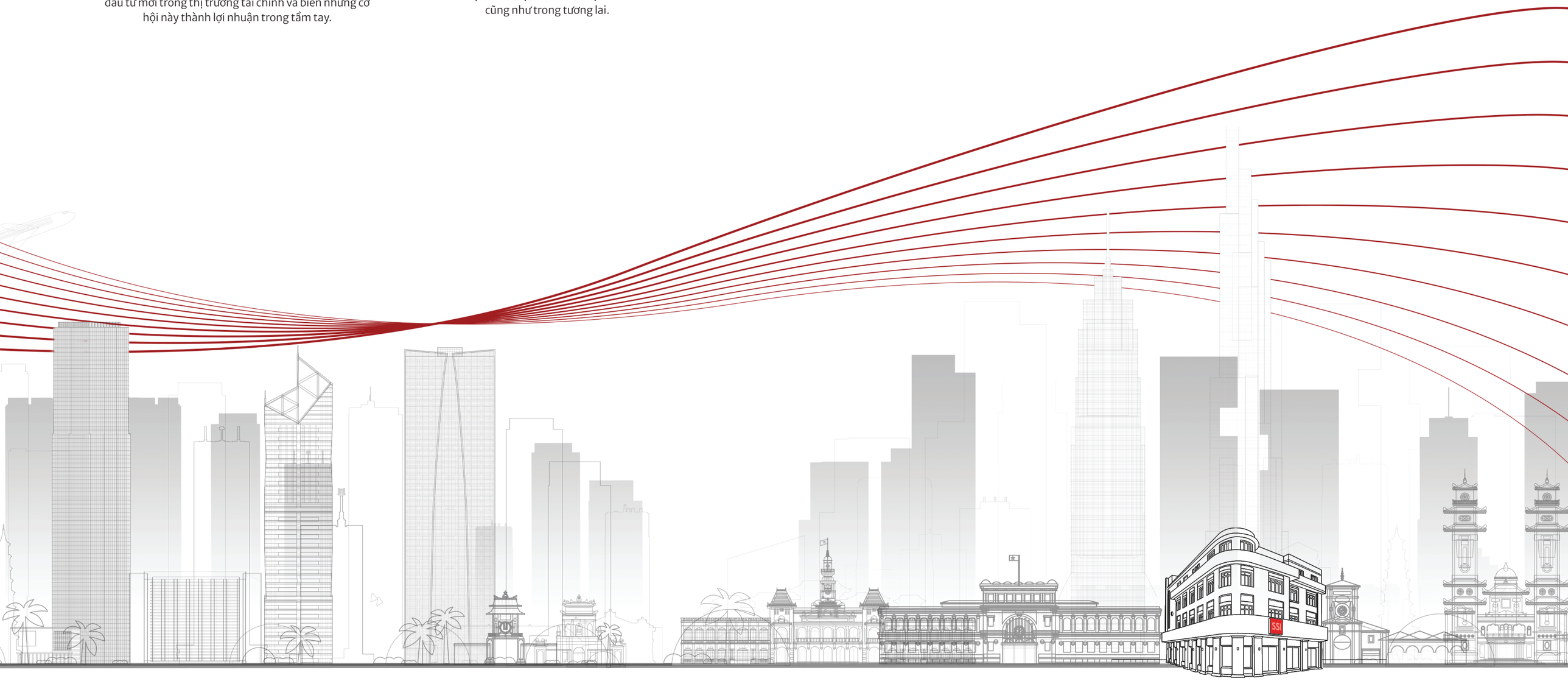
Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của Khách hàng.

SÂU SÁT CHUYÊN MÔN

Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn Khách hàng kì vọng ở SSI.

IN DẤU SÁNG TẠO

Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và Khách hàng.



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999, là một trong những Công ty hoạt động lâu đời nhất tại Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Sau 21 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường, có tốc độ phát triển nhanh nhất với mức vốn điều lệ tăng hơn 1.500 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang.

Tên Doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Tên Tiếng Anh	Mã chứng khoán
SSI SECURITIES CORPORATION	**SSI**

Đại diện pháp luật	Ngày thành lập
ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG Chủ tịch Hội đồng Quản trị	**30/12/1999**

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021
9.847.500.220.000 VNĐ	**14.220.082.730.148 VNĐ**

Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2021)

1.312 NHÂN VIÊN trong đó có **485 NHÂN VIÊN** có chứng chỉ hành nghề chứng khoán



TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ
72 Nguyễn Huệ,
Phường Bến Nghé,
Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh

Website
www.ssi.com.vn

Điện thoại
+84 28 38242897

Fax
+84 28 38242997

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999–2002

30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ;

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán;

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2003–2005

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán.

2006–2008

11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường;

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội);

08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập;

10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh);

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ;

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.

2009–2011

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài;

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.

2012–2014

03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ.

2015–2017

04/2015: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ;

09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ;

01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ;

04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ;

05/2017: SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch TTCK phái sinh.

2018–2020

02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm;

12/2018: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên công ty thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi Công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường;

06/2019: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm;

02/2020 SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VNĐ;

06/2020: SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên và duy nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo hình thức trực tuyến, thể hiện nỗ lực gia tăng lợi ích cổ đông;

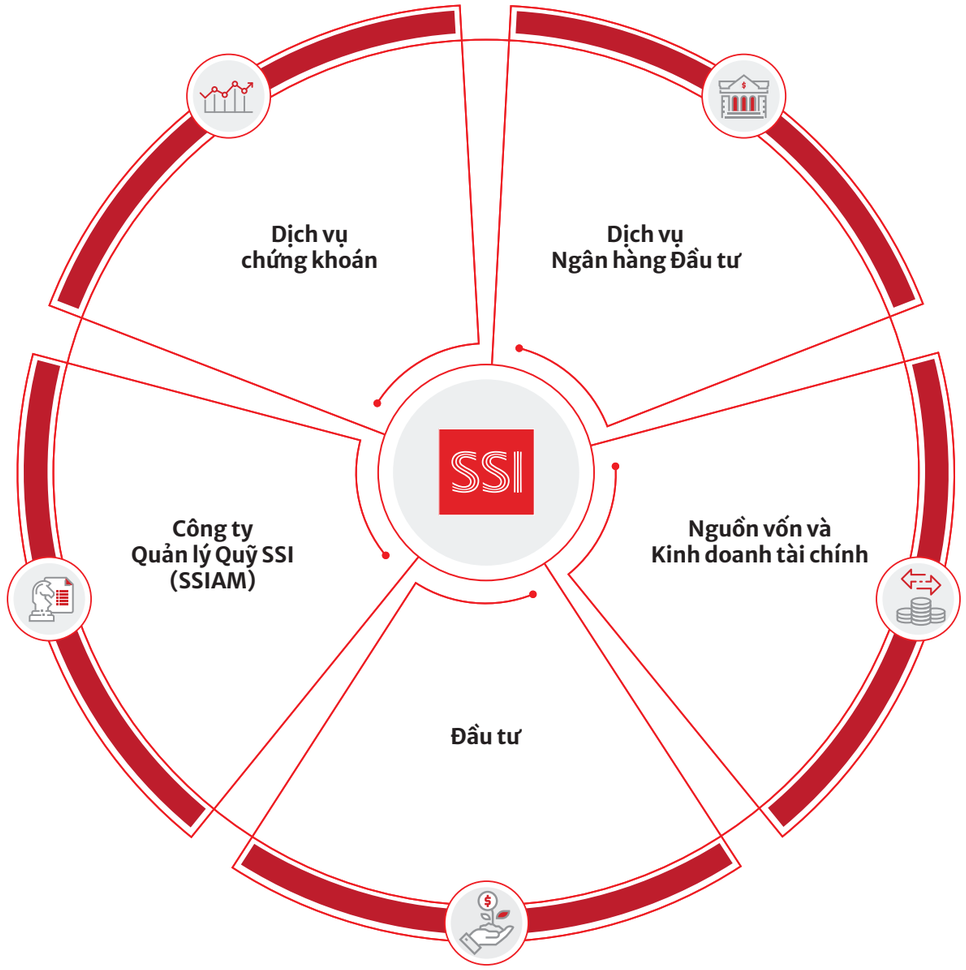
12/2020: SSI vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới" do Đảng và Nhà nước trao tặng. SSI cũng là Công ty Chứng khoán tư nhân đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này.

2021

05/2021: SSI trở thành Công ty Chứng khoán đầu tiên đạt vốn hóa trên 1 tỷ USD;

11/2021: SSI phát hành thành công 218,29 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ phát hành 6:2 (tháng 09/2021) và 109,1 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1 với giá 10.000 VNĐ/ cổ phiếu (tháng 10/2021). Kết thúc các đợt phát hành, vốn điều lệ Công ty tăng lên mức 9.847.500.220.000 VNĐ, tiếp tục giữ vị thế là Công ty Chứng khoán có quy mô vốn lớn nhất thị trường.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết như: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO và chứng quyền có bảo đảm; Giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh như: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;
- Sản phẩm Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, Mobile Trading, Smart Trading, Contact Center và SMS;
- Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của Nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, Bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc... để đáp ứng các nhu cầu của công ty và khách hàng.

ĐẦU TƯ

- Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi, Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh;
- Tạo lập thị trường;
- Phát hành Chứng quyền có bảo đảm.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
- Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

- Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;
- Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;
- Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



TRẢI QUA 21 NĂM HOẠT ĐỘNG, SSI ĐÃ ĐẠT VÔ SỐ GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, MINH CHỨNG CHO TIỀM LỰC MẠNH MẼ CỦA CÔNG TY CẢ VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM - DỊCH VỤ, NGUỒN NHÂN LỰC, TIỀM LỰC TÀI CHÍNH VÀ MẠNG LƯỚI ĐỐI TÁC RỘNG KHẮP

Liên tục giành nhiều giải thưởng tại các cuộc Bình chọn **Asiamoney Brokers Poll** trong 9 năm liên tiếp. Trong năm 2021, SSI đạt tổng cộng 27 trên 29 hạng mục giải thưởng, gồm 5 hạng mục giải thưởng chung cho Dịch vụ môi giới và 22 hạng mục giải thưởng cho nhiều cá nhân trong 2 nhóm về phân tích và bán hàng.

SSI tiếp tục dẫn đầu mảng môi giới khách hàng cá nhân với 2 hạng mục "Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam" và "Chuyên gia phân tích, nhà bình luận tốt nhất Việt Nam do khách hàng cá nhân bình chọn".

5

HẠNG MỤC GIẢI THƯỞNG CHO DỊCH VỤ MÔI GIỚI

1. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NỘI ĐỊA TỐT NHẤT VIỆT NAM
2. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH VÀ NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG
3. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM VỀ DỊCH VỤ MÔI GIỚI
4. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM VỀ DỊCH VỤ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ
5. CÔNG TY THỰC HIỆN LỆNH TỐT NHẤT

22

GIẢI THƯỞNG CÁ NHÂN CHO CÁC MÔI GIỚI VÀ CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH CỦA SSI TRONG CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH CHIẾN LƯỢC HÀNG ĐẦU
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH KINH TẾ HÀNG ĐẦU
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO CÁC CÔNG TY VỪA VÀ NHỎ
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC Ô TÔ VÀ LINH KIỆN
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NGÂN HÀNG
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC TIÊU DÙNG KHÔNG THIẾT YẾU
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC TIÊU DÙNG THIẾT YẾU
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (KHÔNG BAO GỒM NGÂN HÀNG)
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC CHĂM SÓC SỨC KHỎE
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC DỊCH VỤ CNTT
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC NGUYÊN VẬT LIỆU
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC VẬN TẢI VÀ LOGISTIC
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH TỐT NHẤT CHO LĨNH VỰC DỊCH VỤ CÔNG CỘNG
- CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH, NHÀ BÌNH LUẬN TỐT NHẤT VN DO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN BÌNH CHỌN
- MÔI GIỚI TỔ CHỨC TỐT NHẤT
- MÔI GIỚI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
- NHÀ MÔI GIỚI BÁN LẺ TỐT NHẤT 2021

Giải thưởng khác do Tạp chí Asiamoney trao tặng

- **"Nhà môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam"** năm 2020 | 2021

Giải thưởng do The Asset trao tặng

- **"Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất"** năm 2017 | 2020 | 2021
- **"Công ty Quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam"** năm 2012 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2021
- **"Nhà cung cấp quỹ hoán đổi giao dịch tốt nhất"** năm 2021
- **"Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp"** năm 2018 | 2019 | 2020

Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng

- **"Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam"** trong các năm 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2014 | 2015 | 2016 | 2019 | 2020 | 2021

Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng

- **"Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam"** năm 2011 | 2015 | 2017 | 2021
- **"Nhà tư vấn thương vụ M&A xuyên biên giới tốt nhất Việt Nam"** năm 2021
- **"Công ty Quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam"** năm 2020 | 2021
- **"Công ty Quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân"** năm 2020 | 2021
- **"Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam"** năm 2017 | 2018 | 2019 | 2020

Giải thưởng do Asia Asset Management trao tặng

- **"Giải thưởng phát hành quỹ của năm"** cho năm 2020 | 2021
- **"CEO của năm"** trong các năm 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2020 | 2021

Giải thưởng do Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính trao tặng

- **Top 1000** Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) từ năm 2010 đến năm 2021

Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng

- **"Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam"** liên tiếp trong 8 năm (2014 – 2021)
- **"Top 25 Thương hiệu Tài chính dẫn đầu Việt Nam"** năm 2021

Giải thưởng do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư trao tặng

- **"50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất"** năm 2021

Giải thưởng do Anphabe trao tặng

- **"Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam"** năm 2021
- **"Top 50 Thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn - Khối Doanh nghiệp Việt"** năm 2021

Giải thưởng do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX), Báo Đầu tư Chứng khoán (VIR) và Công ty quản lý quỹ Dragon Capital tổ chức trao tặng

- **"Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất cho nhóm vốn hóa lớn"** năm 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2016| 2018 | 2020 | 2021

Giải thưởng do Vietstock và VAFE (Cơ quan của Hiệp hội các nhà quản trị Tài chính Việt Nam) trao tặng

- **Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin** năm 2020 | 2021
- **Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500)** trong 14 năm liên tiếp (2008 – 2021)
- **Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)** trong 6 năm liên tiếp (2016 – 2021)
- **Top 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)** trong 4 năm liên tiếp (2018 – 2021)
- **Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)** năm 2020 | 2021
- **Top 50 Công ty đại chúng uy tín & hiệu quả (VIX50)** năm 2021

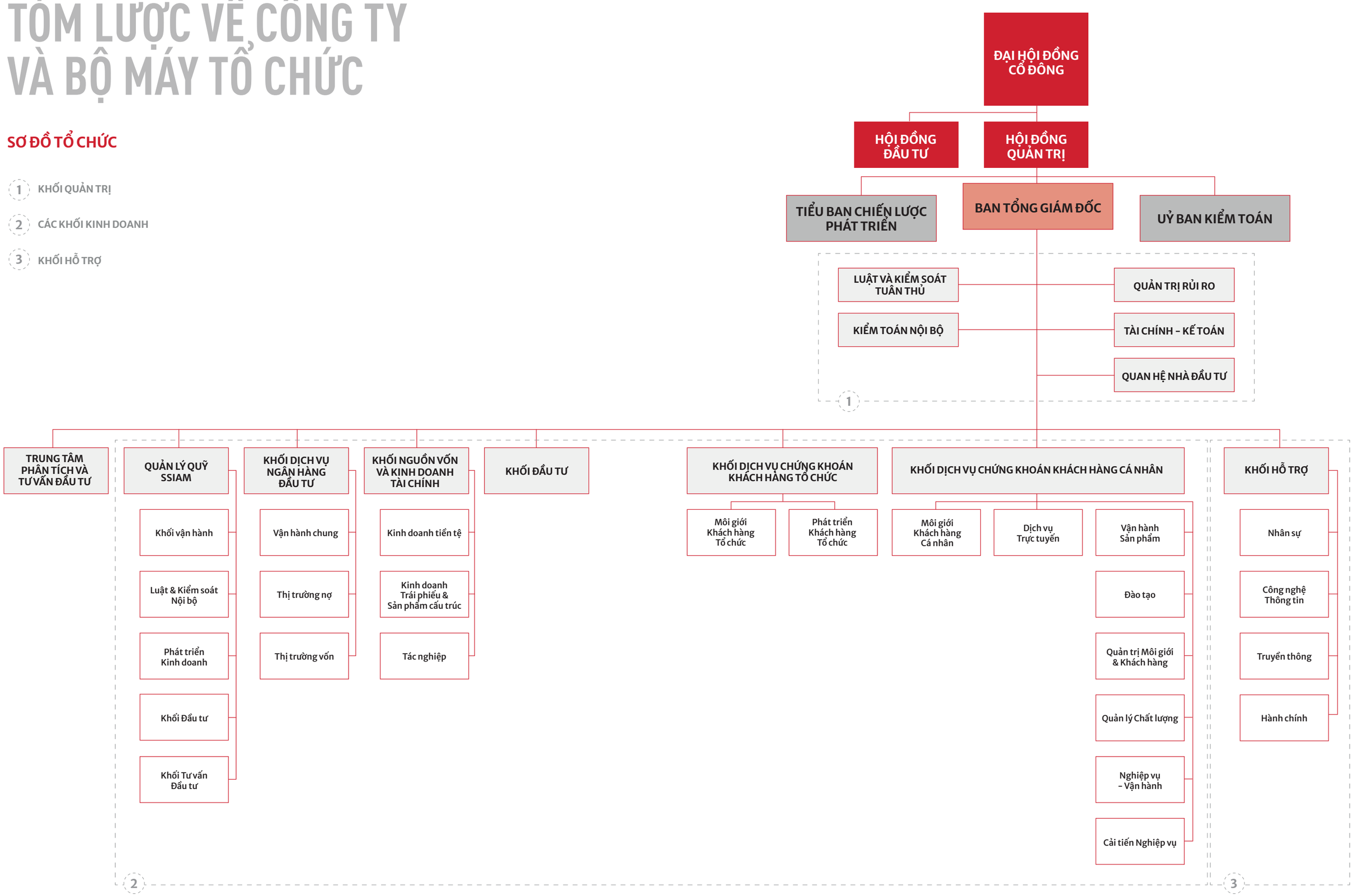
TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

1 KHỐI QUẢN TRỊ

2 CÁC KHỐI KINH DOANH

3 KHỐI HỖ TRỢ



TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC *(tiếp theo)*

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.





Ông Nguyễn Hồng Nam

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.

Ông Ngô Văn Điểm

Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán

Ông Điểm có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ.

Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là Tiến sĩ Kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Duy Khánh

Thành viên HĐQT

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có nhiều đóng góp vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).





Ông Hironori Oka

Thành viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

Ông Phạm Viết Muôn

Thành viên HĐQT, Thành viên Uỷ ban Kiểm toán

Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Trước đó, ông nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ông Muôn có bằng Tiến sĩ Kinh tế.



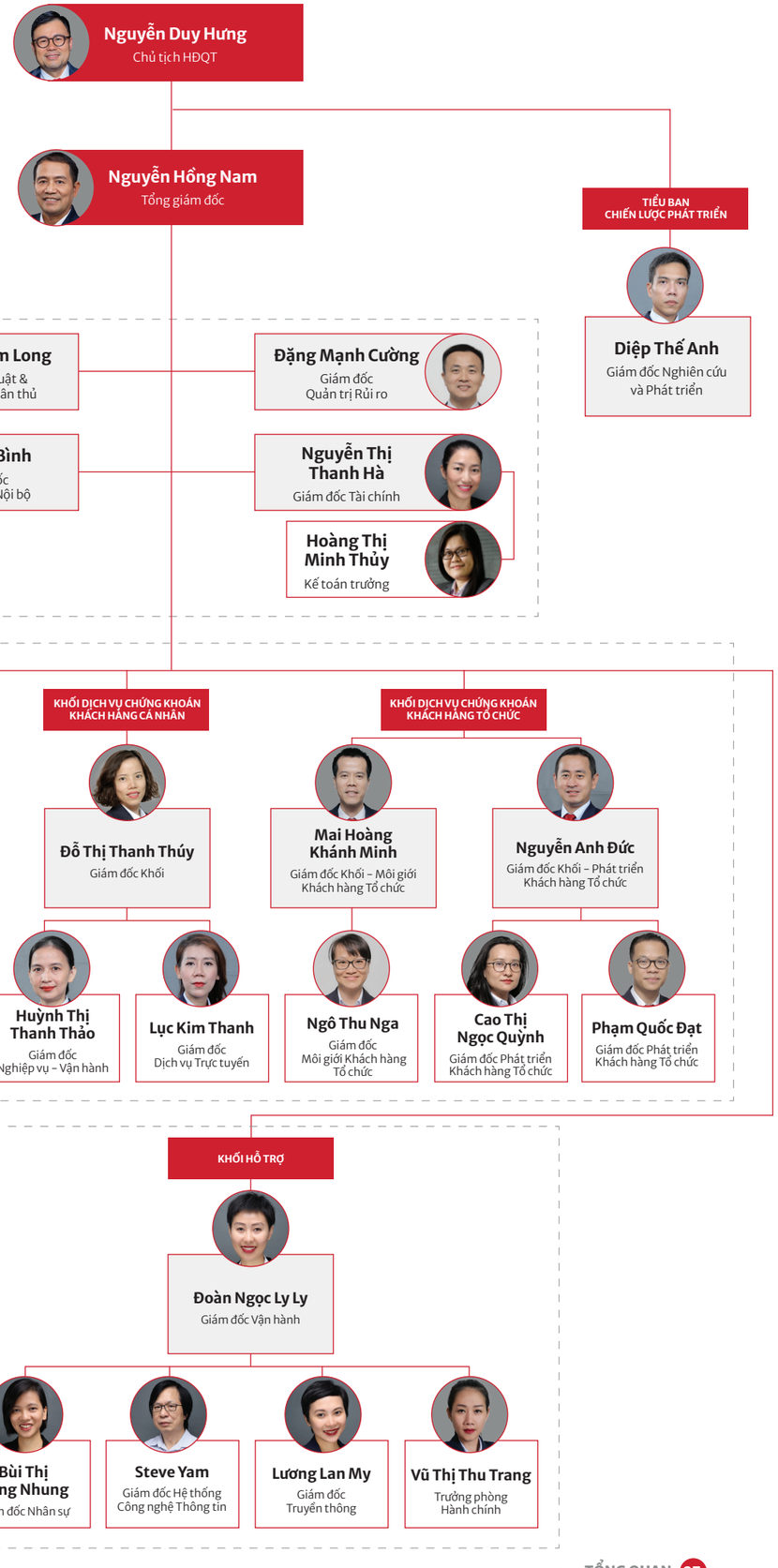
TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC *(tiếp theo)*

CÁN BỘ CHỦ CHỐT

1 KHỐI QUẢN TRỊ

2 CÁC KHỐI KINH DOANH

3 KHỐI HỖ TRỢ



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2021

Môi trường Kinh doanh 2021 **30**

Báo cáo kết quả Kinh doanh 2021 **38**

Yếu tố thúc đẩy thành công **56**

02

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2021

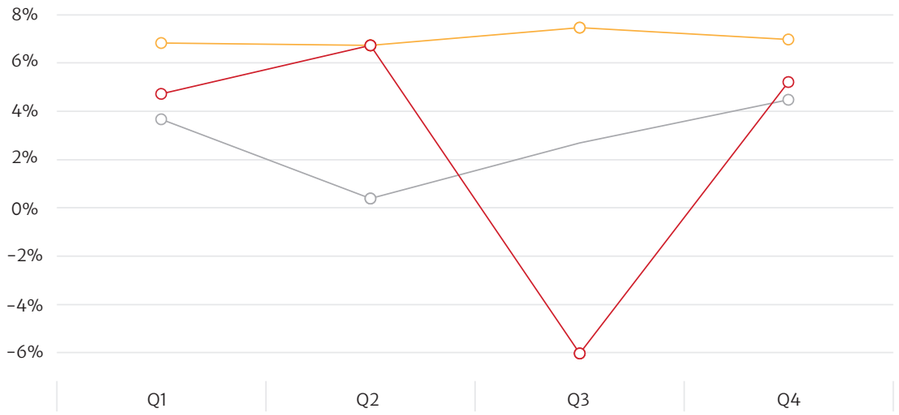
KINH TẾ VIỆT NAM 2021

Kinh tế thế giới hồi phục nhanh chóng trong 6 tháng đầu năm 2021. Sau đó, sự xuất hiện của biến chủng Delta của virus Sars-CoV-2 đã gây xáo trộn và tác động đáng kể tới đà phục hồi trong sáu tháng cuối năm 2021. Chiến lược "Sống chung với Covid" đã từng bước được áp dụng trên hầu hết các nước, với sự phủ rộng của vắc-xin nhằm giảm tải áp lực lên hệ thống y tế và mở cửa trở lại nền kinh tế thay thế cho chiến lược "Không Covid" từng được áp dụng thành công trong năm 2020.

Đối với Việt Nam, nền kinh tế chịu tác động nặng nề nhất trong Q3.2021, khi giãn cách xã hội kéo dài gây ảnh hưởng lên tất cả các hoạt động của nền kinh tế và tạo sự đứt gãy trong chuỗi sản xuất ở các tỉnh thành phía Nam. Sự sụt giảm nghiêm trọng của tiêu dùng nội địa đã khiến cho GDP Q3.2021 lần đầu tiên ghi nhận suy giảm so với cùng kỳ. Sau đó, với chiến lược "Sống chung với Covid" được áp dụng và tỷ lệ tiêm chủng được cải thiện, nền kinh tế Việt Nam đã cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ trong những tháng cuối cùng của năm 2021. Dữ liệu vĩ mô trong Q4.2021 cho thấy mô hình phục hồi chữ V được ghi nhận ở hầu hết các khu vực kinh tế và những yếu tố nền tảng của nền kinh tế vẫn được duy trì.

Tăng trưởng GDP Việt Nam

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

	2019	2020	2021
Q1	6,82%	3,68%	4,72%
Q2	6,73%	0,39%	6,73%
Q3	7,48%	2,69%	-6,02%
Q4	6,97%	4,48%	5,22%



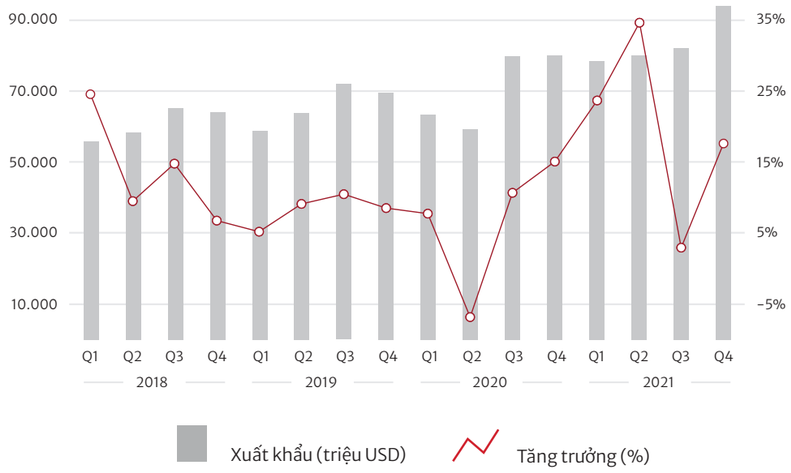
Điểm sáng xuyên suốt năm 2021 là lạm phát ở mức thấp, tỷ giá hối đoái ổn định, mặt bằng lãi suất thấp, xuất nhập khẩu duy trì đà tăng. Cụ thể, lạm phát bình quân năm 2021 chỉ tăng 1,86% – mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua. Trong bối cảnh đại dịch làm đứt gãy chuỗi cung ứng nhưng kim ngạch xuất khẩu đạt tới 336,3 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020. Cán cân thương mại cũng có bước chuyển ngoạn mục từ nhập siêu trong 9 tháng đầu năm sang xuất siêu 4,1 tỷ USD cho cả năm 2021.

Tín dụng tăng trưởng tốt trong năm 2021 – đạt 13,6% so với cùng kỳ, trong khi mặt bằng lãi suất tiền gửi duy trì ở mức thấp nhất trong lịch sử tại tất cả các kỳ hạn. Mặt bằng lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh giảm 0,5 – 0,6%/năm trong 11 tháng đầu năm 2021 nhằm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Tỷ giá USD/VNĐ tiếp tục duy trì ở mức dưới 23.000, tương đương với mức tăng 1,2% so với cuối năm 2020. Nhờ vậy, đồng VNĐ là một trong những đồng tiền duy trì diễn biến tốt nhất trong khu vực. Tỷ giá ổn định do nguồn cung ngoại tệ được hỗ trợ bởi dòng tiền từ việc giải ngân FDI cũng như nguồn kiều hối vẫn có mức tăng trưởng trong thời gian qua.

Lạm phát ở mức thấp và tỷ giá ổn định giúp chính sách tiền tệ duy trì nới lỏng xuyên suốt năm 2021. Ngân hàng Nhà nước hầu như không có hoạt động điều tiết nào trên thị trường mở, kể từ khi dịch bệnh bùng phát vào tháng 3 năm 2020, và gián tiếp bơm thanh khoản tiền VNĐ ra ngoài thị trường thông qua hoạt động mua ngoại tệ giao ngay và kỳ hạn (với tổng giá trị ước tính hơn 275 nghìn tỷ VNĐ) để thể hiện quan điểm duy trì thanh khoản trong hệ thống ngân hàng dồi dào của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Bên cạnh đó, các nỗ lực hỗ trợ khách hàng bị tác động dịch từ các Ngân hàng Thương mại (NHTM) đã giúp mặt bằng lãi suất cho vay giảm khoảng 0,6 – 0,7%/năm, và mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức thấp.

Chính sách tài khóa trong năm 2021 duy trì mở rộng khi Chính phủ đã có sự gia tăng chi tiêu của các gói hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi Covid-19 ngay khi đợt dịch thứ 4 bùng phát. Ngược lại, trái với kỳ vọng, các biện pháp giãn cách xã hội trong Quý 3 và giá vật liệu xây dựng tăng cao đã khiến việc triển khai dự án đầu tư công chậm hơn so với dự kiến.

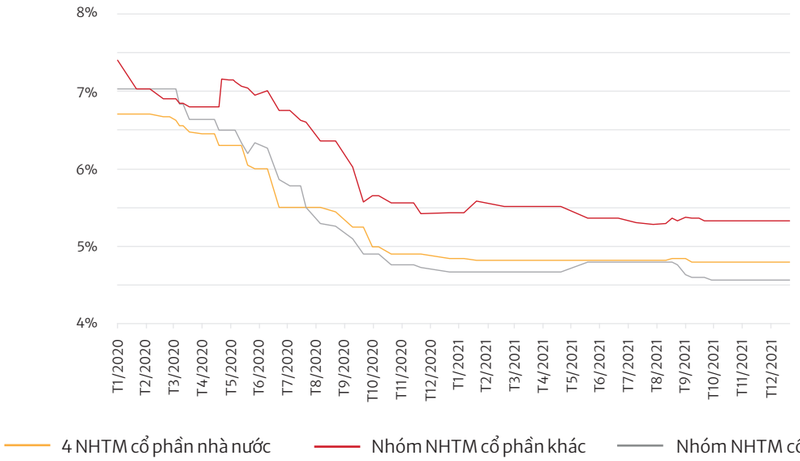
Tăng trưởng xuất khẩu



Nguồn: Tổng cục Hải quan

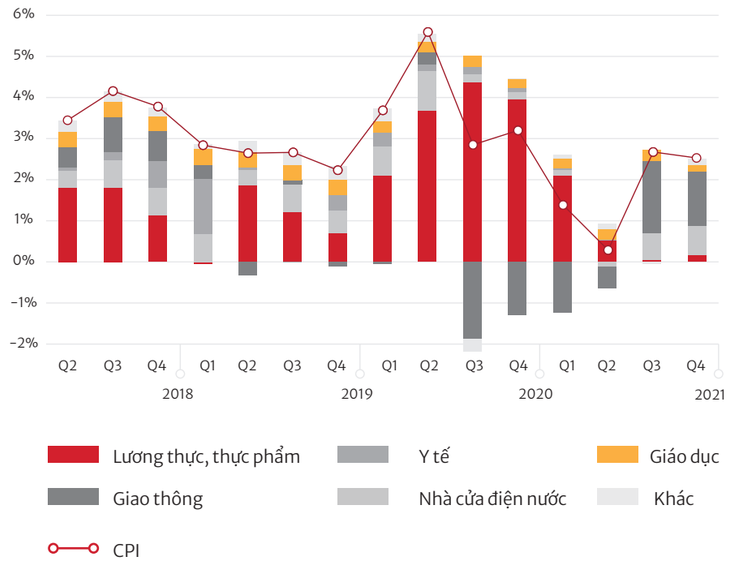
Mặt bằng lãi suất kỳ hạn 12 tháng

Đơn vị : %



Nguồn: Website từ các NHTM, tổng hợp bởi Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Lạm phát

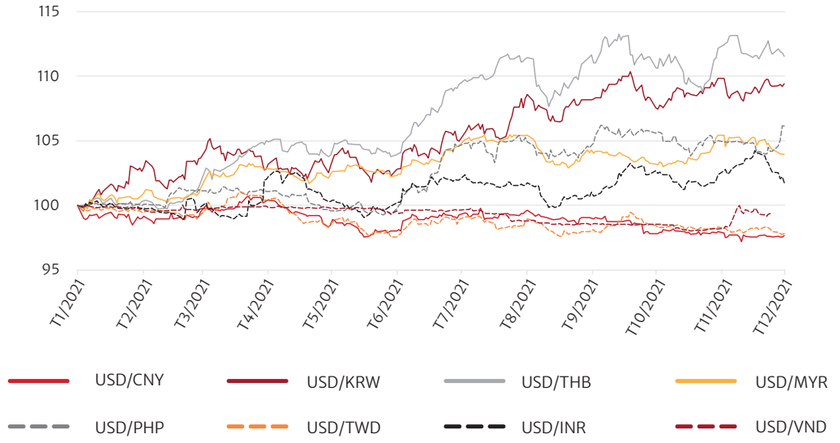


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biến động tỷ giá hối đoái

Đơn vị : điểm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2021

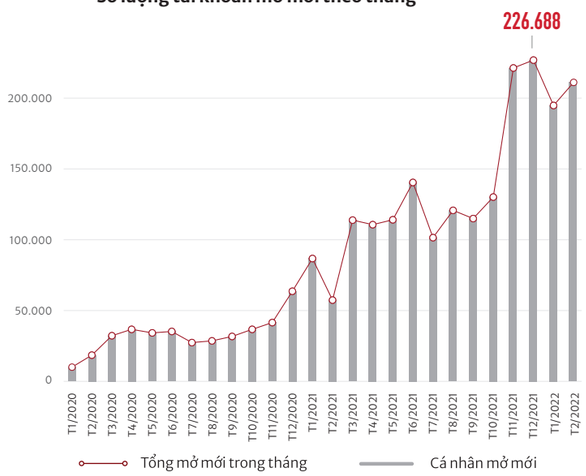


Năm 2021, thị trường cổ phiếu chứng tỏ sức hấp dẫn vượt trội với tỷ suất sinh lời cao nhất trong các kênh đầu tư truyền thống. Chỉ số VNIndex và chỉ số VN30 tăng tương ứng 35,73% và 43,42%, bỏ xa mức tăng trưởng 14,9% và 21,8% trong năm 2020. Năm 2021 cũng là một năm rực rỡ cho nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình thấp khi 2 nhóm này thu hút dòng tiền mạnh mẽ từ nửa cuối năm. Chỉ số VNMidcap và VNSmallcap vào thời điểm cuối năm đã tăng tương ứng 76,4% và 102% so với cuối năm 2020.

Trong môi trường lãi suất thấp, dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân là động lực chính thúc đẩy thị trường thiết lập các các cột mốc lịch sử mới. Cụ thể, theo thống kê từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), đã có 1,5 triệu tài khoản mở mới và chủ yếu đến từ nhà đầu tư cá nhân trong năm 2021, cao hơn tổng số lượng mở mới trong giai đoạn 2017 – 2020. Chỉ số VNIndex xác lập kỷ lục lịch sử tại mốc 1.500,81 điểm vào phiên ngày 25/11/2021, cùng với đó giá trị giao dịch bình quân trên TTCK Việt Nam đạt 26,6 nghìn tỷ VNĐ/phiên, tăng 252% so với năm 2020. Thị trường cổ phiếu tiếp tục lớn mạnh về quy mô, vốn hóa tại thời điểm cuối năm 2021 đạt 7,7 triệu tỷ VNĐ, tăng 47% so với thời điểm cuối năm 2020.

Tỷ lệ giá trị giao dịch trên vốn hóa của chỉ số VNIndex trong năm 2021 đạt 101%, cao hơn nhiều so với mức 42% ở năm trước. Dòng tiền cho thấy sự năng động do được dẫn dắt bởi nhóm nhà đầu tư cá nhân khi luân chuyển tuần tự sang các nhóm ngành bám sát các câu chuyện đầu tư. Nếu như ở nửa đầu năm, nhóm Ngân hàng, Chứng khoán và Thép – Tôn mạ tỏa sáng nhờ lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng, thì sang nửa cuối năm kỳ vọng về câu chuyện đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ Chính phủ là động lực chính cho nhóm Xây dựng và nhóm Bất động sản. Tính chung, các nhóm ngành đều tăng trưởng so với năm trước, trong đó Công nghệ Thông tin (+87%), Công nghiệp (+77,8%), Tài chính (+66,2%), Vật liệu (+60,2%), Hàng tiêu dùng không thiết yếu (+57,2%) và Bất động sản (+41,8%) là các ngành tăng vượt trội so với mặt bằng chung.

Số lượng tài khoản mở mới theo tháng

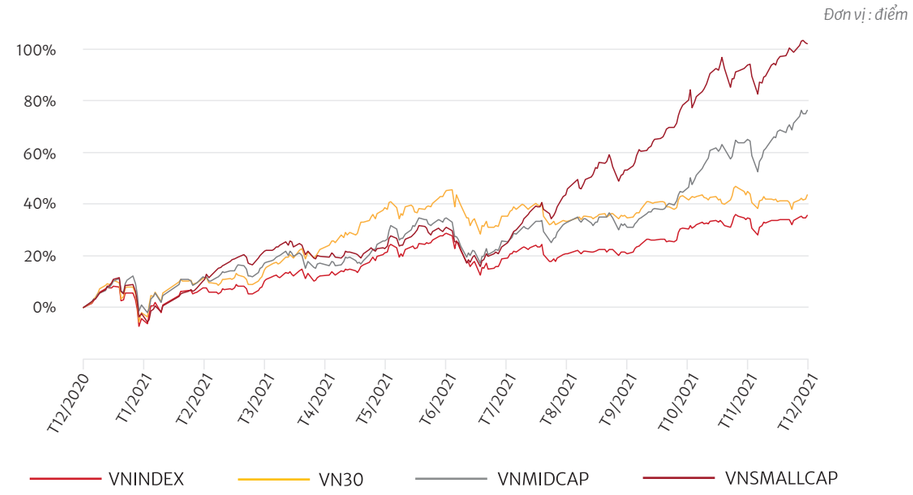


Tổng số lượng tài khoản



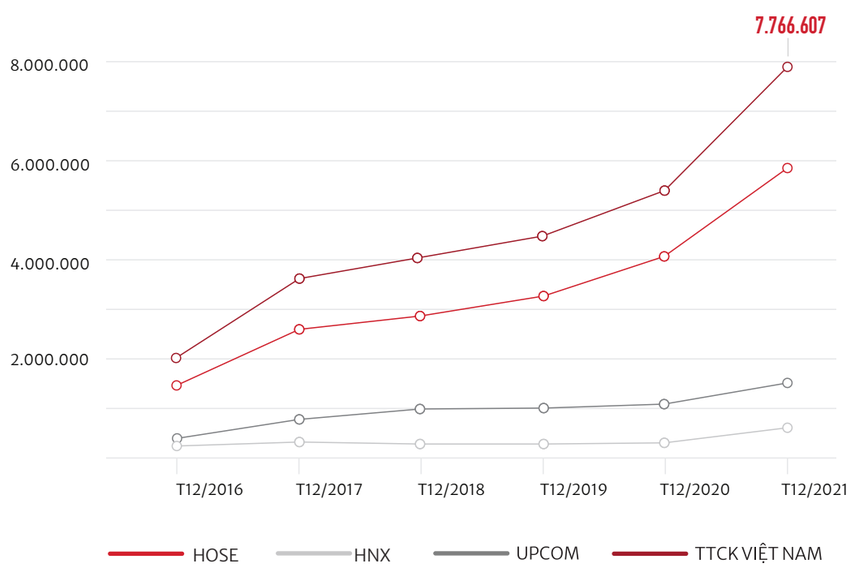
Nguồn: Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, tổng hợp bởi Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Tăng trưởng các chỉ số chính trong năm 2021



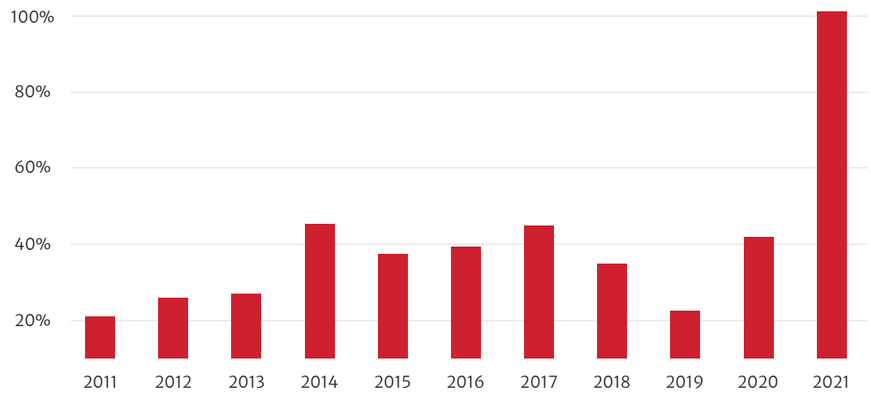
Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Quy mô vốn hóa TTCK Việt Nam



Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

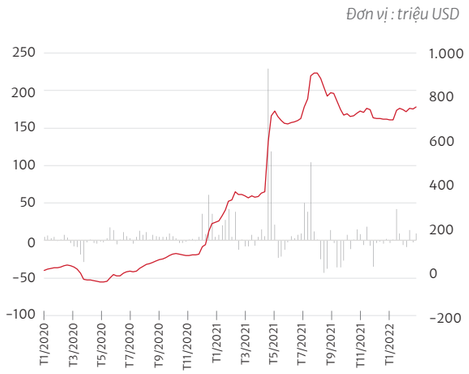
Tỷ trọng giao dịch trên vốn hóa



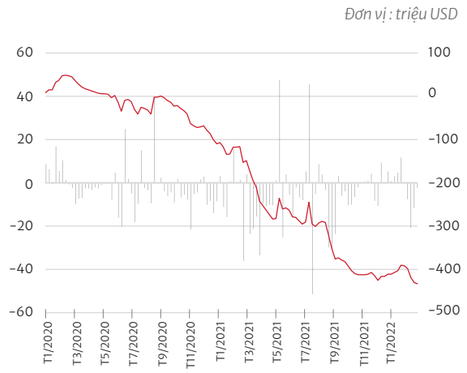
Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Trong năm 2021, trái ngược với sự tham gia bùng nổ của nhà đầu tư cá nhân trong nước, xu hướng chủ đạo của khối ngoại trên thị trường chứng khoán là bán ròng. Tỷ trọng giao dịch nước ngoài trên thị trường đã liên tục giảm mạnh, hiện chỉ ở khoảng 6% – so với mức gần 20% trong giai đoạn cuối 2017, đầu 2018. Một trong những lý do chính và mang tính chất cấu trúc là tỷ trọng các nhóm ngành trên TTCK Việt Nam chưa đa dạng và bị giới hạn về sở hữu nước ngoài. Hầu hết các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam thuộc các lĩnh vực Tài chính, Bất động sản, trong khi những ngành thu hút dòng tiền mạnh trên thế giới như Công nghệ, Bán lẻ, Y tế, Giáo dục không có nhiều lựa chọn và bị giới hạn sở hữu nước ngoài. Bên cạnh đó, năm 2021 cũng là năm thành công của thị trường cổ phiếu toàn cầu khi hầu hết các chỉ số chứng khoán (ngoại trừ Trung Quốc và Hồng Kông) đều ghi nhận mức tăng trưởng vượt đỉnh và khiến dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam gặp nhiều cạnh tranh hơn.

Dòng vốn ETF từ đầu 2020



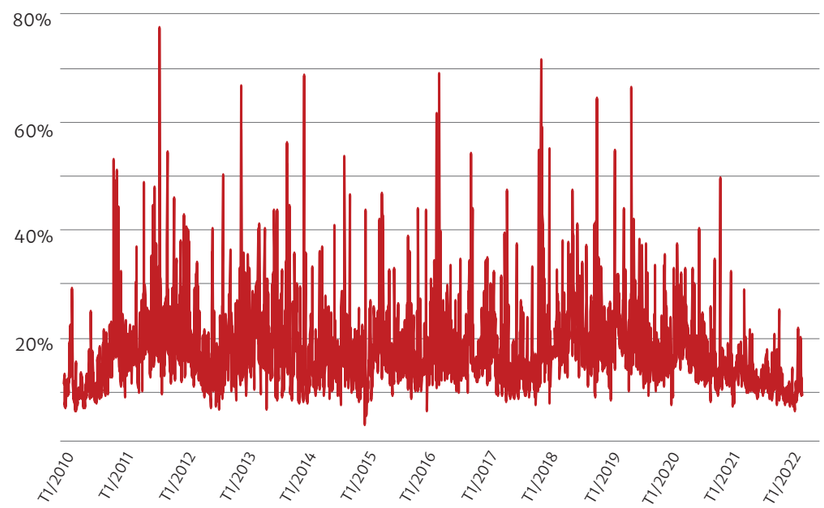
Dòng vốn các quỹ chủ động ở Việt Nam



Dòng vốn theo tuần (RHS) Dòng vốn luỹ kế

Nguồn: EPFR Global

Tỷ trọng giao dịch khối ngoại trên HOSE



Nguồn: HOSE, tổng hợp bởi Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Đối với thị trường trái phiếu, trong năm 2021 các doanh nghiệp phát hành gần 680 nghìn tỷ VNĐ trái phiếu, tăng 46% so với cùng kỳ. Lượng trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) phát hành trong 2021 chủ yếu là phát hành riêng lẻ trong nước, chiếm 92% tổng lượng phát hành. Có 24 nghìn tỷ VNĐ (chiếm 3,6% tổng lượng phát hành) phát hành ra công chúng và có 1,24 tỷ USD (tương đương 28,52 nghìn tỷ VNĐ, chiếm 4,2% tổng lượng phát hành) là trái phiếu quốc tế. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất ở mức thấp, lượng TPDN phát hành trong năm 2021 vẫn ở mức cao so với trung bình các năm trước, và cũng tương đồng với diễn biến phát hành TPDN của các quốc gia trong khu vực (lãi suất phát hành giảm và tổng lượng phát hành sơ cấp tăng).

Đối với thị trường quản lý quỹ, các quỹ mở nội địa năm 2021 tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng về cả quy mô tài sản lẫn số lượng nhà đầu tư tham gia. Tổng giá trị tài sản ròng các quỹ mở đạt 43,3 nghìn tỷ VNĐ, tăng trưởng 25,7% so với năm 2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, tất cả các loại hình quỹ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu đều nhận được dòng tiền đầu tư mới. Tuy nhiên, xu hướng rút tiền khỏi các quỹ trái phiếu trở nên rõ rệt trong giai đoạn từ tháng 4 tới tháng 10/2021 trong khi các quỹ đầu tư cổ phiếu duy trì lượng tiền đầu tư mới ổn định.

Trong năm 2021, tổng số quỹ hoán đổi danh mục (Quỹ ETF) là 9 quỹ với tổng giá trị tài sản ròng lên đến 29,5 nghìn tỷ VNĐ. Số lượng các quỹ ETF mới được thành lập tăng đáng kể trong nửa sau năm 2021 với tổng số 4 quỹ ETF được thành lập mới trong 2021 và sẽ tiếp tục có các quỹ mới được thành lập trong 2022. Tốc độ tăng tổng tài sản ròng của các quỹ ETF năm 2021 đạt 97,3% (từ mức 14,46 nghìn tỷ VNĐ lên mức 28,53 nghìn tỷ VNĐ).



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2021

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

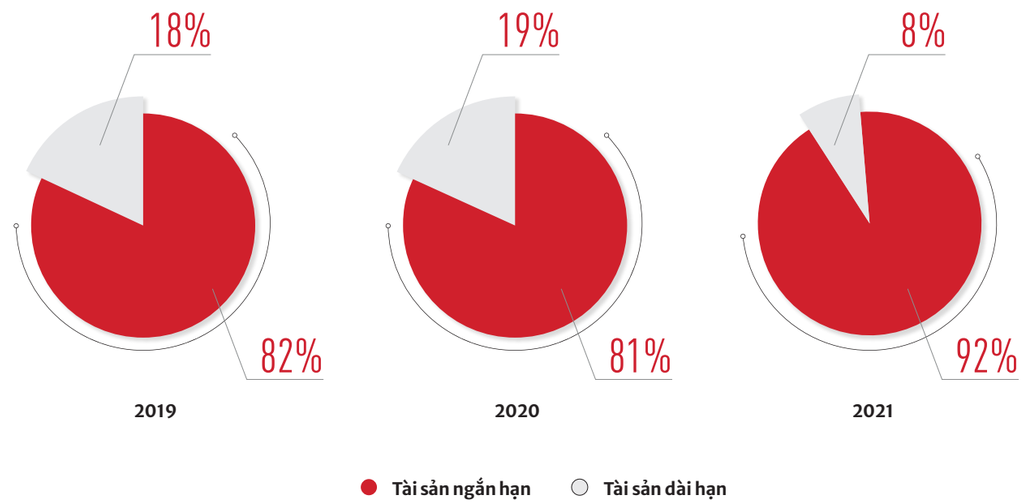
Năm 2021 ghi nhận sự tăng trưởng kỷ lục về giá trị tổng tài sản, với tỉ lệ tăng 42%, đạt mức là 50.793 tỷ VNĐ, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 92% tổng tài sản với giá trị 46.540 tỷ VNĐ. Khoản đầu tư vào các công ty liên kết giảm do trong năm SSI đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE), tuy nhiên vẫn tiếp tục đồng hành phát triển cùng PAN với tỷ lệ sở hữu trên12%. Tài sản ngắn hạn tăng trưởng cơ bản nằm ở trạng thái đầu tư cổ phiếu là tài sản phòng ngừa rủi ro (hedging) cho chứng quyền, dư nợ ký quỹ (margin) và tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng; đây vừa là những tài sản sinh lời vừa là công cụ thanh khoản cho đòn bẩy tài chính.

Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2019 – 2021

Đơn vị: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2019	2020	2021
Tài sản ngắn hạn	**22.291**	**29.040**	**46.540**
Tài sản tài chính ngắn hạn	22.256	28.889	46.464
Tiền và tương đương tiền	*1.041*	*363*	*1.114*
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	*4.315*	*13.252*	*12.023*
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	*10.722*	*5.592*	*7.834*
Các khoản cho vay	*5.359*	*9.226*	*23.698*
Các khoản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	*760*	*186*	*272*
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	*(41)*	*(48)*	*(62)*
Tổng các khoản phải thu	*100*	*318*	*528*
Tài sản ngắn hạn khác	35	151	75
Tài sản dài hạn	**4.753**	**6.729**	**4.253**
Đầu tư vào các công ty liên kết	794	785	602
Đầu tư chứng khoán dài hạn	3.445	5.465	3.087
Tài sản cố định	147	148	189
Bất động sản đầu tư	206	197	233
Tài sản dở dang dài hạn	29	43	35
Tài sản dài hạn khác	132	92	107
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**27.044**	**35.770**	**50.793**
Nợ phải trả ngắn hạn	**16.410**	**25.823**	**36.479**
Vay ngắn hạn	15.550	23.351	31.121
Nợ phải trả ngắn hạn khác	859	1.325	5.358
Nợ phải trả dài hạn	**1.234**	**73**	**94**
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.106	-	-
Nợ phải trả dài hạn khác	128	73	94
Vốn chủ sở hữu	**9.401**	**9.873**	**14.220**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**27.044**	**35.770**	**50.793**

Cơ cấu tài sản SSI 2019 – 2021



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước ghi nhận tại ngày 31/12/2021 là 23.698 tỷ VNĐ, chiếm 47% tổng tài sản và tăng trưởng 157%, gấp 2,6 lần so với số dư cuối kỳ năm 2020. Điều này thể hiện năng lực tài chính của SSI đã đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong một năm ghi nhận sự phát triển đột phá và biến động của TTCK Việt Nam nói chung và SSI nói riêng. Theo đà tăng trưởng của VNIndex cùng với sự hứng khởi của nhà đầu tư, nhu cầu vay vốn cũng gia tăng mạnh mẽ. Nắm bắt được xu hướng và nhu cầu của thị trường, cùng với năng lực kinh doanh vốn mạnh mẽ, SSI luôn đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong khi vẫn bảo đảm nguyên tắc quản trị rủi ro bảo toàn vốn.

Hoạt động cho vay ký quỹ của SSI hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra, kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Kiểm soát Nghiệp vụ, Dịch vụ Tài chính, Quản trị Rủi ro và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán Nội bộ (KTNB) cùng Kiểm soát Nội bộ (KSNB). Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện toàn diện, từ xây dựng hệ thống chấm điểm cổ phiếu được phép vay ký quỹ, xác định các tỷ lệ hạn mức hợp lý, giám sát biến động rủi ro tiềm tàng hàng ngày, đến tuân thủ kỷ luật quản lý rủi ro khi phát sinh các khoản vay chạm ngưỡng cảnh báo. Công tác quản lý rủi ro chặt chẽ vừa hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn, vừa đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty, tiếp tục một năm không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi.

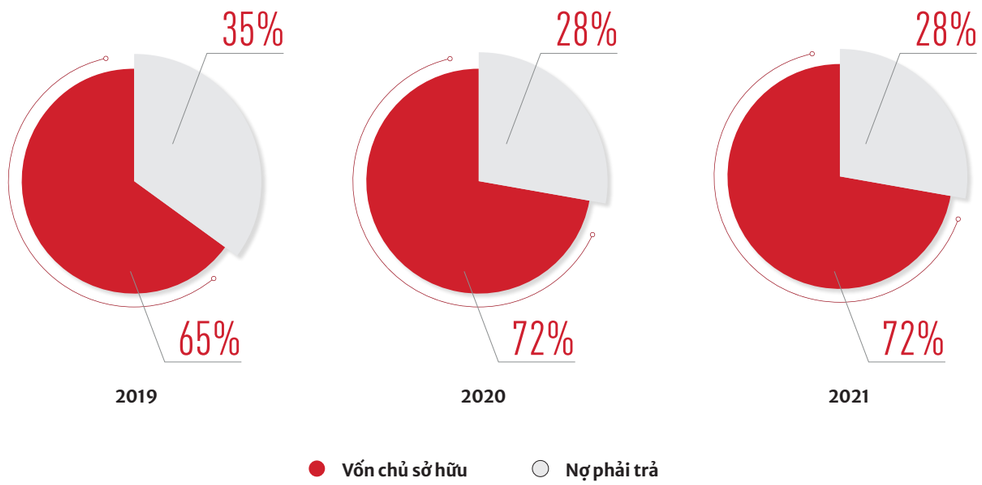
Bên cạnh đó, các khoản đầu tư tài chính an toàn như tiền gửi, chứng chỉ có giá hay trái phiếu cũng được Công ty tận dụng một cách hiệu quả với tổng giá trị 20.967 tỷ VNĐ, chiếm 41% tổng tài sản. Những tài sản tài chính có lợi nhuận cố định này bản chất không đầu tư bằng nguồn vốn dư thừa mà đều là những tài sản sử dụng đòn bẩy tài chính, tối ưu hóa chênh lệch lãi suất trên cơ sở dự đoán chính xác về xu thế lãi suất cũng như tận dụng tối đa và hết sức linh hoạt các hạn mức tín dụng với hàng chục ngân hàng thương mại.

Các tài sản tài chính là danh mục đầu tư cổ phiếu ghi nhận ở mức 2.209 tỷ VNĐ, chiếm 4% tổng tài sản và giảm nhẹ 4% so với giá trị tại ngày đầu năm phù hợp với chiến lược đầu tư của Công ty. Đối với danh mục đầu tư cổ phiếu, có 753 tỷ VNĐ là phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro (hedging) cho sản phẩm chứng quyền mà Công ty phát hành. SSI được biết đến là một trong ba công ty hoạt động tích cực nhất trong hoạt động phát hành và tạo lập thị trường cho sản phẩm chứng quyền.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Nguồn vốn chủ sở hữu SSI ghi nhận tại ngày 31/12/2021 là 14.220 tỷ VNĐ, chiếm 28% tổng nguồn vốn và tăng trưởng 44% so với đầu năm, đưa SSI trở thành Công ty Chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường. Mặc dù có lợi thế về nguồn vốn dồi dào, nhưng để đáp ứng nhu cầu vay ký quỹ (margin) trong một năm có sự tăng trưởng đột phá, SSI đã tận dụng đòn bẩy tài chính một cách triệt để với số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là 31.121 tỷ VNĐ, tăng 133% so với năm 2020, tiếp tục lập kỷ lục mới trong nhiều năm hoạt động của SSI. Các khoản vay này chủ yếu đến từ các khoản vay thấu chi và vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại có uy tín. Năm 2021 cũng là năm SSI huy động được nguồn vốn đáng kể từ các khoản vay chi phí hợp lý từ các ngân hàng nước ngoài trên cơ sở tín chấp, với dư nợ 6.172 tỷ VNĐ tại ngày 31/12/2021, tăng 483% so với năm 2020. Điều này thể hiện tín nhiệm của SSI ngày càng nâng cao đối với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Các hạn mức tín dụng mà SSI xây dựng được với các ngân hàng thương mại hoàn toàn đủ để đáp ứng việc tăng dư nợ margin lên mức cho phép tối đa (hai lần vốn chủ sở hữu), tuy nhiên với chính sách quản lý rủi ro thận trọng, SSI luôn kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng và khống chế rủi ro để dư nợ không tăng đột biến. Các khoản vay từ ngân hàng nước ngoài thông thường chịu những rủi ro về tỷ giá hối đoái, tuy nhiên trên nguyên tắc cẩn trọng, SSI luôn luôn thực hiện các hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn để phòng ngừa biến động lỗ tỷ giá nên kết quả kinh doanh không bị ảnh hưởng bởi rủi ro này.

Cơ cấu nguồn vốn SSI 2019 – 2021



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của dư nợ margin có được nhờ những chương trình cho vay kích thích giao dịch của SSI, được nhà đầu tư hưởng ứng và đánh giá cao. Trong điều kiện tăng trưởng nợ margin như vậy, SSI vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động có thể ảnh hưởng đến khách hàng vay nợ ký quỹ. Các khoản phải trả khác cũng tăng gấp 4 lần so với đầu năm, với giá trị 4.312 tỷ VNĐ, chủ yếu đến từ các khoản phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà công ty nhận quản lý, kết quả tất yếu của sự gia tăng đột biến số lượng mở mới tài khoản chứng khoán năm 2021.

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản, theo đó ngoài những tăng trưởng nêu trên thì SSI còn ghi nhận những tăng trưởng đáng kể đối với các chỉ số tài chính đo lường độ sinh lời như ROA, ROE, EPS năm 2021 đều tăng so với năm 2020.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Đơn vị: tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Doanh thu thuần	3.043	3.939	3.301	4.576	7.786
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.392	1.567	1.099	1.552	3.252
Lợi nhuận khác	13	56	7	5	113
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.405	1.623	1.106	1.558	3.365
Lợi nhuận sau thuế	1.161	1.303	907	1.256	2.695
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.162	1.305	909	1.257	2.696

Đơn vị: tỷ VNĐ

Bảng cân đối tài sản	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Tổng tài sản	18.764	23.826	27.044	35.770	50.793
Vốn điều lệ	5.001	5.101	5.101	6.029	9.848
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền	490.089.282	499.834.406	591.654.887	818.782.365	880.992.801
Nguồn vốn chủ sở hữu	8.616	9.156	9.401	9.873	14.220

Cơ cấu tài sản	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
TS ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,8%	93,5%	82,4%	81,2%	91,6%
TS dài hạn/ Tổng tài sản	8,2%	6,5%	17,6%	18,8%	8,4%

Cơ cấu nguồn vốn	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	54,1%	61,6%	65,2%	72,4%	72,0%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	45,9%	38,4%	34,8%	27,6%	28,0%

Tỷ suất lợi nhuận	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6,2%	5,5%	3,4%	3,5%	5,3%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	13,6%	14,3%	9,7%	12,8%	19,0%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	23,2%	25,5%	17,8%	20,8%	27,4%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	38,2%	33,1%	27,5%	27,4%	34,6%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	2.208	2.428	1.430	1.434	2.852

Khả năng thanh toán	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,84	1,65	1,36	1,12	1,28
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	1,81	1,65	1,35	1,11	1,23

KẾT QUẢ KINH DOANH 2021



Năm 2021 đánh dấu bước tăng trưởng mạnh mẽ của TTCK Việt Nam bất chấp các tác động của Đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế nói chung. Chỉ số VNIndex lập đỉnh tại mức 1.500,81 điểm vào phiên ngày 25/11/2021, mức cao nhất trong 21 năm hoạt động của TTCK. Cùng với đó là giá trị giao dịch bình quân đạt xấp xỉ 26,6 nghìn tỷ VNĐ/ phiên, tăng trưởng 2,5 lần so với bình quân năm 2020, đỉnh điểm lên tới 56,1 nghìn tỷ VNĐ/ phiên trong tháng 11/2021.

Sự bùng nổ của thị trường kéo theo sự tăng trưởng mạnh mẽ của số lượng nhà đầu tư gia nhập thị trường. Theo thống kê của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD), tính đến hết ngày 31/12/2021, số lượng tài khoản mở mới năm 2021 đạt trên 1,5 triệu tài khoản, bằng con số của hơn 4 năm trước cộng lại. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán được mở mới tăng mạnh cho thấy triển vọng và tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam, góp phần trong việc duy trì thanh khoản của thị trường.

Trong bối cảnh thị trường tích cực, SSI cũng đã thiết lập kỉ lục mới trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu thuần đạt 7.786 tỷ VNĐ tăng 72% – so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế toàn công ty đạt 3.365 tỷ VNĐ, vượt 60% kế hoạch năm với mức tăng trưởng 116% so với năm 2020, và tăng 26% so với 2019 và 2020 cộng lại. Đây là mức lợi nhuận kỷ lục mà SSI ghi nhận sau hơn 20 năm hoạt động. Thành công này đạt được từ sự đóng góp của tất cả các mảng kinh doanh: Dịch vụ Chứng khoán, Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, và Quản lý quỹ; đồng thời ghi nhận sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp duy trì hoạt động kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh, phát triển cải tiến các sản phẩm, dịch vụ, tận dụng cơ hội thị trường để đưa SSI đạt kết quả kỉ lục trong 21 năm hoạt động, tăng đáng kể về quy mô vốn đồng thời không ghi nhận rủi ro.

NĂM 2021

DOANH THU THUẦN **7.786** TỶ VNĐ

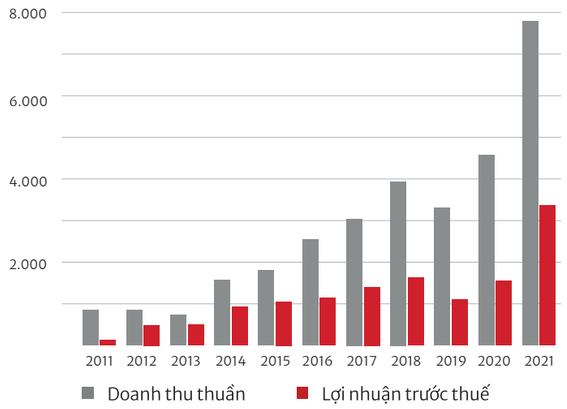
▲72% SO VỚI NĂM 2020

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ **3.365** TỶ VNĐ

▲116% SO VỚI NĂM 2020

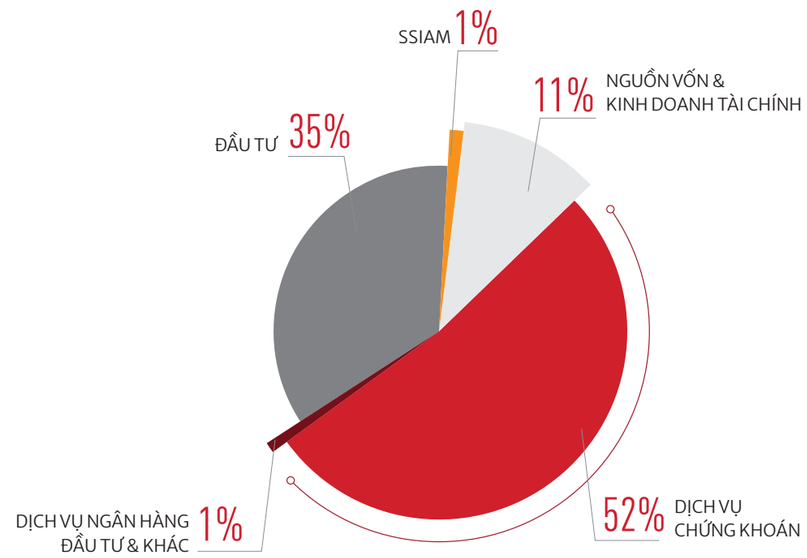
Kết quả kinh doanh SSI giai đoạn 2011 – 2021

Đơn vị : tỷ VNĐ



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Cơ cấu doanh thu 2021



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Trong đó, các mảng kinh doanh đều ghi nhận hoạt động hiệu quả và tăng trưởng.

Cụ thể, năm 2021, Dịch vụ Chứng khoán SSI phá vỡ kỷ lục với mức doanh thu đạt 4.140,7 tỷ VNĐ, chiếm 52% tổng doanh thu, tăng trưởng 200%, xấp xỉ doanh thu của 3 năm giai đoạn 2018 đến 2020 cộng lại. Bên cạnh thuận lợi đến từ sự tăng trưởng chung của TTCK và niềm tin của nhà đầu tư mới, SSI cũng ghi nhận những nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư, kết nối giao dịch hiệu quả, phát triển các sản phẩm mới và tính năng mới trên nền tảng giao dịch, mở rộng mạng lưới chi nhánh và nhân viên môi giới và đáp ứng nhu cầu khác nhau của từng phân khúc khách hàng.

Hoạt động Đầu tư mang lại doanh thu lớn thứ hai cho Công ty với 2.727 tỷ VNĐ, chiếm 35%, tăng trưởng 33,2% so với 2020, nhờ sự thăng hoa của thị trường, khả năng nhạy bén của đội ngũ đầu tư – không chỉ trong đầu tư thị trường cơ sở mà còn rất linh hoạt trong việc triển khai các nghiệp vụ của thị trường phái sinh.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc quản lý hiệu quả dòng vốn của Công ty và Khách hàng, đảm bảo tính linh hoạt và nhanh chóng, và hơn cả là đảm bảo tính thanh khoản trong mọi thời điểm. Với kết quả doanh thu đạt được là 838 tỷ VNĐ, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đóng góp doanh thu lớn thứ ba của Công ty với tỉ lệ 11%.

Mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư cũng ghi nhận một năm hoạt động thành công, tiếp tục giữ vai trò là nhà tư vấn uy tín cho các doanh nghiệp, triển khai các thương vụ lớn trên thị trường với chất lượng tư vấn cao và tích cực bám sát, hỗ trợ doanh nghiệp. Doanh thu từ mảng kinh doanh này của SSI ghi nhận đạt 93,8 tỷ VNĐ trong năm 2021.

Hoạt động Quản lý quỹ và danh mục đầu tư chỉ chiếm 1% trên tổng doanh thu toàn Công ty với mức 100 tỷ VNĐ, nhưng cũng ghi nhận mức tăng trưởng kỷ lục là 266% so với năm 2020, nhờ tích cực tìm kiếm nhà đầu tư, đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm, phát triển quỹ gọi vốn từ nhà đầu tư tổ chức nước ngoài cũng như triển khai các sản phẩm cung cấp cho nhà đầu tư cá nhân có nhu cầu đầu tư lớn.

Chi tiết báo cáo hoạt động của các Khối Kinh doanh được trình bày dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



DOANH THU – LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG VƯỢT TRỘI

Sự tăng trưởng mạnh mẽ về giá trị giao dịch toàn thị trường và sự tham gia của nhóm nhà đầu tư mới cao nhất từ trước tới nay đã giúp hoạt động kinh doanh của Dịch vụ Chứng khoán SSI cũng ghi nhận kết quả ấn tượng, với doanh thu năm 2021 đạt hơn 4.140,7 tỷ VNĐ, tăng gấp 3 lần so với năm trước đó và lợi nhuận đạt hơn 1.870,2 tỷ VNĐ, tăng gấp 4,5 lần so với 2020. Về cơ cấu, doanh thu từ nhóm khách hàng cá nhân chiếm 94%, chủ yếu bao gồm phí môi giới và doanh thu từ các sản phẩm tài chính; doanh thu từ nhóm khách hàng tổ chức chiếm 6%, bao gồm phí môi giới, các khoản thu từ các hợp đồng tư vấn khuyến nghị cho các quỹ đầu tư, các hoạt động tư vấn quan hệ nhà đầu tư (IR) cho các doanh nghiệp và các hoạt động bán chéo với các Khối kinh doanh khác. Thị phần môi giới cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ tại HOSE đạt 11,05%, tại HNX đạt 6,77%.

NĂM 2021

DOANH THU **4.140,7 TỶ VNĐ**

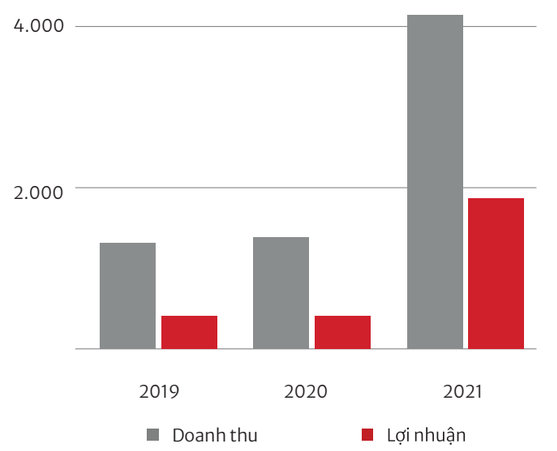
x3 SO VỚI NĂM 2020

LỢI NHUẬN **1.870,2 TỶ VNĐ**

x4,5 SO VỚI NĂM 2020

Doanh thu & Lợi nhuận Dịch vụ Chứng khoán

Đơn vị: tỷ VNĐ

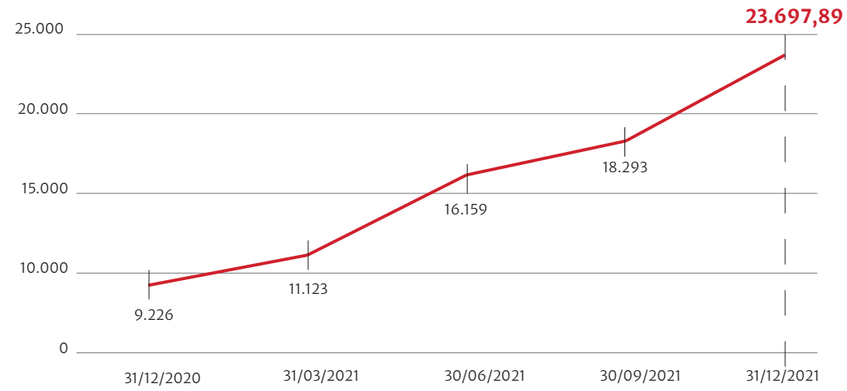


Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

DƯ NỢ KÝ QUỸ CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG

Dư nợ ký quỹ cuối kỳ tại SSI

Đơn vị: tỷ VNĐ



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Sự bùng nổ về giá trị giao dịch của thị trường nửa cuối năm 2020 và cả năm 2021 kéo theo nhu cầu sử dụng dịch vụ vay ký quỹ (margin) của nhà đầu tư tăng mạnh. Tận dụng thế mạnh là Công ty lớn nhất thị trường về quy mô tài sản và nguồn vốn, SSI linh hoạt đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhà đầu tư. Kết quả, tại thời điểm cuối năm 2021, dư nợ ký quỹ đạt mức 23.698 tỷ VNĐ, tăng 2,6 lần so với mức cuối năm 2020, chiếm 24% tổng dư nợ và dẫn đầu toàn thị trường. Doanh thu từ dịch vụ cho vay và phải thu đạt 555.6 tỷ, tăng 2,6 lần so với cùng kỳ năm 2020.

Đối với hoạt động cho vay ký quỹ, SSI luôn luôn tuân thủ chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ. Hạn mức cấp margin được căn cứ trên nhiều yếu tố đánh giá, bao gồm các yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, đánh giá và dự đoán các biến động thị trường v.v…, dữ liệu đưa vào chấm điểm cổ phiếu được xét trên cả dữ liệu lịch sử để đánh giá được quá trình biến động giá và thanh khoản của cổ phiếu. Đối với việc cấp hạn mức cho một số nhóm cổ phiếu có biến động mạnh trong năm 2021, SSI đã kiểm soát thông qua phân nhóm tỷ lệ vay từ 10%, 20% cho đến 50% và bằng hệ thống các hạn mức đan chéo, giám sát hàng ngày để kịp thời có phương án xử lý, bảo vệ an toàn nguồn vốn cho Công ty và Nhà đầu tư. Trong nhiều năm qua Công ty không phát sinh nợ xấu qua các đợt thị trường biến động mạnh dù dư nợ luôn ở mức cao nhất trên thị trường.

LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN MỚI VÀ GIA TĂNG TIỆN ÍCH TRÊN CÁC SẢN PHẨM

Công ty không ngừng nghiên cứu, phát triển và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, đồng thời gia tăng nhiều tiện ích hỗ trợ trên các sản phẩm và công cụ giao dịch hiện có:

- **01/2021**: Đáp ứng quy định của HOSE về thay đổi lô giao dịch, hệ thống giao dịch của SSI đã nhanh chóng và kịp thời nâng cấp cho khách hàng giao dịch theo lô 100;
- **03/2021**: SSI triển khai thêm các tính năng phân tích thị trường, phân tích cổ phiếu trên Bảng giá thông minh iBoard, giúp khách hàng có thể chủ động tìm kiếm thông tin, nắm bắt mọi biến động của thị trường một cách nhanh chóng và chính xác nhất;
- **05/2021**: SSI ra mắt sản phẩm Q-Trader, công cụ hỗ trợ đẩy lệnh từ Amibroker cho các khách hàng giao dịch qua kênh Fast Connect API. Cũng trong tháng 05/2021, SSI ra mắt tính năng xác thực giao dịch bằng mã OTP trên tất cả các kênh giao dịch trực tuyến, giúp nâng cao bảo mật cho các giao dịch của khách hàng trên các kênh giao dịch trực tuyến. Đồng thời, gói nâng cấp cải tiến tốc độ xử lý các giao dịch chuyển tiền trực tuyến cũng đã được triển khai giúp các giao dịch chuyển tiền được xử lý nhanh chóng tức thời;
- **06/2021**: SSI tiếp tục bổ sung các tính năng mới phục vụ giao dịch phái sinh chuyên biệt, nâng cấp bảng giá chứng quyền và các cài đặt tùy chỉnh thông minh theo người dùng trên Bảng giá thông minh iBoard (phiên bản web). Trên ứng dụng iBoard mobile, giao diện giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh cũng được bổ sung thêm các thông tin lãi/lỗ, tỷ lệ hỗ trợ giúp khách hàng giao dịch thêm thuận tiện;

- **07/2021:** SSI phối hợp với ngân hàng BIDV triển khai Dịch vụ chuyển tiền nhanh giúp khách hàng có thể nộp và chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán tại SSI thông qua mã định danh 9616 từ mọi ngân hàng với thao tác đơn giản và nhận tiền ngay lập tức;
- **08/2021**: SSI bổ sung tính năng ứng trước tiền bán và thêm 2 giao diện mới dành cho khách hàng giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh nhằm gia tăng trải nghiệm người dùng trên iBoard;
- **09/2021**: Phiên bản iBoard dành riêng cho iPad và tablet cũng được ra mắt khách hàng cùng viêc đổi mới giao diện màn hình quản lý tài sản trên ứng dụng iBoard;
- **10/2021:** SSI triển khai tính năng Thực hiện quyền và Chuyển khoản chứng khoán nội bộ trên iBoard, giúp hoàn thiện hệ sinh thái các tính năng cung cấp trên hệ thống iBoard. Phiên bản mới iData - dịch vụ cung cấp dữ liệu cũng đã được triển khai trong nội bộ SSI để tiếp tục hoàn thiện trước khi ra mắt khách hàng;
- **11/2021:** SSI nâng cấp bảng giá Streaming trên hệ thống Web Trading, giúp tối đa tốc độ nhận và hiển thị dữ liệu thông tin thị trường trên bảng giá. Đồng thời bổ sung tính năng đăng ký/gia hạn dịch vụ Fast Connect Data online cho nhóm các khách hàng sử dụng kênh giao dịch qua giao thức API;
- **12/2021**: SSI nâng cấp bổ sung tính năng Cảnh báo trên iBoard, tính năng Lịch sử lệnh, Bảng chỉ số và phân tích khối lượng mua bán trên ứng dụng iBoard. Công ty tiếp tục thực hiện các gói nâng cấp tối ưu năng lực hệ thống và gia tăng tốc độ xử lý thông tin trên hệ thống. Cuối tháng 12/2021, hệ thống Contact Center mới đã được đưa vào sử dụng thay thế hoàn toàn hệ thống cũ, giúp tăng năng lực phục vụ khách hàng qua tổng đài điện thoại của SSI.

Cũng trong năm 2021, SSI đã hoàn thành tính năng liên kết ngân hàng với BIDV và Techcombank, sẵn sàng để triển khai cho toàn khách hàng vào đầu năm 2022, giúp khách hàng dễ dàng nộp tiền từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản giao dịch chứng khoán ngay trên các hệ thống giao dịch trực tuyến của SSI. Nằm trong lộ trình triển khai, việc kết nối giao dịch nộp tiền với nhiều ngân hàng khác cũng được SSI tiến hành chuẩn bị và triển khai trong năm 2022. Bên cạnh đó, dịch vụ mở tài khoản trực tuyến đã được tăng cường độ ổn định và tốc độ xử lý, giảm thời gian chờ đợi mở tài khoản, nhà đầu tư có thể thực hiện giao dịch ngay trong ngày sau khi đăng ký mở tài khoản trực tuyến thành công. Công ty sẽ tiếp tục chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng để tối ưu năng lực các hệ thống trực tuyến, cải tiện các tính năng phục vụ viêc giao dịch của nhà đầu tư thêm thuận lợi, cũng như cải tiến các quy trình cung cấp dịch vụ, bổ sung các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng & cải tiến các quy trình nội bộ nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên trong năm 2022.

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG

Kiên định với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", một trong những chiến lược trọng tâm của SSI chính là đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân. Đặc biệt, với sự tăng trưởng mạnh mẽ về thanh khoản, chất lượng cũng như số lượng nhà đầu tư trong thời gian qua, TTCK Việt Nam càng cho thấy thế mạnh của kênh đầu tư sinh lời tốt và kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế. Làm sao để nhà đầu tư có thể yên tâm để tiền trong tài khoản chứng khoán, tạo lợi nhuận lâu dài mà không coi đây là kênh đầu cơ ngắn hạn là một thách thức lớn với các cơ quan quản lý và nhà tạo lập thị trường. Là cánh cửa đầu tiên chào đón nhà đầu tư bước chân vào thị trường, SSI dành nguồn lực đầu tư cho các hoạt động tư vấn, chủ động cung cấp kiến thức đầu tư một cách bài bản, chuyên sâu và có hệ thống tới các nhà đầu tư cá nhân.

Theo đó, Công ty liên tục phối hợp với các đơn vị truyền thông, báo chí tổ chức các chuỗi chương trình tư vấn đầu tư năm 2021. Khởi đầu bằng chuỗi 5 số livestream (phát sóng trực tiếp) do SSI phối hợp với VTV tổ chức trong tháng 7, 8 trên fanpage Chứng khoán SSI và fanpage VTV24Money đã ghi dấu ấn là chương trình tư vấn đầu tư chứng khoán trực tuyến lớn nhất từ trước đến nay, tạo tiếng vang lớn trong cộng đồng tài chính. Với hơn 2 triệu lượt theo dõi và hơn 5.000 lượt thảo luận trên các diễn đàn tài chính lớn, chương trình đã cho thấy sức hút của TTCK và nhu cầu trau dồi kiến thức của nhà đầu tư.

SSI cũng cùng chuyên trang tin tức "NDH - Người đồng hành" triển khai chương trình tư vấn đầu tư trực tuyến NDH eConference trong tháng 10, 11/2021 dành riêng cho khách hàng SSI. Tại chương trình, các chuyên gia hàng đầu của SSI tiếp tục chia sẻ kiến thức, nhận định thị trường, kinh nghiệm giao dịch thực chiến và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư trong quá trình đầu tư.

Giai đoạn cuối năm 2021 và đầu 2022, SSI tiếp tục kết hợp cùng Trung tâm tin tức VTV24 – để thực hiện chương trình "Bí mật đồng tiền" nhằm chia sẻ những góc nhìn mới mẻ và thú vị về tài chính – đầu tư. Qua đó, chương trình giới thiệu và giúp người dân hiểu hơn về chứng khoán là kênh đầu tư, kênh kiếm tiền mà bất cứ ai có thể tham gia nếu được trang bị hiểu biết. Chương trình thu hút sự quan tâm của công chúng nhờ sự chân thực, cụ thể hóa các khái niệm đầu tư tài chính một cách dễ hiểu và gần gũi.

Những chuỗi chương trình này không chỉ mang lại giá trị cho Công ty mà còn đóng vai trò quan trọng nhằm xây dựng cộng đồng tài chính cho TTCK nói chung, thông qua việc bồi dưỡng kiến thức cho nhà đầu tư, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển thị trường. Với nguồn lực tài chính vững mạnh và đội ngũ chuyên nghiệp, SSI tiếp tục thu hút và hỗ trợ cộng đồng nhà đầu tư mới đang ngày càng mở rộng tới mọi độ tuổi và thành phần trong xã hội, để chứng khoán thực sự là kênh cất giữ tài sản, sinh lời, dẫn vốn hiệu quả.

Cũng trong năm 2021, nắm bắt được thực tế số lượng nhà đầu tư ngày một đông đảo với khẩu vị khác nhau, nhu cầu của khách hàng muốn chủ động giao dịch ngày một tăng cao, SSI đã xây dựng chính sách và phí dịch vụ dành riêng cho nhóm khách hàng chủ động giao dịch và nhóm khách hàng có tư vấn của nhân viên môi giới. Việc phân loại này sẽ giúp Công ty hiểu rõ về nhu cầu của từng nhóm, từ đó thiết kế các sản phẩm - dịch vụ phù hợp. Theo đó, Công ty tiếp tục phát triển đội ngũ chuyên gia tư vấn chứng khoán, hỗ trợ ngày càng chuyên nghiệp với chuyên môn sâu, kỹ năng và thái độ tích cực – vốn là thế mạnh trước đó của SSI. Song song với đó là cải tiến, đầu tư vào công nghệ giúp quá trình giao dịch của nhà đầu tư chủ động ngày càng thuận tiện, nhanh chóng và đơn giản hơn. Ứng dụng xu thế công nghệ thông qua các kênh trực tuyến, mạng xã hội để phát triển, hỗ trợ và tư vấn cho nhóm khách hàng thế hệ mới, ưa thích công nghệ và độc lập trong đầu tư.



TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ NHIỀU GIẢI PHÁP PHỤC VỤ NHÓM KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

Đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến toàn bộ các hoạt động tiếp cận, phát triển khách hàng khi các lệnh hạn chế đi lại được duy trì trong cả năm 2021, SSI không thể tiếp cận trực tiếp các khách hàng tổ chức nước ngoài, dẫn đến ngưng trệ việc mở tài khoản. Khách hàng tổ chức nước ngoài cũng đã có nhiều sự thay đổi trong hành vi, cách thức làm việc, quyết định giao dịch để phù hợp với tình hình mới.

Trong bối cảnh đó, SSI đã kịp thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp thích nghi nhanh chóng với bối cảnh dịch bệnh kéo dài, cụ thể:

- Áp dụng cơ chế làm việc linh hoạt, phối hợp tốt giữa làm việc tại văn phòng và tại nhà để đảm bảo hiệu quả công việc tối đa. Việc ứng dụng công nghệ cũng giúp cho vận hành của hệ thống được chính xác, tăng cường khả năng xử lý lệnh của khách hàng, và tăng cường độ bảo mật dù các thành viên làm việc từ xa;
- Đối với hoạt động chăm sóc khách hàng và phát triển khách hàng, SSI nhanh chóng thay đổi toàn bộ dịch vụ theo hướng trực tuyến hóa tất cả các sản phẩm và dịch vụ một cách chuyên nghiệp. Các dịch vụ chính như Hội thảo đầu tư, Gặp gỡ doanh nghiệp, Cập nhật kết quả kinh doanh Quý, Gặp gỡ chuyên viên phân tích (analyst meeting), Cập nhật thị trường định kỳ (sales pitch), Chiến lược đầu tư v.v... đều được thực hiện thông qua hình thức trực tuyến. Việc sử dụng các công cụ họp trực tuyến mới khiến cho toàn bộ các hoạt động trên được triển khai một cách chuyên nghiệp, giúp đáp ứng tốt nhu cầu cập nhật thông tin và tư vấn đầu tư đối với khách hàng tổ chức nước ngoài, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ và vị thế của SSI.

Kết quả, năm 2021, số khách hàng tổ chức nước ngoài mở mới chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ, trên 280 tài khoản, đều tham gia đầu tư vào thị trường Việt Nam với quy mô lớn. Trong năm SSI cũng đã thành công trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác với đối tác mới tại thị trường Mỹ. Đây là một trong những công ty môi giới chứng khoán lớn nhất và có lượng giao dịch tốt nhất đối với nhóm các thị trường mới nổi và đang phát triển. Việc hợp tác này mở ra triển vọng SSI mở rộng mạng lưới khách hàng hiệu quả đối với nhóm các tổ chức đầu tư từ Mỹ - thị trường tiềm năng, đóng góp tích cực vào giá trị giao dịch, doanh thu, thị phần của SSI.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục có một năm hoạt động thành công thông qua giữ vững và phát huy các nền tảng được xây dựng vững chắc từ những năm trước đó, điều phối nguồn vốn ổn định, tăng trưởng bền vững, đồng thời phát huy tối đa nguồn lực trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và phân bổ đầu tư, góp phần vào kết quả kinh doanh bứt phá kỉ lục của toàn Công ty trong năm 2021. Doanh thu từ Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính năm 2021 ghi nhận 838 tỷ VNĐ – chiếm 11% tổng doanh thu Công ty, và lợi nhuận trước thuế đạt 463,3 tỷ VNĐ.



ĐẨY MẠNH VIỆC HUY ĐỘNG VỐN NƯỚC NGOÀI

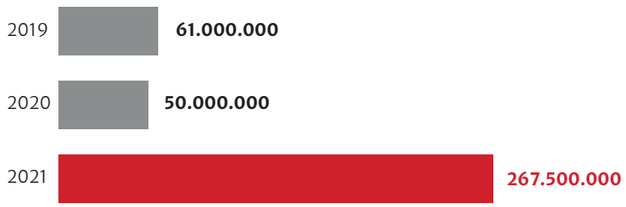
Với nhu cầu mở rộng kinh doanh của các Khối Kinh doanh của SSI trong năm 2021, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã làm rất tốt hoạt động điều phối nguồn vốn, luôn đảm bảo thanh khoản của hệ thống và đáp ứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạch đó, việc mở rộng các quan hệ tín dụng với các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước giúp SSI có thể tiếp cận với các nguồn vốn đa dạng, giá hợp lý, duy trì tính ổn định, hiệu quả trong việc kinh doanh nguồn vốn.

Năm 2021, SSI đã thiết lập quan hệ hợp tác và vay vốn từ các nhóm định chế lớn ở nước ngoài: nhóm các ngân hàng tại Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc v.v... nhằm mục đích tối ưu hóa dòng tiền với chi phí vốn thấp để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm và dịch vụ của SSI cung cấp tới Khách hàng. Số vốn vay thông qua nghiệp vụ huy động vay hợp vốn (syndication loans) mới từ nước ngoài đạt 118 triệu USD trong năm 2021, đóng góp thêm vào tổng số dư vốn nước ngoài mà SSI đã huy động được với con số kỷ lục là 267,5 triệu USD – tương đương gần 6.100 tỷ VNĐ, tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín hàng đầu của SSI trong ngành Chứng khoán Việt Nam trong mắt các định chế tài chính nước ngoài. Có thể nói, SSI luôn ở vị trí số 1 trong việc phát triển các sản phẩm và các mối quan hệ hợp tác kinh doanh mang tính đột phá, tiên phong trong ngành.

Không chỉ khẳng định vị thế và uy tín của SSI, đây cũng là chiến lược để Công ty tối ưu hoá nguồn vốn, từ đó tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của SSI bằng các sản phẩm - dịch vụ đa dạng, có tính cạnh tranh, an toàn, bền vững, tối đa lợi ích cho Nhà đầu tư và là nền tảng, cơ sở cho sự phát triển của TTCK nói chung.

Quy mô huy động vốn vay nước ngoài của SSI

Đơn vị: USD



Nguồn: SSI

HOÀN THIỆN, CẢI TIẾN VÀ TỐI ƯU CÁC SẢN PHẨM S-PRODUCTS PHỤC VỤ NHU CẦU NGÀY CÀNG ĐA DẠNG CỦA THỊ TRƯỜNG

Theo hướng hoàn thiện nhóm sản phẩm S-Products (S-Savings, S-Bonds, S-Notes), SSI luôn đánh giá, xây dựng các thông số sản phẩm linh hoạt, nhạy bén, hấp dẫn nhằm đáp ứng khẩu vị đầu tư đa dạng của thị trường với tổng quy mô các sản phẩm được chào bán trên 10 nghìn tỷ VNĐ, được nhà đầu tư đón nhận rộng rãi.

SSI đồng thời cũng ứng dụng công nghệ trong quy trình phát triển và vận hành sản phẩm, giảm thiểu các khâu, thủ tục trong quá trình tác nghiệp, từ đó cung cấp cho Khách hàng của SSI những sản phẩm, dịch vụ đa dạng nhất, tối ưu nhất, thân thiện nhất. Hiện tại, toàn bộ các sản phẩm S- Products đều có thể thực hiện đăng ký, giao dịch, thanh toán v.v... trên các nền tảng giao dịch trực tuyến của Công ty.



DUY TRÌ DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀO CÁC SẢN PHẨM TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ DÀI HẠN CÓ MỨC LỢI SUẤT CAO VÀ RỦI RO THẤP

SSI tiếp tục thực hiện việc phân bổ và tái phân bổ một tỷ trọng nhất định vào nhóm các giấy tờ có giá và sản phẩm tài chính dài hạn song song với việc duy trì một tỷ trọng lớn vào công cụ tài chính có kỳ hạn ngắn nhằm đảm bảo thanh khoản và rủi ro lãi suất trên thị trường. Chính vì vậy, trong năm 2021, trong cơ cấu kinh doanh của Khối, hoạt động kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh tiếp tục đóng góp thành tích đáng kể trong kết quả chung.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp trong suốt 2 năm 2020 và 2021 khiến kinh tế trong nước và quốc tế đã phải chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề, các lệnh hạn chế đi lại khiến việc đàm phán và thực hiện các thương vụ lớn đều gặp nhiều khó khăn và đình trệ. Tuy vậy, năm 2021 cũng chính là khoảng thời gian mà các doanh nghiệp cần huy động vốn mạnh mẽ nhằm duy trì hoạt động và nắm bắt cơ hội kinh doanh, mở rộng thị phần, khách hàng. Trong bối cảnh đó, SSI giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường, phát huy vai trò là nhà tư vấn uy tín, cung cấp đa dạng dịch vụ từ tư vấn huy động vốn, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác chiến lược cho tới tư vấn cổ phần hoá, niêm yết v.v...



THƯƠNG VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN (ECM)

SSI tiếp tục thực hiện thành công nhiều thương vụ tư vấn phát hành và chào bán cổ phiếu quỹ, cổ phiếu sơ cấp cho các doanh nghiệp lớn như Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX – HOSE), Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS – HOSE), Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC – HOSE), hay Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM – HOSE) v.v...với tổng giá trị giao dịch lên tới trên 600 triệu USD. Có thể kể đến một số thương vụ như: SSI tư vấn chào bán cổ phiếu PLX với tổng giá trị 125,8 triệu USD cho nhà đầu tư đại chúng; hay thương vụ tư vấn chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS – HOSE) - thương vụ lớn nhất trong vòng 3 năm trở lại đây của Việt Nam, huy động thành công 100 triệu USD thông qua IPO trước khi niêm yết.

THƯƠNG VỤ TƯ VẤN MUA BÁN – SÁP NHẬP (M&A)

Tổng giá trị tư vấn thành công đạt trên 220 triệu USD trong năm 2021. Nổi bật là thương vụ tư vấn cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacity (Pharmacity) có giá trị trên 100 triệu USD – thương vụ được bình chọn là "Thương vụ M&A xuyên biên giới tốt nhất năm 2021". Đồng thời, SSI cũng tư vấn cho Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (OPC – HOSE) chào bán 36,7% tổng số cổ phiếu OPC đang lưu hành, hay tư vấn giao dịch chào bán cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (IMP – HOSE) cho SK Group, với quy mô thương vụ trị giá 67 triệu USD trong giai đoạn 2020 – 2021.

THƯƠNG VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ (DCM)

Tiếp tục ghi nhận đà tăng mạnh mẽ trong năm 2021, với số lượng 10 thương vụ – tổng giá trị đạt 446 triệu USD. Tiêu biểu là đại lý phát hành trái phiếu cho TNH Hotels & Resorts trị giá 43,5 triệu USD, phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID – HOSE) với giá trị 122 triệu USD; đại lý phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (DXG – HOSE), Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (AST – HOSE), Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh (CII – HOSE)... với tổng giá trị phát hành lên đến gần 300 triệu USD.

Kết quả hoạt động tích cực của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI trong bối cảnh khó khăn đến từ khả năng phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhân sự hai miền, thích ứng linh hoạt với bối cảnh mới, kiên định với chiến lược "lấy khách hàng là yếu tố trọng tâm, lấy hiệu quả làm thước đo trong mọi hoạt động". SSI sẽ tiếp tục chiến lược phát triển dài hạn hướng đến việc cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tới khách hàng.

Kết thúc năm 2021, doanh thu từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đạt 93,8 tỷ VNĐ. SSI liên tục nhận các giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong khu vực đối với mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư.

NĂM 2021

93,8 TỶ VNĐ

DOANH THU TỪ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong khu vực

ASIAMONEY
- Ngân hàng doanh nghiệp và đầu tư tốt nhất

Alpha Southeast Asia
- Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp năm 2021
- Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất năm 2021

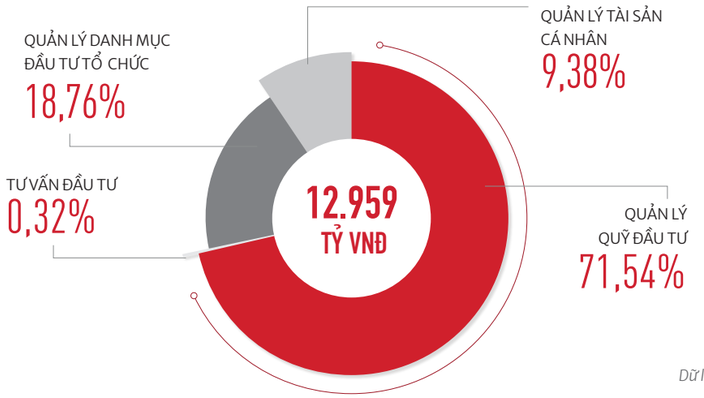
ASSET ASIAN AWARDS TRIPLE A
- Nhà tư vấn thương vụ M&A tốt nhất Việt Nam
- Thương vụ mua bán và sát nhập tốt nhất Việt Nam trong năm 2021 dành cho thương vụ Pharmacity



QUẢN LÝ QUỸ

Trong năm 2021, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) tiếp tục cung cấp 3 mảng dịch vụ chính cho các nhà đầu tư là dịch vụ quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng tổ chức, và quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng cá nhân. Tổng tài sản quản lý chia theo các dịch vụ cung cấp như sau:

Tổng tài sản do SSIAM quản lý



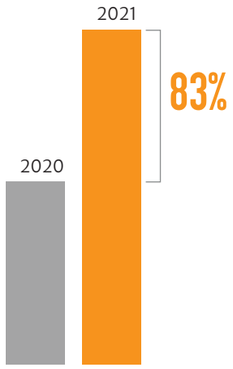
Dữ liệu tại ngày 31/12/2021
Nguồn: SSIAM

Kết quả hoạt động 2021 của SSIAM có sự tăng trưởng vượt bậc bất chấp những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 và biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt vào Quý 3. Tổng tài sản quản lý tăng dần với sự thành công của Công ty trong việc lập các quỹ đầu tư mới như quỹ mở, tăng quy mô các quỹ hiện tại, cũng như giành được một số khách hàng ủy thác danh mục mới qua việc triển khai các chiến lược đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của từng nhóm khách hàng đầu tư khác nhau. Đến cuối năm 2021, tổng tài sản quản lý đạt 12.959 tỷ VNĐ, tăng 94,3% so với đầu năm, vượt kế hoạch 2,35%. Doanh thu cả năm 2021 đạt trên 100 tỷ VNĐ – tăng trưởng 266% và lợi nhuận trước thuế đạt 48,8 tỷ VNĐ – tăng trên 6 lần so với năm 2020.

Bên cạnh những số liệu về kinh doanh, năm 2021 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi SSIAM chính thức đưa vào hoạt động hệ thống kế toán và quản trị quỹ và hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mới, với công nghệ hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của Công ty trong việc quản lý vận hành, cũng như nâng cao trải nghiệm của nhà đầu tư trong quá trình giao dịch.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

> 9.000 TỶ VNĐ
TÀI SẢN QUẢN LÝ



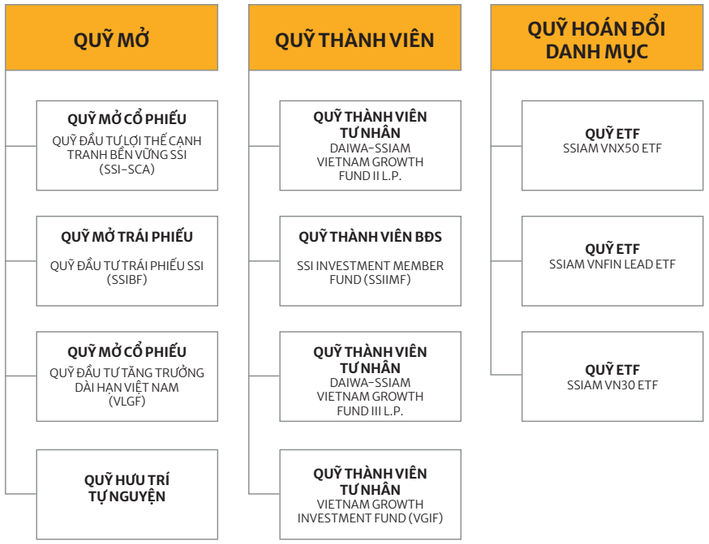
Hết năm 2021, SSIAM quản lý hơn 9.000 tỷ VNĐ tài sản tính riêng mảng dịch vụ quản lý các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, tăng 83% so với năm 2020. Các quỹ do SSIAM quản lý đều ghi nhận hiệu quả đầu tư ấn tượng trong năm, góp phần tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với sản phẩm chứng chỉ quỹ - sản phẩm còn nhiều tiềm năng phát triển trên thị trường.

Cụ thể, SSIAM tiếp tục đa dạng hóa và đẩy mạnh quy mô các quỹ mở và ETF hiện tại trong năm 2021. Quỹ hoán đổi danh mục SSIAM VNFIN LEAD, quỹ đầu tư ngành đầu tiên tại Việt Nam, có mức tăng trưởng ấn tượng 214,7% so với quy mô vào cuối năm 2020, đạt 3.468 tỷ VNĐ, với hiệu suất đầu tư lên đến 61,3%. Bên cạnh đó, các quỹ ETF khác do SSIAM quản lý cũng ghi nhận hiệu suất đầu tư rất tốt, cụ thể Quỹ ETF SSIAM VNX50 đạt 48,54%, Quỹ ETF SSIAM VN30 đạt 43,85% trong năm 2021.

Đối với các quỹ mở, trong môi trường lãi suất tiền gửi thấp, việc cấu trúc sản phẩm Quỹ đầu tư trái phiếu SSI (SSIBF) phù hợp với nhu cầu ngắn hạn của nhà đầu tư đã giúp quy mô tài sản của quỹ tăng 91,89% so với đầu năm và được nhiều nhà đầu tư cá nhân đón nhận. SSIAM sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với một số đối tác phân phối chính cho các quỹ mở này trong năm 2022.

Trong năm, Công ty cũng huy động thành công Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Dài hạn Việt Nam (Vietnam Long term Growth Fund – VLGF) – quỹ đầu tư vào các cổ phiếu chất lượng cao, đầu ngành và được hưởng lợi nhiều nhất từ đà tăng tưởng kinh tế của Việt Nam trong 10 năm tới. Đến tháng 11 năm 2021, quỹ VLGF đã thành công phát hành ra công chúng lần đầu (IPO) với tổng tài sản quản lý đạt gần 150 tỷ VNĐ và hơn 500 nhà đầu tư chỉ trong 3 tuần.

Các quỹ đầu tư SSIAM đang quản lý





QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Năm 2021, SSIAM tiếp tục duy trì sự hợp tác chặt chẽ và ổn định với các khách hàng tổ chức. SSIAM không chỉ hợp tác với các công ty bảo hiểm lớn mà còn phát triển mối quan hệ với những khách hàng tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn. Hiện SSIAM đang quản lý các quỹ đầu tư bảo hiểm liên kết đơn vị cho nhiều tập đoàn bảo hiểm lớn trên thế giới đang có mặt tại thị trường Việt Nam. Tổng quy mô tài sản quản lý cho các khách hàng tổ chức đạt 2.431 tỷ VNĐ, tăng 71,78% so với cùng kỳ năm trước.

QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 1.215 tỷ VNĐ tính đến cuối năm 2021, tăng gấp 6 lần so với năm ngoái khi số lượng khách hàng cá nhân rút khỏi dịch vụ ủy thác do tâm lý lo sợ rủi ro dịch Covid-19 vào năm 2020. Để giúp khách hàng bảo toàn tài sản, SSIAM đã triển khai quản lý danh mục với chiến lược đầu tư kết hợp sản phẩm Lãi suất cố định và sản phẩm chứng khoán niêm yết. Ngoài ra, sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân là động lực chính nâng đỡ thị trường trong năm 2021 và đánh dấu bước ngoặt khi khẩu vị rủi ro của các nhà đầu tư thay đổi khiến thị trường chứng khoán trở thành một kênh đầu tư an toàn và phổ biến hơn.

ĐẦU TƯ

Năm 2021, SSI tiếp tục duy trì danh mục cổ phiếu bao gồm các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, và có tính thanh khoản cao; đồng thời chủ động giảm quy mô danh mục nhằm hạn chế rủi ro trong giai đoạn nền kinh tế chung bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Lợi nhuận danh mục giao dịch tăng trưởng so với thời điểm cuối năm 2020 thường xuyên đạt mức 32%.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI đã thoái bớt một phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) nhằm hiện thực hóa lợi nhuận. Tuy nhiên, PAN vẫn là công ty liên kết của SSI và Công ty tiếp tục tham gia vào HĐQT và làm việc sâu sát cùng Ban Lãnh đạo Doanh nghiệp này.

Song song với kết quả khả quan của danh mục đầu tư cổ phiếu, các mã chứng quyền có đảm bảo (CW) phát hành bởi SSI luôn nằm trong nhóm có thanh khoản rất cao, với giá trị giao dịch trong năm 2021 chiếm tỉ lệ xấp xỉ 30%, đứng đầu thị trường chứng quyền Việt Nam. Có những thời điểm, chứng quyền do SSI phát hành chiếm gần 70% thanh khoản toàn thị trường.

Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ từ hệ thống tự động hóa và các giải pháp công nghệ, SSI có thể thực hiện một số lượng giao dịch lớn, quản trị rủi ro một cách hiệu quả hơn giúp cho việc mở rộng quy mô các chiến lược giao dịch được nhanh chóng, an toàn. Đặc biệt việc thanh khoản thị trường tăng mạnh cũng giúp Công ty mở rộng các chiến lược giao dịch một cách dễ dàng hơn, tăng vòng quay giao dịch và nâng cao hiệu suất sử dụng vốn.



THÔNG TIN CÔNG TY LIÊN KẾT/ CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, thông tin các công ty liên kết SSI sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp như sau:

Tên, Địa chỉ và Logo công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	Kết quả kinh doanh 2021	Thành viên (SSI) trong HĐQT/ BKS	Hình thức sở hữu
THE PAN GROUP Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN - HOSE) Lô A1-9, Đường VL3, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Nông nghiệp Thực phẩm (lĩnh vực bánh kẹo, thủy sản, nước mắm và chế biến thực phẩm)	2.163.585.800.000	12,73%	Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2021 lần lượt đạt 10,182 tỷ và 295 tỷ, tăng 19% và 57% so với cùng kỳ và vượt so với kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ thông qua 22%.	02 thành viên	Trực tiếp

SSI nắm giữ 80% phần vốn góp vào Quỹ Đầu Tư Thành Viên SSI (SSI Investment Member Fund - SSIIMF). Quỹ SSIIMF nắm giữ 100% vốn của công ty con thành lập ở Mỹ là SSI International Corporation (SSIIC). Do vậy, với tư cách là thành viên nắm 80% vốn góp vào Quỹ SSIIMF, SSI có quyền biểu quyết gián tiếp 80% tại SSIIC. SSIIC là công ty hoạt động trong lĩnh vực Bất Động Sản tại Mỹ với tiêu chí tìm những tài sản đang định giá rẻ và có thể tạo thêm giá trị cho tài sản. Hết năm 2021 doanh thu của SSIIC là 8.147.276.402 VNĐ. SSI đồng thời nắm giữ 20% phần vốn góp vào Quỹ Đầu tư Công nghệ số Việt Nam với số vốn điều lệ 50 tỷ VNĐ, thành lập ngày 29/09/2021.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, SSI có sở hữu 48,90% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công thắng Alpha (vốn điều lệ 46,7 tỷ VNĐ - hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý), và 46,70% cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư KAC (vốn điều lệ 47,5 tỷ VNĐ - hoạt động đầu tư tài chính). Hai công ty này SSI đều sở hữu gián tiếp qua Công ty con (Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI – SSIAM) và mới được thành lập trong năm 2021.

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục có những ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động vận hành hệ thống công nghệ thông tin SSI cũng như việc triển khai các dự án công nghệ mới. Công nghệ Thông tin (CNTT) SSI đã nỗ lực và liên tục áp dụng cải tiến công nghệ, quy trình, nhằm cung cấp những giải pháp tốt nhất, hỗ trợ Khách hàng, Nhân viên Công ty và đạt nhiều kết quả quan trọng.

CUNG CẤP CÔNG CỤ GIAO DỊCH HIỆU QUẢ TỚI KHÁCH HÀNG

SSI hiểu rằng, trong giai đoạn dịch bệnh, việc cung cấp các kênh giao dịch trực tuyến một cách ổn định khi khách hàng bị hạn chế tới giao dịch trực tiếp tại quầy là vô cùng quan trọng. SSI đã phát triển mở rộng cổng thông tin phục vụ giao dịch iBoard, phát triển thêm các chức năng mới giúp khách hàng có thể đặt lệnh, quản lý tài khoản của mình cũng như các chức năng hỗ trợ giao dịch khác. Hệ thống Web Trading được nâng cấp về hiệu năng cũng như cập nhật thông tin về giá và cập nhật trạng thái lệnh gần theo thời gian thực. Hiện tại, khách hàng của SSI có thể đặt lệnh thông qua ứng dụng trên điện thoại thông minh và máy tính bảng.

Đối với việc phát triển khách hàng mới, SSI triển khai thành công chức năng mở tài khoản trực tuyến áp dụng công nghệ eKYC giúp cho việc mở tài khoản được nhanh chóng và thuận tiện nhất cho khách hàng. Công ty đã tiến hành nâng cấp, thay thế hệ thống Contact Center để phục vụ và tương tác với khách hàng tốt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ phận Chăm sóc Khách hàng có thể hỗ trợ khách hàng từ xa.

Cổng thông tin giao dịch – iBoard được cải tiến thêm các chức năng mới để hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch. SSI tiến hành dịch chuyển một phần hệ thống lên hạ tầng đám mây lai (hybrid cloud) để có thể linh hoạt trong việc mở rộng tài nguyên đáp ứng yêu cầu trong những giai đoạn thị trường tăng trưởng đột biến. Hiện tại hệ thống của SSI có thể đáp ứng năng lực xử lý để hỗ trợ cho hơn 200 nghìn người dùng tại cùng một thời điểm với khả năng mở rộng năng lực xử lý một cách linh hoạt và nhanh chóng.

Cũng trong năm 2021, SSI đã phát triển thêm các hệ thống trợ giúp việc vận hành và kiểm soát rủi ro, chuẩn hóa lại kiến trúc tích hợp hệ thống nội bộ cũng như kết nối với đối tác thông qua trục tích hợp qua mô hình giao diện lập trình ứng dụng API (Application Programming Interface). Các ứng dụng được thiết kế theo hướng dịch vụ vi mô (micro-services) giúp cho thời gian phát triển nhanh hơn và hiệu chỉnh các yêu cầu nghiệp vụ tốt hơn.

Đối với Khách hàng Tổ chức, SSI nâng cấp hệ thống quản lý đặt lệnh (Order Management System) bằng giải pháp hàng đầu của nhà cung cấp từ Hàn Quốc vào đầu năm 2021. Hệ thống đã hoạt động ổn định sau khi đưa vào vận hành chính thức và kết nối thành công với tất cả các khách hàng tổ chức của Công ty.

CUNG CẤP MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TRỰC TUYẾN AN TOÀN, THÔNG SUỐT

Việc bùng phát dịch bệnh và những đợt giãn cách xã hội nghiêm ngặt kéo dài khiến SSI luôn phải duy trì từ 50% đến 100% nhân sự làm việc tại nhà. Cơ sở hạ tầng và các giải pháp công nghệ thông tin đã được triển khai ngay từ khi có thông tin về dịch bệnh vào đầu năm 2020. Nhân viên SSI có thể làm việc từ xa hiệu quả, được cung cấp đầy đủ các công cụ cần thiết, các kết nối và truy cập vào hệ thống được giám sát và đảm bảo an ninh thông tin. Các hệ thống họp trực tuyến, công cụ tương tác nội bộ từ các nhà cung cấp điện toán đám mây lớn như Cisco, Microsoft được sử dụng để đáp ứng nhu cầu một cách tốt nhất và đảm bảo tính bảo mật cao nhất.

HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2021, thanh khoản toàn thị trường cũng như lượng khách hàng mở mới cùng giao dịch tăng mạnh vào 06 tháng cuối năm. Các hệ thống phục vụ giao dịch đã được tăng gấp đôi năng lực xử lý. Đối với những chức năng cốt lõi quan trọng, SSI điều chỉnh kiến trúc hạ tầng để đảm bảo dự phòng mức N+2. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo sự ổn định và tin cậy của hệ thống, Công ty tiến hành dịch chuyển toàn bộ hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ và hạ tầng CNTT tại Trung tâm Dữ liệu Dự phòng sang Trung tâm Dữ liệu Bảo mật cao đạt chuẩn quốc tế Tier-3, cũng như mở rộng hạ tầng kênh truyền WAN và Internet để đảm bảo băng thông kết nối cho người dùng.

SSI cũng tiến hành rà soát và cải tiến hạ tầng công nghệ, chính sách và quy trình vận hành để giảm thiểu rủi ro. Công ty đã đầu tư các hệ thống công nghệ giám sát tập trung để quản lý hiệu quả tài nguyên hạ tầng công nghệ và phát hiện sớm các cảnh báo của hệ thống để có thể xử lý kịp thời. Phạm vi của Thư viện cơ sở hạ tầng CNTT ITIL (Information Technology Infrastructure Library) được mở rộng theo hướng linh hoạt hơn, giúp cho việc quản lý việc triển khai mới, quản lý các yêu cầu từ người dùng hiệu quả hơn.

Chương trình Chuyển đổi số với kế hoạch 03 năm bao gồm các dự án thành phần cũng được khởi động trong năm qua. SSI hiểu rằng, Chuyển đổi số là một hành trình liên tục của Công ty để hướng tới tối ưu hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như không ngừng tìm kiếm tăng trưởng số mới. Chính vì vậy, Công ty thay đổi cách làm sản phẩm, áp dụng công nghệ để tự động hóa công việc, phát triển văn hóa làm việc hiện đại theo hướng Agile/DevOps và áp dụng CI/CD. Từ đó, giúp đẩy mạnh việc sáng tạo và đổi mới thông qua chu trình thử nghiệm nhanh và lặp lại, giúp cho sản phẩm và dịch vụ của SSI ngày càng hoàn thiện và đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

Để đáp ứng khối lượng công việc lớn trong giai đoạn chuyển đổi, CNTT SSI cũng mở rộng số lượng nhân sự hiện tại cũng như bổ sung thêm chuyên gia, nhân sự có năng lực công nghệ mới cho Công ty như kiến trúc giải pháp, phát triển phầm mềm theo Agile/Scrum, DevOps, kiểm soát chất lượng và tự động hóa. Các nhân sự CNTT cũng được linh hoạt sử dụng giữa các phòng và kết hợp các nguồn lực thuê ngoài khác. Ngoại trừ hai hệ thống giao dịch cốt lõi là cơ sở và phái sinh, hầu hết giải pháp và dịch vụ được xây dựng bởi đội ngũ nhân sự SSI để đảm bảo sự linh hoạt trong việc đáp ứng yêu cầu kinh doanh cũng như những sản phẩm thuộc sở hữu trí tuệ của SSI.



Hướng tới năm 2022, lộ trình phát triển của CNTT SSI được định hướng theo các khía cạnh: Nhanh chóng tiếp cận thị trường, Hỗ trợ giao dịch, Phát triển Khách hàng và Dịch vụ mới, Bảo mật thông tin và Tự động hóa. Cụ thể:

- Hỗ trợ ra quyết định giao dịch: SSI hiểu rằng sự ổn định của môi trường giao dịch là bắt buộc nhưng chưa đủ, việc cung cấp thông tin và các công cụ để giúp khách hàng ra quyết định đầu tư cũng rất quan trọng. Vì vậy, lộ trình triển khai các chức năng mới để hỗ trợ khách hàng sẽ tiếp tục được cung cấp ra thị trường trong năm 2022;
- Phát triển Khách hàng và Dịch vụ mới: hướng tới tự động hóa tối đa quy trình tương tác khách hàng. Xây dựng hệ thống toàn diện Quản lý Quan hệ Khách hàng (CRM) cho Dịch vụ Khách hàng và dự kiến sẽ đưa vào vận hành chính thức trong năm 2022;
- Xây dựng giải pháp sẵn sàng cho các giao dịch có độ trễ thấp (Low Latency Trading): Toàn bộ hạ tầng công nghệ, từ vị trí đặt máy chủ và thiết bị lưu trữ cho tới kênh truyền tới Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được rà soát và cải tiến để giảm độ trễ cho lệnh giao dịch về mức tối thiểu, mở rộng các nền tảng giao dịch lõi hiện tại để có khả năng đáp ứng số lượng lớn giao dịch tới các Sở giao dịch Chứng khoán với độ trễ thấp nhất;
- Bảo mật thông tin: Đây là một trong các mục tiêu trọng yếu, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, Công ty không ngừng cung cấp thêm các kênh trực tuyến sao cho tiện lợi nhất cho khách hàng nhưng vẫn phải đảm bảo an ninh thông tin. Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào bảo mật thông tin cả về công nghệ lẫn con người để đáp ứng yêu cầu, đảm bảo các giao dịch của khách hàng an toàn và tin cậy;
- Sẵn sàng cho hệ thống lõi KRX mới của Sở giao dịch Chứng khoán: Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ và hệ thống để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kết nối của các Sở giao dịch Chứng khoán. Bên cạnh đó, cần tiếp tục chuẩn bị cho các sản phẩm/dịch vụ tài chính mới sẵn sàng cung cấp cho khách hàng khi hệ thống lõi KRX mới của Sở chính thức đi vào hoạt động;
- Tự động hóa tối đa các công việc để tối ưu và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành: Chuyển đổi số tiếp tục là định hướng rõ ràng với mục tiêu chính là tối ưu hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như không ngừng tìm kiếm các mô hình kinh doanh mới. SSI hướng đến tiến hành một loạt các chương trình song song như chương trình "SSI - Văn phòng không giấy tờ", tối ưu và tự động hóa quy trình, các tác vụ lặp đi lặp lại, chuyển đổi về nguồn nhân lực, chuyển đổi về công nghệ, chuyển đổi về lãnh đạo và quản trị dịch vụ CNTT, thay đổi cách thức phát triển sản phẩm và dịch vụ, dịch chuyển sang văn hóa làm việc hiện đại và phù hợp hơn trong thời kỳ số, khuyến khích đổi mới và sáng tạo, thúc đẩy văn hóa làm việc Agile trong cả Phát triển sản phẩm (Agile Product Development) lẫn Công nghệ và Vận hành (Technical Agility) thông qua chương trình chuyển đổi hạ tầng linh hoạt.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Là công ty dẫn đầu trong một thị trường đang phát triển vượt bậc, SSI tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất của Công ty. Bằng cách tối đa hóa động lực của mỗi cá nhân, Công ty có thể nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng, và gia tăng giá trị mang lại cho cổ đông. Vì vậy, SSI đã thực hiện nhiều biện pháp để có thể đảm bảo rằng mỗi thành viên đều cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi trong mình động lực tiếp tục phát triển hơn nữa cùng Công ty. Trong suốt hơn hai thập kỷ hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng và đang tiếp tục nuôi dưỡng Văn hóa SSI – một tinh thần đặc trưng của SSI – tinh thần đề cao sự đoàn kết, tính hợp tác và sức sáng tạo để chinh phục mọi khó khăn, thử thách.

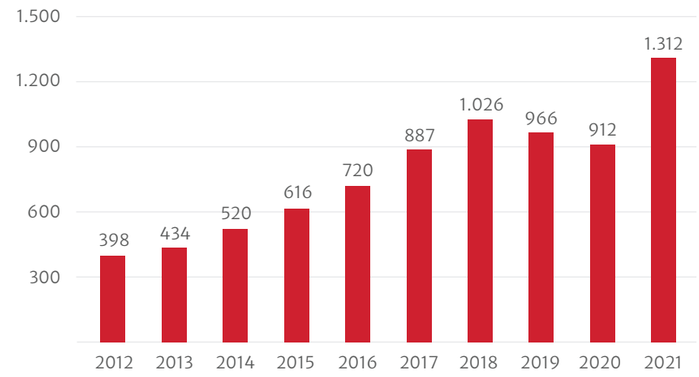
Chiến lược phát triển nhân sự của SSI tập trung vào xây dựng nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn tốt và có khả năng thích ứng cao với những biến đổi liên tục của môi trường cạnh tranh khốc liệt. Mỗi cá nhân đều được bồi dưỡng, tạo cơ hội để được thử sức và phát huy tài năng trong một môi trường đoàn kết, gắn bó cùng chung một mục tiêu. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, kết hợp giữa những kiến thức được trang bị ở quốc tế với kinh nghiệm lâu năm tại Việt Nam. SSI luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc trung thực, cởi mở và là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới, chế độ đãi ngộ tương xứng và truyền tải niềm tự hào và quyền sở hữu trong Công ty.

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến hết tháng 12/2021, số lượng nhân sự SSI đạt 1.312 người, tăng trưởng 43,8% so với cuối năm 2020. Số lượng nhân sự tăng trưởng mạnh đến từ sự gia tăng của đội ngũ nhân viên môi giới đáp ứng nhu cầu từ TTCK, và từ yêu cầu bổ sung nhân lực các mảng như CNTT, phát triển sản phẩm dịch vụ mới phục vụ khách hàng.

Về cơ cấu, các Khối Kinh doanh chiếm 75,1% toàn nguồn lực SSI. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao – 98,7%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động SSI thuộc đối tượng lao động trẻ (89,5% nhân sự có độ tuổi dưới 40), được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát để tích lũy thêm kinh nghiệm. Đội ngũ SSI không ngừng cập nhật các kiến thức, thông tin mới để tạo nền tảng vững chắc, giúp Công ty mang lại những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng.

Tăng trưởng nhân sự SSI qua các năm



Nguồn: SSI

CƠ CẤU NHÂN SỰ NĂM 2021



Theo Khối Nghiệp vụ

- KHỐI QUẢN TRỊ 3,8%
- KHỐI HỖ TRỢ 21,1%
- KHỐI KINH DOANH 75,1%

Theo giới tính

- NAM 45,4%
- NỮ 54,6%

Theo độ tuổi

- DƯỚI 30 46,9%
- TỪ 30 ĐẾN DƯỚI 40 42,6%
- TỪ 40 ĐẾN DƯỚI 50 9,6%
- TRÊN 50 0,9%

Theo Trình độ học vấn

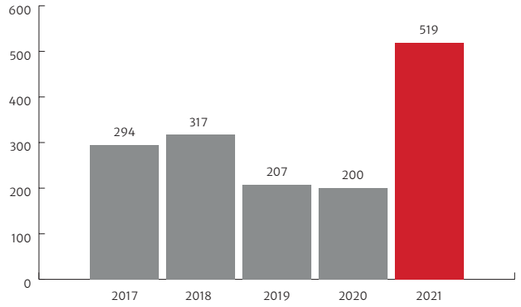
- THẠC SỸ 8,4%
- ĐẠI HỌC 90,3%
- CAO ĐẲNG 0,5%
- KHÁC 0,8%

Nguồn: SSI

HOẠT ĐỘNG TUYỂN CHỌN NHÂN TÀI

SSI luôn tự xác định mình như một "cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài". Xuyên suốt hành trình xây dựng và phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng và luôn hướng sự tuyển chọn đội ngũ là các ứng viên tiềm năng, tài năng, các chuyên gia đầu ngành nhiệt huyết, giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những cơ hội và thách thức mới. Công ty tin tưởng rằng, bằng việc tăng cường các nhân sự mới với nền tảng kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong nước và nước ngoài cộng hưởng cùng các nhân sự trưởng thành từ SSI trong nhiều năm sẽ tạo nên sức mạnh vượt trội nhằm thực thi và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của Công ty từng thời kỳ.

Số lượng nhân sự tuyển mới qua các năm



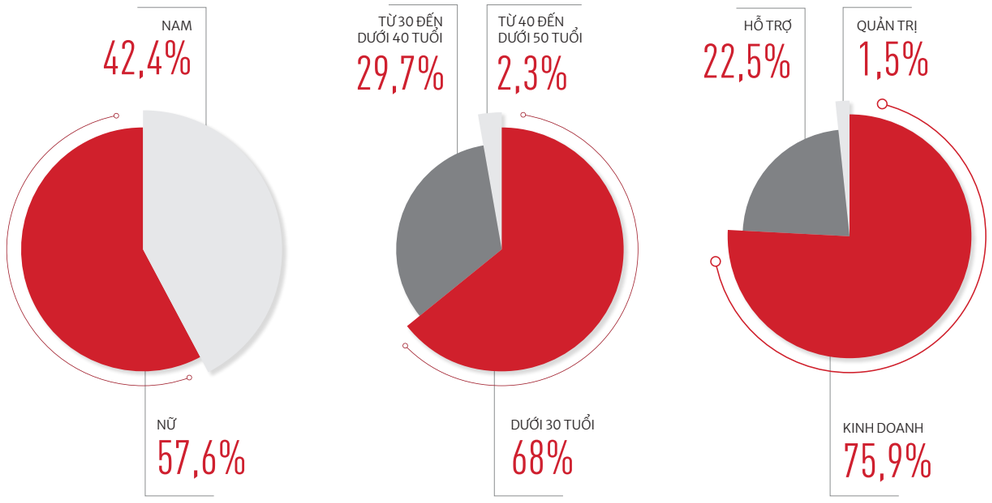
Nguồn: SSI

Cơ hội tuyển dụng tại Công ty luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường, tới những ứng viên đã có kinh nghiệm trên thị trường tài chính. SSI sẵn sàng đào tạo và tạo điều kiện thử sức, khuyến khích sự nỗ lực của mỗi cá nhân trong tập thể. Bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng được xây dựng và áp dụng, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên, cũng như tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Cụ thể:

- Tôn trọng tối đa những quyền lợi của ứng viên tuyển dụng (về việc tiếp cận thông tin, yêu cầu, mô tả công việc, trao đổi và đàm phán);
- Chọn lựa những ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng;
- Các quyết định tuyển dụng đều dựa trên sự đánh giá cẩn trọng, công tâm và rõ ràng về khả năng, thái độ trong công việc và những động lực của ứng viên.

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 năm 2020 và 2021 đã khiến nền kinh tế của các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải hạn chế các hoạt động tuyển dụng, người lao động phải đối mặt với nguy cơ giảm giờ làm, giảm lương hoặc xấu hơn là mất việc. Trái với diễn biến chung của nền kinh tế, TTCK trải qua năm 2021 bứt phá mạnh mẽ cả về chỉ số VNIndex và giá trị giao dịch. Thị trường bùng nổ dẫn đến nhu cầu về số lượng nhân sự cho các mảng kinh doanh và phát triển sản phẩm mới của SSI đều tăng mạnh. Năm 2021, SSI chào đón 519 thành viên mới, tăng trưởng mạnh so với số lượng và nhu cầu của những năm trước đó, bổ sung lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển Công ty, với độ tuổi chủ yếu dưới 40 tuổi (97,7%) và có sự phân bổ tương đối hợp lý về mặt giới tính của ứng viên

Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2021



Nguồn SSI







Tuy việc giãn cách xã hội nghiêm ngặt và kéo dài liên tục trong năm 2021 gây ít nhiều khó khăn cho việc di chuyển, gặp gỡ trực tiếp, nhưng hoạt động tuyển dụng SSI 2021 đã thực hiện tốt vai trò của mình để đảm bảo nguồn lực phục vụ công việc và chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới, đáp ứng nhu cầu của các bộ phận. Trong các giai đoạn cao điểm của dịch bệnh, toàn bộ quy trình tuyển chọn cũng như tiếp nhận nhân sự đều được thực hiện trực tuyến, đồng thời tuân thủ quy trình tuyển dụng đã ban hành nhằm đảm bảo các tiêu chí minh bạch, công bằng và hiệu quả cho cả hai phía là Công ty và ứng viên. SSI cũng hoàn thiện và phát triển các kênh đăng tuyển, ứng tuyển trực tuyến, hợp tác cùng nhiều đối tác trong lĩnh vực tuyển dụng để tiếp cận, kết nối với ứng viên một cách tối đa. Năm 2021, SSI vinh dự góp mặt trong "Top 50 thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn" trong khuôn khổ cuộc khảo sát thường niên về nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021 do Công ty Anphabe thực hiện.

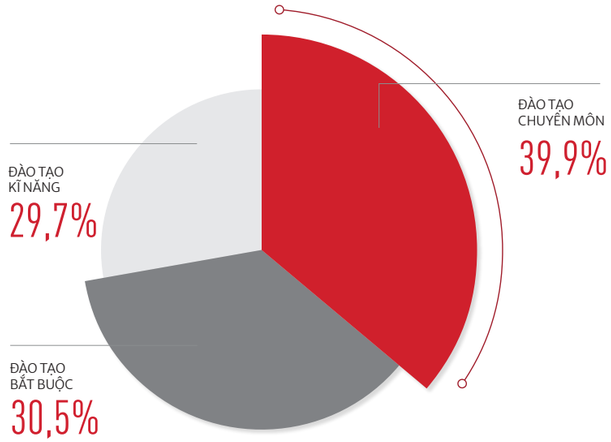
Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phối hợp với nhiều trường đại học lớn trên cả nước triển khai các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam v.v... theo định hướng xây dựng thương hiệu tuyển dụng mạnh, thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo. SSI đã có nhiều năm tham gia tài trợ và bảo trợ chuyên môn cho hàng loạt các cuộc thi, hội thảo nghề nghiệp của sinh viên; phát triển sản phẩm làm quen với chứng khoán như ứng dụng chứng khoán giả lập iWin; đồng thời thúc đẩy hoạt động hợp tác chiến lược với nhà trường thông qua các dự án nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ chuyên môn v.v... Các hoạt động này không chỉ dừng ở mục đích phục vụ công tác tuyển dụng nhân sự, mà còn góp phần thực hiện xây dựng cộng đồng nhà đầu tư với trọng tâm là thế hệ trẻ, đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân, hướng tới TTCK phát triển bền vững

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÓ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ KỸ NĂNG TỐT

Hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, SSI luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ, sự biến động của kinh tế vĩ mô cũng như những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Xác định rõ nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh, SSI tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường. Ngoài việc tuyển chọn kỹ càng từ đầu vào, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kĩ năng quản trị (khách hàng, đội ngũ, tổ chức) mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.

Hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning được ra mắt từ năm 2020 đã phát huy tối đa hiệu quả. Đây là công cụ học tập thuận tiện mọi lúc, mọi nơi dành cho nhân viên, thiết lập môi trường giúp mỗi cá nhân "tự học tập, tự nghiên cứu" và có thêm phương thức học tập mới linh hoạt hơn về thời gian, địa điểm và các tương tác trong quá trình học, cập nhật nhanh hơn các yêu cầu từ tổ chức. Năm 2021, Công ty bổ sung thêm trên 20 khóa đào tạo mới trên hệ thống SSI E-Learning, thuộc các nhóm như đào tạo hội nhập, đào tạo kiến thức chung, đào tạo kĩ năng v.v... với hàng ngàn lượt tham gia học tập trong giai đoạn cao điểm dịch. SSI E-learning đã trở thành kênh chia sẻ, trao đổi về chuyên môn, kỹ năng giữa các học viên, giảng viên thuận tiện và nhanh chóng. Song song với đó, các kế hoạch đào tạo chuyên môn sử dụng các đối tác bên ngoài của Công ty cũng đã được phối hợp để thu xếp lịch học và hình thức học tập phù hợp nhằm thích ứng với tình hình thực tế, và vẫn đảm bảo nhu cầu đào tạo của nhân viên. Các hoạt động đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, hội thảo nghiệp vụ được các đơn vị chuyển đổi kịp thời từ trực tiếp sang trực tuyến qua công cụ Microsoft Teams, Webex, Zoom meetings v.v... để đảm bảo các kiến thức nghiệp vụ cập nhật thường xuyên tới mỗi nhân viên SSI.

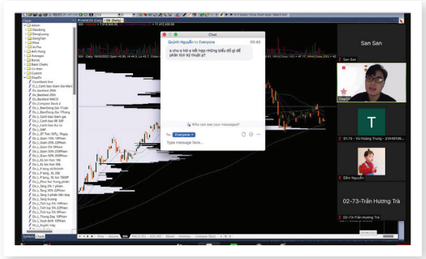
Cơ cấu chi phí đào tạo năm 2021

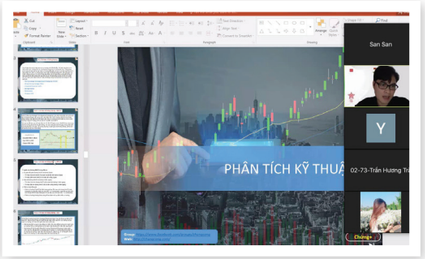


Nguồn: SSI

SSI dành trên 1,2 tỷ VNĐ ngân sách cho hoạt động đào tạo năm 2021, giảm khá nhiều so với chi phí của năm 2020 do nhiều chương trình đã tận dụng được hiệu quả của hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning. Chính vì vậy, tổng số giờ đào tạo năm 2021 tăng trưởng 23% so với năm ngoái, đạt trên 16 nghìn giờ học, trung bình mỗi nhân viên tham gia 12 giờ đào tạo.





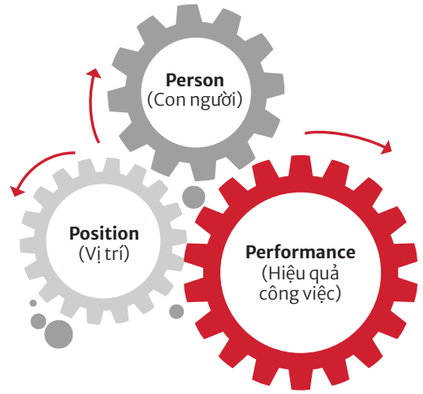


NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THÔNG QUA HỆ THỐNG ĐÃI NGỘ TOÀN DIỆN CĂN CỨ TRÊN HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

Lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh và quản trị, SSI vận hành hệ thống các chính sách xoay quanh hiệu quả chung của tổ chức. Các chính sách đãi ngộ - phúc lợi của cá nhân, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của bản thân trong tương quan hiệu quả chung của bộ phận và của Công ty, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân sự, không phân biệt giới tính, vùng miền.

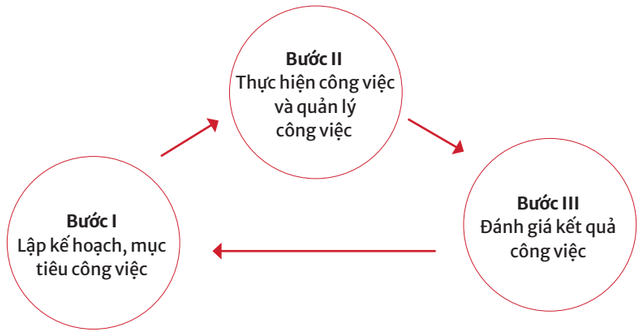
SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Positon – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc). Phương pháp chi trả lương 3P khắc phục được các nhược điểm của phương pháp trả lương truyền thống như quá chú trọng đến bằng cấp hoặc thâm niên, không phân biệt được năng lực thực hiện công việc và đóng góp của cá nhân vào hiện thực hóa mục tiêu doanh nghiệp. Với phương pháp này SSI có thể:

- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng;
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực;
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp.



Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (PMS) được áp dụng đảm bảo sự công bằng và dễ tiếp cận cho nhân viên ở tất cả các vị trí. Hệ thống đánh giá được xây dựng nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng cho từng nhân viên thông qua việc xác lập mục tiêu cho kỳ đánh giá tới tiếp theo. Quy trình đánh giá kết quả công việc trực tuyến, có sự tương tác vào trao đổi hai chiều người đánh giá và người được đánh giá tạo điều kiện cho nhân viên hiểu rõ được sự kỳ vọng của người quản lý, cũng như người quản lý nắm được các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc của nhân viên. Điều này tăng cường các kỹ năng quản lý công việc, quản lý đội nhóm, quản lý thời gian và mục tiêu của mỗi cá nhân và cũng nâng cao hiệu quả chung của cả tổ chức. Với hệ thống đánh giá toàn diện và tính tương tác cao này, Công ty cũng hướng tới thúc đẩy động viên nhân viên, cho dù đó là nhân viên mới gia nhập tổ chức, nhân viên đã có thâm niên lâu năm hay các cấp quản lý, để mỗi người tự đo lường được hiệu quả công việc và tiếp tục phấn đấu chinh phục các mục tiêu cao hơn trong sự nghiệp.

Chu trình Đánh giá hiệu quả công việc bao gồm 3 giai đoạn diễn ra nối tiếp nhau, liên tục và quay vòng



Mục đích của Chương trình Đánh giá hiệu quả công việc

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

- Xác định những vị trí được thăng tiến
- Xác định chế độ đãi ngộ
- Khích lệ nhân viên có kết quả công việc xuất sắc

PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC

- Hướng dẫn nhân viên có kết quả công việc chưa tốt
- Xác định mục tiêu và kết quả hoàn thành mục tiêu đề ra
- Xác định nhu cầu đào tạo của nhân viên và của Công ty
- Nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn công ty

365 NGÀY PHÚC LỢI



SSI duy trì hệ thống đãi ngộ – phúc lợi toàn diện, hấp dẫn với hình ảnh biểu trưng 365 ngày phúc lợi dành cho người lao động.

Tiền lương

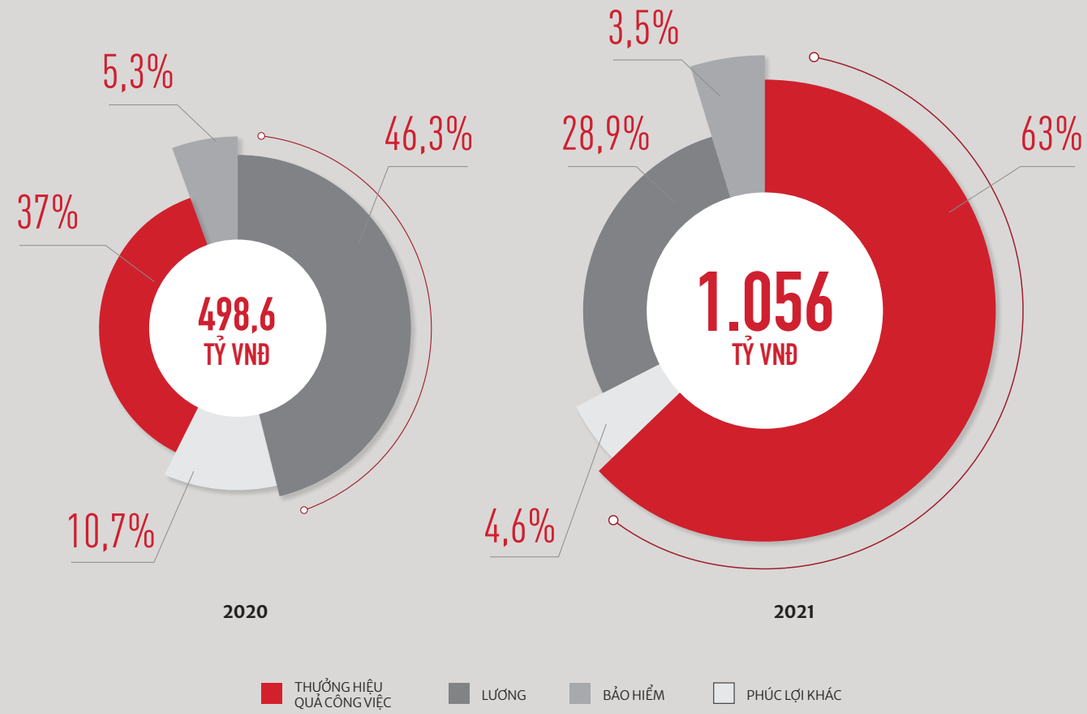
- Lương cơ bản/ Lương cố định hàng tháng
- Lương tháng thứ 13
- Lương theo hiệu quả làm việc/ Lương doanh số

Chế độ đãi ngộ khác

- Thưởng Đánh giá công việc
- Phúc lợi các dịp lễ tết trong năm
- Thưởng thâm niên
- Các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, chi phí đi lại, đồng phục
- Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm Xã hội bắt buộc: bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Thực hiện Khám sức khỏe định kỳ
- Bảo hiểm sức khỏe cao cấp, đồng thời hỗ trợ thêm nhân viên qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân quả làm việc/ Lương doanh số
- Bảo hiểm du lịch đối với các đối tượng thường xuyên đi công tác nước ngoài

KẾT THÚC NĂM 2021, SSI ĐÃ THỰC HIỆN CHI TRẢ XẤP XỈ 1.056 TỶ VNĐ CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN, ĐẠT TRUNG BÌNH 804,9 TRIỆU VNĐ/ NGƯỜI – TĂNG TRÊN 40% SO VỚI MỨC BÌNH QUÂN NĂM 2020, TRONG ĐÓ HẠNG MỤC CHI THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI CHIẾM 63% TỔNG CÁC ĐÃI NGỘ CHI TRẢ.

Cơ cấu các hạng mục đãi ngộ tại SSI



Nguồn: SSI

CHÍNH SÁCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN VÀ ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN

Sức khỏe của các cán bộ, nhân viên SSI luôn được đặt lên hàng đầu. Ngay từ đầu mùa dịch năm 2020, Công ty đã làm việc cùng đơn vị Tư vấn bảo hiểm để rà soát lại quyền lợi của nhân viên và người thân theo chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung trong trường hợp rủi ro. Ngoài bảo hiểm Y tế bắt buộc của nhà nước, các thành viên SSI và người thân yên tâm hơn khi chương trình bảo hiểm bổ sung hiện tại mình đang tham gia có bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến dịch bệnh mà Covid-19 không là ngoại lệ. Đây là điểm vượt trội hơn so với các gói bảo hiểm khác trên thị trường, thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe người lao động và mức độ cần trọng trong công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty.

Bên cạnh chế độ bảo hiểm toàn diện, khi đại dịch Covid – 19 được nhận diện vào đầu năm 2020, SSI đã sẵn sàng kích hoạt các phương án phòng ngừa rủi ro, trong đó có rủi ro về mặt con người, để đảm bảo việc kinh doanh không bị gián đoạn. Công ty kịp thời triển khai hàng loạt phương án làm việc để đảm bảo sự an toàn cho người lao động, đảm bảo đời sống nhân viên và tối ưu hóa hiệu suất làm việc của mỗi cá nhân.

Tùy theo đặc thù công việc của mỗi đơn vị, từng bộ phận có phương án bố trí nhân sự làm việc tại nhà và tại văn phòng đảm bảo cơ chế "back-up" nội bộ. Khi dịch bệnh bùng phát trên diện rộng tại nhiều thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, SSI duy trì tối đa nhân sự làm việc tại nhà, nhằm bảo đảm sự an toàn cho sức khỏe của người lao động, tuân thủ tốt quy định giãn cách xã hội của Nhà nước như một phần trách nhiệm cộng đồng SSI luôn hướng tới. Đồng thời, mô hình làm việc trên đã thể hiện được rõ tinh thần hợp tác, tương hỗ như một nét văn hóa của người SSI khi công việc được diễn ra suôn sẻ. Các thành viên đã ghi nhận sự hỗ trợ không chỉ trong cùng một bộ phận mà còn là sự hỗ trợ chéo giữa các bộ phận khác nhau trong thời gian giãn cách.



Cũng với mục tiêu sức khỏe của nhân viên là ưu tiên cao nhất trong giai đoạn cao điểm phòng, chống đại dịch Covid-19, SSI nhanh chóng ban hành chính sách chi trả đầy đủ lương đối với các nhân sự không thể thực hiện công việc do nhiễm virus Covid-19 hoặc thuộc diện phải cách ly theo yêu cầu. Bên cạnh đó, 100% nhân sự Công ty đều được bố trí tiêm kịp thời theo các chương trình triển khai cho nhân sự của doanh nghiệp thuộc loại hình kinh doanh thiết yếu, hoặc các chương trình tiêm theo khu vực hoạt động.

SSI cũng đẩy mạnh thông tin truyền thông để nhân viên dễ dàng tiếp cận và có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tự theo dõi và đánh giá các dấu hiệu nhiễm virus; tự chăm sóc bản thân và gia đình trong trường hợp nhiễm virus; thông báo tới bộ phận Nhân sự tình hình sức khỏe của bản thân và người thân trong gia đình để có biện pháp phù hợp và lấy ý kiến tư vấn của đơn vị y tế chuyên môn. Những hướng dẫn cơ bản cho việc tự bảo vệ bản thân và những người xung quanh được truyền tải đến các thành viên thông qua hệ thống email, diễn dàn SSI và kênh truyền thông nội bộ để tăng cường hiểu biết và trách nhiệm của mỗi cá nhân.

Bước qua đại dịch Covid-19, SSI đã thành công trong việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục cũng như gặt hái được kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng; song song với đó, Công ty cũng giữ vững chính sách đãi ngộ toàn diện với người lao động, bảo đảm an toàn sức khỏe cho các cán bộ, nhân viên, giữ được sự ổn định cho cuộc sống của mỗi thành viên và gia đình. Các hoạt động tuyển dụng, đào tạo – phát triển không hề bị đình trệ mà còn được đẩy mạnh hơn nữa nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một gia tăng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh lợi ích về tài chính, điều mà SSI chú trọng chính là sự đồng hành, sẻ chia và hỗ trợ từng cán bộ, nhân viên trên mọi mặt của cuộc sống. Các chính sách và hoạt động quản trị nguồn nhân lực năm vừa qua càng củng cố hơn nét đặc trưng trong văn hóa doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người lao động, từ đó làm gia tăng sự đoàn kết chung, sự chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc của mỗi người SSI, tạo nên sự hòa hợp, thống nhất và tinh thần đồng đội mang đậm bản sắc SSI.



VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Trải qua hành trình 21 năm xây dựng và phát triển, SSI luôn tự hào về văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Công ty. Nét văn hóa rất riêng ấy đến từ những điều nhỏ nhất, được người SSI thể hiện qua công việc thường ngày, khi tương tác với khách hàng, đồng nghiệp và đối tác và được nuôi dưỡng lâu dài, bền bỉ và nhất quán. Văn hóa SSI với những giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, phương thức kinh doanh và hành vi, thái độ của mọi nhân viên chính là "phần hồn" mang đậm tính bản sắc. Những giá trị và niềm tin ấy đã ăn sâu vào mỗi cá nhân người SSI và được tích lũy hàng ngày, hàng giờ trên chặng đường kéo dài hơn hai thập kỷ và xây đắp cho họ sự hiểu biết, tình yêu và lòng tự hào đối với Công ty, từ đó xây dựng sức mạnh tập thể và là cầu nối để gắn kết từng cá nhân riêng lẻ để tạo thành một đại gia đình vững mạnh. Đặc biệt, trong những giai đoạn khó khăn, văn hóa doanh nghiệp chính là một trong những yếu tố quan trọng để giúp người SSI thể hiện được hết các phẩm chất của mình, vượt qua những thách thức và đạt được những thành tựu mới.



HÀNH TRÌNH NHẬN THỨC – TẠO DẤU ẤN ĐẬM NÉT

Ở SSI, 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là giá trị cốt lõi của Công ty, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh tư vấn, văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với khách hàng, và văn hóa ứng xử ra cộng đồng và xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh.

Những nét riêng mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện rõ nét không chỉ ở "9 tôn chỉ kinh doanh" mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, phát triển nguồn nhân lực hạt nhân, sự đoàn kết cùng chung tầm nhìn sứ mệnh của từng thành viên trong nội bộ Công ty SSI.

9 TÔN CHỈ KINH DOANH LUÔN ĐƯỢC KHẮC GHI TRONG TỪNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, LÀ DẤU ẤN VÀ BẢN SẮC CỦA THƯƠNG HIỆU SSI

1. CHÚNG TÔI ĐẶT HẾT TÂM HUYẾT VÀO SỰ THÀNH CÔNG CỦA KHÁCH HÀNG.
2. CHÚNG TÔI CHÚ TRỌNG ĐẾN THÀNH QUẢ ĐEM LẠI CHO KHÁCH HÀNG, VÀ LUÔN TỰ HÀO VỀ ĐIỀU ĐÓ.
3. CHÚNG TÔI TRÂN TRỌNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VÀ CỘNG SỰ, ĐỒNG THỜI ĐÁP TRẢ BẰNG NHỮNG QUYỀN LỢI TƯƠNG XỨNG.
4. CHÚNG TÔI TUYỂN CHỌN VÀ ĐÃI NGỘ NHỮNG TÀI NĂNG XUẤT CHÚNG TRONG NGÀNH TÀI CHÍNH
5. CHÚNG TÔI LUÔN KHUYẾN KHÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CAO NĂNG LỰC CHỦ ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA CÁC CỘNG SỰ.
6. CHÚNG TÔI TUÂN THỦ KHẮT KHE CÁC CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRÊN MỌI PHƯƠNG DIỆN
7. TINH THẦN HỢP TÁC LÀ PHẦN TẤT YẾU TRONG NÉT VĂN HÓA CÔNG TY
8. CHÚNG TÔI TẬN TÂM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG VÌ SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH TẠI VIỆT NAM
9. CHÚNG TÔI TÌNH NGUYỆN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP, CHUNG SỨC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG.

Cùng với Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công" và Sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế, trách nhiệm và giá trị của mình và tập thể. Tình yêu đối với SSI, sự tự hào với những giá trị và thành quả của Công ty trong suốt hành trình 21 năm lan tỏa ánh sáng tiên phong là những giá trị được truyền tải tới nhân viên ngay từ buổi học định hướng gia nhập Công ty, và sau đó liên tục được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ trực tuyến và trực tiếp. Đây cũng chính là di sản và động lực để trao truyền, duy trì cùng nhau qua thời gian và từ đó dù ở bất cứ vai trò hay vị trí nào, mỗi cá nhân luôn tự hào là người SSI.

HÀNH TRÌNH GẮN KẾT – TẠO GIÁ TRỊ KHÁC BIỆT

Trên chặng đường đã qua, SSI tập trung phát triển môi trường làm việc cởi mở, củng cố tinh thần đoàn kết, hợp tác, sáng tạo và tiên phong chinh phục mọi khó khăn thử thách. Sự truyền tải thông suốt và thống nhất trong nội bộ doanh nghiệp đã lan tỏa những nét văn hóa riêng đến từng cá nhân, giúp gắn kết các tài năng, truyền tải sự tự hào và tạo nên sức mạnh tập thể. Ngay từ ngày đầu thành lập, Ban Lãnh đạo chủ trương xây dựng một SSI với sự minh bạch được đặt lên ưu tiên hàng đầu. Minh bạch trở thành nét văn hóa đặc trưng, được củng cố, truyền tải và gìn giữ qua các cấp, các thế hệ của Công ty. SSI luôn đề cao tính tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp, tạo cơ sở để bảo vệ nhân viên khỏi các rủi ro trong các hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với đó là sự cam kết về việc trao quyền cho đội ngũ và tạo ra môi trường làm việc cởi mở chính là điều làm cho SSI luôn là môi trường làm việc lý tưởng mà cán bộ nhân viên SSI lựa chọn gắn bó.

MINH BẠCH, THỐNG NHẤT VÀ LẮNG NGHE TRONG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG NỘI BỘ LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG SỰ THÀNH CÔNG CỦA VIỆC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CỦA SSI



Là một công ty với quy mô nhân sự trên 1.300 người và trải rộng tại nhiều tỉnh thành khắp cả nước, từ nhiều năm qua, việc xây dựng, duy trì hệ thống các kênh truyền tải thông tin nội bộ liên tục được SSI đầu tư và cải tiến để ngày càng hoàn thiện. SSI tin tưởng rằng một cơ chế trao đổi thông tin thông suốt từ Ban Lãnh đạo tới nhân viên Công ty sẽ càng làm mạnh mẽ hơn sự gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên. Những chiến lược kinh doanh, kế hoạch hay mục tiêu kinh doanh đều được chia sẻ trong nội bộ thông qua những thông điệp từ Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc, giúp từng nhân viên hiểu rõ và thống nhất quan điểm hoạt động của Công ty. Không chỉ là kênh truyền tải thông tin hiệu quả từ lãnh đạo tới các thành viên trong Công ty, Truyền thông Nội bộ còn là tiếng nói chung của người SSI, là kênh liên lạc, kết nối giữa các thành viên. Với sứ mệnh quan trọng như vậy, Truyền thông Nội bộ được xem như là nhịp dẫn không chỉ tạo dựng sự đoàn kết trong nội bộ mà còn là chất kết dính để giữ cho Văn hóa SSI được lan tỏa và phát triển.

Song song với việc tiếp nhận thông tin qua Bản tin nội bộ lưu hành 9 năm qua, nhân viên SSI có thể tương tác với nhau qua ***Diễn đàn nội bộ SSI Insider***. Ngoài cập nhật những thông tin, sự kiện mới nhất, đây còn là kênh để các thành viên chia sẻ những trải nghiệm cuộc sống, những niềm vui, tiếng cười và cả những nỗi buồn. Những hoạt động kêu gọi thiện nguyện, các bài hướng dẫn rèn luyện và giữ gìn sức khỏe hay những minigame vui nhộn là những chủ đề được người SSI tham gia hết sức sôi nổi sau những giờ làm việc căng thẳng. Đây cũng là kênh để Ban Lãnh đạo Công ty có thể lắng nghe và tương tác hai chiều với nhân viên bên cạnh những hoạt động mang tính truyền thống, bản sắc của SSI như khảo sát, trưng cầu ý kiến hay bình chọn trực tuyến trước những hoạt động quan trọng của Công ty; từ đó có cơ sở để đưa ra những chiến lược phù hợp đồng thời ngày càng hoàn thiện chất lượng môi trường làm việc









ĐẠI DỊCH COVID-19 TẠO RA NHIỀU KHOẢNG TRỐNG NHƯNG KHÔNG SINH RA KHOẢNG CÁCH GIỮA NGƯỜI SSI

Năm 2021 là một năm với nhiều sự thay đổi về phương thức làm việc, môi trường làm việc do ảnh hưởng của dịch bệnh, Truyền thông Nội bộ đã có sự linh hoạt trong việc cung cấp thông tin và chiếm vai trò quan trọng trong việc xây dựng sự tin tưởng của nhân viên, truyền lửa và giữ vững tinh thần làm việc của người SSI trong những giai đoạn khó khăn nhất. Với tần suất đăng tải thông tin liên tục, kịp thời và đầy đủ cùng phương thức thể hiện trực quan, dễ tiếp thu, đây là một trong những yếu tố giúp người SSI bình tĩnh, giữ vững nhịp độ lao động ngay cả khi áp dụng chính sách làm việc luân phiên tại nhà. Không chỉ vậy, hòa cùng với sự kiện SSI tròn 21 tuổi, chuỗi các hoạt động nội bộ như "Đại sứ Thương hiệu" song hành cũng giúp người SSI nhìn lại chặng hành trình đã qua, thể hiện tình yêu với Công ty, với đồng nghiệp, và sự tự hào thông qua các hoạt động minigame gắn kết vô cùng sôi động và ý nghĩa. Có thể nói sự đầu tư cho nền tảng Truyền thông Nội bộ trong nhiều năm qua đã thực sự thể hiện được vai trò và vị thế của mình trong bối cảnh bình thường mới, khi các thành viên và Công ty ít có điều kiện tương tác trực tiếp mà chủ yếu duy trì sự gắn kết qua các kênh này.

NUÔI DƯỠNG VÀ PHÁT TRIỂN TINH THẦN VĂN HÓA MANG TÍNH RẤT RIÊNG CỦA SSI











Người SSI không chỉ là những nhân tài trong giới tài chính với sự vững vàng về chuyên môn, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc, quyết liệt trước những khó khăn, thay đổi mà còn mang trong mình tinh thần làm hết sức, chơi hết mình – một nét văn hóa được chú trọng phát triển trong nội bộ Công ty.

Nếu như mọi năm, các sự kiện như Gala – sự kiện thường niên lớn nhất trong năm hay Family Day – Ngày hội Gia đình dành cho Nhân viên và người thân luôn được đầu tư khi tổ chức thì năm 2021, dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, để đảm bảo cho sức khỏe của cán bộ nhân viên Công ty, những chương trình này không thể diễn ra. Mặc dù vậy, Công ty vẫn đảm bảo mang đến cho nhân viên những hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp bằng cách thích ứng và thay đổi linh hoạt và chuyển đổi sang hình thức trực tuyến. Điển hình như các buổi phát sóng trực tiếp (livestream) từ các lãnh đạo để truyền tải thông điệp về định hướng của công ty xuống cho cán bộ nhân viên cũng như để khích lệ tinh thần nhân viên dù ở bất cứ địa điểm nào trên Tổ quốc. Hay những buổi livestream chơi trò chơi trên SSI Insiders như để gắn kết mọi người lại gần nhau hơn và cũng giúp cho nhân viên có thể giảm căng thẳng sau những giờ giao dịch gay cấn. Thông qua các hoạt động này, ngoài việc lan tỏa về tinh thần chia sẻ, học hỏi trong nhân viên, những hoạt động này còn khẳng định một điều rằng, dù trong hoàn cảnh khó khăn, SSI luôn ý thức nhấn mạnh tài sản lớn nhất của SSI là con người và luôn khuyến khích sự phấn đấu, phát triển bản thân hơn nữa của mỗi thành viên.

Linh hoạt, đoàn kết và luôn sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn là những cụm từ khóa được nhắc đến nhiều nhất năm 2021. Dù gặp nhiều hạn chế, tuy nhiên các hoạt động thể chất của SSI vẫn được duy trì thông qua các hoạt động ngoài giờ. Câu lạc bộ Yoga, Bóng đá và Chạy bộ – SSI Runner dù gặp nhiều gián đoạn do điều kiện khách quan nhưng vẫn thu hút được số lượng lớn nhân viên tham gia. Đặc biệt, Câu lạc bộ SSI Runner cũng tiếp tục là điểm sáng khi có nhiều hoạt động như giải chạy ảo, các hoạt động sinh hoạt chạy theo nhóm và được duy trì hàng tuần đã tạo nên một phong trào luyện tập sâu rộng, góp phần nâng cao thể chất và tinh thần của nhân viên. Không chỉ vậy, nhiều thành viên của câu lạc bộ cũng đã tham gia nhiều giải chạy Marathon lớn trên cả nước với cự ly 21km, 42km; qua đó lan tỏa tinh thần của SSI không chỉ trong nội bộ mà còn quảng bá hình ảnh người SSI đầy tích cực ra bên ngoài.

Cùng với các chính sách phúc lợi, các sự kiện và hoạt động này chính là sợi dây liên kết, góp phần không nhỏ vào việc phát triển một đội ngũ gắn bó, đoàn kết và phát triển bền vững. SSI luôn mong muốn Công ty không chỉ đơn thuần là nơi làm việc mà còn là một gia đình thứ hai của nhân viên, nơi mà các cộng sự luôn tìm thấy sự chuyên nghiệp, thân thiện, tích cực, có điều kiện để phát huy hết khả năng đồng thời cũng cân bằng giữa công việc và đời sống tinh thần.

HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI – TẠO SỨC BẬT TỪ NHỮNG KHÁT VỌNG THÀNH CÔNG

Những năm gần đây, đội ngũ nhân lực trẻ SSI càng ngày càng nhân rộng theo sự mở rộng và phát triển kinh doanh của Công ty. Họ là những nét vẽ nhiều sắc màu tạo nên bức tranh văn hóa mang tên SSI sống động hơn với nhiều sắc thái mới, đa dạng và năng động hơn.

SỰ ĐOÀN KẾT CHUNG TỪNG CÁ TÍNH, SÁNG TẠO, SỰ CHUYÊN NGHIỆP, NHIỆT TÌNH VỚI CÔNG VIỆC RIÊNG CỦA MỖI NGƯỜI SSI ĐÃ TẠO NÊN SỰ HÒA HỢP, THỐNG NHẤT VÀ TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI MANG ĐẬM BẢN SẮC SSI.



Sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào chuyên môn của từng thành viên trong Công ty mà còn phụ thuộc vào sự phù hợp và gắn kết của cả tập thể. Nếu nói SSI là một bản thể hoàn chỉnh, thì ở đó mỗi nhân viên là những tế bào. Liên kết, tương hỗ, cộng hưởng là những yếu tố để người SSI vượt qua một năm đầy khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch. Trong gian khó, những phẩm chất của người SSI lại càng tỏa sáng hơn bao giờ hết: luôn cố gắng trau dồi kiến thức, chủ động linh hoạt trong công việc, chuyên nghiệp, chuyên môn hóa để nâng cao hiệu quả công việc và đặt biệt là luôn hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thiện bản thân. Ở đó mỗi nhân sự đều lấy Văn hóa Công ty và những giá trị cốt lõi là kim chỉ nam để điều chỉnh mọi hành vi của mình theo một hướng chung nhất, phù hợp với định hướng phát triển chung của toàn Công ty. Là doanh nghiệp với 21 năm lịch sử, một trong những yếu tố giúp SSI có thể tồn tại và vươn xa chính là việc Công ty luôn đề cao sự thống nhất, tinh thần đoàn kết, đồng đội, làm việc nhóm một cách đồng bộ được thể hiện rõ trong 9 tôn chỉ kinh doanh, trong sự đầu tư vào các kênh truyền tải thông tin nội bô và các hoạt động nội bộ của Công ty.

Là một doanh nghiệp phát triển bền vững, SSI luôn xem con người là tài sản quý giá nhất của Công ty, từ đó đưa ra những lộ trình để nhân viên có thể phát huy hết khả năng để cống hiến cho Công ty. Sự thành công của mỗi cá nhân, cộng sự cũng chính là sự thành công chung của SSI. Mỗi cá tính, mỗi tài năng đến với SSI đều sẽ được cộng hưởng với những giá trị cốt lõi của SSI: Sẵn sàng giải pháp, Sâu sát chuyên môn, In dấu sáng tạo; từ đó cùng nhau hợp tác, cùng nhau bổ trợ và cùng nhau phát triển.

Năm 2020 ghi một dấu mốc quan trọng khi SSI trở thành một Tập thể Anh hùng khi vinh dự đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới do Nhà nước trao tặng nhưng không dừng ở đó, SSI vẫn sẽ tiếp tục không ngừng vươn cao hơn xa hơn để ghi tên mình thành huyền thoại. Sự ghi nhận ấy không chỉ là minh chứng cho những đóng góp về những thành tựu mà người SSI đã đạt được, những đóng góp mà người SSI đã lan tỏa, nó còn là minh chứng cho sự bền chặt của một tập thể được tôi rèn trong nhiều gian khó và luôn biết cách nắm tay nhau hoàn thành những lý tưởng chung. Đó cũng chính là niềm tự hào lớn nhất của SSI và cũng là động lực để tiếp tục trên chặng hành trình tiếp theo đưa SSI đến những thành công mới.

Hành trình Văn hóa SSI không chỉ cùng nhau theo đuổi ước mơ đưa SSI mãi mãi trường tồn phát triển, mỗi người SSI còn nhìn thấy được giá trị và sứ mệnh của mình: không những mang lại thành công cho cá nhân, Công ty, mà trách nhiệm của người SSI còn là lan tỏa thành công và những giá trị tốt đẹp cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng để "không biến anh hùng thành quên lãng, mà sẽ biến anh hùng thành huyền thoại".



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Môi trường Kinh doanh 2022 **78**

Chiến lược phát triển trung – dài hạn **84**

Kế hoạch hành động 2022 **88**

03

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ 2022

TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU

Đại dịch Covid-19 vẫn là mối rủi ro thường trực đối với kinh tế toàn cầu. Thế giới đã bước sang năm thứ 3 của đại dịch, và với việc hầu hết các quốc gia đã có sự chuẩn bị tốt hơn, do vậy thế giới có thể tìm ra giải pháp tối ưu để đối phó với vấn đề này trong bối cảnh việc sống chung với biến thể mới trở nên dễ dàng hơn so với những năm trước và sẽ không có những đợt giãn cách kéo dài như trong quá khứ. Dưới đây là một số dự báo của Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI SSI về triển vọng kinh tế toàn cầu 2022:



Tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục cao hơn mức trung bình trước đại dịch

- Việc sống chung với đại dịch trở nên dễ dàng hơn trong trạng thái bình thường mới, với tỷ lệ tiêm chủng vắc xin cao đi kèm với việc điều trị có hiệu quả hơn. Việc mở cửa trở lại nền kinh tế được kỳ vọng sẽ diễn ra mạnh mẽ từ Q2.2022;
- Nhu cầu tiêu dùng tiếp tục hồi phục và việc đẩy mạnh đầu tư có thể giúp nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đà tăng trưởng cao hơn mức trung bình trước đại dịch thêm một năm nữa;
- Những rủi ro đối với tăng trưởng vẫn còn hiện hữu, khi việc đứt gãy chuỗi cung ứng cũng như các biến động địa chính trị khó có thể được giải quyết sớm.

Áp lực lạm phát tiếp diễn, có thể đạt đỉnh vào nửa đầu năm 2022

Hai yếu tố của lạm phát bao gồm yếu tố tạm thời (mang tính nhất thời, ví dụ các yếu tố liên quan đến Covid-19 như nhu cầu tiêu dùng tăng đột biến, tắc nghẽn chuỗi cung ứng, các yếu tố mang tính đầu cơ) và yếu tố mang tính lâu dài (đến từ việc tái cơ cấu chuỗi cung ứng, thu nhập tăng, hay các yếu tố thay đổi về địa chính trị). SSI cho rằng các yếu tố lạm phát tạm thời sẽ sớm kết thúc, còn yếu tố mang tính lâu dài cũng sẽ sớm đạt đỉnh và điều chỉnh (bắt đầu từ đầu năm 2022 và đạt đỉnh chậm nhất trong nửa đầu năm). Nhiều khả năng lạm phát về lương thực & thực phẩm sẽ là trở thành tiêu điểm trong đầu năm 2022, nhưng đây không phải là vấn đề quá lớn khi nguồn cung lương thực thực phẩm luôn ở mức dồi dào.

Lãi suất tăng là một thực tế

Việc Cục dự trữ Liên bang Mỹ giảm quy mô mua trái phiếu và tăng lãi suất không còn chỉ là sự kỳ vọng, mà là một thực tế. Lạm phát là câu chuyện nóng của năm 2021 và khi thị trường lao động cải thiện trong năm 2022, nhiều Ngân hàng Trung ương trên thế giới sẽ phải thắt chặt chính sách tiền tệ trở lại. Rủi ro về lạm phát cao đi kèm tăng trưởng chậm là có thật, và đây là một vấn đề mang tính toàn cầu chứ không phải chỉ của một vài quốc gia. Đà hồi phục kinh tế của các quốc gia trên thế giới là không giống nhau, cũng như các bất ổn địa chính trị vẫn còn hiện hữu, do đó cũng không thể kỳ vọng các Ngân hàng Trung ương đều nhìn về một hướng. Điều này đặc biệt đúng với các nền kinh tế mới nổi, khi tăng trưởng chưa thể quay lại mức trước đại dịch.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM



Mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2022 của Chính phủ Việt Nam nằm trong khoảng 6% – 6,5% YoY (Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng khoảng 4%). SSI cho rằng trong trường hợp gói kích thích kinh tế được giải ngân có hiệu quả, và với mức so sánh thấp giai đoạn 2020 – 2021, tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể vượt mức 7% trong năm 2022. Trong đó tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ tăng dần từ nửa đầu năm và đạt đỉnh trong Q3.2022 (tốc độ tăng trưởng có thể lên tới hai chữ số).

Các động lực tăng trưởng truyền thống của Việt Nam (xuất khẩu/ sản xuất khối FDI) hồi phục trong Q4.2021 và ước tính tăng trưởng tốt trong 2022 khi rủi ro giãn cách xã hội toàn diện giảm bớt và tăng trưởng kinh tế toàn cầu cải thiện. Bên cạnh động lực đến từ các Hiệp định thương mại tự do bao gồm Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP – có hiệu lực từ tháng 1/2022), hay nhiều quốc gia tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), cần quan tâm đến các thỏa thuận thương mại có sự tham gia của Hoa Kỳ và Việt Nam, ví dụ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương để đa dạng hóa chuỗi cung ứng.

Dưới đây là một số dự báo của Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI SSI về triển vọng vĩ mô Việt Nam năm 2022:

Covid-19 vẫn là mối quan tâm hàng đầu

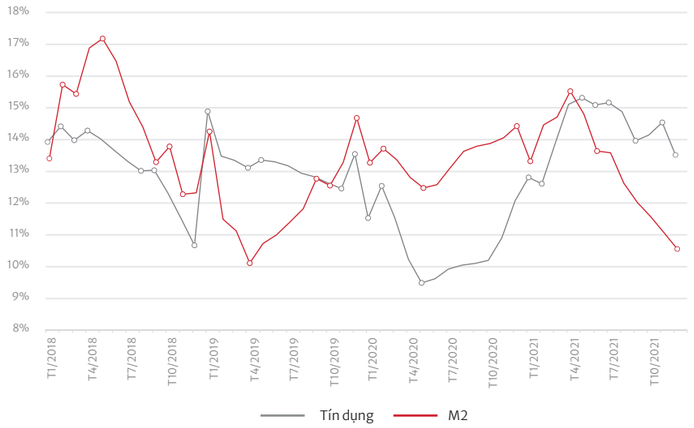


Việt Nam đã đạt và vượt mục tiêu tiêm chủng Covid-19, trở thành quốc gia có mức độ bao phủ vắc xin hàng đầu trên thế giới. Tuy nhiên, tăng cường năng lực y tế vẫn là một trong những mục tiêu hàng đầu thông qua triển khai các phương pháp điều trị hiệu quả. Chiến lược đối phó với Covid-19 đã trở nên mềm dẻo hơn, tuy nhiên: i) khách du lịch quốc tế; ii) trường học mở cửa trở lại; iii) đăng cai tổ chức SEA Games 31 (tháng 5/2022); và iv) dòng vốn FDI là một số yếu tố chính cần theo dõi để có thể khẳng định xu hướng mở cửa trở lại có bền vững hay không.

Chính sách tiền tệ/ tài khóa của Việt Nam sẽ lệch pha với xu hướng chung trên thế giới

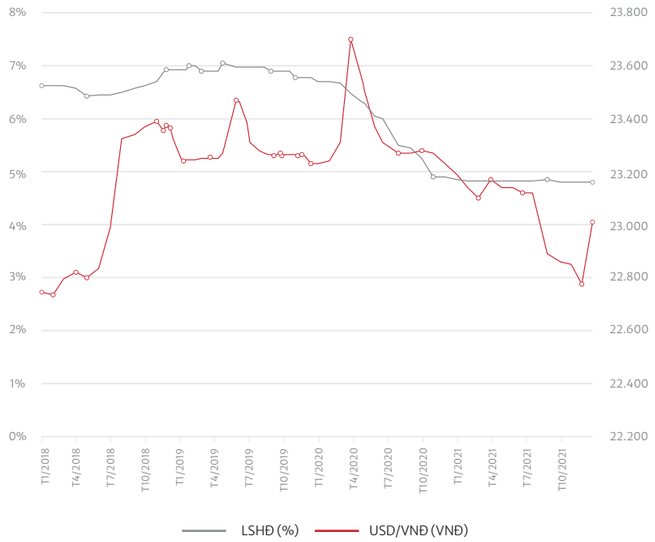
Việt Nam, cũng như một số nước đang phát triển, có thể tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công và trì hoãn việc thắt chặt chính sách tiền tệ, ít nhất thêm một năm nữa. Mặc dù vẫn phải đối mặt với rủi ro lạm phát, việc thận trọng mở cửa trở lại (do biến thể Omicron) có thể giúp làm giảm áp lực lên mặt bằng giá cả chung, tạo ra không gian cho các nhà hoạch định chính sách. SSI cho rằng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) có thể bắt đầu tăng cao từ Q2.2022 và lãi suất chạm đáy trong năm 2022, nhưng xu hướng của lãi suất sẽ phụ thuộc vào tốc độ phục hồi kinh tế. Việt Nam vẫn còn các công cụ để kiểm soát lạm phát trong năm 2022 (đặc biệt khi giá dầu tăng cao), ví dụ như giảm thuế và sử dụng dự trữ xăng dầu chiến lược. Về lãi suất, theo kịch bản cơ sở của chúng tôi, lãi suất ước tính tăng không đáng kể trong năm 2022, và không tạo ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh.

Tăng trưởng tín dụng và cung tiền M2



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tỷ giá USD/VNĐ và lãi suất huy động



Nguồn: Các Ngân hàng Thương mại

Gói kích thích kinh tế (hay còn gọi là chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2022 – 2023) chính thức được thông qua vào tháng 1/2022, với quy mô hơn 15 tỷ USD. Với tỷ trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng khá cao và không thuộc các dự án trong kế hoạch ngân sách 2022 cũng như kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025, đây có thể nói là một trong các yếu tố giúp tăng trưởng giải ngân đầu tư công có thể đạt mức cao trong năm 2022. Trong khi đó, quy mô của các biện pháp liên quan đến chính sách tiền tệ ở mức vừa phải, chủ yếu là gói hỗ trợ lãi suất 2% với quy mô khoảng 40 nghìn tỷ VNĐ, do dư địa chính sách tiền tệ không còn quá nhiều.

Bảng tóm tắt gói kích thích kinh tế

Chi tiết		Tổng ngân sách (tỷ USD)
Hỗ trợ hệ thống y tế		**2,6**
	Chi cho vắc xin, thiết bị y tế và điều trị	2,0
	Chi bổ sung cho cơ sở hạ tầng y tế ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận. Phát triển cơ sở hạ tầng cho các trung tâm kiểm soát và phòng chống dịch bệnh khu vực	0,6
An sinh xã hội và hỗ trợ việc làm		**2,3**
	Chương trình hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho các đối tượng vay có mục đích	0,2
	Phát triển cơ sở hạ tầng cho các trung tâm bảo trợ xã hội và dạy nghề	0,1
	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân	0,3
	Nâng hạn mức cho vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội để tiếp tục hỗ trợ tạo việc làm cho học sinh, sinh viên; trường mầm non, tiểu học ngoài công lập; nhà ở xã hội; phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1,7
Hỗ trợ kinh doanh		**4,78**
	Cắt giảm thuế	2,8
	Chương trình hỗ trợ lãi suất cho các khu vực trọng yếu	1,7
Hỗ trợ cơ sở hạ tầng		**4,95**
	Tổng quy mô	15,0
	Tổng quy mô (% GDP của 2021)	4,1%

Cơ sở hạ tầng giao thông sẽ chiếm tỷ trọng lớn (4,5 tỷ USD) trong gói kích thích kinh tế. Tuy nhiên, SSI cho rằng rất có khả năng không có các dự án cơ sở hạ tầng mới năm 2022, vì thủ tục phê duyệt một dự án mới rất dài. Trọng tâm sẽ vẫn là các dự án hiện tại (thuộc kế hoạch đầu tư công 5 năm). Việc chuyển đổi các dự án Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thành vốn đầu tư công và/hoặc hỗ trợ giải phóng mặt bằng v.v... để có thể giải ngân nhanh chóng. Một số dự án có thể kể đến như dự án cao tốc Bắc Nam – Giai đoạn 2 (phía Đông) hoặc một số đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội, đường vành đai 3 ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đường vành đai 4 ở Hà Nội.

Môi trường pháp lý sẽ được cải thiện đáng kể sau 1 năm thực hiện kế hoạch 5 năm

Với việc đồng thời sửa đổi 8 luật (trong đó có Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Doanh nghiệp....) ngay trong tháng 1/2022, đi kèm với các biện pháp đảm bảo an toàn hệ thống ví dụ như tăng cường quản lý thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022

Dựa trên triển vọng hồi phục khả quan của kinh tế Việt Nam, SSI có quan điểm tích cực đối với TTCK trong năm 2022. Tuy nhiên, thị trường có thể diễn biến thận trọng trong nửa đầu năm, do ảnh hưởng từ các lo ngại về lạm phát cao, lãi suất tăng, rủi ro về địa chính trị trên thế giới, tiêu dùng nội địa yếu và tăng trưởng lợi nhuận thấp:



- **Lạm phát** có khả năng tăng tốc trong nửa đầu năm do mức so sánh thấp trong 2021, trong đó nguyên nhân chính đến từ nhóm lương thực & thực phẩm vốn có chiếm tỷ trọng lớn nhất trong rổ CPI và giá hàng hóa tăng cao;

- **Lãi suất chạm đáy**: Động thái tăng lãi suất, dù đến từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ hay NHTM trong nước cũng đều tạo ra hiệu ứng tâm lý kém khả quan trong ngắn hạn đối với nhà đầu tư. Động thái này có thể xảy ra trong nửa đầu năm 2022 và tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh. Tuy nhiên, SSI kỳ vọng lãi suất sẽ không tăng mạnh và do vậy không có tác động đáng kể đến môi trường kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2022. Theo kịch bản cơ sở, SSI dự báo lãi suất có thể tăng nhẹ trong khoảng 20 – 25 điểm cơ bản vào cuối năm. Lãi suất duy trì ở mức thấp (so với giai đoạn tiền Covid) là yếu tố quan trọng để hỗ trợ TTCK cũng như thị trường bất động sản;

- **Cầu tiêu dùng cần thời gian để hồi phục với mô hình chữ K:** Với tình hình cầu tiêu dùng như hiện nay, nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu tiếp tục tăng trưởng chậm hơn so với ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu. Cơ hội phục hồi cho các Ngành Dịch vụ như Hàng không và Du lịch có thể quay lại rõ ràng hơn từ nửa cuối 2022;

- **SSI ước tính tăng trưởng lợi nhuận các công ty niêm yết trong nửa đầu năm 2022 không cao**, do các lý do chính: (i) mức so sánh cao trong 6 tháng đầu năm 2021; và (ii) cầu tiêu dùng trong nước sau làn sóng Covid-19 lần thứ 4 cần nhiều thời gian để phục hồi; và ngoài ra các rủi ro về địa chính trị trên thế giới cũng có thể có ảnh hưởng tới các doanh nghiệp xuất khẩu;

- **Các thay đổi trong Ngành Ngân hàng:** NHNN hiện đang xây dựng khung pháp lý về chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu, bao gồm Thông tư 11/2021 về phân loại nợ và trích lập dự phòng, Dự thảo sửa đổi Thông tư 52/2018 về đánh giá tổ chức tín dụng, Thông tư 16/2021 nhằm thắt chặt việc mua bán trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng và Dự thảo sửa đổi Nghị định 153/2020 về thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh đó, giải pháp xử lý nợ xấu cũng được thảo luận do Nghị quyết 42 sẽ hết hiệu lực vào năm 2022 và NHNN đang đẩy nhanh tiến độ xử lý ngân hàng "0 đồng". Do đó, năm 2022 các cơ quan quản lý sẽ thắt chặt việc quản lý chất lượng tài sản tại các ngân hàng đồng thời hỗ trợ đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu. Ví dụ, Thông tư 16/2021 về Trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 15/1/2022, khiến doanh nghiệp khó gia hạn nợ hơn do các ngân hàng không được phép mua trái phiếu doanh nghiệp để tái cơ cấu nợ có vấn đề. Điều này sẽ làm tăng nguy cơ phá sản đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ trong một số lĩnh vực rủi ro. Một mốc thời gian quan trọng khác cần theo dõi là thời hạn cơ cấu nợ xấu chỉ kéo dài đến ngày 30/6/2022. Do không còn đợt giãn nợ nào khác nên sau thời hạn này, các ngân hàng sẽ công bố nợ xấu thực tế.

Sự xuất hiện của biến thể Omicron hoặc bất kỳ biến thể mới nào khác cũng như các xung đột về địa chính trị trên thế giới cũng sẽ làm thay đổi kịch bản trên (triển vọng lạm phát thay đổi trong ngắn hạn và tiêu dùng suy yếu hơn).

Yếu tố hỗ trợ chính cho thị trường trong 6 tháng đầu năm 2022 chính là gói kích thích kinh tế dự kiến được Quốc hội thông qua vào tháng 1/2022, trong đó có thể bao gồm một gói hỗ trợ lãi suất mới. Ngay trong nửa đầu năm 2022, SSI dự báo vẫn có thể có một số ngành sau có thể tăng trưởng vượt trội bất chấp khó khăn:

1. Xuất khẩu: thủy sản, dệt may và vận tải biển;
2. Một số loại hàng hóa có thể đạt mức giá cao trong nửa đầu năm 2022 bao gồm: phân bón, thủy sản, hóa chất và mía đường;
3. Ngành hưởng lợi từ đầu tư công: xây dựng, bất động sản dân cư và bất động sản khu công nghiệp.

Nửa cuối năm 2022 có thể là thời điểm có triển vọng rõ ràng hơn về cơ chế kiểm soát đại dịch cũng như các rủi ro kể trên. Tăng trưởng lợi nhuận sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm do mức so sánh thấp của năm 2021, được hỗ trợ bởi nhu cầu tiêu dùng trong nước hồi phục và tốc độ giải ngân đầu tư công nhanh hơn so với nửa đầu năm.

Các sáng kiến phát triển thị trường vốn (Ví dụ: triển khai mô hình bù trừ thanh toán trung tâm – CCP) dự kiến cũng sẽ là các yếu tố chính thúc đẩy thị trường trong năm 2022. Theo kịch bản tốt nhất, việc triển khai CCP có thể hỗ trợ cho xác suất nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi theo đánh giá của FTSE Russell Index được công bố vào tháng 9/2022.

Ngành Ngân hàng chiếm 31% tổng vốn hóa thị trường và là một trong ngành hưởng lợi chính khi Việt Nam dần khôi phục nền kinh tế từ nửa cuối năm 2022, do đó khả năng cao Ngành Ngân hàng sẽ là yếu tố hỗ trợ tốt cho VNIndex. Bên cạnh đó, Ngành Bán lẻ cũng có diễn biến tích cực nhờ hưởng lợi từ sự hồi phục của nền kinh tế. Ước tính mới nhất về tăng trưởng lợi nhuận của 91 doanh nghiệp trong phạm vi nghiên cứu của SSI là 18,2% trong 2022, và ước tính kết quả nửa đầu năm và nửa cuối năm sẽ chênh lệch đáng kể, cụ thể là phần lớn tăng trưởng sẽ phản ánh vào nửa cuối năm.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN

Kết nối vốn và cơ hội đầu tư



Từ những ngày đầu, trung thành với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", SSI nỗ lực huy động vốn qua TTCK, góp phần hình thành một kênh dẫn vốn, kích thích tạo vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế; khơi dậy và huy động nguồn lực to lớn cho Đất nước, thúc đẩy kinh tế phát triển. Công ty luôn đặt ra và giữ vững mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam, dần vươn ra thị trường quốc tế; với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, lấy sự thành công của khách hàng làm tôn chỉ kinh doanh để không chỉ hoạt động hiệu quả, có lãi, mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không thất thoát tài sản.

Kiên định với mục tiêu nhưng chiến lược hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường đã giúp SSI trụ vững qua nhiều thăng trầm của TTCK, tiếp tục khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Đi cùng với mỗi chiến lược phát triển 5 năm, luôn là một kế hoạch 3 năm hành động đã đưa SSI có những bước phát triển ấn tượng. Công ty xác định 3 yếu tố tạo nên thành công của một chiến lược phát triển bền vững chính là: chất lượng sản phẩm – dịch vụ, trình độ của nguồn nhân lực và sự phát triển của hệ thống công nghệ.

SSI là Công ty Chứng khoán hiếm hoi trên thị trường có cơ cấu doanh thu đến từ nhiều mảng và có vị thế dẫn đầu tại các mảng kinh doanh này. Điều này khiến SSI có khả năng duy trì hiệu quả kinh doanh tốt, tăng trưởng bền vững ngay cả khi thị trường có biến động khó đoán định. Trong những năm tới, Công ty tiếp tục phân bổ nguồn lực để phát triển tốt các mảng kinh doanh này.

Chiến lược trung – dài hạn giai đoạn tiếp theo của từng mảng kinh doanh được đặt ra như sau:

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

ĐÁP ỨNG TỐT NHU CẦU KHÁCH HÀNG HIỆN TẠI VÀ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG MỚI

Khách hàng là trọng tâm trong việc hoạch định các chiến lược và chính sách. Trong xu thế phát triển của thị trường, khách hàng mới đang tạo nên những hiệu ứng tích cực, làm động lực cho Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân SSI thay đổi cách tiếp cận và phục vụ các phân khúc khách hàng một cách hoàn hảo hơn.

ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM PHÙ HỢP VỚI TỪNG PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG VÀ BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG

SSI theo đuổi chiến lược thiết kế đa dạng các nhóm sản phẩm chuyên biệt, phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm tư vấn đầu tư truyền thống phục vụ nhóm nhà đầu tư giá trị, sự phát triển nhanh chóng của lớp nhà đầu tư mới cùng với sự phát triển bùng nổ của thị trường đã khiến nhu cầu sản phẩm margin ngắn hạn tăng cao. Cùng với đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu cho tất cả các phân khúc khách hàng.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG CỦA ĐỘI NGŨ MÔI GIỚI

Quy mô thị trường ngày càng phát triển cùng với nhu cầu và hành vi của khách hàng được thay đổi liên tục và trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi chất lượng tư vấn và chăm sóc của đội ngũ môi giới ngày càng phải được nâng cao, ứng biến với những thay đổi để luôn đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cần tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự trẻ, tâm huyết để tận dụng cơ hội thị trường và phù hợp với xu thế phát triển, dịch chuyển dần từ tư vấn đầu tư thành quản lý tài sản cho khách hàng.

CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH PHÙ HỢP DÀNH CHO MÔI GIỚI VÀ KHÁCH HÀNG

Với xu thế phát triển của thị trường và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, chính sách thúc đẩy bán hàng và khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ trở nên cực kỳ quan trọng. Chính sách dành cho môi giới và khách hàng luôn được xem như là chất xúc tác quan trọng để thành công. Các chính sách này luôn được SSI chú trọng để cập nhật, điều chỉnh và thay đổi phù hợp nhằm hướng đến sự đồng thuận và lựa chọn SSI là nơi giao dịch của khách hàng.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong trung, dài hạn dựa trên việc củng cố các hoạt động cốt lõi của bộ phận bao gồm:

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG HIỆN TẠI

SSI chú trọng cung cấp dịch vụ đa dạng bao gồm báo cáo phân tích, giao dịch, gặp gỡ và tham quan doanh nghiệp (corporate access), cập nhật thị trường, ý tưởng đầu tư v.v…, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trong việc cập nhật thông tin và ra quyết định đầu tư. Bên cạnh đó bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức đảm bảo khả năng thực hiện lệnh tốt nhất cho khách hàng, đẩy mạnh bán các sản phẩm tự động, giao dịch thuật toán và đặc biệt cung cấp nguồn giao dịch lô lớn (block trade) để mang lại giá trị giao dịch lớn, đảm bảo khách hàng giao dịch nhiều tại SSI và từ đó nâng cao thị phần.

PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC MỚI

SSI định hướng hoạt động tiếp cận 2 nhóm khách hàng tiềm năng là nhóm các tổ chức đã đầu tư vào Việt Nam mà chưa có tài khoản giao dịch tại SSI và nhóm các quỹ đầu tư tiềm năng lớn chưa đầu tư vào Việt Nam. SSI sẽ đồng hành cùng các quỹ này trong việc tìm hiểu thị trường, ra chiến lược đầu tư, lập danh mục đầu tư và thực hiện giải ngân đầu tư. Ngoài ra, bộ phận cũng tập trung mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI trong việc phát triển khách hàng tổ chức tại từng khu vực địa lý, từ đó có thể tiếp cận được một lượng khách hàng lớn hơn và tận dụng được nguồn khách hàng của các đối tác.

DỊCH VỤ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ (CA - CORPORATE ACCESS)

SSI hướng tới việc khẳng định vị thế dẫn đầu về dịch vụ CA tại Việt Nam thông qua việc tổ chức hàng loạt các sự kiện kết nối đầu tư giữa các tổ chức đầu tư và doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, bao gồm các hội thảo đầu tư, gặp gỡ, tham quan doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty chủ động đưa ra các chuỗi gặp gỡ doanh nghiệp theo ngành, theo từng chủ đề đầu tư khác nhau mà thị trường đang quan tâm để có thể nhanh chóng cập nhật ý tưởng đầu tư và đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của khách hàng

HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với việc xác định hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư là một trong những dịch vụ cốt lõi mang lại lợi thế cạnh tranh, SSI tiếp tục đưa ra những sản phẩm phân tích tốt hơn và phù hợp hơn với nhu cầu của nhà đầu tư. Việc cung cấp sản phẩm phân tích, tư vấn đầu tư cũng được chú trọng đẩy mạnh theo hướng nâng cao tính chủ động. Ngoài các báo cáo phân tích truyền thống, các dịch vụ như khuyến nghị chiến lược đầu tư (investment strategy pitch), báo cáo ngành/công ty (sector/company pitch), khuyến nghị mua – bán (buy/sell call) sẽ được thực hiện thường xuyên và chủ động hơn, qua đó nhanh chóng đưa thông tin tới khách hàng.

Ngoài ra, việc phối hợp bán chéo giữa Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức cùng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Quản lý Quỹ sẽ được tập trung đẩy mạnh, từ đó đa dạng hóa các sản phẩm – dịch vụ cung cấp tới khách hàng và mang lại lợi thế cạnh tranh cho SSI.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đặt mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư trên TTCK thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng;
- Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Tài chính, Quỹ Đầu tư lớn trên thế giới;
- Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán có tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

- Đảm bảo chất lượng quản lý nguồn vốn;
- Tổng tài sản tăng trưởng ổn định hàng năm;
- Cung cấp sản phẩm cấu trúc đa dạng, hiệu quả.

ĐẦU TƯ

ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

- Phân bổ tỷ trọng hợp lý của từng chiến lược đầu tư trong danh mục: giữa danh mục dài hạn và ngắn hạn; giữa danh mục tăng trưởng, giá trị và phòng thủ; giữa danh mục cổ phiếu niêm yết và IPO/OTC. Tỷ trọng của từng chiến lược đầu tư được thay đổi tùy từng thời kỳ phụ thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nền tảng kinh doanh của từng nhóm ngành, doanh nghiệp;
- Đầu tư vào những công ty có định giá hợp lý và mô hình quản trị công ty tốt.

ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

- Xác định đầu tư linh hoạt, tập trung vào tạo lập thị trường giúp khách hàng có thể tiếp cận được các sản phẩm phái sinh (chứng quyền, quyền chọn v.v…);
- Tập trung xây dựng các chiến thuật giao dịch định lượng và mua/bán tự động, tránh các yếu tố rủi ro phát sinh do chủ quan con người;
- Đẩy mạnh mảng phát hành, tạo lập thị trường chứng quyền; tham gia trở thành thành viên thành lập quỹ và nhà tạo lập thị trường cho các quỹ ETF trên thị trường.

QUẢN LÝ QUỸ

Mục tiêu trung, dài hạn của SSIAM là quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác của nhà đầu tư, và tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững. Để đạt được điều đó, Công ty cần chú trọng nâng cao năng lực quản lý đầu tư, quản trị rủi ro và chất lượng dịch vụ khách hàng. SSIAM luôn hướng tới việc cung cấp các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư, đồng thời dẫn dắt nhà đầu tư tham gia những sản phẩm mới chưa được biết đến trên thị trường. Do đó, Công ty sẽ duy trì việc tiếp xúc nhà đầu tư để hiểu được nhu cầu, cũng như xu hướng đầu tư trong tương lai và học hỏi kinh nghiệm tại các thị trường lớn hơn để phát triển các dòng sản phẩm phù hợp.

Việc phát triển và đa dạng hóa các kênh phân phối vẫn là việc mà SSIAM phải chú trọng để sản phẩm tiếp cận được đến với rộng rãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các sản phẩm đầu tư và hệ thống báo cáo, quản trị dữ liệu; đồng thời tăng cường nhận diện thương hiệu, truyền thông rộng rãi hơn để góp phần nâng cao nhận thức đại chúng về các sản phẩm đầu tư.

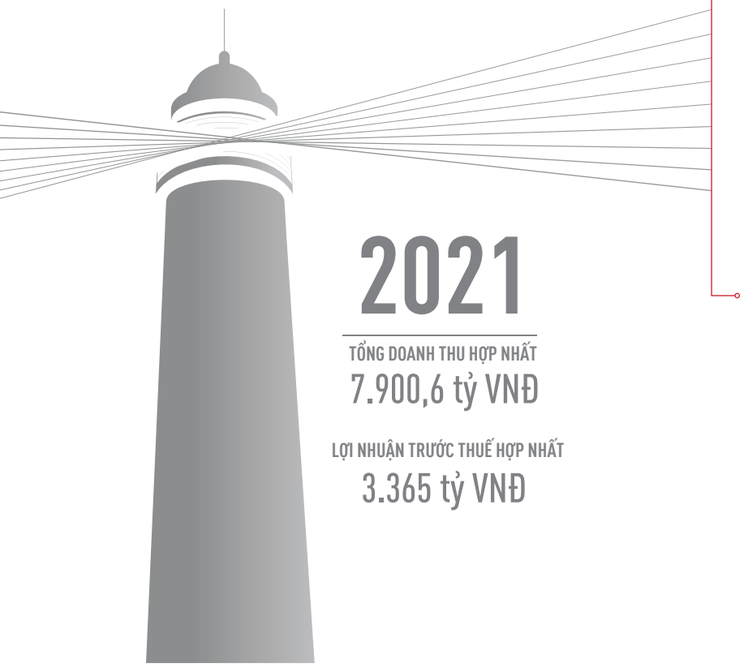


KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2022

Cùng với những dự báo tích cực về diễn biến của nền kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam năm 2022 được kỳ vọng sẽ ghi nhận tăng trưởng về giá trị giao dịch, dòng vốn ngoại hồi phục, phát triển sản phẩm mới cũng như nền tảng pháp lý có hiệu lực ngay từ đầu năm. Bên cạnh đó, năm 2022 cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là từ các công ty có vốn nước ngoài và các công ty có hỗ trợ từ ngân hàng với hệ sinh thái mạnh về mạng lưới, công nghệ, nền tảng khách hàng, và nguồn vốn. Sự xuất hiện của nhóm công ty chứng khoán mới sẽ tạo ra một sân chơi mới, cạnh tranh khốc liệt hơn – đây là thách thức không hề nhỏ đối với SSI cũng như các công ty chứng khoán đã hoạt động trên thị trường.

Trước những cơ hội và thách thức đến từ bối cảnh kinh doanh, nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh tại SSI được xác lập cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung – dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững: chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động. Với đặc thù của ngành tài chính, khủng hoảng từ một thành viên của thị trường sẽ dễ dàng ảnh hưởng sang các thành viên khác và ảnh hưởng tới toàn hệ thống nói chung, do đó tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của SSI để có thể tồn tại và vững bước đồng hành cùng sự phát triển của thị trường. Công ty không áp dụng các hình thức tăng trưởng nóng, mà thay vào đó chú trọng tới các giải pháp xây dựng và bảo vệ thị trường, giữ an toàn và hiệu quả cho nhà đầu tư lâu dài, dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".

Công ty đặt ra Kế hoạch Kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt vào kì Đại hội đầu tháng 5/2022 như sau:



2021

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT
7.900,6 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT
3.365 tỷ VNĐ

2022

KẾ HOẠCH DOANH THU HỢP NHẤT
10.330 tỷ VNĐ
▲ 31%

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT
4.370 tỷ VNĐ
▲ 30%

Kế hoạch hành động 2022 đối với từng mảng kinh doanh được trình bày như dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

KIỆN TOÀN BỘ MÁY VỚI KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG

Việc tái cơ cấu bộ máy, bổ sung thêm các phòng ban, bộ phận chuyên biệt (như Bộ phận Đào tạo, Quản lý Chất lượng v.v…) theo mô hình hiện đại sẽ giúp Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân SSI hoạt động hiệu quả hơn, bắt kịp xu thế vận hành của thị trường và nhu cầu, hành vi của khách hàng, tạo nên động lực tăng trưởng cho Khối. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện việc tách Dịch vụ Trực tuyến như một trung tâm kinh doanh bên cạnh mạng lưới Chi nhánh/Phòng giao dịch truyền thống nhằm phục vụ khách hàng chủ động giao dịch; đồng thời không ngừng đưa ra những chính sách/ dịch vụ chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng.

ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Nhằm đáp ứng việc tăng trưởng nhanh của số lượng nhà đầu tư cũng như yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao, SSI tiếp tục đặt kế hoạch tuyển dụng hơn 200 Nhân viên Môi giới mới. Các ứng viên đều trải qua quy trình tuyển chọn khắt khe và tham gia chương trình đào tạo tân tuyển bài bản, đảm bảo kiến thức chuyên môn cao cũng như kĩ năng thực hiện tốt công việc, nâng cao chất lượng tư vấn cũng như chăm sóc khách hàng. Đào tạo đội ngũ kế thừa các cấp được đặt trọng tâm trong các hoạt động đào tạo và chương trình nhân sự.

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG CHO VAY KÝ QUỸ PHÙ HỢP VỚI QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Nhu cầu vốn của nhà đầu tư cá nhân trong nước đã và sẽ tăng trưởng cùng với thanh khoản của thị trường. SSI luôn sẵn sàng cung cấp giải pháp về tài chính cho mọi nhà đầu tư để nắm bắt các cơ hội từ thị trường, mang lại thông qua việc tăng vốn và cấu trúc các sản phẩm tài chính linh hoạt. Công ty cũng đánh giá đây là mảng sẽ mang đến doanh thu tốt cho SSI trong năm 2022.

RA MẮT NHIỀU CHÍNH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI CHO KHÁCH HÀNG

Với mong muốn tiếp cận nhiều khách hàng mới trên thị trường cũng như chăm sóc khách hàng hiện hữu, SSI liên tục ra mắt các chương trình và chính sách ưu đãi riêng cho khách hàng như chương trình "Giao dịch ngay, Lộc về đầy tay" với nhiều phần quà giá trị như ô tô Vinfast, xe máy Klara, chỉ vàng SJC, Iphone 13 Promax v.v… Bên cạnh đó, các chính sách lãi suất với nguồn vốn lớn liên tục được ra mắt trong năm 2022 sẽ hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư giao dịch với chi phí hợp lý và tối ưu nguồn vốn của mình.

Nâng cao chất lượng dịch vụ giao dịch trực tuyến dành cho nhà đầu tư

SSI tiếp tục chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng để tối ưu năng lực các hệ thống trực tuyến, cải tiến các tính năng phục vụ việc giao dịch của nhà đầu tư thêm thuận lợi, cũng như cải tiến các quy trình cung cấp dịch vụ, bổ sung các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng. Đồng thời cải tiến các quy trình nội bộ nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Với mục tiêu duy trì vị thế nằm trong top 3 về thị phần môi giới tổ chức nước ngoài trong năm 2022, Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI theo đuổi chương trình hoạt động với những trọng tâm chính như sau:

- Chăm sóc hiệu quả khách hàng hiện hữu nhằm giữ vững và tối đa hóa thị phần hiện tại;
- Quyết liệt tiếp cận các tổ chức chưa có tài khoản tại SSI, cung cấp các dịch vụ phù hợp để tiến tới mở tài khoản;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI, làm việc chặt chẽ hơn với các nhà môi giới toàn cầu để chăm sóc khách hàng tốt hơn và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư. Đặc biệt là việc cố gắng phát triển đối tác mạnh tại thị trường Châu Âu;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm hiện tại để cải thiện lợi thế cạnh tranh;
- Phát triển đội ngũ nhân sự cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển khách hàng mới của SSI;
- Thực hiện mạnh mẽ các hoạt động quan hệ doanh nghiệp & nhà đầu tư, tư vấn đầu tư, hoạt động bán hàng, tư vấn chiến lược đầu tư, cập nhật tình hình thị trường;
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan như Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư để có thể đẩy mạnh bán chéo sản phẩm, cung cấp cơ hội đầu tư tốt tới khách hàng.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2022, các hoạt động huy động vốn, niêm yết và mua bán – sáp nhập (M&A) được kì vọng sẽ sôi động trở lại, khi Việt Nam vẫn là điểm sáng thu hút dòng vốn quốc tế. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI năm 2022 sẽ tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn hóa đội ngũ để nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung vào mảng công việc tư vấn như sau:

MẢNG THỊ TRƯỜNG VỐN

Dự đoán và tìm kiếm cơ hội trên thị trường vốn, tập trung vào các hoạt động tư vấn chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, tư vấn huy động vốn thông qua phát hành riêng lẻ niêm yết, chào bán cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, M&A v.v…

MẢNG THỊ TRƯỜNG NỢ

Dự đoán tiềm năng và cập nhật thông tin thị trường, tìm kiếm cơ hội tư vấn huy động vốn trên thị trường nợ cho khách hàng thông qua phát hành trái phiếu, tư vấn các khoản vay hợp vốn phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI hướng tới các hoạt động như sau:

- Mở rộng hợp tác với các định chế tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là các thị trường lớn và tiềm năng như Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ nhằm thúc đẩy cơ hội hợp tác, từ đó đưa nguồn vốn rẻ, khối lượng lớn về phục vụ hoạt động kinh doanh của SSI, hỗ trợ dịch vụ cho vay ký quỹ của nhà đầu tư trong nước;
- Bên cạnh đó, SSI sẽ tích cực đàm phán, củng cố vị thế công ty số 1 về tổng tài sản để có thể tiếp cận và mở rộng thêm nữa quan hệ hợp tác với nhóm ngân hàng trong nước nhằm khai thác tối đa tiềm năng sắp tới của nhóm ngân hàng này trong cả mảng bán chéo các sản phẩm tài chính lẫn mảng kinh doanh vốn;
- Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng danh mục đầu tư trái phiếu có chất lượng tín nhiệm tốt nhằm gia tăng cơ hội kinh doanh trong bối cảnh lạm phát và lãi suất đầu vào có xu hướng tăng. Đồng thời, Công ty cũng phát triển và đa dạng hóa các mối quan hệ đối tác với các định chế tài chính để duy trì nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh trái phiếu cũng như phối hợp cùng các bên liên quan phát triển hệ thống nhằm hỗ trợ giao dịch, quản lý tài khoản trái phiếu cho khách hàng được thuận tiện hơn nữa;
- Triển khai nâng cấp về tính năng, tiện ích đối với các sản phẩm tài chính cá nhân S- Products đang cung cấp cho khách hàng; đồng thời khai thác các tệp khách hàng mới thông qua việc bán chéo sản phẩm nội bộ SSI và các đối tác khác trong ngành Tài chính;
- Bổ sung thêm nguồn nhân lực với các tiêu chí về chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và tiềm năng phát triển nhằm chuyên môn hóa, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường sắp tới.

ĐẦU TƯ

Hoạt động Đầu tư SSI sẽ hướng tới các ngành có yếu tố hồi phục hậu Covid-19, các doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành có định giá hợp lý, tình hình quản trị tốt và tiềm năng tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung phòng ngừa rủi ro thông qua các công cụ trên thị trường phái sinh nhằm hạn chế các biến động lớn trên thị trường. Ngoài ra, SSI tiếp tục phát huy vị thế đã xây dựng trong việc phát hành và hạn chế rủi ro chứng quyền nhằm phục vụ nhu cầu của thị trường và sử dụng, cải thiện việc tự động hóa các công cụ giao dịch để đạt hiệu quả cao nhất.

Đầu tư SSI sẽ tích cực kết hợp với các Khối và Bộ phận khác trong Công ty như Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Quản lý Quỹ, Trung tâm Phân tích và Dịch vụ Chứng khoán để tìm kiếm các cơ hội mới nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, xây dựng thêm sản phẩm đa dạng cho SSI để giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận thị trường tối ưu và an toàn.

QUẢN LÝ QUỸ

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI VÀ ĐẨY MẠNH QUY MÔ CÁC SẢN PHẨM HIỆN TẠI

Bên cạnh quỹ mở và quỹ thành viên tư nhân mới đã thành lập trong năm 2021, SSIAM sẽ nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường. Các dự án liên tục được triển khai để lựa chọn sản phẩm phù hợp nhất trong giai đoạn thị trường hiện nay. Công ty cũng tiếp tục theo đuổi dự án Quỹ Hưu trí bổ sung tự nguyện và cân nhắc thời điểm phù hợp để giới thiệu ra thị trường.

Với các sản phẩm quỹ hiện tại, SSIAM tập trung đẩy mạnh quy mô quỹ, danh mục hoạt động hiệu quả hơn. Công ty hướng đến nhóm khách hàng có nguồn tiền nhàn rỗi tại các Ngân hàng Thương mại với sản phẩm quỹ trái phiếu, là kênh thay thế hấp dẫn với kênh tiết kiệm ngân hàng và tệp khách hàng cá nhân trong nước. Trong thời gian qua, sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân mới được gọi thông dụng hiện nay là "nhà đầu tư F0" là một dấu mốc lớn của TTCK.

PHÁT TRIỂN KÊNH PHÂN PHỐI

SSIAM tiếp tục sử dụng kênh phân phối chính, truyền thống cho sản phẩm quỹ mở từ các công ty chứng khoán trong nước cũng như ngoài nước, và một số kênh giới thiệu khách hàng tiềm năng khác. Song song với đó Công ty cũng mở rộng phạm vi tiến tới phân phối qua các ứng dụng trực tuyến.

NÂNG CẤP HỆ THỐNG VẬN HÀNH VÀ CẢI THIỆN QUY TRÌNH

Đối với hệ thống quản trị quỹ/ danh mục, sau nhiều năm vận hành và nâng cấp, trong năm 2021 vừa qua, SSIAM đã làm việc với nhà cung cấp hệ thống kế toán và quản trị quỹ để giúp quy chuẩn hóa các quy trình trong quá trình hạch toán kế toán, tính toán giá trị tài sản ròng các quỹ và danh mục, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tốt hơn, nâng cấp ở các chức năng chuyên sâu hơn, nhằm hạn chế rủi ro vận hành do lỗi tác nghiệp thủ công để tăng độ chính xác và hiệu suất phát hành báo cáo tài sản các loại.

Năm 2021, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mới, thay thế hệ thống cũ với nhiều tính năng vượt trội như eKYC để hỗ trợ các nhà đầu tư mới đăng ký tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở một cách thuận tiện và dễ dàng. Năm 2022, SSIAM tiếp tục hợp tác cùng nhà cung cấp để nâng cấp, cải thiện và triển khai các chức năng mới đã nằm trong lộ trình để gia tăng tiện ích dịch vụ cho khách hàng một cách tốt nhất.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị **94**

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc **104**

Quản trị rủi ro **106**

Thông tin cổ phiếu & hoạt động quan hệ Nhà đầu tư **130**

Đánh giá quản trị công ty tại SSI **134**

04

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN CHUNG

Năm 2021 Hội đồng Quản trị (HĐQT) SSI có 06 thành viên, trong đó có hai thành viên độc lập là ông Ngô Văn Điểm và ông Phạm Viết Muôn. Cơ cấu HĐQT hiện tại được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Danh sách chi tiết các thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Thành viên	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2021 (*)(**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2021 (*)(***)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT Người đại diện theo pháp luật	1962	10.209.044	1,693%	6.284.700	0,638%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc *Người được ủy quyền CBTT*	1967	1.512.000	0,25%	2.792.999	0,284%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT Trưởng Ủy ban Kiểm toán *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1951	148.800	0,024%	115.700	0,012%
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban Kiểm toán *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1954	92.800	0,015%	145.199	0,015%
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1991	1.044.000	0,173%	1.865.999	0,189%
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1963	0	0,000%	0	0,000%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông
(**) Tỷ lệ được tính trên 602.945.613 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 01/01/2021
(***) Tỷ lệ được tính trên 984.750.022 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2021

Đa số các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
5	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư kí Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
6	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng hoàn tất Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 3 (DCP3) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức tháng 08/2019.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành Nghị quyết và chỉ đạo Ban Lãnh đạo thực hiện nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, và bằng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Những tài liệu này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được công bố thông tin theo quy định.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty, tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực cũng như trên thế giới. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các Cổ đông;
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông và quyền lợi của Người lao động, tôn trọng Đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các Nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới;
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp, thông qua 25 Nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đại dịch Covid-19 đã khiến các thành viên HĐQT phải thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tiếp xúc trực tiếp, nên các cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong đó, 100% các thành viên tham dự đủ 12/12 cuộc họp.



Chi tiết về các Nghị quyết đã được thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2021/NQ-HĐQT	05/02/2021	Thông qua việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi được phát hành ngày 09/02/2018 thành cổ phiếu phổ thông theo yêu cầu của Trái chủ
2.	02/2021/NQ-HĐQT	19/03/2021	Bổ sung Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020 quy định về chào bán chứng quyền có bảo đảm năm 2021
3.	03/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ và Điều 1 Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện các công việc liên quan
4.	04/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP
5.	05/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và tổ chức họp theo hình thức trực tuyến
6.	06/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua tiêu chí phân bổ cổ phiếu theo chương trình ESOP
7.	07/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP
8.	08/2021/NQ-HĐQT	19/04/2021	Thông qua thay đổi tên và địa điểm đặt Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh
9.	09/2021/NQ-HĐQT	19/04/2021	Thông qua thay đổi tên và địa điểm đặt Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo
10.	10/2021/NQ-HĐQT	28/04/2021	Thông qua kế hoạch kinh doanh và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
11.	11/2021/NQ-HĐQT	03/06/2021	Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2020
12.	12/2021/NQ-HĐQT	03/06/2021	Thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
13.	13/2021/NQ-HĐQT	25/06/2021	Thông qua sửa đổi Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT về chào bán chứng quyền có bảo đảm năm 2021
14.	15/2021/NQ-HĐQT	07/07/2021	Thông qua nguồn vốn phát hành cổ phiếu thưởng
15.	19/2021/NQ-HĐQT	13/09/2021	Thành lập Phòng giao dịch Công trường Mê Linh
16.	20/2021/NQ-HĐQT	13/09/2021	Bổ sung Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐQT về chào bán chứng quyền có bảo đảm năm 2021
17.	21/2021/NQ-HĐQT	11/10/2021	Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
18.	22/2021/NQ-HĐQT	20/10/2021	Thông qua chào bán chứng quyền trong năm 2022; và thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ
19.	23/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
20.	24/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao đồng theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ
21.	25/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ
22.	26/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
23.	27/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua tiêu chí phân bổ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
24.	28/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ
25.	29/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2020, soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2021;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro, chủ động rà soát hệ thống, đảm bảo an toàn;
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tại các mảng nghiệp vụ trọng yếu, phù hợp với định hướng, chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ;
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của Công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; thực hiên chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 cho Cổ đông;
- Lên kế hoạch sử dụng nguồn vốn huy động từ các đợt phát hành trong năm và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Đề xuất kế hoạch huy động vốn để tăng nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban Chiến lược Phát triển được thành lập ngày 25/10/2019 và đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và quy chế hoạt động. Tiểu ban Chiến lược Phát triển có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty. Từ năm 2020 đến nay, Tiểu ban Chiến lược tiếp tục triển khai các dự án theo lộ trình đề ra.

Ngày 27/06/2020, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT được thành lập theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT cũng đã tiến hành bổ nhiệm các thành viên của Ủy ban Kiểm toán, là thành viên HĐQT độc lập, có chức năng kiểm tra, đánh giá độc lập hoạt động của Công ty. Chi tiết hoạt động của Ủy ban Kiểm toán sẽ được trình bày dưới đây.

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020, ĐHĐCĐ thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình hoạt động có Uỷ ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT, và không còn Ban Kiểm soát.

Ủy ban Kiểm toán được thành lập bao gồm 02 thành viên HĐQT độc lập là ông Ngô Văn Điểm (Trưởng ban) và ông Phạm Viết Muôn (Thành viên).

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1.	Ngô Văn Điểm	Trưởng ban	09/10/2020	Tiến sĩ kinh tế, Cử nhân chính trị
2.	Phạm Viết Muôn	Thành viên	09/10/2020	Tiến sĩ kinh tế

Năm 2021, Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành 02 cuộc họp vào ngày 15/04/2021 và 10/12/2021 với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- Ủy ban Kiểm toán và Thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban Kiểm toán báo cáo cho Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên về hoạt động của Ủy ban và kết quả giám sát năm 2020;
- Rà soát các hoạt động của Công ty, các Báo cáo tài chính để có phương án, kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm;
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và thực hiện các nội dung còn lại của Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trong kỳ;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của bộ phận KTNB, KSNB và QTRR.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

Hoạt động của Công ty trong năm 2021 đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, công ty niêm yết tại HOSE. Những người nội bộ và người có liên quan thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin trước và sau khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai thi hành đầy đủ.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, Ủy ban Kiểm toán sẽ tập trung vào những công việc sau:

- Hoàn thiện các văn bản liên quan đến hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, cơ chế phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận thuộc Khối Quản trị của Công ty để thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình;
- Tiếp tục phối hợp với Kiểm toán độc lập rà soát phạm vi và nội dung công việc của Kiểm toán độc lập, tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Lên kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty trong năm;
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của năm 2022.



HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể là:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT;
- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;
- Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT;
- Thường xuyên gặp gỡ Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa HĐQT với Tổng giám đốc;
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên HĐQT với Chủ tịch HĐQT;
- Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ đông;
- Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập HĐQT hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong HĐQT;
- Đảm bảo việc HĐQT gửi Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo hoạt động của Công ty, Báo cáo kiểm toán và Báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- Điều hành hoạt động của Hội đồng Đầu tư;
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về QTRR cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty;
- Tham gia quản lý, điều hành các hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, các tiểu ban trực thuộc HĐQT và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên về các mặt hoạt động, bao gồm đánh giá về hệ thống KSNB và QTRR.

Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn cho kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khi làn sóng dịch Covid-19 chưa chấm dứt, các nước tiến hành các biện pháp phong tỏa phòng chống dịch làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Thành phố Hồ Chí Minh, đầu tàu kinh tế của Việt Nam, chịu tác động tiêu cực khi phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, phong tỏa nghiêm ngặt để phòng, chống dịch trong suốt khoảng thời gian từ 31/5/2021 đến 30/9/2021. Không chỉ Thành phố Hồ Chí Minh mà nhiều địa phương kinh tế trọng điểm khác phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài trong Quý 3 để phòng, chống dịch bệnh; ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, dẫn đến GDP Q3.2021 giảm 6,02% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, song song với việc thực hiện giãn cách phòng chống dịch, vắc-xin ngừa Covid-19 cũng đã được nhập khẩu về Việt Nam qua nhiều kênh khác nhau. Đến đầu năm 2022, Việt Nam đã thực hiện thành công chiến lược vắc-xin "đi sau – về trước" với chiến dịch tiêm chủng lớn nhất từ trước tới nay, trở thành một trong sáu nước có tỷ lệ bao phủ tiêm vắc-xin cao nhất trên thế giới. Thành công của chiến lược tiêm chủng đã giúp Việt Nam phục hồi các hoạt động kinh tế từ các tháng cuối năm 2021. Tăng trưởng GDP năm 2021 ước đạt 2,58%.

Tuy vậy, có thể đánh giá năm 2021 là một năm thành công của TTCK nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng, trong đó có SSI. Do đặc thù của hoạt động giao dịch chứng khoán và sự đầu tư cho hệ thống giao dịch điện tử của các Sở Giao dịch, các công ty chứng khoán cũng như các ngân hàng phục vụ cho giao dịch tiền của nhà đầu tư, hoạt động giao dịch chứng khoán trong năm 2021 không những không bị gián đoạn mà còn là một điểm sáng của nền kinh tế. Thị trường bùng nổ về thanh khoản và số lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Các công ty chứng khoán đa số đều đạt kết quả hoạt động năm 2021 rất ấn tượng.

Đối với SSI, lợi nhuận trước thuế hợp nhất cả năm 2021 đạt 3.365 tỷ VNĐ, vượt xa so với kế hoạch năm là 1.870 tỷ VNĐ và hơn gấp đôi so với kết quả 1.558 tỷ VNĐ của năm 2020. Đây là mức lợi nhuận cao kỷ lục của SSI trong 21 năm hoạt động, khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản của SSI đạt 50.793 tỷ VNĐ tăng 42% so với mức đầu năm, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 14.220 tỷ VNĐ. Trong năm 2021, quy mô vốn điều lệ của SSI cũng tăng từ 6.029 tỷ VNĐ lên đến 9.847,5 tỷ VNĐ vào cuối năm và dự kiến tăng đến gần 15.000 tỷ VNĐ vào năm 2022 khi kế hoạch chào bán thêm cổ phiếu với tỉ lệ 2:1 của Công ty được thực hiện.

Kết quả kinh doanh nói trên đã phản ánh những nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể Nhân viên Công ty trong "năm Covid thứ hai" khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô, vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một số nhóm hoạt động đã được thực hiện có thể kể đến bao gồm:

- Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến, bao gồm cung cấp thông tin thị trường, mở tài khoản giao dịch, chuyển tiền điện tử, tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch và thanh toán sau giao dịch;
- Bảo vệ an toàn sức khỏe Nhân viên và gia đình; áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho Khách hàng giao dịch chứng khoán;
- Cung cấp các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng giao dịch điện tử và nhu cầu của các Nhà đầu tư mới tham gia thị trường;
- Gia tăng quy mô vốn qua việc huy động tăng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay nhằm bảo đảm an toàn tài chính và bắt kịp với sự gia tăng quy mô thị trường, đáp ứng nhu cầu vốn của Nhà đầu tư;
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược hoạt động an toàn, phòng ngừa rủi ro từ xa.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Để đạt được kết quả kinh doanh năm 2021 ấn tượng như trên, không thể không kể đến sự đóng góp của Ban Tổng giám đốc, các thành viên trong Ban Lãnh đạo và toàn thể Cán bộ, Nhân viên của SSI. HĐQT đánh giá cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc năm vừa qua. Với các kinh nghiệm chống dịch tích lũy được từ năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã kịp thời đưa ra các giải pháp, sản phẩm mới, tận dụng được cơ hội thị trường để đưa Công ty đạt được mức lợi nhuận kỷ lục trong 21 năm hoạt động, tăng đáng kể quy mô vốn của Công ty và không để xảy ra rủi ro.

Kế hoạch triển khai tiêm phòng vắc-xin cho toàn thể Nhân viên thành công cùng với việc thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng, chống dịch theo khuyến cáo của Cơ quan chức năng đã góp phần bảo vệ nguồn nhân lực, bảo đảm an toàn sức khỏe cho Nhân viên và gia đình, giúp cho họ an tâm làm việc. Công ty cũng đã tận dụng các lợi ích của hệ thống công nghệ thông tin, thay đổi quy trình nghiệp vụ, cho phép Nhân viên làm việc linh hoạt tại nhà khi dịch bệnh diễn biến phức tạp mà không làm ảnh hưởng đến năng suất lao động và vẫn đáp ứng tốt nhu cầu của Khách hàng. Các kênh báo cáo, quản trị, giám sát cũng được chuyển sang thực hiện trực tuyến để đảm bảo yêu cầu quản trị.

Cũng trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã đẩy mạnh việc phân quyền xử lý công việc, dự phòng nhân sự, thiết kế lại các quy trình nghiệp vụ thích ứng với tình hình phần lớn công việc được xử lý trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa các Nhân viên trong cùng Bộ phận, giữa các Bộ phận với nhau và giữa Công ty và Khách hàng, Đối tác, Cơ quan Quản lý.

Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2022

Kết quả kinh doanh năm 2021 với lợi nhuận đạt mức kỷ lục như đã trình bày ở phần trên là một thách thức lớn cho Công ty khi xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2022. Tuy nhiên, kết quả này cũng cho thấy với sự nỗ lực của tập thể và việc tận dụng các thế mạnh của Công ty, tận dụng các cơ hội từ thị trường, Công ty có thể đạt được các thành tựu cao hơn nữa trong năm 2022 và các năm tiếp theo. HĐQT Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2022 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của Cổ đông và nguồn vốn vay;
- Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các sản phẩm mới như thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, giao dịch trong ngày v.v…
- Tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các Bên liên quan.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Quỹ hoạt động của HĐQT SSI được ĐHĐCĐ thông qua là 3 tỷ VNĐ cho năm tài chính 2021, theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2021 của ĐHĐCĐ.

Chế độ thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiêm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)		✓	✓		✓	✓
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc		✓	✓		✓	✓
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên	✓			✓		
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên	✓			✓		
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	✓			✓		
6	Hironori Oka	Thành viên	✓					

VỀ THÙ LAO CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2021

Cụ thể về thù lao và tiền lương của từng thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc SSI năm 2021 như sau:

Họ tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	6.545.900.000	-
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	4.660.900.000	-
Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	-	504.900.000
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	-	1.645.500.000
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	-	300.000.000
Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI THEO KỲ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của Quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

PHÂN BỔ ESOP ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020 và Điều 1 Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2020 của ĐHĐCĐ, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những Cán bộ Nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Đợt phát hành ESOP 2020 hoàn thành vào ngày 03/06/2021. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

Họ tên	Chức danh	Số lượng CP đăng ký mua
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	900.000
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	700.000
Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	30.000
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	30.000
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty, chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác, chế độ khám sức khỏe định kỳ, v.v.) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).



QUẢN TRỊ RỦI RO

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA SSI

Năm 2021 dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất nghiêm trọng tuy nhiên đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy TTCK có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng nhà đầu tư mới và thanh khoản thị trường. Năm 2021, các nguy cơ rủi ro hoạt động liên quan đến dịch Covid-19 luôn ở mức rất cao, bên cạnh đó là rủi ro tín dụng từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ cũng tăng cao hơn do dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng trưởng bùng nổ (tại thời điểm 31/12/2021 tăng 151% so với 31/12/2020) kèm theo đó là mức độ biến động giá tăng/giảm mạnh trong một khoảng thời gian ngắn của một số cổ phiếu. Tuy nhiên, với chiến lược hoạt động rõ ràng từ Ban Lãnh đạo, cùng nguồn nhân lực chất lượng cao, SSI đã nắm bắt thời cơ, cũng như kịp thời ứng phó với biến động thị trường và các khó khăn đến từ dịch bệnh. Năm 2021 tiếp tục là một năm chứng kiến sự tăng trưởng vượt trội của SSI về số lượng khách hàng mới, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, lợi nhuận và các rủi ro tiếp tục được hạn chế ở mức thấp nhất, luôn nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Hoạt động kinh doanh được duy trì liên tục, không có gián đoạn ngay cả trong giai đoạn giãn cách xã hội và dịch bệnh diễn biến nghiêm trọng, sự an toàn tuyệt đối về sức khỏe của người lao động được đảm bảo.

Cụ thể, một số nhóm hành động ứng phó với rủi ro dịch Covid-19, tiếp tục được thực hiện quyết liệt:

- Thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch để chủ động xây dựng kế hoạch, tiếp nhận, xử lý thông tin đối nội – đối ngoại, truyền thông các biện pháp giữ an toàn cho người thân và cộng đồng, đảm bảo thông tin đến cán bộ, nhân viên được đầy đủ và xuyên suốt;
- Sẵn sàng phương án bảo vệ tài chính liên quan đến rủi ro sức khỏe cho cán bộ, nhân viên;
- Nền tảng công nghệ luôn sẵn sàng cho việc thay đổi hình thức làm việc trực tiếp sang trực tuyến, cũng như đáp ứng tốt nhu cầu mở tài khoản và giao dịch trực tuyến tăng rất mạnh của khách hàng trong năm 2021 ngay trong những giai đoạn giãn cách xã hội nặng nề nhất;
- Triển khai cho nhân sự làm việc tại nhà 100% tại nhiều văn phòng tại khu vực phía Nam (chỉ duy trì dưới 10 nhân sự trực vận hành tại Hội sở), văn phòng tại các khu vực khác ít nhất 50% nhân sự làm việc tại nhà và khuyến khích các bộ phận cho nhân viên làm việc tại nhà ở mức tối đa;
- Các hoạt động tuyển dụng – đào tạo cũng được duy trì ổn định nhằm đảm bảo nhu cầu nguồn lực cũng như nhu cầu đào tạo, phát triển của cán bộ, nhân viên;
- Thúc đẩy Văn hóa Doanh nghiệp, tạo gắn kết giữa nhân sự với Công ty cũng như gắn kết nhân sự trong các Bộ phận và giữa các Bộ phận thông qua việc tăng cường trao đổi trực tuyến, cập nhật ngay lập tức các tình huống nhân sự nhiễm Covid và/hoặc gặp khó khăn để động viên, hỗ trợ, chia sẻ kịp thời;
- Liên tục tuyên truyền cho toàn bộ nhân sự các chính sách của Nhà nước về tiêm chủng, hỗ trợ người lao động trong giai đoạn Covid-19.

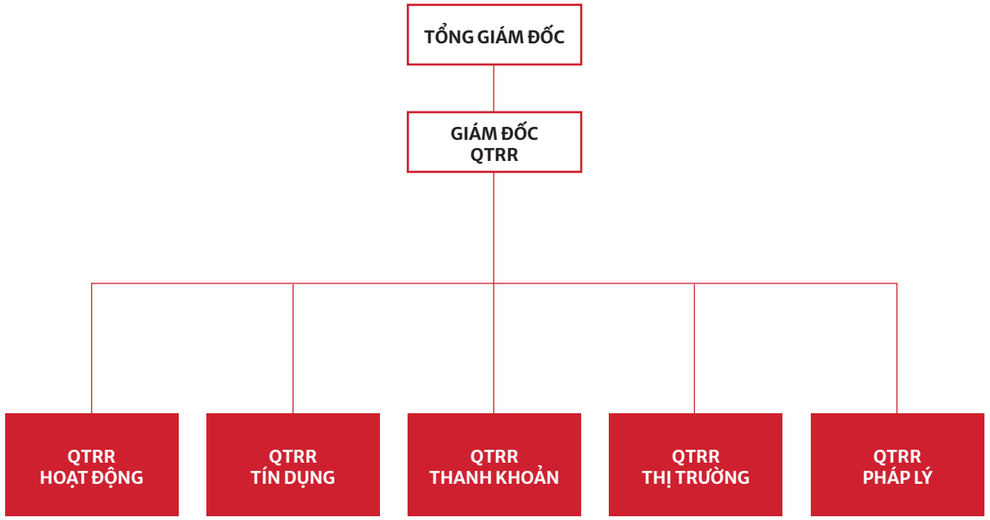
Trong năm 2021, hệ thống chính sách, quy trình về Quản trị Rủi ro (QTRR) của Công ty tiếp tục được đánh giá lại, hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động QTRR phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro tiếp tục được tiến hành và phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong Công ty bằng hình thức trực tuyến.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT của Công ty với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ của Công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm giúp xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các bộ phận Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và Kiểm toán Nội bộ (KTNB).

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



HOẠT ĐỘNG QTRR ĐƯỢC TIẾN HÀNH CỤ THỂ THEO TIẾN TRÌNH 5 BƯỚC NHƯ SAU

1 Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB, và Kiểm toán Độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/khả năng xảy ra trong tương lai;
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ;
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh;
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, KTNB, KSNB;
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh và chính sách pháp luật;
- Các yếu tố từ bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, biến động địa chính trị thế giới v.v...

2 Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính;
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước;
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần;
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu;
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3 Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất, mức có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT;
- Tình hình thực tế vận hành của các Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận Nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên Tổng giám đốc phê duyệt.

Tổng giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

4 Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày, chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, một số hạn mức khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước, hoặc cả hai.



Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các Bộ phận Nghiệp vụ, các Bộ phận Kinh doanh – nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự hướng dẫn, giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

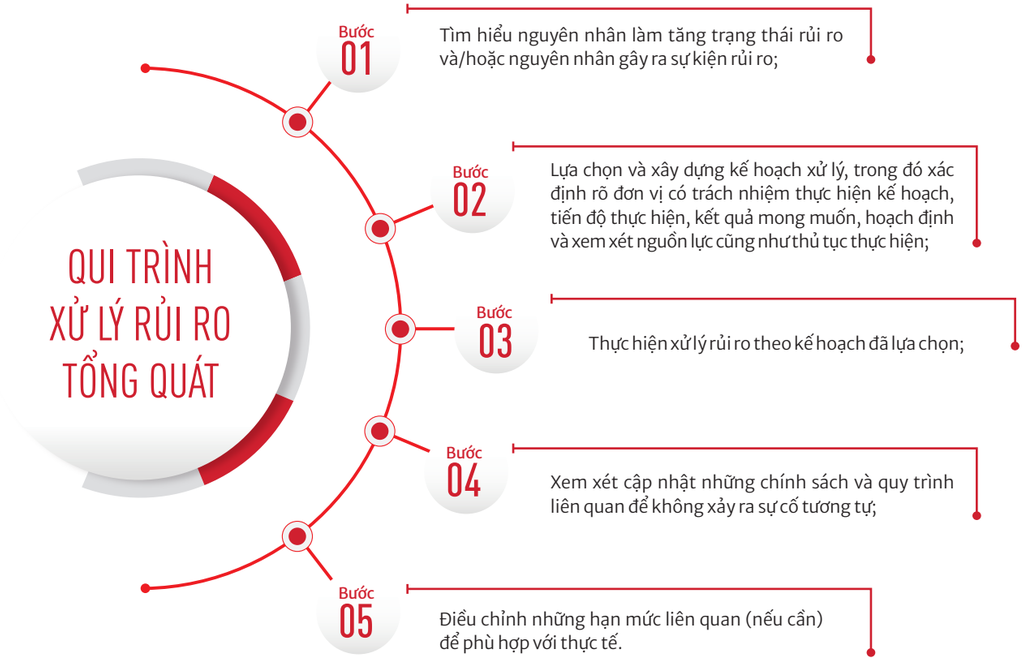
Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, Bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các bộ phận nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.

5 Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro v.v...

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- **Chấp nhận rủi ro:** Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro;
- **Tránh rủi ro:** Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty;
- **Giảm thiểu rủi ro:** Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai;
- **Chia sẻ rủi ro:** Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh;
- **Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro** để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.



Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của SSI là: Rủi ro Thị trường, Rủi ro Tín dụng, Rủi ro Thanh khoản, Rủi ro Tuân thủ, Rủi ro Pháp lý, Rủi ro Hệ thống Công nghệ Thông tin, Rủi ro Thương hiệu, Rủi ro Quản trị Nguồn nhân lực. Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, không sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên nên Rủi ro về Môi trường đối với Công ty là không đáng kể.

Chi tiết mỗi loại rủi ro trọng yếu cùng cách thức kiểm soát và kết quả năm 2021 sẽ được trình bày dưới đây.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG



Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, có thể do các yếu tố như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, chiến tranh cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với Bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2021 hơn 14.200 tỷ VNĐ, tổng tài sản lên tới trên 50.000 tỷ VNĐ lớn gấp hơn 1,4 lần so với cuối năm 2020, dư nợ cho vay ký quỹ tăng hơn 2,5 lần là những mức tăng kỷ lục, dòng tiền ra/vào, tăng/giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của Khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời gian nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Biến động lãi suất trong năm 2021 không lớn nhưng Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI vẫn tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của Chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán.

Trong năm 2021, SSI đã tận dụng tốt các cơ hội của thị trường để thoái vốn các khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng, bên cạnh đó đầu tư vào những công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, có tiềm năng phát triển ổn định. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI sẽ cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Điều hành tại doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty.

Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Năm 2021 thị trường chịu tác động lớn bởi dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 9 tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, nên thị trường đã trải qua một nhịp điều chỉnh nhanh xấp xỉ 12% trong trung tuần tháng 7 rồi tiếp tục dao động mạnh trong hai tháng kế tiếp. Dù vậy, với cách tiếp cận thận trọng xuyên suốt trải qua nhiều giai đoạn thị trường khác nhau từ quá khứ, SSI đã theo sát mọi diễn biến và có những điều chỉnh cần thiết, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh từ biến động thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh. Năm 2021 không ghi nhận trường hợp khách hàng nào giao dịch chứng khoán phái sinh bị mất khả năng thanh toán dẫn tới rủi ro tín dụng cho Công ty.

Nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

Năm 2021, SSI tiếp tục duy trì vị thế là một trong những công ty dẫn đầu thị trường về giá trị phát hành và giá trị giao dịch với 20 mã chứng quyền có bảo đảm hoàn thành việc đáo hạn trong năm và 24 mã chứng quyền được phát hành mới. Xét riêng trên phương diện thanh khoản thị trường chứng quyền, SSI luôn nằm trong Top 3 nhà phát hành có chứng quyền được Nhà đầu tư lựa chọn giao dịch nhiều nhất tương ứng với thị phần xấp xỉ 30%.

Để duy trì được thành tích trên trong năm qua, SSI đã phối hợp nhịp nhàng giữa tạo lập thị trường với phòng ngừa rủi ro, để đảm bảo Nhà đầu tư có thể mua bán các chứng quyền do SSI phát hành với khối lượng giao dịch lớn một cách dễ dàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị được rủi ro thị trường do biến động của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra SSI cũng thực hiện các phân tích thống kê, đánh giá và tối ưu hóa chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với từng cổ phiếu cụ thể. Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện hàng ngày bởi Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận QTRR, và được báo cáo hàng ngày cho HOSE.



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, khách hàng giao dịch phái sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị ký quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi Đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.



Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các Tổ chức Tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của Tổ chức Tài chính, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Tổ chức Tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 21 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.

Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu;
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi có thông tin xấu liên quan đến cổ phiếu và/hoặc nhóm ngành cụ thể;
- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
  - Tổng hạn mức cho vay ký quỹ;
  - Hạn mức tối đa trên 1 khách hàng;
  - Hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu;
  - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn;
  - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ v.v…
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch v.v…
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay v.v…
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

NĂM 2021

30% – 32%
Tỷ lệ vay trên giá trị

23.000 TỶ VNĐ
Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ

22.000 TÀI KHOẢN
Vay ký quỹ không phát sinh nợ xấu

Trong năm 2021, thị trường đã có sự tăng trưởng bùng nổ kèm theo đó là dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của SSI tăng trưởng mạnh sau mỗi quý. Đồng thời, cạnh tranh thị phần gay gắt trong năm 2021 kéo theo những cạnh tranh mạnh mẽ về các điều kiện cho vay giao dịch ký quỹ tại các công ty chứng khoán nhằm thu hút khách hàng. Áp lực đến từ sự so sánh các loại hạn mức, các điểm linh hoạt trong chính sách cho vay và QTRR rất lớn. SSI đã thực hiện chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, cải tiến cách thức xây dựng danh mục cổ phiếu cho vay, phân hóa điều kiện giữa các nhóm cổ phiếu, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, bám sát thị trường hàng ngày và tình hình giao dịch của khách hàng để điều tiết chính sách cho vay phù hợp với tình hình thị trường. Do vậy, mặc dù thị trường có những giai đoạn biến động mạnh cũng như có những cổ phiếu có những giai đoạn biến động giá tăng/giảm mạnh nhưng đã không có bất cứ rủi ro nào xảy ra với hoạt động cho vay của SSI. Tỷ lệ vay trên giá trị (Loan to Value) bình quân giữ ổn định ở mức 30% – 32%. Năm 2021, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đã lên tới trên 23.000 tỷ VNĐ (thời điểm cuối năm 2021) và số lượng tài khoản vay giao dịch ký quỹ tăng từ hơn 12.000 tài khoản từ đầu năm lên tới 22.000 tài khoản nhưng không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Có thể coi đây là một thành công đáng kể trong việc QTRR trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ của SSI.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kĩ càng và chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý. Tổng Doanh số Trái phiếu SSI thực hiện mua trong năm 2021 hơn 11 nghìn tỷ VNĐ, tăng hơn 300% so với năm 2020.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của Nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các Nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 320 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở, hơn 50 nghìn tài khoản phái sinh, rải rác tại các chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân gần 8.000 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2021, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đã có sự tăng trưởng bùng nổ mỗi quý và xác lập mức kỷ lục mới với trên 23 nghìn tỷ VNĐ. Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2021 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 323% đến 422%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.

Tỷ lệ vốn khả dụng năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tỉ lệ	333%	339%	368%	323%	378%	373%	378%	332%	341%	395%	422%	358%

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin cũng như đưa ra các cảnh báo.

	Báo cáo	**Tần suất**
Kế toán	Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng	Hàng ngày
	Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	Báo cáo dòng tiền đầu ngày	Hàng ngày
	Báo cáo kế hoạch dòng tiền	Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán	Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách	Hàng ngày
	Báo cáo thanh toán cổ tức	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ	Hàng ngày và khi có phát sinh
	Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ	Hàng ngày
	Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua	Khi có phát sinh
	Báo cáo nguồn cho vay margin còn lại	Hàng ngày
Quản trị Rủi ro	Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng	Hàng tháng
	Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản	Hàng ngày/Hàng tháng
	Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền…)	Hàng tháng

RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với SSI về rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin. Tuy nhiên, SSI đã hoàn thành tốt các công việc chuẩn bị, diễn tập cũng như ứng phó với các tình huống có nguy cơ cao mà không ảnh hưởng tới dịch vụ đang cung cấp cho khách hàng. Bộ phận Công nghệ Thông tin (CNTT) SSI không những tập trung chuẩn bị ứng phó với các đợt tấn công từ không gian mạng (Cyber-Attack) mà còn đầu tư nguồn lực để phòng chống cũng như bảo vệ hệ thống khỏi những mối đe dọa an ninh mạng từ nội bộ (Insider Threat).



Về rủi ro tấn công từ không gian mạng

Công ty đã cải tiến trong việc giám sát để phát hiện và ngăn ngừa với mục tiêu trọng tâm là giám sát hoạt động tại thiết bị đầu cuối cũng như dò quét các bất thường trong hoạt động của các hệ thống CNTT để có những cảnh báo sớm cũng như những hoạt động phòng ngừa chủ động và tiến hành các hoạt động chủ yếu sau:

- Điều chỉnh chính sách bảo mật thông tin để mở rộng phạm vi sang hầu hết tất cả khía cạnh;
- Thực hiện các hoạt động đánh giá lỗ hổng bảo mật định kỳ thường xuyên hơn và phạm vi lớn hơn cho toàn bộ hệ thống CNTT;
- Cảnh bảo sớm và rà soát toàn bộ phần mềm an ninh thông tin trước khi được cài đặt và đưa vào hoạt động chính thức tại SSI;
- Làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ Internet cũng như các công ty về an ninh mạng để tăng băng thông bảo vệ, kênh dự phòng cũng như các cơ chế phòng chống tấn công từ chối dịch vụ DDoS (Distributed Denial of Service);
- Đa dạng hóa trong việc sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, đảm bảo dự phòng và mở rộng linh hoạt cũng như điều hướng dịch vụ để giảm thiểu ảnh hưởng của dịch vụ trước các cuộc tấn công mạng;
- Đầu tư cả về công nghệ lẫn nguồn lực về con người để hoàn thiện và nâng cao năng lực của Trung tâm Điều hành An ninh Thông tin (Security Operation Center – SOC).

Về rủi ro từ các mối đe dọa an ninh mạng từ nội bộ

Đây là mối đe dọa độc hại xuất phát từ các cá nhân trong tổ chức, chẳng hạn như nhân viên, cựu nhân viên, nhà thầu hoặc cộng tác viên kinh doanh, những người có thông tin liên quan đến thực tiễn bảo mật, dữ liệu và hệ thống máy tính của tổ chức. Do đó ngoài việc bảo vệ tốt từ các đợt tấn công từ không gian mạng, SSI vẫn phải thực hiện những chương trình để giảm thiểu ảnh hưởng của những mối đe dọa từ nội bộ bằng cách đào tạo nâng cao nhận thức của Cán bộ Nhân viên cũng như xây dựng các hệ thống để hỗ trợ trong việc phòng chống thất thoát dữ liệu.

- Xây dựng hệ thống Phòng chống thất thoát dữ liệu DLP (Data Loss Prevention);
- Dán nhãn và phân loại tài liệu để kiểm soát và quản lý tài liệu nội bộ với các mức độ bảo mật thông tin tương ứng;
- Tiến hành đào tạo, nâng cao nhận thức về An ninh thông tin, xây dựng sổ tay bảo mật thông tin, hướng dẫn Cán bộ Nhân viên khi làm việc từ xa, sử dụng trình bảo vệ màn hình máy tính (PC Screensaver) và các hoạt động truyền thông nội bộ khác được thực hiện một cách liên tục trong năm.

Hoạt động rủi ro CNTT cũng được đẩy mạnh trên tất cả các khía cạnh, từ đầu tư để đảm bảo mức độ dự phòng cho hạ tầng mạng và trung tâm dữ liệu cũng như máy chủ và thiết bị lưu trữ. Đối với những ứng dụng phục vụ giao dịch, cơ chế dự phòng N+2 đã được áp dụng, hiệu năng của hệ thống được giám sát và đánh giá liên tục đảm bảo tải hệ thống không vượt quá 50%, sử dụng các hệ thống cân bằng tải để linh hoạt điều hướng lưu lượng người dùng cũng như mở rộng hệ thống. Hệ thống cổng thông tin phục vụ giao dịch cho khách hàng của SSI được chia tải và hoạt động đồng thời tại ba nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây cũng như hạ tầng máy chủ Công ty tại Trung tâm dữ liệu và Trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo mở rộng linh hoạt khi lượng giao dịch tăng đột biến mà không ảnh hưởng tới trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ.

Hướng tới năm 2022, hoạt động cải tiến liên tục của SSI được tiến hành trên cả ba khía cạnh chính:

HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Đối với việc ứng phó với các tân công từ không gian mạng: Tiếp tục tập trung vào các hoạt động giám sát, diễn tập xây dựng năng lực ứng phó với các đợt tấn công cũng như cải tiến quy trình phản ứng với các rủi ro, nguy cơ và các đợt tấn công từ không gian mạng. Tập trung vào công tác cải tiến để phát hiện sớm những bất thường, áp dụng công nghệ mới để phát hiện và ngăn chặn các đợt tấn công mạng sớm nhất để giảm thiểu ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với các mối đe dọa an ninh mạng từ nội bộ: Tiếp tục tiến hành các hoạt động truyền thông, đào tạo định kỳ cho Cán bộ Nhân viên Công ty, tối ưu hóa hệ thống phòng chống thất thoát thông tin cũng như các quy định về quản lý ghi nhãn và phân loại tài liệu trong Công ty. Tiến hành giám sát các bất thường để có các hành động khắc phục và phòng ngừa một cách kịp thời.

Đối với rủi ro công nghệ và rủi ro nhận thức: Tiến hành nghiên cứu và triển khai các công nghệ mới và phù hợp nhất cho các hệ thống giao dịch đảm bảo tính khả dụng cao, khả năng dự phòng cũng như khôi phục hệ thống tức thì, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới khách hàng. Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ cũng như kiến trúc phát triển sản phẩm và dịch vụ theo hướng kiến trúc giải pháp vi mô (micro-services). Linh hoạt trong cách xây dựng và triển khai sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo tính dự phòng ở cả ba mức độ là mức dịch vụ, mức hệ thống và xây dựng hệ thống ở các vị trí khác nhau cùng hoạt động đồng thời thông qua các cơ chế cân bằng tải và điều hướng lưu lượng người sử dụng.



RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được cấp lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm, cũng như đưa ra nhiều chính sách để phòng ngừa, hạn chế. Trong năm 2021, vừa là giai đoạn số hóa phát triển mạnh mẽ, vừa phải đối mặt với nhiều thách thức do tình hình dịch bệnh kéo dài, Công ty đã không ngừng nâng cấp hệ thống công nghệ để phát triển các hình thức kinh doanh trực tuyến, đồng thời tạo các phương tiện để nhân viên làm việc từ xa, duy trì sự ổn định và tăng trưởng. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ cũng là nguy cơ gây ra các rủi ro tuân thủ mới mà Công ty có thể đối mặt. Trong môi trường làm việc trực tuyến mới, việc đảm bảo sự tuân thủ của Nhân viên Công ty đối với các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp càng được chú trọng và có những định hướng, cách thức kiểm soát phù hợp. Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ, Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp sau đây:

1. Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động. Một quy trình sẽ được xây dựng với sự tham gia của các phòng ban có liên quan và ý kiến pháp lý của phòng Luật, để đảm bảo có tính ứng dụng trong thực tế nhưng vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật. Quy trình có sự báo cáo, kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để kiểm soát được nghiệp vụ về nhiều mặt hoạt động, kịp thời phát hiện các thiếu sót để có hướng thay đổi phù hợp;

2. Tăng cường các hoạt động đào tạo về tuân thủ, xây dựng phần mềm đào tạo tuân thủ theo hình thức trực tuyến để đảm bảo tất cả nhân viên có thể tham gia, nhanh chóng tiếp cận với các quy định pháp luật, chính sách nội bộ của Công ty. Hoạt động đào tạo cho nhân viên bao gồm cả tham gia các lớp bên ngoài, hội thảo, diễn đàn và các lớp đào tạo nội bộ với nhiều chủ đề đa dạng, như về văn bản pháp luật mới tùy thuộc vào chuyên môn, nghiệp vụ mỗi phòng ban, các lớp về QTRR, KSNB, phòng chống rửa tiền, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm hành chính, hình sự liên quan đến lĩnh vực Chứng khoán và TTCK, cũng như đào tạo về các quy trình, quy chế, hướng dẫn nghiệp vụ,... Công ty cũng thường xuyên cử các cán bộ chuyên trách đến tham gia các buổi hội thảo, đào tạo, đóng góp ý kiến hoặc phổ biến quy định pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3. Áp dụng nhiều kênh tuyên truyền nội bộ về pháp luật và quy định nội bộ như hệ thống Intranet, fanpage, email với các loại hình bản tin nội bộ, các thông báo, cảnh báo an toàn để nhân viên dễ dàng tiếp cận và hiểu hơn về trách nhiệm của bản thân và chủ động tuân thủ. Công ty cũng đang xây dựng một hệ thống quản lý văn bản pháp luật, văn bản nội bộ như một thư viện tài liệu tổng hợp để tất cả nhân viên Công ty có thể tra cứu, tìm hiểu, vận dụng trong công việc;

4. Việc tiếp nhận, giải đáp những thắc mắc và đưa ra hướng giải quyết đối với những vấn đề phát sinh liên quan giữa việc áp dụng quy định theo các quy trình và thực tiễn hoạt động cũng được Công ty đặc biệt chú trọng;

5. Duy trì và phát triển chặt chẽ hệ thống ba tuyến phòng thủ, trong đó đảm bảo công tác kiểm soát được thực hiện từ khâu đầu vào, các phòng nghiệp vụ, có sự đánh giá, phân tích của bộ phận QTRR nhằm khoanh vùng, phân loại những rủi ro tuân thủ, và kiểm soát sau của bộ phận KSNB và KTNB;

6. Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý;

7. Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty. Bên cạnh việc áp dụng nghiêm khắc xử lý kỷ luật đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty, việc rà soát, lập danh sách các trường hợp vi phạm để chủ động răn đe, phòng ngừa tái vi phạm cũng được tiến hành đầy đủ và nghiêm túc;

8. Tăng cường hơn nữa sự kết nối, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tất cả các bộ phận của Công ty để đảm bảo sự năng suất, hiệu quả, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.



Bộ phận KSNB áp dụng phương pháp kiểm soát dựa trên rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm soát, đảm bảo hoạt động kiểm soát phù hợp với những rủi ro mục tiêu được xác định tại SSI. Dựa trên hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện, KSNB sẽ tập trung ưu tiên kiểm soát tại các bộ phận có tính rủi ro cao ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của SSI và có kế hoạch tái kiểm soát định kỳ hợp lý.

Năm 2021, đã có những hoạt động theo chức năng phòng vệ như sau:

- Thực hiện 30 cuộc kiểm soát, chủ yếu dưới hình thức trực tuyến nhằm đánh giá và đề xuất cải tiến các kiểm soát chưa hiệu quả hoặc hiệu quả chưa cao trong phần lớn các hoạt động của Công ty;
- Cập nhật các quy định mới của pháp luật và hoạt động của Công ty, đặc biệt SSI đang triển khai đẩy mạnh kênh giao dịch trực tuyến, số hóa hệ thống hồ sơ và các sản phẩm liên quan để đưa ra các đề xuất hoặc đánh giá rủi ro phù hợp.
- Định kỳ rà soát, đề nghị cập nhật, xây dựng các quy trình, quy định liên quan đến các hoạt của Công ty;
- Thực hiện trình các đề xuất lên Ban giám đốc với các phát sinh phát hiện giúp làm rõ vấn đề chưa được tuân thủ hoặc chưa tuân thủ đúng.

Định hướng năm 2022, KSNB sẽ tiếp tục thực hiện các chức năng nêu trên, đồng thời sẽ từng bước thiết lập chương trình kiểm soát phù hợp với số hóa các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Năm 2021, Bộ phận KTNB đã thực hiện rà soát định kỳ hàng tháng đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và kiểm toán hàng quý đối với báo cáo tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các báo cáo có nội dung, thông tin trung thực, tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy Báo cáo Tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật. Số liệu trước và sau Báo cáo Kiểm toán độc lập không có sự khác biệt, đảm bảo sự minh bạch về tài chính, kế toán.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên việc thực hiện rà soát thực tế tại các đơn vị được thực hiện chủ yếu qua hình thức trực tuyến, thời gian tiến hành dài hơn nhưng chất lượng các cuộc rà soát vẫn được đảm bảo.

KTNB tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn, kiến nghị một cách độc lập khách quan tới sản phẩm của các Bộ phân Kinh doanh thông qua việc rà soát các nghiệp vụ trước, trong và sau khi phát sinh, đánh giá tác động của các chính sách kế toán, thuế, tài chính mới ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Năm 2022, KTNB sẽ tiếp tục thực hiện các chức năng nêu trên đồng thời KTNB thực hiện các công việc cụ thể theo yêu cầu từ Ban Tổng giám đốc và Ủy ban Kiểm toán.

Một số rủi ro tuân thủ đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2021 và tiếp tục thực hiện trong năm 2022 (bảng 1).



Bảng 1: Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Áp dụng các thay đổi của chính sách pháp luật đối với hoạt động của Công ty, điển hình những quy định mới của Luật Chứng khoán 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Luật Đầu tư 61/2020/QH14, Bộ luật Lao động 45/2019/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành	▶ Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới, đặc biệt là các văn bản hướng dẫn cụ thể các hoạt động nghiệp vụ, các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp; ▶ Rà soát các quy trình, quy chế nội bộ, đối chiếu với các quy định mới của pháp luật, tổng hợp các nội dung có sự mâu thuẫn hoặc chưa được hướng dẫn rõ ràng; ▶ Triển khai các quy định trên tinh thần chặt chẽ, vì lợi ích khách hàng và đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty, nhân viên Công ty; ▶ Đề nghị sự hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền, sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng quy định của toàn thể nhân viên, phòng ban của Công ty.
2	Rủi ro trong quản lý hoạt động cho vay, các cam kết, thỏa thuận, phát sinh cạnh tranh không lành mạnh nguyên nhân xuất phát từ thay đổi của môi trường kinh doanh, đầu tư nước ngoài, dịch bệnh, thị trường chứng khoán điều chỉnh	▶ Thực hiện đầy đủ các cam kết, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết; thương lượng với đối tác/khách hàng để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trên tinh thần hợp tác và củng cố mối quan hệ kinh doanh lâu dài, cùng có lợi; ▶ Tuân thủ các chính sách liên quan đến phí, nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng, quản lý chặt hoạt động cho vay; ▶ Thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ về việc ký kết và tiến độ thực hiện các cam kết, hợp đồng, thỏa thuận và thương lượng với khách hàng/đối tác
3	Xung đột lợi ích giữa Công ty – Đối tác/Khách hàng – Nhân viên	▶ Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; ▶ Xây dựng và áp dụng các chính sách để hạn chế xung đột lợi ích như chính sách phòng chống tham nhũng, chính sách giải quyết khiếu nại; ▶ Giám sát tài khoản, giao dịch của nhân viên và những người có liên quan.
4	Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền (PCRT), đặc biệt là nhận biết khách hàng và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ	▶ Ban hành quy định về phòng chống rửa tiền, và hướng dẫn, phối hợp thực hiện công tác phòng chống rửa tiền giữa các phòng ban có liên quan; ▶ Đào tạo cho nhân viên nâng cao nhận thức về phòng, chống rửa tiền; ▶ Từ chối khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của pháp luật; ▶ Hoạt động nhận biết khách hàng được thực hiện độc lập, có kiểm soát, kết hợp giữa thực hiện thủ công của phòng nghiệp vụ và sử dụng hệ thống nhận diện khách hàng tự động của bên thứ ba. Áp dụng các phương thức nhận biết và xác minh khách hàng trực tuyến (eKYC); ▶ Chủ động thông tin, báo cáo cho cán bộ chịu trách nhiệm về PCRT ngay khi phát hiện giao dịch đáng ngờ; ▶ Thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố của Công ty để có những khuyến nghị, thay đổi phù hợp.

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
5	Nhân viên vi phạm quy trình nghiệp vụ	▶ Tăng cường tăng tần suất KSNB đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro; ▶ Rà soát thường xuyên các vi phạm, áp dụng hình thức kỷ luật công bằng, nghiêm khắc đối với nhân viên vi phạm theo quy định nội bộ của Công ty.
6	Rủi ro tuân thủ pháp luật và hợp đồng khi Công ty áp dụng các hình thức giao dịch trực tuyến khi tình hình dịch bệnh kéo dài và hiện vẫn đang diễn biến phức tạp	▶ Nghiên cứu các quy định về giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến có liên quan, đặc biệt trong các hoạt động như mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến, vấn đề ký hợp đồng điện tử, nhận biết và xác minh khách hàng trực tuyến; ▶ Tham khảo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền, các đối tác cung cấp dịch vụ trực tuyến uy tín, tin cậy để có được giải pháp tối ưu; ▶ Soạn thảo các quy trình liên quan để ràng buộc việc thực hiện một cách chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho Công ty và nhân viên, và tạo thuận lợi để khách hàng thực hiện giao dịch.

Bằng việc đưa ra các giải pháp đồng bộ, kết hợp các hình thức kiểm tra trực tiếp và trực tuyến, các chính sách của Công ty luôn được truyền đạt nhanh chóng đến mỗi nhân viên, các sai phạm cũng được phát hiện kịp thời và có hình thức nhắc nhở, xử lý phù hợp. Vì vậy, trong năm 2021, Công ty không có phát sinh các rủi ro tuân thủ nghiêm trọng. Toàn thể nhân viên luôn có ý thức tự giác, nghiêm túc trong việc nghiên cứu và tìm hiểu các quy định pháp luật cũng như quy định, chính sách nội bộ của Công ty.



RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ các hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh như sau:

1. Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan. Mở rộng hình thức phổ biến qua các kênh gửi thư, hệ thống nội bộ, đào tạo nội bộ. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các quy định chung về doanh nghiệp, thương mại, dân sự, cũng như các lĩnh vực chuyên môn kế toán, thuế, lao động,... Phòng Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền đối với những quy định chưa được cụ thể, rõ ràng hoặc có sự mâu thuẫn giữa các quy định, nhằm đảm bảo cho công tác tuân thủ pháp luật trong nội bộ doanh nghiệp được thực hiện đúng đắn và đầy đủ;

2. Việc rà soát, nhận diện, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn được đặc biệt coi trọng trong tất cả các giai đoạn, bao gồm nhưng không giới hạn khi kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện các bước tiếp theo của những dự án này;

3. Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng,... của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Phòng Luật;

4. Công ty rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Phòng Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề, các chuyên viên luật có kinh nghiệm cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết;

5. Luật Chứng khoán mới đã được ban hành năm 2019 và có hiệu lực từ 01/01/2021. Đồng thời, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn trong lĩnh vực chứng khoán cũng đã dần được ban hành. Các quy định mới này cần được cập nhật kịp thời, được hiểu đúng đắn và triển khai nhanh chóng ngay khi có hiệu lực. Nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý từ các quy định mới, Phòng Luật đã ưu tiên và tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Phòng Luật cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được Ban Lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2021, toàn thể nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra, nên Công ty không phát sinh các trường hợp vi phạm các hạn mức rủi ro pháp lý.



RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là một trong những định chế tài chính hàng đầu, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp mà đã trở thành một tài sản có giá trị đặc biệt với Công ty. Thương hiệu thường xuyên được liệt kê và đưa vào danh sách các rủi ro mới nổi trong các cuộc khảo sát về rủi ro lớn mà các tổ chức phải đối mặt. Đi cùng với niềm tin, thương hiệu đối với doanh nghiệp chiếm vị thế vô cùng quan trọng tuy nhiên cũng là yếu tố dễ chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài, vì vậy luôn tiềm ẩm các yếu tố về rủi ro. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn để nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty. Đặc biệt với SSI – doanh nghiệp kinh doanh trong ngành Tài chính – Chứng khoán – nơi mà sự uy tín và an toàn luôn là thước đo cho sự thành công thì việc quản trị thương hiệu là hoạt động tất yếu và vô cùng quan trọng.

Trong Khảo sát Quản lý Rủi ro Toàn cầu của Aon, danh tiếng được xếp hạng là rủi ro hàng đầu mà các công ty dịch vụ chuyên nghiệp phải đối mặt trong năm 2019 và 2020. Được đánh giá là mức độ rủi ro đứng thứ 2 trong bảng khảo sát và xếp thứ 5 tại Châu Á, rủi ro về thương hiệu và danh tiếng còn đặc biệt được những người trả lời khảo sát trong ngành Giáo dục, Đầu tư, Tài chính, Dược và Hóa phẩm đánh giá là nguy cơ lớn nhất mà họ phải đối mặt. Trong một thế giới ngày càng kết nối và sử dụng nhiều dữ liệu, tin tức về tổn hại danh tiếng có thể lan truyền nhanh chóng thì mức độ tin cậy và tính bảo mật thông tin cần thiết ngày càng được nhấn mạnh và nâng cao hơn. Ngoài ra, danh tiếng của một thương hiệu được phơi bày có những đặc điểm vượt ra ngoài lĩnh vực quản lý rủi ro và liên quan đến văn hóa và đạo đức doanh nghiệp.

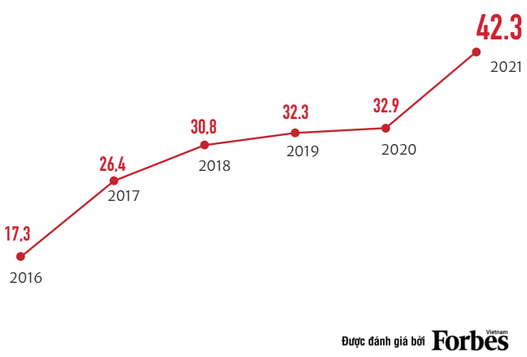
Thực tế cho thấy chỉ cần doanh nghiệp phải trải qua một sự kiện có liên quan đến danh tiếng của mình, điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh và nhận diện của thương hiệu, và khi kết hợp với vòng tròn tin tức 24/7 của mạng xã hội sẽ đẩy các thương hiệu vào những hiệu ứng tiêu cực lâu dài trong nhận thức của cả xã hội và thị trường. Do đó, điều quan trọng là luôn phải có một kế hoạch ứng phó phù hợp với các lĩnh vực khác nhau và đồng thời, cần quản lý các tác động tức thời và giao tiếp một cách tế nhị và minh bạch với các bên liên quan như Nhân viên, Khách hàng và Công chúng. Chính vì vậy mà SSI luôn xem việc minh bạch từ hoạt động kinh doanh đến công bố thông tin là tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu của mình ngay từ những ngày đầu thành lập.

Thế giới ngày càng bất ổn định với nhiều sự kiện không thể lường trước được sẽ xảy ra. Do đó, rủi ro về thương hiệu là một vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của doanh nghiệp, khi mà doanh nghiệp luôn cần phải có sự chuẩn bị cho khủng hoảng trước khi nó xảy ra. Bất kể trong quá trình QTRR hay khi khủng hoảng về thương hiệu diễn ra, việc giữ thế chủ động là điều vô cùng cần thiết, mà ở đó các yếu tố quan trọng nhất như có cơ chế xử lý khủng hoảng ngay lập tức, nhận thức về tính trung thực và tính minh bạch và chủ động cũng như thể hiện trách nhiệm với xã hội là những yếu tố cần thiết hàng đầu. Tại SSI – một doanh nghiệp được định giá thương hiệu lên đến 42,3 triệu USD và trong 6 năm liền từ 2016 đến 2021 là Công ty Chứng khoán duy nhất nằm trong Top 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam và Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam công bố; SSI luôn nhận thức rõ những rủi ro có thể xảy ra cho thương hiệu của Công ty, hiểu được tầm quan trọng vai trò của lãnh đạo và quản trị là phải lường trước và ngăn chặn các hành vi có thể gây tổn hại, từ đó xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách lâu dài với nhiều giải pháp cụ thể qua từng năm.

Danh tiếng của một thương hiệu ảnh hưởng trực tiếp từ cách thức truyền tải những giá trị của công ty. Chính vì thế, việc truyền đạt các giá trị của công ty là rất quan trọng, khả năng giao tiếp và thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị của một công ty là yếu tố thúc đẩy danh tiếng hàng đầu. Trước hết là về mặt thống nhất về thông điệp và hình ảnh. SSI hiểu rằng, thương hiệu không chỉ đơn thuần là các hình ảnh, thông tin của Công ty trên các kênh truyền thông đại chúng và nội bộ, mà còn bao gồm chính các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSI và khách hàng, Vì thế, tại SSI, mỗi cá nhân, mỗi mắt xích trong tập thể lớn đều là một "đại sứ thương hiệu" để lan tỏa thương hiệu và thông điệp của mình đến khách hàng và đại chúng. Để làm được điều này SSI luôn cố gắng để những thông điệp đều có sự thống nhất theo đúng chiến lược của Công ty với Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công" và Sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư" cùng định hướng luôn xây dựng SSI là một định chế tài chính minh bạch. Trong năm 2021, SSI đã tiến hành rà soát và kiểm định lại hệ thống nhận diện thương hiệu và lên kế hoạch đẩy mạnh cũng như mở rộng các bước thay đổi phù hợp với hoàn cảnh và định hướng mới của Công ty, nhằm củng cố và bảo vệ tốt hơn hình ảnh và giá trị thương hiệu, đồng thời tạo sự nhất quán cho các sản phẩm trí tuệ và dịch vụ của Công ty. Sự thay đổi này cũng tương thích với những phát triển đồng bộ trong hệ thống các sản phẩm đang ngày càng hoàn thiện và mở rộng của SSI.

Giá trị thương hiệu SSI tăng trưởng mạnh qua từng năm

Đơn vị: triệu USD



Được đánh giá bởi Forbes Vietnam

Trong năm 2021, đã có đến hơn 180.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI, tương đương gần 30% thị phần thảo luận của toàn TTCK và tăng 157% so với năm 2020. Trong đó, trên báo chí chính thống có hơn 2.500 tin/bài viết về thương hiệu SSI và gần 21.000 các bài báo trích dẫn báo cáo, nhận định từ chuyên gia của SSI,

Tổng thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI

▲157% so với 2020



chiếm **30%** **Tổng thảo luận trên thị trường năm 2021**

tăng gần 130% so với năm 2020. Những con số này đã cho thấy được phần nào sự quan tâm của các Cổ đông và Nhà đầu tư đến với các hoạt động của SSI. Để có được niềm tin của Cổ đông và Nhà đầu tư, minh bạch là điểm mấu chốt: thông tin tích cực hay tiêu cực đều được SSI xử lý thống nhất, để đưa đến cho Nhà đầu tư và Cổ đông những cái nhìn trung thực nhất. Khi có thông tin không chính xác về SSI được đưa ra công luận, SSI cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc. Điều đó không chỉ thể hiện trách nhiệm mà còn là sự tôn trong giá trị đầu tư của các Cổ đông, Khách hàng. Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.

Khi mà những tác động của mạng xã hội đến thương hiệu đang ngày càng mạnh mẽ, thay bằng việc thụ động ứng phó với các luồng thông tin, SSI cũng đã kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của Nhà đầu tư, của Khách hàng, không những chỉ về thương hiệu SSI, mà còn chung về TTCK. Các thông tin này không chỉ giúp SSI luôn chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch, đây còn là nguồn thông tin quý giá để SSI nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.

Những sự phát triển của công nghệ làm tăng cao rủi ro về danh tiếng thông qua việc con người có thể làm cho các tin tức phát tán nhanh hơn, dễ dàng, ít tốn kém hơn. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà một cuộc khủng hoảng về thương hiệu có thể bắt nguồn chỉ bằng một bài viết của một nhân sự trong công ty hoặc chỉ bằng một video ngắn về một sản phẩm lỗi hay từ sự không hài lòng của một khách hàng quen về những trải nghiệm không tốt của một dịch vụ khách hàng. SSI nhận thức được rằng các sự kiện liên quan đến hình ảnh thương hiệu thường đi cùng với rất ít hoặc không có các dự báo trước, vì vậy Công ty luôn cần phải chủ động và xem QTRR thương hiệu là một phần của chiến lược và kế hoạch của Công ty để có thể đưa ra các phản hồi và kế hoạch cho những sự kiện phát sinh bất ngờ. SSI luôn chủ động tập trung xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, các quy trình, quy định, quy chế cụ thể là điều hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, yếu tố linh hoạt và chủ động khi có vấn đề phát sinh đến từ các yếu tố bên ngoài luôn được SSI quán triệt và áp dụng xuyên suốt trong các hoạt động truyền thông của mình. Điều này là vô cùng quan trọng, nhất là khi xã hội và thị trường luôn có sự thay đổi liên tục về phương thức hoạt động hay các yếu tố về dịch bệnh vẫn đang là những vấn đề thách thức nổi cộm không chỉ trong năm 2021 mà cả những năm tiếp theo.

Về kế hoạch truyền thông, hàng năm, SSI đều hoạch định rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. Về các quy định, quy chế, trong năm qua, SSI đã ban hành hàng loạt các văn bản khác nhau như: Quy định về báo cáo và công bố thông tin; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin trên báo chí; Nguyên tắc quản trị sự cố truyền thông; Quy trình sử lý sự cố rò rỉ thông tin (Data leak); Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Tất cả những văn bản này góp phần không nhỏ vào việc định hướng, hướng dẫn người SSI xử lý đúng, tránh và giảm các tác động tiêu cực do sự cố thương hiệu xảy ra.

Bên cạnh việc lên được một hệ quy trình, quy chế hợp lý, việc tuyên truyền để toàn bộ thành viên nắm bắt, thấu hiểu, ghi nhớ và thực hiện theo quy định cũng được SSI triển khai song song. Thông qua hệ thống E-learning, SSI đã triển khai các khóa học như: Khóa học QTRR Kiểm soát Tuân thủ, bao gồm các nội dung về Đạo đức nghề nghiệp, Phòng chống rửa tiền, Phòng chống rủi ro gian lận; Khóa học đào tạo hội nhập về lịch sử hình thành, các tôn chỉ, mục đích, văn hóa của SSI; Khóa học Đào tạo thương hiệu SSI; Khóa học Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và Khóa đào tạo về Trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực Chứng khoán. Đây là tiền đề để giúp cho bản thân mỗi người SSI đều nắm vững thông tin, từ đó có cách làm việc, hành xử phù hợp nhất trong mọi trường hợp, giảm thiểu rủi ro cho Công ty và cho chính bản thân.



RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



Đối với SSI, nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, là nhân tố tạo nên giá trị khác biệt của Công ty. SSI tiếp tục chú trọng vào việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

Năm 2021, công tác quản trị nhân sự tại SSI tiếp tục đối mặt với những thách thức mới, cơ hội mới do bối cảnh kinh doanh mang lại. Khi thị trường lao động luôn trong trạng thái nguồn cung không đủ cầu, các công ty đều đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự từ đối thủ hoạt động cùng ngành. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển các mảng hoạt động kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ cao vào kinh doanh và vận hành khiến sự cạnh tranh trong việc tuyển dụng nhân sự công nghệ thông tin trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. SSI không chỉ cạnh tranh với đối thủ trong ngành tài chính, chứng khoán, ngân hàng, mà còn mở rộng ra các công ty công nghệ, khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 bùng phát, việc đảm bảo thu nhập, an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho mỗi cán bộ, nhân viên cũng là trọng tâm trong công tác quản trị nguồn nhân lực năm 2021.

Đứng trước những thách thức trong việc duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. SSI hướng tới một hệ thống QTRR nguồn nhân lực toàn diện với các mục tiêu:

Hạng mục quản trị rủi ro	Mục tiêu hướng tới
Chiến lược nhân sự	▶ Đảm bảo chiến lược nhân sự được kết nối với chiến lược chung của SSI và kế hoạch hành động của từng Khối, Bộ phận tạo ra giá trị cho Tổ chức; ▶ Thích ứng và linh hoạt với những biến động của rủi ro hoạt động, thị trường nguồn lực; ▶ Đảm bảo hoạch định và sử dụng nguồn lực của tổ chức phù hợp, hiệu quả theo từng giai đoạn; ▶ Đảm bảo các hoạt động quản trị phát triển tổ chức dài hạn, quản trị được rủi ro trong các giai đoạn chuyển giao đội ngũ; ▶ Đảm bảo việc dự phòng nhân sự.
Chính sách của Nhà nước và Pháp luật Lao động Việt Nam	▶ Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước liên quan tới lao động; ▶ Quản trị các rủi ro liên quan tới Người lao động khi chính sách mới của Nhà nước ban hành.
Chính sách nhân sự	▶ Tuân thủ các mô hình QTRR chung tại SSI, và đồng bộ với các chính sách liên quan để tạo ra hiệu quả.
Vận hành	▶ Thiết lập các công cụ và hệ thống quản lý thông tin nhân sự hiệu quả, chính xác; ▶ Xây dựng mô hình dự phòng (back-up) ở các Bộ phận khi có rủi ro về nhân sự; ▶ Tối ưu các thủ tục nhân sự, giảm thiểu các rủi ro do thủ tục vận hành; ▶ Vận dụng đúng đắn Luật Lao động vào quản lý; ▶ Truyền thông các thông điệp quản trị đúng đắn, rõ ràng, minh bạch
Tài chính	▶ Hiệu quả chi phí nhân sự; ▶ Đãi ngộ đúng người, gắn đãi ngộ với thành tích và kết quả thực hiện công việc.



Theo đó, Công ty đã lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý.

Hoạt động quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Lương thưởng và chế độ phúc lợi	Ảnh hưởng tài chính	▶ Người có thẩm quyền ký các quyết định liên quan đến lương thưởng và chế độ phúc lợi; ▶ Bố trí các cấp kiểm soát khi thực hiện phê duyệt các khoản chi trả nhằm mục tiêu giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan tới tính chính xác về số liệu, thông tin nhân sự, phân cấp phê duyệt và các chính sách do Luật định; ▶ Kiểm soát ngân sách để đảm bảo chính sách được duyệt không vượt quá ngân sách đã định.
Tuyển dụng	Phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng	▶ Quy trình và tiêu chí sàng lọc xét chọn hồ sơ và tuyển dụng được chuẩn hóa, định kì rà soát và yêu cầu áp dụng đối với tất cả các ứng viên.
	Tuyển chọn sai đối tượng	▶ Áp dụng thời gian thử việc và đánh giá sau thử việc.
	Uy tín và danh tiếng tuyển dụng	▶ Thực hiện đúng những điều kiện/cam kết đã trao đổi với ứng viên trong quá trình tuyển dụng.
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Môi trường làm việc	▶ Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, lành mạnh và chuyên nghiệp; ▶ Khi đại dịch Covid-19 bùng phát, SSI đã cung cấp nước rửa tay kháng khuẩn, khẩu trang y tế tới nhân viên, khách hàng khi đến Công ty làm việc ngay từ thời điểm đầu năm 2020; ▶ Định kỳ theo tuần, các văn phòng được phun khử khuẩn để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Máy lọc không khí được trang bị như một biện pháp hỗ trợ bổ sung để giữ gìn sức khỏe cho cán bộ nhân viên; ▶ Tuân thủ theo Luật an toàn, vệ sinh lao động Nhà nước ban hành.
	Sức khỏe người lao động	▶ Định kỳ tổ chức khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, có kế hoạch dự phòng nhân sự khi cần thiết; ▶ Tuân thủ luật Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế để đảm bảo cho người lao động trong các trường hợp được hưởng đầy đủ quyền lợi theo từng chế độ được nhà nước quy định, đặc biệt là các chế độ ốm đau, thai sản, ... ▶ Duy trì gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động với quyền lợi cao, cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo và hỗ trợ về mặt tài chính cho người lao động đủ điều kiện khám chữa bệnh trọng điều kiện tốt. Một điểm vượt trội của chương trình bảo hiểm bổ sung SSI đó là có bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến dịch bệnh mà Covid-19 không phải một ngoại lệ; ▶ Đặc biệt với năm 2020 và 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, sức khỏe của người lao động luôn được đặt lên hàng đầu. Ngay từ thời điểm Việt Nam phát hiện ra những bệnh nhân đầu tiên nhiễm Covid-19, SSI đã lập tức triển khai phương án làm việc tại nhà để đảm bảo an toàn cho người lao động, tuân thủ quy định giãn cách xã hội của Nhà nước và vẫn song song duy trì được hoạt động kinh doanh. Đặc biệt trong những giai đoạn dịch bệnh có diễn biến nghiêm trọng, toàn Công ty chỉ duy trì số lượng 10 – 20 nhân sự (trên tổng số gần 1.000 nhân sự) trực vận hành tại 02 địa điểm chính: Hội sở và Chi nhánh Hà Nội; ▶ Bên cạnh đó, 100% nhân sự SSI đều được bố trí tiêm vắc-xin phòng Covid-19 đủ 3 mũi. Các nhân sự có kết quả xét nghiệm dương tính với Covid-19 đều được cung cấp miễn phí dịch vụ tư vấn với bác sĩ trực tuyến nếu có yêu cầu.
Quản lý nhân viên	Thiếu thông tin và không được hướng dẫn/đào tạo cần thiết để thực hiện công việc	▶ Nhân sự mới đều được yêu cầu tham gia các khóa đào tạo dành cho nhân viên mới bao gồm: Đào tạo hội nhập, Đào tạo các quy định, quy trình, hướng dẫn áp dụng chung cho toàn công ty v.v..., và có thể tra cứu lại thông tin bất cứ lúc nào thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning; ▶ Trong quá trình làm việc, các nhân viên cần được bồi dưỡng, đào tạo nội bộ hoặc đào tạo bên ngoài, và giám sát bởi cấp quản lý để đảm bảo các kiến thức, kỹ năng của mỗi nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
	Nhân viên không được đánh giá hiệu quả công việc	▶ Tất cả vị trí trong công ty đều được đánh giá hiệu quả công việc thông qua Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cuối năm, được thực hiện trên hệ thống Đánh giá Hiệu quả Công việc (PMS) và lưu trữ thông tin các kỳ đánh giá để tham chiếu. Đối với các đối tượng đặc thù như nhân viên Môi giới được đánh giá phân bậc 2 kỳ trong năm.
	Dự phòng nhân sự	▶ Các vị trí trong Công ty cần được xây dựng bản mô tả công việc rõ ràng, đảm bảo khi thiếu hụt nhân sự có thể kịp thời tuyển dụng thay thế để đảm bảo thực hiện đúng chức năng công việc của vị trí đó. Mỗi bộ phận, phòng ban đều có kế hoạch dự phòng nhân sự để đảm bảo hoạt động của phòng khi có nhân viên nghỉ đột xuất hoặc nghỉ dài hạn. Các vị trí chủ chốt trong Công ty có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa hoặc thay thế tạm thời trong trường hợp vắng mặt.
	Thiếu hụt nhân sự	▶ Mở rộng các hoạt động xây dựng thương hiệu tuyển dụng, đa dạng hình thức và kênh tuyển dụng, phối hợp với các đối tác cung cấp dịch vụ nhân sự để tạo thêm nguồn ứng viên; ▶ Củng cố chính sách đãi ngộ tổng thể khuyến khích và gắn kết quyền lợi người lao động với kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chính sách lương, thưởng và chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi; ▶ Tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ để xây dựng lực lượng lao động có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế công việc, xây dựng đội ngũ kế cận.
	Vi phạm quy tắc đạo đức	▶ Đẩy mạnh giám sát chéo thông qua các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ. Tổ chức đào tạo và cập nhật về Đạo đức nghề nghiệp và các trường hợp vi phạm để nhân viên ý thức và tránh vi phạm.
	Bảo mật thông tin cá nhân	▶ Các thông tin cá nhân của nhân viên cần được bảo mật, chỉ cung cấp khi có yêu cầu cụ thể từ các cấp có thẩm quyền; ▶ Mọi nhân viên đều được ký Hợp đồng Lao động và Thỏa thuận Bảo mật đầy đủ khi làm việc tại doanh nghiệp.
Đối với nhân viên nghỉ việc	Thất thoát tài sản của Công ty	▶ Tuân thủ đúng quy trình bàn giao tài sản và bàn giao công việc để tránh rủi ro thất thoát tài sản cả về vật chất và phi vật chất (thông tin).
	Danh tiếng Công ty	▶ Tiến hành phỏng vấn khi nghỉ việc để nắm được nguyên nhân nghỉ việc của nhân viên, tránh các rủi ro ảnh hưởng tới danh tiếng của Công ty.

Đối với SSI, tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích ứng với yêu cầu của thị trường; thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt là nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. SSI đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Bộ phận Nhân sự cũng thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số Đo lường Hiệu quả Công việc (KPIs), Cam kết Chất lượng Dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động vận hành hàng ngày liên quan tới từng nghiệp vụ: Tuyển dụng, Đào tạo, Điều chuyển, Bổ nhiệm.

Bên cạnh đó, kênh Truyền thông Nội bộ được duy trì để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của Công ty. Với sự chia sẻ và minh bạch cao trong tổ chức, bộ máy sẽ vận hành được trơn tru hơn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới nhân sự. Cùng với những cơ hội và thách thức mới, công tác quản trị nhân sự tại SSI nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban Lãnh đạo để tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ, đậm tinh thần SSI. SSI tiếp tục đóng vai trò là một cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài. Tại đây, SSI tiếp sức cho những hoài bão và sẵn sàng trao cơ hội thử sức và phát triển cho nhân viên. Bằng cách quản trị bằng hệ thống và quy trình kiểm soát chéo, SSI có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.



KẾ HOẠCH 2022

Trong năm 2022, hoạt động QTRR sẽ tiếp tục được cập nhật, nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với thực tế kinh doanh của SSI cũng như các tiêu chuẩn quốc tế.

Với đội ngũ nhân sự, hệ thống mạng lưới chi nhánh, cũng như số lượng khách hàng lớn và liên tục gia tăng, cùng với đó là một loạt các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ; dự kiến trong năm 2022 công ty sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, từ yếu tố bên ngoài liên quan đến dịch bệnh và từ con người.

Năm 2022, các vấn đề về giá cả hàng hóa, lạm phát và lãi suất luôn là yếu tố có thể gây tác động tiêu cực đến thị trường quốc tế và trong nước. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro, biến động bất ngờ từ bên ngoài như dịch bệnh Covid-19, thảm họa tự nhiên, chiến tranh làm cho rủi ro thị trường tăng cao, và có thể dẫn tới những đợt biến động giá mạnh trên toàn thị trường, hoặc tại một số cổ phiếu hay nhóm ngành cụ thể. Từ việc rủi ro thị trường tăng cao sẽ dẫn tới rủi ro tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, chứng khoán phái sinh, và chi phí phòng ngừa rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm cũng sẽ tăng cao.

Với sự tăng trưởng mạnh của dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ bên cạnh đó nguồn vốn còn được phân bổ cho một số hoạt động kinh doanh khác nhau một cách linh hoạt để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, thì vẫn tiềm ẩn rủi ro thanh khoản.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2022 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện kế hoạch dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa dựa trên những bài học thực tế đã triển khai trong năm 2021. Cùng với đó, các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình tiếp tục được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Bộ phận QTRR tiếp tục phối hợp với Bộ phận Đầu tư đưa ra ý kiến đánh giá và cảnh báo rủi ro cho các hoạt động đầu tư Giấy tờ có giá.

Bộ phận QTRR tiếp tục phối hợp với Bộ phận Kinh doanh Chứng quyền tiến hành hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm cũng như giảm thiểu chi phí phòng ngừa rủi ro.

Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo Công ty luôn có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ và không xảy ra rủi ro thanh khoản, cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh khác.

KHÓ KHĂN KHI THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QTRR

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR cũng quan trọng không kém.

Do QTRR là một lĩnh vực đang phát triển, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn đa chiều, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn có những điểm hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn cần cải thiện.

Thế giới, Việt Nam và tại SSI đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang việc áp dụng công nghệ vào trong các sản phẩm kinh doanh cũng như mọi hoạt động hàng ngày nên sẽ có ngày càng nhiều hơn các hệ thống cũng như sự tăng dần của mức độ phức tạp dẫn tới sẽ phát sinh nhiều hơn các rủi ro mới liên quan đến hệ thống công nghệ mà đòi hỏi nhà QTRR phải có kiến thức sâu hơn về CNTT. Bên cạnh đó, các rủi ro ngoài khả năng dự đoán của con người như thiên tai, dịch bệnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn gây ra các rủi ro đột ngột và khó chống đỡ.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2021



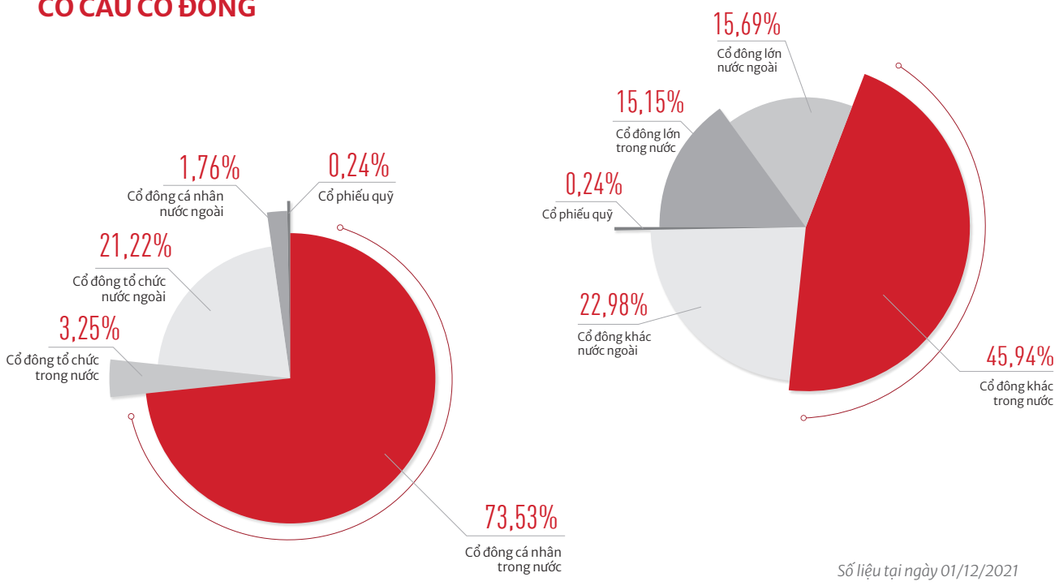
Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2020 – 2021



Nguồn: Bloomberg

Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2021):	984.750.022 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2021):	982.343.473 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2021):	2.406.549 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2021)	51.800 VNĐ/cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt	10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	15/06/2021
Ngày đăng ký cuối cùng	16/06/2021
Ngày thực hiện thanh toán	15/07/2021
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	468.594.910.000 VNĐ
Ngày chuyển đổi	16/03/2021
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.859.491 cổ phiếu
Tỷ lệ chuyển đổi	1.000.000/24.541
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn cổ phiếu quỹ	15.540.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	03/06/2021
Số lượng cổ phiếu quỹ phân bổ	1.554.000 cổ phiếu
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	75.000.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	03/06/2021
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	2.182.925.380.000 VNĐ
Ngày phát hành	09/09/2021
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	218.292.538 cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	6:2 (06 cổ phiếu được nhận thêm 02 cổ phiếu mới)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Tăng vốn điều lệ do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.091.523.800.000 VNĐ
Ngày phát hành	21/10/2021
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.152.380 cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	6:1 (06 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Tạm ứng cổ tức năm 2021	Không có tạm ứng cổ tức năm 2021

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Số liệu tại ngày 01/12/2021
Nguồn: SSI

Thông tin cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu(*)
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	94.237.688	9,57%
2	Daiwa Securities Group Incorporation	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	154.491.930	15,69%
3	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	236/43/2 Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	54.901.068	5,58%
		TỔNG CỘNG	**303.630.686**	**30,84%**

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 984.750.022 cổ phiếu. Số liệu tại ngày 01/12/2021.
Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2021

Với mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích Cổ đông", SSI luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

BẢO VỆ QUYỀN LỢI VÀ TỐI ĐA HÓA LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được Công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v... Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử SSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & Quy chế Quản trị Công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sỡ hữu.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho cổ đông. Đặc biệt trong năm 2021, bên cạnh việc chi trả cổ tức tiền mặt, SSI cũng thực hiện thành công đợt phát hành 219 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 6:2, và phát hành thêm 109,5 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1. Các đợt phát hành thành công này không chỉ có tác dụng bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn tạo thêm giá trị tài chính cho cổ đông, đảm bảo thu nhập tốt, đặc biệt trong giai đoạn bị ảnh hưởng kinh tế bởi đại dịch Covid-19.

MINH BẠCH HÓA THÔNG TIN & CHỦ ĐỘNG KẾT NỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư, tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trong năm 2021, những nỗ lực thích ứng nhanh với thời cuộc, tiên phong hướng dẫnn chuyển đổi số của SSI đã mang lại hiệu quả, sự hài lòng và tiện lợi cho cổ đông. Minh chứng rõ ràng nhất chính là việc tổ chức thành công ĐHĐCĐ với hình thức trực tuyến của Công ty. Với gần 30 nghìn cổ đông, cơ cấu đa dạng, bao gồm cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước, ĐHĐCĐ trực tuyến của SSI đảm bảo mọi cổ đông với thiết bị kết nối Internet đơn giản đều có cơ hội tham gia theo dõi, thảo luận và thực hiện bầu cử/biểu quyết trên hệ thống trực tuyến. Điều này đã giúp xoá bỏ những khó khăn, thu hẹp khoảng cách địa lý và thu hút sự chú ý của giới đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi để họ tham dự ĐHĐCĐ, đặc biệt trong bối cảnh hạn chế đi lại do đại dịch Covid-19. Rào cản về ngôn ngữ cũng được SSI tính đến và tiến hành song song hai ngôn ngữ Anh – Việt, đem lại nhiều sự lựa chọn cho cổ đông.

Bên cạnh đó, trong năm vừa qua, Công ty tiếp tục duy trì nhiều cuộc họp trực tuyến với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động, v.v...

Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng cổ đông qua email và qua sự kiện cập nhật kết quả kinh doanh dành cho các Quỹ đầu tư (earnings call), giúp cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những bản tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Trang Thông tin Điện tử SSI tại địa chỉ www.ssi.com.vn với giao diện hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật, là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v... từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, đại diện lãnh đạo Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng nhà đầu tư nước ngoài tại một số thị trường trọng điểm.



ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như "Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN", hay tài liệu "Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất" do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, 4 khía cạnh mà SSI đã thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây là: Quyền của cổ đông (đạt 21/21 tiêu chí cấp 1), Đối xử bình đẳng với cổ đông (đạt 15/15 tiêu chí cấp 1), Vai trò với các bên liên quan (đạt 11/13 tiêu chí cấp 1) và Công bố thông tin minh bạch (đạt 31/32 tiêu chí cấp 1). Sau khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, SSI đã chủ động xây dựng Quy chế về Quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành rộng rãi trong năm 2018. Quy chế này được tham chiếu các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, theo đó có quy định chi tiết về quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông trong các hoạt động, cùng các vấn đề liên quan tới thành viên HĐQT/BKS và hoạt động của HĐQT/BKS.

Đối với khía cạnh *Trách nhiệm* của HĐQT, từ năm 2020, SSI đã có những thay đổi tích cực, đạt nhiều tiêu chí hơn so với những năm trước đó. Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt và thành lập Tiểu ban Kiểm toán thay thế cho Ban kiểm soát, đồng thời bổ nhiệm 02 thành viên HĐQT độc lập là trưởng ban và thành viên của Tiểu ban này. Việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty này không những đáp ứng được yêu cầu của các quy định pháp luật, mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty và do đó nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Cùng với Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Chiến lược Phát triển được thành lập năm 2019 với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh toàn Công ty dựa trên nghiên cứu môi trường kinh doanh, mô hình kinh doanh, sáng kiến chuyển đổi, sản phẩm mới và các phương án tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị Công ty. Đặc biệt cũng trong năm 2020, HĐQT SSI chính thức thông qua quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Nam giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 01/08/2020. Ông Nguyễn Duy Hưng tiếp tục giữ cương vị Chủ tịch HĐQT và trực tiếp phụ trách Tiểu ban Chiến lược Phát triển. Việc bổ nhiệm này nhằm phân công lại nhiệm vụ, theo đó, Chủ tịch HĐQT tập trung phát triển chiến lược dài hạn, Tổng giám đốc điều hành trực tiếp hoạt động, bám sát vào chiến lược đã đề ra, củng cố và khẳng định vị trí Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Việc tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc không chỉ nhằm hướng tới kiện toàn mô hình quản trị theo chuẩn mực hiện đại, mà còn được kỳ vọng là thay đổi cần thiết trong bối cảnh có nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh hiện nay. Điều này sẽ giúp SSI giữ được sự ổn định và tăng trưởng trong dài hạn, tiếp tục triển khai chiến lược hoạt động, chú trọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mang tính tiên phong, đi kèm với vận dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động, mang lại những giá trị tốt nhất cho Khách hàng, Cổ đông và Nhân viên Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng minh bạch hơn trong việc công bố các khoản lương, thù lao của các thành viên Ban Tổng giám đốc, và thành viên HĐQT.

Về hoạt động đào tạo quản trị công ty, các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, và Thư ký Công ty đều đã hoàn thành khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Đại diện phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng đã hoàn tất "Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT lần thứ 3" (DCP3) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức tháng 8/2019.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công", SSI luôn coi việc đem lại hiệu quả tối ưu và lợi ích tốt nhất cho Khách hàng, Đối tác, Cộng sự, Cổ đông và Cộng đồng chính là thành công của Công ty. SSI nhận thức được rằng, một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ tập trung vào những mục tiêu phát triển đơn lẻ, ngắn hạn mà không quan tâm tới sự tăng trưởng dài hạn đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều thử thách đến từ biến động kinh tế vĩ mô, TTCK dự báo sẽ tiếp tục dao động trong biên độ rộng cùng sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các công ty chứng khoán trong và ngoài nước. Hơn bao giờ hết, SSI cần lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển, tiếp tục giữ vững vị trí là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế. Vì vậy, định hướng chiến lược trong dài hạn của SSI chính là đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty song hành cùng với sự phát triển bền vững của Thị trường Tài chính Việt Nam và đóng góp một cách hiệu quả nhất, thiết thực nhất cho xã hội, bên cạnh đó không bỏ qua vai trò của từng cá nhân trong Công ty trong công cuộc bảo vệ môi trường.

Năm 2021, SSI tiếp tục triển khai định hướng chiến lược phát triển bền vững nói trên, cân đối giữa các mục tiêu kinh tế – xã hội – môi trường và ghi nhận những thành tích tốt. Trong bối cảnh thị trường tích cực, SSI cũng đã thiết lập kỉ lục mới trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu thuần đạt 7.786 tỷ VNĐ, tăng 72% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế toàn công ty đạt 3.365 tỷ VNĐ, vượt 60% kế hoạch năm với mức tăng trưởng 116% so với năm 2020, và tăng 26% so với 2019 và 2020 cộng lại. Kết quả kinh doanh vượt trội khiến Công ty tiếp tục nằm trong nhóm Doanh nghiệp đóng góp cao nhất cho ngân sách Nhà nước và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông. Cùng với đó là những đóng góp gián tiếp tới sự phát triển của kinh tế - xã hội như: hoạt động tư vấn doanh nghiệp huy động vốn được triển khai mạnh mẽ, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn cho nền kinh tế; tích cực tham gia xây dựng TTCK và tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới, nâng cấp những sản phẩm hiện có nhằm nâng cao sự hài lòng khách hàng. Việc làm và đãi ngộ hợp lý cho người lao động được đảm bảo như khi dịch bệnh chưa xảy ra, giúp nhân viên và gia đình duy trì điều kiện sống ổn định; các hoạt động đào tạo – tuyển dụng cũng được chú trọng, duy trì và ngay lập tức chuyển đổi hình thức từ trực tiếp sang trực tuyến. Bên cạnh đó, hoạt động quản trị công ty hiệu quả theo chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, lấy sự minh bạch là phương châm trong hoạt động giúp SSI quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ tốt, đảm bảo quyền lợi và công bằng cho cổ đông. Với cam kết "Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng", năm 2021 SSI cũng chủ động chung tay cùng cộng đồng trong các hoạt động phòng, chống, cũng như khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh; song song với đầu tư và xây dựng các chương trình phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Tuy hoạt động trong lĩnh vực tài chính không trực tiếp có tác động tới môi trường, SSI tự nhận thức được mình cần phải có những đóng góp cho môi trường vì một tương lai bền vững, thông qua tuân thủ nghiêm túc các quy định về môi trường; dành nhiều hoạt động nội bộ nhằm nâng cao nhận thức trong việc sử dụng hợp lý năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; và áp dụng các biện pháp giám sát trong tiêu thụ năng lượng, xả thải trong quá trình vận hành góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường chung.

Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) là bức tranh tổng quát thể hiện các công bố, xem xét và đánh giá lại hoạt động phát triển bền vững của SSI theo định hướng chiến lược đối với các vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được lập độc lập thay vì tích hợp cùng báo cáo thường niên SSI, theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được SSI chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo. Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong công bố, đánh giá các đóng góp về mặt kinh tế, môi trường, xã hội; một phần giúp Ban Lãnh đạo xác định rõ kế hoạch hoạt động vì mục tiêu phát triển bền vững; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của cổ đông, nhà đầu tư; góp phần củng cố lòng tin, gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan; khẳng định uy tín và thương hiệu SSI.

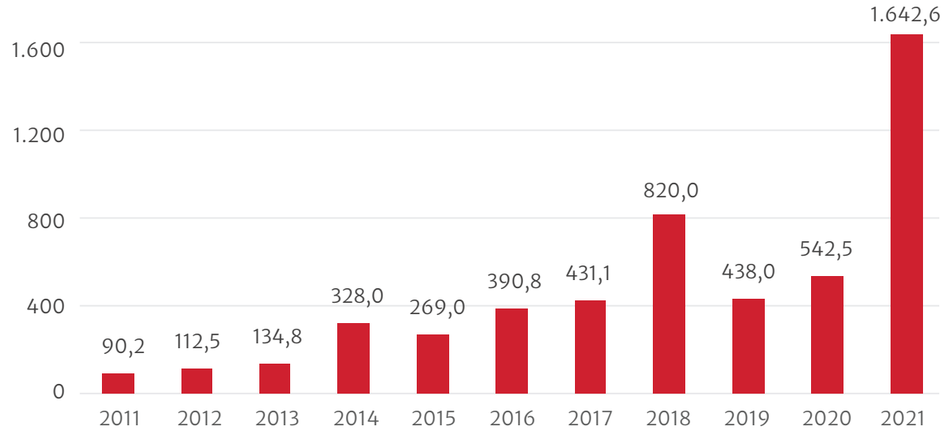
Phần tiếp theo của Báo cáo Thường niên chỉ trình bày một số hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội – cộng đồng nổi bật của SSI trong năm 2021.

ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời là công ty dẫn đầu trong ngành chứng khoán.

Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước

Đơn vị: tỷ VNĐ



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI



DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM (V1000)

TRONG 11 NĂM LIÊN TIẾP (2010 – 2021)

CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC THAM GIA XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG



Với vị thế là Công ty Chứng khoán số 1 phát triển song hành cùng TTCK Việt Nam, trong nhiều năm qua, SSI không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác có liên quan, mà còn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của Cơ quan Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường.

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục tham gia đóng góp ý kiến cho các nghị định, thông tư hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 cũng như Luật Doanh nghiệp 2020 và nhiều dự thảo văn bản pháp luật khác nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho TTCK cụ thể: Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019; Dự thảo Nghị định hướng dẫn giao dịch trái phiếu riêng lẻ; Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp; Dự thảo sửa đổi Nghị định 156 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Dự thảo sửa đổi Nghị định 153 về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ; Dự thảo Thông tư sắp xếp lại thị trường chứng khoán; Dự thảo Thông tư mua trái phiếu của Ngân hàng Nhà nước; Dự thảo Thông tư về Chứng khoán phái sinh; Dự thảo Thông tư về chứng quyền có bảo đảm, Dự thảo thông tư về giá dịch vụ chứng khoán v.v...

Bên cạnh đó, SSI và SSIAM đều là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán, với đại diện tham gia Ban chấp hành Hiệp hội, là thành viên nòng cốt tại các Câu lạc bộ trực thuộc như Câu lạc bộ Luật, Câu lạc bộ Tư vấn Đầu tư, Câu lạc bộ Đào tạo. Công ty cũng là thành viên tích cực của Ban công tác Thị trường Vốn, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Câu lạc bộ Quản lý Quỹ Việt Nam, Hiệp hội Kinh doanh Trái phiếu và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thông qua việc đóng góp ý kiến đối với các văn bản Luật, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật và tham gia vào các tổ chức, hiệp hội nêu trên, SSI có thể chủ động đóng góp, đưa ra các giải pháp mới giúp thị trường tăng trưởng bền vững hơn. Những giải pháp này liên quan đến nâng cao sự hiểu biết của nhà đầu tư cá nhân về TTCK Việt Nam, định hướng nhà đầu tư hướng tới tư duy đầu tư dài hạn thông qua đầu tư vào các chứng chỉ quỹ mở hoặc những kênh đầu tư mang tính chất tích lũy tài sản; cùng các cơ quan quản lý định hướng sản phẩm mới và đa dạng các kênh phân phối.

NỖ LỰC ĐƯA CHỨNG KHOÁN ĐẾN GẦN HƠN VỚI NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN

Kiên định với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", một trong những chiến lược trọng tâm của SSI chính là đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân. Đặc biệt, với sự tăng trưởng mạnh mẽ về thanh khoản, chất lượng cũng như số lượng nhà đầu tư trong thời gian qua, TTCK Việt Nam càng cho thấy thế mạnh của kênh đầu tư sinh lời tốt và kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế. Làm sao để nhà đầu tư có thể yên tâm để tiền trong tài khoản chứng khoán, tạo lợi nhuận lâu dài mà không coi đây là kênh đầu cơ ngắn hạn là một thách thức lớn với các cơ quan quản lý và nhà tạo lập thị trường. Là cánh cửa đầu tiên chào đón nhà đầu tư bước chân vào thị trường, SSI dành nguồn lực đầu tư cho các hoạt động tư vấn, chủ động cung cấp kiến thức đầu tư một cách bài bản, chuyên sâu và có hệ thống tới các nhà đầu tư cá nhân.

Theo đó, Công ty liên tục phối hợp với các đơn vị truyền thông, báo chí tổ chức các chuỗi chương trình tư vấn đầu tư năm 2021. Khởi đầu bằng chuỗi 5 số phát sóng trực tiếp (livestream) do SSI phối hợp với VTV tổ chức trong tháng 7 và tháng 8 trên fanpage Chứng khoán SSI và fanpage VTV24Money đã ghi dấu ấn là chương trình tư vấn đầu tư chứng khoán trực tuyến lớn nhất từ trước đến nay, tạo tiếng vang lớn trong cộng đồng tài chính. Với hơn 2 triệu lượt theo dõi và hơn 5.000 lượt thảo luận trên các diễn đàn tài chính lớn, chương trình đã cho thấy sức hút của TTCK và nhu cầu trau dồi kiến thức của nhà đầu tư.

SSI cũng cùng chuyên trang tin tức "NDH – Người đồng hành" triển khai chương trình tư vấn đầu tư trực tuyến NDH eConference trong tháng 10, 11/2021 dành riêng cho khách hàng SSI. Tại chương trình, các chuyên gia hàng đầu của SSI tiếp tục chia sẻ kiến thức, nhận định thị trường, kinh nghiệm giao dịch thực chiến và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư trong quá trình đầu tư.

Giai đoạn cuối năm 2021 và đầu 2022, SSI tiếp tục kết hợp cùng Trung tâm tin tức VTV24 – để thực hiện chương trình "Bí mật đồng tiền" nhằm chia sẻ những góc nhìn mới mẻ và thú vị về Tài chính – Đầu tư. Qua đó, chương trình giới thiệu và giúp người dân hiểu hơn về chứng khoán là kênh đầu tư, kênh kiếm tiền mà bất cứ ai có thể tham gia nếu được trang bị hiểu biết. Chương trình thu hút sự quan tâm của công chúng nhờ sự chân thực, cụ thể hóa các khái niệm đầu tư tài chính một cách dễ hiểu và gần gũi.



Những chuỗi chương trình này không chỉ mang lại giá trị cho Công ty mà còn đóng vai trò quan trọng nhằm xây dựng cộng đồng tài chính cho TTCK nói chung, thông qua việc bồi dưỡng kiến thức cho nhà đầu tư, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển thị trường. Với nguồn lực tài chính vững mạnh và đội ngũ chuyên nghiệp, SSI tiếp tục thu hút và hỗ trợ cộng đồng nhà đầu tư mới đang ngày càng mở rộng tới mọi độ tuổi và thành phần trong xã hội, để chứng khoán thực sự là kênh cất giữ tài sản, sinh lời, dẫn vốn hiệu quả.

Bên cạnh đó, SSI cũng hợp tác cùng các cơ quan báo chí để kịp thời chia sẻ các báo cáo vĩ mô, báo cáo thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, báo cáo ngành do đội ngũ Chuyên gia Phân tích SSI thực hiện. Hơn nữa, Công ty cũng định kỳ tham gia vào các bản tin tài chính của các cơ quan truyền thông lớn như VTV1, Thời báo Tài chính, Truyền hình Quốc hội v.v... nhằm kịp thời đưa tin, xây dựng lòng tin cho Nhà đầu tư vào thị trường, đặc biệt là vào những giai đoạn thị trường có nhiều biến động. Năm 2021, số lượng tin bài SSI xuất bản và phối hợp cùng các cơ quan thông tấn báo chí lớn nhất trên thị trường, với gần 21.000 bài báo, đặc biệt chú trọng vào các phần nhận định thị trường.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

HƠN 124 TỶ VNĐ

NGÂN SÁCH MÀ SSI ĐÃ DÀNH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG TRONG 21 NĂM

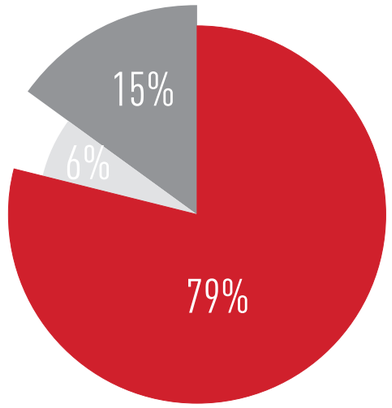


Với tinh thần "Lá lành đùm lá rách", SSI đã và đang nỗ lực khởi xướng, tài trợ và đóng góp vào nhiều chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tập trung vào các hoạt động mang tính bền vững, có tác động lâu dài cho sự phát triển của nhiều tỉnh thành, địa phương Việt Nam và sẵn sàng chung tay góp công, góp của mỗi khi Đất nước gặp khó khăn. Từ năm 2006 đến 2021, hơn 40% ngân sách dành cho tài trợ phát triển giáo dục thông qua các hoạt động xây trường, hỗ trợ các em học sinh nghèo vượt khó, tài trợ học bổng, tặng xe đạp v.v... đi đầu triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân sản xuất kinh doanh như tặng bò, tặng lợn, thiết bị định vị cho ngư dân.

Đặc biệt trong năm 2021, Đất nước phải đối diện với cuộc chiến chống lại đại dịch Covid-19 vô cùng gian nan. Dịch bệnh phức tạp đã khiến thời gian giãn cách xã hội phải kéo dài liên tục tại nhiều tỉnh, thành phố, khiến không ít người lao động mất đi kế sinh nhai, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, hoạt động kinh doanh bị đình trệ trong khi ngành y tế còn nhiều hạn chế và phải đối mặt với tình trạng quá tải. Đứng trước những khó khăn đó, SSI vừa phải đối diện với những biến động, triển khai các giải pháp phòng chống dịch tại đơn vị, vừa cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc ổn định hoạt động, tập thể cán bộ nhân viên SSI còn dồn tâm huyết để kề vai sát cánh với chính quyền, đoàn thể, hỗ trợ tiếp sức đồng bào. Gần 80% ngân sách hoạt động vì cộng đồng được dành để hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch bệnh, góp phần giảm thiểu phần nào sự mất mát, xoa dịu nỗi đau thương của người dân và tiếp thêm ý chí vững vàng bước qua đại dịch.

Phân bổ chi phí hoạt động cộng đồng của SSI năm 2021

PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID 19: **79%**
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC: **6%**
AN SINH XÃ HỘI: **15%**



CHUNG TAY CÙNG ĐẤT NƯỚC CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

Từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát kể từ cuối năm 2019 đến nay, Công ty đã kịp thời chung tay cùng cả nước, hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch bệnh. Với chủ trương và kế hoạch kịp thời từ Ban Lãnh đạo cùng với tinh thần quyết liệt chống dịch hơn chống giặc từ mỗi cán bộ nhân viên, rất nhiều chương trình tài trợ, quyên góp đã được thực hiện. Hàng chục tỷ đồng dưới nhiều hình thức tiền mặt, thực phẩm, vật tư y tế thiết yếu đã nhanh chóng được chuyển đến những nơi đang thiếu, đang cần, hỗ trợ đúng người, đúng thời điểm. SSI cùng đồng hành tài trợ cho 15 bệnh viện tuyến đầu, Sở Y tế và Trung tâm Y tế như Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Bệnh viện Thống Nhất, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang, Sở Y tế Long An, v.v... phòng chống dịch.



HƯỚNG VỀ TUYẾN ĐẦU

Năm 2021 là năm dịch bệnh diễn biến vô cùng phức tạp, với số ca mắc tăng cao, đứng trước tình hình vô cùng cấp bách đó, SSI đã nhanh chóng lên kế hoạch hỗ trợ tuyến đầu chống dịch. Ngay từ sau đợt dịch thứ 3 bùng phát tại miền Bắc trong đó có một số khu vực tại Hà Nội và đặc biệt là tỉnh Bắc Ninh, nơi có số lượng người cách ly nhiều và trang thiết bị xét nghiệm còn rất hạn chế, SSI đã chủ động tài trợ hàng ngàn kit xét nghiệm cho Sở Y tế Bắc Ninh và tiền mặt cho Quỹ phòng chống dịch Covid-19 tại 4 bệnh viện gặp khó khăn nhất là Bệnh viện K, Bệnh viện phổi Đà Nẵng, Bệnh viện Nhiệt đới Trung Ương và Bệnh viện Bạch Mai.

Đợt bùng dịch Covid-19 lần thứ 4 đã xảy ra tại Việt Nam không nằm ngoài quy luật, càng về sau càng phức tạp hơn, thời gian khống chế lâu hơn và số ca nhiễm trong cộng đồng tăng nhanh hơn. Mỗi ngày, cả nước có thêm hàng ngàn ca nhiễm mới, hàng trăm ca chuyển nặng, áp lực đang đè nặng lên hệ thống y tế tại các tỉnh thành phía Nam. Hàng loạt bệnh viện quá tải, thiếu cả nhân lực và vật lực. Trước những áp lực mà hệ thống y tế gặp phải khi số ca mắc Covid-19 tăng cao nhất từ cuối tháng 06/2021, SSI vẫn tiếp tục tăng cường tài trợ tiền mặt cũng như mua sắm các trang thiết bị y tế thiết yếu cho các bệnh viện tuyến đầu tại thành phố Hồ Chí Minh & tỉnh Long An – nơi có số lượng ca mắc và tử vong do Covid-19 cao nhất cả nước.

Tại tâm dịch thành phố Hồ Chí Minh, SSI đã ủng hộ hệ thống hai máy xét nghiệm Covid-19 realtime RT-PCR, 3.000 bộ chẩn đoán Invitro xét nghiệm phát hiện định tính kháng nguyên Sars CoV-2, hệ thống máy ECMO cho Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Công ty cũng trao tặng kịp thời trang thiết bị y tế thiết yếu là ba máy thở chức năng cao cho Bệnh viện Thống Nhất – bệnh viện tuyến đầu trong công tác điều trị cho các bệnh nhân Covid. Bên cạnh đó, tại tỉnh Long An, SSI đã trao tặng kịp thời hàng ngàn khay thử xét nghiệm kháng nguyên virus SARS-CoV-2 cho Trung tâm Y tế huyện Châu Thành; trao hàng ngàn khẩu trang N95 9105 tiêu chuẩn cho Sở Y tế tỉnh Long An để các y bác sĩ sử dụng trong công tác điều trị cho bệnh nhân Covid-19; v.v...

HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC



Bên cạnh việc tích cực hỗ trợ ngành y tế, SSI cũng dành nhiều sự quan tâm đến hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ người lao động, người dân có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 thông qua nhiều chương trình tài trợ gạo, bếp ăn từ thiện v.v... Hơn 180 tấn gạo đã được chuyển đến kịp thời cho các bệnh nhân, người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các tỉnh, thành phố, các đơn vị, nhóm thiện nguyện tổ chức phục vụ những bữa ăn dinh dưỡng dành cho các y bác sĩ nơi tuyến đầu chống dịch.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, từ khi bắt đầu thực hiện Chỉ thị 16 của Chính phủ, SSI đã hỗ trợ chùa Vĩnh Nghiêm 2 tỷ VNĐ để mua thực phẩm, nấu các suất ăn hàng ngày cho 9.000 y, bác sỹ tại tuyến đầu chống dịch.

Tại Hà Nội, bắt đầu ngay từ những ngày thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 17 của UBND Thành phố, Công ty đã chung tay ủng hộ chương trình "Bếp yêu thương" 10 tấn gạo để nấu 1.000 suất ăn cho các cán bộ y tế; trao tặng 4,7 tấn gạo cho 470 bệnh nhân tại Bệnh viện Thận Hà Nội; 10 tấn gạo cho các bệnh nhân, người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Hà Nội, Nam Định, Phú Thọ và Sơn La.



Dịch bệnh càng kéo dài, người khó khăn càng nhiều. Tỉnh Khánh Hòa cũng là một điểm nóng về dịch Covid-19 khi chỉ trong một tháng, địa phương này đã có khoảng 5.500 ca nhiễm. Khánh Hòa đã phải thành lập Trung tâm Cứu trợ Covid-19 tiếp nhận các nguồn lực hỗ trợ, kịp thời phân bổ về các địa phương, khu cách ly, phong tỏa trên địa bàn tỉnh. Trước những khó khăn mà tỉnh Khánh Hòa đang gặp phải, SSI đã nhanh chóng tài trợ 100 tấn gạo (trị giá 1,8 tỷ VNĐ) cho Trung tâm Cứu trợ Covid-19 tỉnh. Ngoài ra, Công ty còn ủng hộ 1 tỷ VNĐ tiền mặt cho Quỹ cứu trợ của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa để phòng, chống dịch. Thông qua các ngành chức năng, những phần quà hỗ trợ của SSI đã kịp thời chuyển tới các hộ gia đình khó khăn, phần nào hỗ trợ người dân vượt qua giai đoạn này.

Với những nỗ lực và trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội vì mục tiêu phát triển chung, Công ty đã không ngừng hỗ trợ và đồng hành cùng cả nước trong năm 2021 bằng nhiều hành động thiết thực, đúng người, đúng nơi và đúng thời điểm, phần nào giúp giảm bớt khó khăn, áp lực do dịch bệnh gây ra và sớm đưa cuộc sống trở lại trang thái bình thường mới.

TRONG 4 THÁNG CỦA
LÀN SÓNG DỊCH BỆNH THỨ 4
BÙNG PHÁT

16 TỶ VNĐ

ĐÃ ĐƯỢC TRAO VÀ CÒN NỮA

HỖ TRỢ CHO
15 BỆNH VIỆN TUYẾN ĐẦU

- MÁY XÉT NGHIỆM PCR
- HỆ THỐNG ECMO
- MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO

~10.000 KHẨU TRANG N95

2.800 KÍT XÉT NGHIỆM

3.000 BỘ CHUẨN ĐOÁN IN VITRO XÉT NGHIỆM

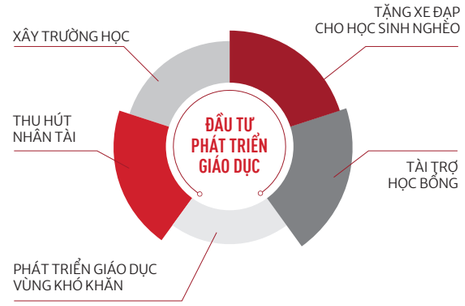
10.000 KHAY THỬ XÉT NGHIỆM KHÁNG NGUYÊN VIRUS SARS-COV-2

- HÀNG TRĂM TẤN GẠO CHO CỘNG ĐỒNG
- HÀNG CHỤC NGHÌN SUẤT ĂN DÀNH TẶNG CÁC BÁC SĨ CHỐNG DỊCH

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Đây là ưu tiên hàng đầu của SSI trong tôn chỉ Hoạt động vì cộng đồng. SSI tin rằng ươm mầm giáo dục chính là bước đi đúng đắn nhất để Việt Nam có những thế hệ kế cận vững chắc cho tương lai đất nước.

Chính vì vậy, hỗ trợ đầu tư phát triển giáo dục được SSI thực hiện qua nhiều hoạt động phong phú và hiệu quả.



CÁC DỰ ÁN XÂY TRƯỜNG

Tính từ năm 2007 tới nay, SSI đã xây được 10 trường học tại khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ để giúp phát triển giáo dục tại các vùng này. Các địa điểm xây trường của SSI đều là những điểm trọng yếu của khu vực, nơi học sinh cần có nhiều hỗ trợ để đến trường thêm thuận tiện.

Hàng năm SSI đều thăm hỏi và có những tài trợ kịp thời cho các trường để mở rộng quy mô, tiếp tục sẽ là những mái trường mang đến nhiều tương lai cho đất nước. Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục cho địa phương, đặc biệt là đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, vốn thiếu thốn các điều kiện học tập hơn so với các khu vực khác.

10 TRƯỜNG HỌC TẠI KHU VỰC PHÍA BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ



Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục cho địa phương, đặc biệt là đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, vốn thiếu thốn các điều kiện học tập hơn so với các khu vực khác.

PHÁT TRIỂN THU HÚT NHÂN TÀI

Với nhận thức phát triển xã hội luôn phải đi kèm với phát triển giáo dục, và một nền kinh tế muốn phát triển phải đặt giáo dục lên hàng đầu. Trong nhiều năm qua, việc ươm mầm cho các ước mơ đến trường còn được SSI kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH thông qua việc trao học bổng cho các sinh viên nghèo và học giỏi. SSI đã tài trợ gần 1,3 tỷ VNĐ trong 04 năm cho các sinh viên tại 06 trường đại học lớn tại Hà Nội để các em có thể yên tâm tiếp tục học tập, rèn luyện, để có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng tri thức của mình, cũng như tiếp tục hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn như mình trong tương lai để tinh thần bác ái được lan tỏa rộng rãi cho thế hệ mai sau.

Với phương châm dành nhiều quan tâm đến thế hệ kế cận của đất nước, đặt biệt là nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, SSI đã dành ra ngân sách để tài trợ cho các cuộc thi dành cho sinh viên tại các trường đại học lớn và hỗ trợ các trường đại học tại Hà Nội, Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh đưa ứng dụng giao dịch chứng khoán giả lập iWin, ứng dụng mô phỏng giao dịch thị trường chứng khoán cơ sở và phái sinh, vào chương trình học liên quan đến Tài chính – Chứng khoán. Công ty tích cực đồng hành cùng Quỹ hỗ trợ Tài năng trẻ Việt Nam, với mục tiêu giúp đỡ các tài năng trẻ tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như phát hiện, cổ vũ và hỗ trợ đối với những thanh thiếu niên có năng khiếu, tạo nguồn đào tạo nhân tài trên các lĩnh vực, nhất là đối với những tài năng trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Bên cạnh đó, SSI trong nhiều năm đã đồng hành cùng Hội Thanh niên – Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ nhằm hỗ trợ, đinh hướng nghề nghiệp và chung tay phát triển những ý tưởng kinh doanh của các bạn sinh viên để có thể áp dụng vào thực tế. Công ty là nhà tài trợ thường niên cho Cuộc thi VietChallenge để ủng hộ sứ mệnh nuôi dưỡng và phát triển các công ty khởi nghiệp có tính đột phá, cạnh tranh cao, góp phần giải quyết các thách thức của nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Từ năm 2015 đến 2021, SSI cũng đồng hành cùng Chương trình "Vòng tay nước Mỹ" – Hội thảo nghề nghiệp thường niên của Hội Thanh niên - Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ. Không chỉ tài trợ chi phí để các em có thể tổ chức các chương trình giao lưu, gắn kết trong cộng đồng, Công ty còn cử các lãnh đạo cao cấp tham gia các buổi nói chuyện về định hướng nghề nghiệp để thế hệ nhân sự tương lai này có cái nhìn đúng đắn về các lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Các hoạt động này không chỉ thể hiện được trách nhiệm của SSI với thế hệ doanh nghiệp trẻ mà còn là hành động trực tiếp đóng góp vào lời kêu gọi xây dựng Quốc gia khởi nghiệp của Chính phủ Việt Nam. Từ những bước đi nhỏ bé, Công ty tiếp tục có những kế hoạch hỗ trợ, đầu tư trong những năm tới để hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÀI TRỢ GIÁO DỤC CHO CÁC KHU VỰC KHÓ KHĂN

Đối với hoạt động phát triển giáo dục ở các khu vực khó khăn, SSI càng dành sự quan tâm sâu sắc. Đặc biệt đối với những trường học ở các tỉnh vùng cao phía Bắc – địa bàn gặp nhiều bất lợi do địa hình và khí hậu khắc nghiệt, SSI thường xuyên quan tâm bằng những chương trình thiết thực, phần nào giúp học sinh và thầy cô giáo khắc phục những khó khăn trong học tập, giảng dạy và cuộc sống như tài trợ áo ấm, chăn đệm, thực phẩm cho học sinh và giáo viên trường PTDT Bán trú THCS xã Dương Hưu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; tài trợ kinh phí xây nhà ăn bán trú cho trường Trường tiểu học Gia Phú 5, Thôn Nậm Trà, Xã Gia Phú, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai v.v...

PHÒNG CHỐNG, KHẮC PHỤC THIÊN TAI

Việt Nam có địa hình biến đổi phức tạp từ Bắc vào Nam, từ Đông sang Tây, trải dài bên thềm lục địa biển Đông nên thường xuyên đối mặt với những thách thức thiên tai. Hoạt động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai luôn là ưu tiên của Đảng và Chính phủ trong công cuộc xây dựng đất nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phòng chống thiên tai, SSI luôn đi đầu triển khai các hoạt động tài trợ phòng chống thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước. Một dự án nổi bật được SSI bắt đầu thực hiện là Chương trình Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai và Tài trợ trang thiết bị cho Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của 9 tỉnh duyên hải miền Trung.

Những chương trình tài trợ từ SSI là sự ủng hộ thiết thực đối với các địa phương, giúp người dân và cơ quan chức năng trên địa bàn kịp thời ứng phó trước những thách thức thiên tai thường xuyên rình rập.

Kết quả đó góp phần thiết thực vào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới của Chính phủ.

Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai

- Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Quảng Bình
- Tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Tỉnh Hà Giang
- Tỉnh Hà Tĩnh

Tài trợ trang bị cho văn phòng bch phòng chống thiên tai & tìm kiếm cứu nạn

- Tỉnh Thanh Hóa
- Tỉnh Nghệ An
- Tỉnh Hà Tĩnh
- Tỉnh Quảng Bình
- Tỉnh Quảng Trị
- Tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Tỉnh Quảng Nam
- Tỉnh Quảng Ngãi
- Tỉnh Bình Định

THÚC ĐẨY VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, SSI luôn quan tâm đến các vấn đề hỗ trợ cộng đồng nhằm giúp cho người dân có thêm kiến thức và cải tạo môi trường lao động, sản xuất kinh tế. Cũng chính vì vậy mà trong nhiều năm liền, các hoạt động thúc đẩy và hỗ trợ người dân phát triển kế sinh nhai, xóa đói giảm nghèo luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của SSI. Những dự án mà SSI lựa chọn luôn là những dự án mang tính giá trị bền vững, giúp cho địa phương và người dân có thêm nguồn lực để phát triển kinh tế, có thể kể đến như xây dựng và đầu tư hơn 5,3 tỷ VNĐ cho Chương trình Bê tông hóa các tuyến đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn hai xã là xã Mỹ Hạnh Nam, xã Đức Hòa Đông – huyện Đức Hòa – tỉnh Long An, góp phần giúp thực hiện một trong những tiêu chí quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới (2017 – 2021) để thúc đẩy lưu thông, kết nối giao thông của người dân với các khu vực lân cận; nâng cao hiệu quả thoát nước, chống ngập úng, cải thiện mỹ quan môi trường đô thị; cải thiện công tác thu gom rác thải và năng lực vận chuyển, tránh ô nhiễm môi trường; tặng hơn 3.300 con lợn nái giống 9 huyện biên giới tỉnh Cao Bằng phát triển kinh tế gia đình (2018); chương trình Sản xuất kết hợp Bảo tồn và An sinh Xã hội tại huyện Di Linh – tỉnh Lâm Đồng (2021).

Những chương trình ủng hộ bệnh nhân và các cơ sở y tế cũng được SSI đều đặn thực hiện trong nhiều năm qua. Trong năm vừa qua, SSI đã tặng trang thiết bị máy móc khám chữa bệnh cho Bệnh viện Nhi Trung Ương, Bệnh viện Nguyễn Tri Phương cùng tặng quà và hỗ trợ chi phí khám bệnh, chi phí thuốc, các bữa ăn miễn phí và chi phí tàu xe về quê cho bệnh nhân của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng; đồng thời hỗ trợ cho một số bệnh nhân thông qua quỹ từ thiện của các báo và bệnh viện.

Công ty thường xuyên tập trung vào những dự án nhằm phát triển cộng đồng tại những khu vực chịu nhiều thiên tai và ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Không chỉ giúp người dân các địa phương xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả của thiên tai và dịch bệnh đồng thời phát triển kinh tế, SSI còn dành sự quan tâm đặc biệt đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, SSI đều phối hợp với Trung tâm phát huy Bình An thuộc tổ chức Bạn trẻ em đường phố (FFSC) tặng quà và tổ chức tiệc vui trung thu cho các em kém may mắn ở Thành phố Hồ Chí Minh do Trung tâm bảo trợ.











BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2021

06

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VNĐ và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 9.847.500.220.000 VNĐ theo giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, một (01) công ty con sở hữu gián tiếp, hai (02) công ty liên kết sở hữu trực tiếp và hai (02) công ty liên kết sở hữu gián tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Viết Muôn	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Ngô Văn Điểm	Trưởng Ủy ban	Được bầu lại ngày 09 tháng 10 năm 2020
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	Được bầu ngày 09 tháng 10 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc:

S.G.P: 03 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/22703663-HN

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 154 đến trang 239, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0[illegible] - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đặng Phương Hà
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**46.539.595.154.345**	**29.040.031.499.577**
110	***I. Tài sản tài chính***		***46.464.265.826.322***	***28.888.812.866.430***
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.114.235.031.501	363.251.901.483
111.1	*1.1. Tiền*		*474.197.771.229*	*231.971.207.727*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*640.037.260.272*	*131.280.693.756*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	12.023.091.791.637	13.252.453.509.081
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	7.834.159.908.363	5.591.644.622.570
114	4. Các khoản cho vay	7.4	23.697.887.241.454	9.226.158.205.627
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	271.579.547.769	185.676.629.818
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(62.328.696.315)	(48.240.749.680)
117	7. Các khoản phải thu		527.729.518.187	386.397.528.485
117.1	*7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính*	9	*521.353.505.084*	*304.395.057.166*
117.2	*7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	9	*6.376.013.103*	*82.002.471.319*
117.4	*7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*6.376.013.103*	*82.002.471.319*
118	8. Trả trước cho người bán	9	1.256.037.254.114	199.102.556.297
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	34.796.454.030	28.545.600.378
122	10. Các khoản phải thu khác	9	9.744.607.323	5.199.604.454
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(242.666.831.741)	(301.376.542.083)
130	***II. Tài sản ngắn hạn khác***	***10***	***75.329.328.023***	***151.218.633.147***
131	1. Tạm ứng		11.989.717.067	9.485.824.434
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		3.314.801.546	757.153.145
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		53.559.486.327	26.367.151.317
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		3.832.647.350	2.091.082.550
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	25	597.877.333	-
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		2.034.798.400	112.517.421.701

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.253.461.407.737**	**6.729.496.508.663**
210	***I. Tài sản tài chính dài hạn***		***3.689.345.130.340***	***6.249.810.538.455***
212	1. Các khoản đầu tư	11	3.689.345.130.340	6.249.810.538.455
212.1	*1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*		*3.086.855.720.098*	*5.464.741.128.665*
212.3	*1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*		*602.489.410.242*	*785.069.409.790*
220	***II. Tài sản cố định***		***188.965.446.921***	***148.288.324.557***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	135.989.246.335	98.435.823.134
222	*1.1. Nguyên giá*		*296.700.537.203*	*228.179.821.517*
223a	*1.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(160.711.290.868)*	*(129.743.998.383)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	52.976.200.586	49.852.501.423
228	*2.1. Nguyên giá*		*161.432.772.500*	*139.400.618.752*
229a	*2.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(108.456.571.914)*	*(89.548.117.329)*
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***233.184.318.475***	***196.767.751.014***
231	1. Nguyên giá		320.664.842.428	277.373.066.215
232a	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(87.480.523.953)	(80.605.315.201)
240	***IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***	***15***	***34.927.073.550***	***43.076.046.646***
250	***V. Tài sản dài hạn khác***		***107.039.438.451***	***91.553.847.991***
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	16	32.586.638.490	17.467.595.615
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	17	24.502.030.428	25.668.947.928
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	14.950.769.533	13.417.304.448
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**50.793.056.562.082**	**35.769.528.008.240**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**36.572.973.831.934**	**25.896.730.955.921**
310	***I. Nợ phải trả ngắn hạn***		***36.479.184.836.620***	***25.823.378.537.838***
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	21	31.120.908.370.195	23.351.486.249.171
312	*1.1. Vay ngắn hạn*		*31.120.908.370.195*	*23.351.486.249.171*
315	2. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn – Cấu phần nợ	22	–	1.146.531.254.012
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	23	180.055.643.711	217.446.795.784
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	24	22.249.743.964	31.320.947.588
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.200.501.681	3.702.194.419
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25	352.627.769.284	112.846.025.401
323	7. Phải trả người lao động		138.381.185.157	27.144.111.212
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		302.986.427	6.885.052
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	26	97.740.561.623	80.266.400.011
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.525.471.313	81.615.385
328	11. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.214.760.000	1.508.975.000
329	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27	4.312.036.356.149	622.409.550.039
331	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		245.941.487.116	228.627.534.764
340	***II. Nợ phải trả dài hạn***		***93.788.995.314***	***73.352.418.083***
351	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	28	52.787.159.357	52.987.159.357
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	18	41.001.835.957	20.365.258.726

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**29**	**14.220.082.730.148**	**9.872.797.052.319**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***14.220.082.730.148***	***9.872.797.052.319***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		10.642.685.440.635	6.138.044.019.034
411.1	*1.1.Vốn góp của chủ sở hữu*		*9.847.500.220.000*	*6.029.456.130.000*
411.1A	*a. Cổ phiếu phổ thông*		*9.847.500.220.000*	*6.029.456.130.000*
411.2	*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*817.169.133.373*	*29.470.756.034*
411.3	*1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn*		–	*113.779.095.785*
411.5	*1.4. Cổ phiếu quỹ*		*(21.983.912.738)*	*(34.661.962.785)*
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	41	(3.793.033.106)	(4.722.276.606)
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		33.624.236.089	39.377.296.810
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		61.252.419.507	522.187.344.649
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		495.932.169.472	437.679.749.965
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối	29.1	2.927.812.985.141	2.676.816.162.826
417.1	*6.1. Lợi nhuận đã thực hiện*		*2.798.808.974.439*	*2.660.148.273.194*
417.2	*6.2.Lợi nhuận chưa thực hiện*		*129.004.010.702*	*16.667.889.632*
418	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		62.568.512.410	63.414.755.641
420	***II. Nguồn kinh phí và quỹ khác***		–	–
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**50.793.056.562.082**	**35.769.528.008.240**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)		5.513.835.807	4.158.365.047
005	Ngoại tệ các loại	30.1		
	USD		*4.228.999,65*	*6.464.712,88*
	EUR		*112,41*	*123,41*
	GBP		*118,64*	*129,64*
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	29.4	982.343.473	599.014.915
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	29.4	2.406.549	3.930.698
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VNĐ)	30.2	640.190.290.000	955.105.300.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VNĐ)	30.3	20.480.520.000	10.481.380.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VNĐ)	30.4	21.549.000.000	19.521.900.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VNĐ)	30.5	6.413.271.510.000	5.723.795.030.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VNĐ)		1.006.880.000	290.000
014	Chứng quyền (số lượng)		173.131.400	79.533.420
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VNĐ)	30.6	78.192.708.630.000	56.041.719.348.000
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*63.676.892.129.000*	*46.235.417.609.100*
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*1.164.444.740.000*	*637.211.680.000*
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*11.559.652.470.000*	*7.585.201.590.000*
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*269.126.600.000*	*292.252.970.000*
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*1.522.592.691.000*	*1.291.635.498.900*
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30.7	569.783.120.000	625.891.680.000
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*518.015.120.000*	*573.756.680.000*
022.2	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*51.623.000.000*	*51.990.000.000*
022.4	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ*		*145.000.000*	*145.000.000*
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30.8	1.595.243.646.000	1.232.619.088.600

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	30.9	23.585.470.000	51.572.580.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	30.10	1.812.141.070.000	38.864.880.000
026	Tiền gửi của khách hàng		7.246.465.212.655	4.812.384.222.934
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	6.473.319.613.124	4.372.810.873.724
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	30.11	744.150.173.589	407.563.136.036
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	17.818.952.433	19.711.153.662
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30.12	11.176.473.509	12.299.059.512
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.13	7.217.469.786.713	4.780.374.009.760
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*6.285.272.187.678*	*4.203.647.551.737*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*932.197.599.035*	*576.726.458.023*
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	30.14	1.926.199.000	95.000
034	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30.15	9.250.274.509	12.298.964.512

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.325.246.467.281	1.779.378.324.384
01.1	*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*1.359.825.060.818*	*680.564.940.707*
01.2	*1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*31.2*	*211.731.605.555*	*687.399.813.784*
01.3	*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*31.4*	*458.917.668.706*	*394.982.988.385*
01.4	*1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*294.772.132.202*	*16.430.581.508*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.4	720.362.424.624	850.012.190.191
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.4	1.570.741.031.737	525.089.898.914
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	31.4	834.475.000	232.822.214.148
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.519.010.314.569	797.332.768.673
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		28.026.818.182	32.749.530.273
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	26	24.949.889.241	10.815.655.122
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		36.409.739.762	36.844.064.402
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		53.809.411.773	54.335.094.105
11	10. Thu nhập hoạt động khác	33	163.791.339.344	47.421.327.751
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**7.443.181.911.513**	**4.366.801.067.963**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.342.190.610.939	1.003.133.839.651
21	*1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*995.116.893.593*	*537.916.604.389*
21.2	*1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*31.2*	*248.642.119.067*	*405.750.139.075*
21.3	*1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*	*29*	*14.220.082.730.148*	*9.872.797.052.319*
21.4	*1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*92.641.163.644*	*56.474.106.102*
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		929.243.500	13.351.221.324
24	3. Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	32	(43.316.292.947)	444.411.131
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		55.188.492.217	23.565.226.687
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	1.493.958.919.195	625.814.988.058
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	34	17.207.268.283	8.317.086.067
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	34	20.115.010.683	18.976.542.088
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	34	41.468.448.535	32.491.874.038
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	34	27.668.812.977	39.188.162.483
32	10. Chi phí hoạt động khác	34,35	199.151.939.549	136.512.419.528
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**3.154.562.452.931**	**1.901.795.771.055**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		10.840.924.272	28.659.748.695
42	2. Tiền và các khoản tương đương tiền		18.954.611.074	12.996.728.146
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết		241.303.599.806	13.701.612.484
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		72.198.308.202	153.395.462.497
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**	**36**	**343.297.443.354**	**208.753.551.822**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		37.681.359.241	12.458.888.106
52	2. Chi phí lãi vay		1.029.858.485.847	829.431.323.089
55	3. Chi phí tài chính khác		47.056.563.263	95.254.840.329
60	**Cộng chi phí tài chính**	**37**	**1.114.596.408.351**	**937.145.051.524**
61	**V. CHI PHÍ BÁN HÀNG**		**-**	**-**
62	**VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**38**	**265.009.663.885**	**184.156.140.350**
70	**VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**3.252.310.829.700**	**1.552.457.656.856**
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		114.101.341.802	5.273.691.839
72	Chi phí khác		1.373.330.333	178.063.632
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**	**39**	**112.728.011.469**	**5.095.628.207**
90	**IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**3.365.038.841.169**	**1.557.553.285.063**
91	Lợi nhuận đã thực hiện		3.232.171.363.849	1.271.395.655.560
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		132.867.477.320	286.157.629.503

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
100	**X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**40**	**669.971.143.149**	**301.621.466.108**
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.1	650.668.031.005	267.248.078.434
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	40.2	19.303.112.144	34.373.387.674
200	**XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**2.695.067.698.020**	**1.255.931.818.955**
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		2.695.913.941.251	1.257.372.470.832
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		182.965.196.138	83.436.396.535
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(846.243.231)	(1.440.651.877)
300	**XII. THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
301	1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41.42	929.243.500	(264.217.445.639)
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**929.243.500**	**(264.217.445.639)**
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		929.243.500	(264.217.445.639)
402	Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		-	-
500	**XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**2.512.948.745.113**	**1.173.936.074.297**
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu)	43	2.852	1.434
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu)	44	2.643	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty, sau khi trình bày lại, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**3.365.038.841.169**	**1.557.553.285.063**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**(1.785.587.212.054)**	**(851.455.330.268)**
03	Khấu hao TSCĐ		64.114.904.375	52.843.245.737
04	Các khoản dự phòng		(43.244.042.982)	621.466.516
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		32.352.977.726	(44.551.479.388)
06	Chi phí lãi vay		1.029.858.485.847	829.431.323.088
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn)		(838.164.923.344)	(764.452.541.360)
08	Dự thu tiền lãi		(2.029.028.569.735)	(924.978.788.358)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(1.476.043.941)	(368.556.503)
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**350.339.091.546**	**475.518.411.116**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		341.283.282.711	462.224.245.177
13	Hoàn nhập suy giảm giá trị các khoản cho vay		(22.249.965)	(57.055.385)
14	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		929.243.500	13.351.221.324
17	Lỗ khác		8.148.815.300	-
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(537.774.283.168)**	**(932.193.919.274)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(506.503.737.757)	(703.830.395.292)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		-	(227.713.523.982)
21	Lãi khác		(31.270.545.411)	(650.000.000)
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.392.016.437.493**	**249.422.446.637**
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		1.373.388.533.003	(8.102.003.145.355)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		2.023.099.662.895)	(557.961.407.547)
33	Tăng các khoản cho vay		(14.471.729.035.827)	(3.866.815.977.543)
34	(Tăng)/giảm tài sản tài chính AFS		(84.973.674.452)	21.534.578.342
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(216.958.447.918)	25.673.472.784
37	(Tăng)/giảm phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		(7.608.266.514)	14.695.260.532
39	Tăng các khoản phải thu khác		(1.040.201.148.837)	(189.797.939.746)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		105.421.082.267	(109.301.266.026)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		14.476.184.330	(20.841.702.356)
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(26.030.441.483)	5.532.176.405
43	Thuế TNDN đã nộp		(484.434.955.032)	(241.876.959.980)
44	Lãi vay đã trả		(1.023.521.441.874)	(786.712.994.161)
46	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		15.284.198.117	(21.855.684.883)
47	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		296.101.375	(391.941.600)
48	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		73.548.687.238	28.021.945.639
49	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		111.387.160.436	(28.038.880)
51	Tăng phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền)		3.849.869.244.556	440.444.778.883
52	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.107.078.521.424	111.387.160.436
	• *Tiền lãi đã thu*		*2.104.655.027.951*	*111.387.160.436*
	• *Tiền thu khác*		*2.423.493.473*	*111.387.160.436*
53	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(83.525.364.956)	(36.406.850.916)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(10.419.316.289.549)**	**(12.273.595.123.461)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(165.135.023.133)	(59.039.058.233)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		512.636.363	1.551.381.817
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(5.136.242.200.000)	(6.500.000.000.000)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		7.574.642.230.999	10.129.251.671.300
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		566.748.774.618	706.398.742.493
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**2.840.526.418.847**	**4.278.162.737.377**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.202.336.556.685	100.000.000.000
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(1.149.759.050)	(15.535.484.501)
73	Tiền vay gốc		254.647.760.778.016	128.576.092.718.449
73.2	*- Tiền vay khác*		*254.647.760.778.016*	*128.576.092.718.449*
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(246.872.018.111.581)	(120.743.657.624.735)
74.3	*- Tiền chi trả gốc vay khác*		*(246.872.018.111.581)*	*(120.743.657.624.735)*
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(647.156.463.350)	(598.997.932.000)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**8.329.773.000.720**	**7.317.901.677.213**
90	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm**		**750.983.130.018**	**(677.530.708.871)**
101	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**5**	**363.251.901.483**	**1.040.782.610.354**
101.1	Tiền		232.339.764.230	260.896.554.224
101.2	Các khoản tương đương tiền		131.280.693.756	780.150.780.818
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(368.556.503)	(264.724.688)
103	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**5**	**1.114.235.031.501**	**363.251.901.483**
103.1	Tiền		475.673.815.170	232.339.764.230
103.2	Các khoản tương đương tiền		640.037.260.272	131.280.693.756
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.476.043.941)	(368.556.503)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		599.609.517.764.931	175.004.650.211.723
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(598.972.716.744.409)	(175.052.653.309.811)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		625.340.846.833.613	179.140.089.460.808
07.1	4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD (tăng/(giảm))		336.587.037.553	(7.557.458.194)
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(622.628.501.424.924)	(173.690.555.564.960)
09	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(30.752.957.605)	(24.601.768.778)
12	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		3.852.630.503.430	258.519.494.358
13	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.073.530.022.868)	(3.347.300.472.909)
20	**Tăng tiền thuần trong năm**		**2.434.080.989.721**	**2.280.590.592.237**
30	**II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG**		**4.812.384.222.934**	**2.531.793.630.697**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.812.384.222.934	2.531.793.630.697
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.812.384.222.934	2.531.793.630.697
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*407.563.136.036*	*415.120.594.227*
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		19.711.153.662	3.790.098.239
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		12.299.059.512	47.001.704.244
40	**III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40 = 20 + 30)**		**7.246.465.212.655**	**4.812.384.222.934**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		7.246.465.212.655	4.812.384.222.934
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	7.217.469.786.713	4.780.374.009.760
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*744.150.173.589*	*407.563.136.036*
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	17.818.952.433	19.711.153.662
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	30.12	11.176.473.509	12.299.059.512

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020	Ngày 1 tháng 1 năm 2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.224.760.213.535	6.138.044.019.034	913.283.805.499	–	4.634.136.014.323	(129.494.592.722)	6.138.044.019.034	10.642.685.440.635
1.1. Cổ phiếu phổ thông	*29.2*	*5.100.636.840.000*	*6.029.456.130.000*	*928.819.290.000*	–	*3.818.044.090.000*	–	*6.029.456.130.000*	*9.847.500.220.000*
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		*29.470.756.034*	*29.470.756.034*	–	–	*817.241.683.373*	*(29.543.306.034)*	*29.470.756.034*	*817.169.133.373*
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn		*113.779.095.785*	*113.779.095.785*	–	–	–	*(113.779.095.785)*	*113.779.095.785*	–
1.4. Cổ phiếu quỹ		*(19.126.478.284)*	*(34.661.962.785)*	*(15.535.484.501)*	–	*(1.149.759.050)*	*13.827.809.097*	*(34.661.962.785)*	*(21.983.912.738)*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		477.303.674.335	522.187.344.649	44.883.670.314	–	58.252.419.507	(519.187.344.649)	522.187.344.649	61.252.419.507
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		392.796.079.651	437.679.749.965	44.883.670.314	–	58.252.419.507	–	437.679.749.965	495.932.169.472
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		259.495.169.033	(4.722.276.606)	30.859.762.724	(295.077.208.363)	929.243.500	–	(4.722.276.606)	(3.793.033.106)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		40.382.194.252	39.377.296.810	–	(1.004.897.442)	–	(5.753.060.721)	39.377.296.810	33.624.236.089
6. Lợi nhuận chưa phân phối		2.941.467.041.881	2.676.816.162.826	1.746.848.419.947	(2.011.499.299.002)	3.100.113.975.143	(2.849.117.152.828)	2.676.816.162.826	2.927.812.985.141
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	29.1	*3.194.600.794.526*	*2.660.148.273.194*	*992.892.632.395*	*(1.527.345.153.727)*	*2.584.889.227.021*	*(2.446.228.525.776)*	*2.660.148.273.194*	*2.798.808.974.439*
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*29.1*	*(253.133.752.645)*	*16.667.889.632*	*753.955.787.552*	*(484.154.145.275)*	*515.224.748.122*	*(402.888.627.052)*	*16.667.889.632*	*129.004.010.702*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		64.855.407.518	63.414.755.641	–	(1.440.651.877)	–	(846.243.231)	63.414.755.641	62.568.512.410
TỔNG CỘNG		**9.401.059.780.205**	**9.872.797.052.319**	**2.780.759.328.798**	**(2.309.022.056.684)**	**7.851.684.071.980**	**(3.504.398.394.151)**	**9.872.797.052.319**	**14.220.082.730.148**
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
8. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41	259.495.169.033	(4.722.276.606)	30.859.762.724	(295.077.208.363)	929.243.500	–	(4.722.276.606)	(3.793.033.106)
TỔNG CỘNG		**259.495.169.033**	**(4.722.276.606)**	**30.859.762.724**	**(295.077.208.363)**	**929.243.500**	**–**	**(4.722.276.606)**	**(3.793.033.106)**

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VNĐ và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 9.847.500.220.000 VNĐ theo giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.310 người (31 tháng 12 năm 2020: 909 người).

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 9.847.500.220.000 VNĐ, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 14.220.082.730.148 VNĐ, và tổng tài sản là 50.793.056.562.082 VNĐ.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
   a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng.
   b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác.
   c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết.
   d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở.
   e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
   f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
   g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định tại điểm c, d và e khoản 4 trên.

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 99/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 11 năm 2021	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	75 tỷ VNĐ	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh số 4557/UBCK-QLQ ngày 24 tháng 7 năm 2018	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	343 tỷ VNĐ	80%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Quốc tế SSI, sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty Quốc tế SSI	Thành lập tại Hoa Kỳ theo Đăng ký Kinh doanh số 090813396 - 4724807 ngày 27 tháng 8 năm 2009	Đầu tư kinh doanh bất động sản và văn phòng	18.499.870,31 USD	80%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (02) công ty liên kết sở hữu trực tiếp và hai (02) công ty liên kết sở hữu gián tiếp được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VNĐ)	Hình thức sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 20 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 21). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	2.163.585.800.000	Trực tiếp
Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam	Giấy Chứng nhận Đăng ký lập quỹ thành viên số 38/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2021.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác	50.000.000.000	Trực tiếp
Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (và các đăng ký thay đổi tiếp theo). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0109650285 ngày 27 tháng 5 năm 2021.	Hoạt động tư vấn quản lý	46.700.000.000	Gián tiếp qua công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư KAC	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (và các đăng ký thay đổi tiếp theo). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0109693345 ngày 05 tháng 7 năm 2021.	Hoạt động đầu tư tài chính	47.500.000.000	Gián tiếp qua công ty con

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 của Công ty là 2.695.067.698.020 VNĐ, tăng 114,6% (tương ứng mức tăng 1.439.135.879.065 VNĐ) so với năm 2020, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường tăng mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng ở mức 215,9%, tương ứng với mức tăng 1.721.677.545.896 VNĐ, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới chỉ tăng 138,7% tương ứng với giá trị là 868.143.931.137 VNĐ. Đồng thời, lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 199,1% tương ứng với mức tăng là 1.045.651.132.823 VNĐ so với năm 2020.
- Thị trường chứng khoán tăng mạnh, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng 30,7% tương ứng với mức tăng là 545.868.142.897 VNĐ so với năm 2020, trong khi lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL tăng với giá trị 339.056.771.288 VNĐ.

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).`

2.2. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4. KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

4.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a. Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b. Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c. Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5. CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a. Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b. Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c. Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a. Các khoản cho vay và phải thu;

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7. GIÁ TRỊ HỢP LÝ/GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT- BTC.

4.8. NGỪNG GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - » Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - » Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9. PHÂN LOẠI LẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ hao mòn lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4.11. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ ĐEM ĐI THẾ CHẤP

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" và "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.15. KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4.17. THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí vật dụng văn phòng; và
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm

4.19. CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.20. CÁC KHOẢN VAY VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG CHUYỂN ĐỔI

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp lãi suất thực tế. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu

4.22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.23. LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 01 tháng 7 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.Theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.24. CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.25. CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.26. CHUYỂN ĐỔI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CON SANG ĐỒNG TIỀN BÁO CÁO CỦA CÔNG TY MẸ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân;
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh luỹ kế tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.27. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt độngmôi giới chứng

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.28. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.29. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỐN CHỨNG KHOÁN TỰ DOANH BÁN RA

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.31. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau :

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.32. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.33. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.34. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.35. CÁC KHOẢN MỤC KHÔNG CÓ SỐ DƯ

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm(đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
Tiền	474.197.771.229	231.971.207.727
· *Tiền mặt tại quỹ*	*431.375.814*	*1.523.360.961*
· *Tiền gửi ngân hàng*	*473.766.395.415*	*230.447.846.766*
Các khoản tương đương tiền	640.037.260.272	131.280.693.756
· *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng*	*640.037.260.272*	*131.280.693.756*
Tổng cộng	**1.114.235.031.501**	**363.251.901.483**

6 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm(đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
a. Của Công ty	**1.474.840.366**	**225.573.878.359.527**
– *Cổ phiếu*	*627.758.220*	*31.289.419.858.042*
– *Trái phiếu*	*536.034.367*	*145.482.937.777.336*
– *Chứng khoán khác*	*311.047.779*	*48.801.520.724.149*
b. Của nhà đầu tư	**44.072.834.457**	**2.116.751.294.919.030**
– *Cổ phiếu*	*43.145.226.766*	*1.343.655.920.400.030*
– *Trái phiếu*	*10.255.000*	*1.052.866.215.000*
– *Chứng khoán khác*	*917.352.691*	*772.042.508.304.000*
Tổng cộng	**45.547.674.823**	**2.342.325.173.278.560**

7 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.6*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (1)	**1.072.947.011.743**	**1.102.268.396.860**	**1.509.746.467.717**	**1.546.091.942.060**
FPT	18.052.188.015	17.358.171.000	73.847.343.900	79.197.605.100
MWG	212.961.242.814	210.655.464.300	32.119.701.765	32.753.739.700
MBB	8.400.183.626	8.472.844.200	27.662.703.961	28.422.963.000
SGN	407.684.911.102	420.402.968.000	370.773.183.102	382.892.550.000
VPB	70.064.308.000	69.355.375.800	36.913.746.455	37.465.675.000
FUESSV50	62.297.633.675	80.428.235.000	24.686.252.252	31.600.000.000
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	293.486.544.511	295.595.338.560	943.743.536.282	953.759.409.260
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	**756.070.971.658**	**753.490.336.500**	**497.988.719.529**	**525.040.743.600**
HPG	73.542.487.719	68.496.144.000	119.366.528.685	129.145.682.100
FPT	92.779.827.372	89.622.612.000	23.445.299.072	25.143.917.700
MBB	86.665.742.393	87.415.390.600	40.205.038.732	41.310.001.000
VRE	55.305.263.332	54.932.500.000	50.183.440.601	51.847.052.000
MWG	106.291.665.063	105.091.470.000	9.491.107.019	9.678.460.000
Cổ phiếu khác	341.485.985.779	347.932.219.900	255.297.305.420	267.915.630.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	**104.339.454.012**	**84.528.770.867**	**54.082.228.373**	**34.525.310.285**
Trái phiếu niêm yết	**100.074.600.000**	**100.074.600.000**	**-**	**-**
Trái phiếu chưa niêm yết (2)	**3.209.941.475.120**	**3.209.941.475.120**	**2.282.847.114.683**	**2.282.847.114.683**
Chứng chỉ tiền gửi (3)	**6.772.788.212.290**	**6.772.788.212.290**	**8.863.948.398.453**	**8.863.948.398.453**
Tổng cộng	**12.016.161.724.823**	**12.023.091.791.637**	**13.208.612.928.755**	**13.252.453.509.081**

(1). Trong số cổ phiếu và chứng khoán niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, có 5.900.000 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 59.000.000.000 VNĐ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2). Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 4.380 trái phiếu có giá trị mệnh giá là 780.000.000.000 VNĐ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(3). Các chứng chỉ tiền gửi thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty có giá trị mệnh giá là 6.100.000.000.000 VNĐ.

7.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH AFS

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết	**276.320.839.159**	**271.579.547.769**	**191.347.164.707**	**185.676.629.818**
CTCP PAN Farm	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300
CTCP ConCung	40.007.139.216	40.007.139.216	55.073.516.809	55.073.516.809
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	182.904.778.643	178.163.487.253	82.864.726.598	77.194.191.709
Tổng cộng	**276.320.839.159**	**271.579.547.769**	**191.347.164.707**	**185.676.629.818**

7.3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	7.834.159.908.363	5.591.644.622.570

Trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, có 7.310.000.000.000 VNĐ được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 441.785.000.000 VNĐ được dùng để đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành.

7.4. CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	22.745.638.861.021	22.715.564.511.306	9.012.433.408.635	8.982.336.808.955
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	945.347.041.803	945.347.041.803	213.422.988.773	213.422.988.773
Các khoản khác (3)	6.901.338.630	6.901.338.630	301.808.219	301.808.219
Tổng cộng	**23.697.887.241.454**	**23.667.812.891.739**	**9.226.158.205.627**	**9.196.061.605.947**

(1). Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 15.375.838.486.501 VNĐ và 8.842.174.140.000 VNĐ, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 68.923.089.551.344 VNĐ và 27.102.717.665.700 VNĐ.

(2). Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3). Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ký gửi bán trái phiếu được nắm giữ bởi khách hàng, theo đó Công ty ứng trước tiền bán trái phiếu cho khách hàng trong thời gian chờ bán trái phiếu.

(4). Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

B05-CTCK/HN

7.5. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm			
	Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	**12.016.161.724.823**	**55.450.720.111**	**(48.520.653.297)**	**12.023.091.791.637**
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết	1.072.947.011.732	44.805.763.899	(15.484.378.771)	1.102.268.396.860
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	756.070.971.658	10.644.956.223	(13.225.591.381)	753.490.336.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	104.339.454.012	-	(19.810.683.145)	84.528.770.867
Trái phiếu niêm yết	100.074.600.000	-	-	100.074.600.000
Trái phiếu chưa niêm yết	3.209.941.475.120	-	-	3.209.941.475.120
Chứng chỉ tiền gửi	6.772.788.212.290	-	-	6.772.788.212.290
AFS	**276.320.839.159**	**-**	**(4.741.291.390)**	**271.579.547.769**
Cổ phiếu chưa niêm yết	276.320.839.159	-	(4.741.291.390)	271.579.547.769
Tổng cộng	**12.292.482.563.982**	**55.450.720.111**	**(53.261.944.687)**	**12.294.671.339.406**

Các loại tài sản tài chính	Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	**13.208.612.928.755**	**129.157.925.401**	**(85.317.345.075)**	**13.252.453.509.081**
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết	1.509.746.467.717	101.897.135.034	(65.551.660.691)	1.546.091.942.060
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	497.988.719.529	27.260.790.367	(208.766.296)	525.040.743.600
Cổ phiếu chưa niêm yết	54.082.228.373	-	(19.556.918.088)	34.525.310.285
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	2.282.847.114.683	-	-	2.282.847.114.683
Chứng chỉ tiền gửi	8.863.948.398.453	-	-	8.863.948.398.453
AFS	**191.347.164.707**	**-**	**(5.670.534.889)**	**185.676.629.818**
Cổ phiếu chưa niêm yết	191.347.164.707	-	(5.670.534.889)	185.676.629.818
Tổng cộng	**13.399.960.093.462**	**129.157.925.401**	**(90.987.879.964)**	**13.438.130.138.899**

8 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	30.074.349.715	30.096.599.680
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.254.346.600	18.144.150.000
Tổng cộng	**62.328.696.315**	**48.240.749.680**

9 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	521.353.505.084	304.395.057.166
Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính khó có khả năng thu hồi	*232.864.343.084*	*290.268.582.666*
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	6.376.013.103	82.002.471.319
3. Trả trước cho người bán	1.256.037.254.114	199.102.556.297
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	34.796.454.030	28.545.600.378
Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp	*9.877.488.657*	*11.232.959.417*
5. Các khoản phải thu khác	9.744.607.323	5.199.604.454
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(242.666.831.741)	(301.376.542.083)
Tổng cộng	**1.585.641.001.913**	**317.868.747.531**

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập/xử lý nợ trong năm	Số dự phòng đầu năm	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	232.864.343.084	290.268.582.666	–	(57.404.239.582)	232.864.343.084	290.268.582.666
• *Công ty TNHH TMXD Phúc Bảo Minh*	*232.864.343.084*	*290.268.582.666*	–	*(57.404.239.582)*	*232.864.343.084*	*290.268.582.666*
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	9.877.488.657	11.107.959.417	50.000.000	(1.355.470.760)	9.802.488.657	11.232.959.417
• *Công ty Cổ phần bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An*	*10.000.000*	*5.000.000*	*2.000.000*	–	*7.000.000*	*10.000.000*
• *Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)*	*240.000.000*	*120.000.000*	*48.000.000*	–	*168.000.000*	*240.000.000*
• *Phải thu giao dịch ký quỹ quá hạn – khách hàng cá nhân*	*9.627.488.657*	*10.982.959.417*	–	*(1.355.470.760)*	*9.627.488.657*	*10.982.959.417*
Tổng cộng	**242.741.831.741**	**301.376.542.083**	**50.000.000**	**(58.759.710.342)**	**242.666.831.741**	**301.501.542.083**

10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	11.989.717.067	9.485.824.434
Chi phí trả trước ngắn hạn	53.559.486.327	26.367.151.317
• *Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng*	*2.996.466.634*	*519.052.110*
• *Chi phí trả trước dịch vụ*	*50.563.019.693*	*25.848.099.207*
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.832.647.350	2.091.082.550
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (thuyết minh 25)	597.877.333	–
Tài sản ngắn hạn khác	2.034.798.400	112.517.421.701
• *Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Công ty*	*883.944.800*	*111.567.248.001*
• *Khác*	*1.150.853.600*	*950.173.700*
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	3.314.801.546	757.153.145
Tổng cộng	**75.329.328.023**	**151.218.633.147**

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Hình thức sở hữu	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)			3.086.855.720.098	5.464.741.128.665
· *Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm*			-	*2.000.415.894.298*
· *Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn*			*3.086.855.720.098*	*3.464.325.234.367*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)			602.489.410.242	785.069.409.790
· *Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)*	*12,73%*	*Trực tiếp*	*559.135.802.632*	*785.069.409.790*
· *Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha*	*48,90%*	*Gián tiếp qua công ty con*	*16.523.835.763*	-
· *Công ty Cổ phần Đầu tư KAC*	*46,70%*	*Gián tiếp qua công ty con*	*16.787.119.666*	-
· *Quỹ Đầu tư Công Nghệ số Việt Nam*	*20,00%*	*Trực tiếp*	*10.042.652.181*	-
Tổng cộng			**3.689.345.130.340**	**6.249.810.538.455**

(1). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trong số các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có 3.000 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 3.000.000.000.000 VNĐ được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 26.580.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 265.801.200.000 VNĐ được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	785.069.409.790	794.315.339.944
Mua trong năm	56.242.200.000	-
Thanh lý một phần công ty liên kết trong năm	(283.338.631.192)	(25.550.058.810)
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	31.957.963.865	-
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	-	(7.822.160.099)
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm	33.537.927.279	20.537.702.917
· *Phần chia sẻ lãi trong năm*	· *33.537.927.279*	· *20.537.702.917*
Cổ tức thực nhận	(20.979.459.500)	-
Điều chỉnh khác	-	3.588.585.838
Số cuối năm	**602.489.410.242**	**785.069.409.790**

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Máy móc Thiết bị	Phương tiện vận tải	thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	198.679.497.229	26.553.473.300	2.946.850.988	228.179.821.517
Tăng trong năm	74.211.268.489	-	233.585.284	74.444.853.773
Giảm trong năm	(3.717.448.587)	(2.206.689.500)	-	(5.924.138.087)
Thanh lý, nhượng bán	*(3.717.448.587)*	*(2.206.689.500)*	-	*(5.924.138.087)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	269.173.317.131	24.346.783.800	3.180.436.272	296.700.537.203
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	116.480.834.535	11.289.884.327	1.973.279.521	129.743.998.383
Tăng trong năm	33.936.510.440	2.424.135.472	518.727.436	36.879.373.348
Hao mòn trong năm	*33.936.510.440*	*2.424.135.472*	*518.727.436*	*36.879.373.348*
Giảm trong năm	(3.705.391.363)	(2.206.689.500)	-	(5.912.080.863)
Thanh lý, nhượng bán	*(3.705.391.363)*	*(2.206.689.500)*	-	*(5.912.080.863)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	146.711.953.612	11.507.330.299	2.492.006.957	160.711.290.868
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	82.198.662.694	15.263.588.973	973.571.467	98.435.823.134
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	122.461.363.519	12.839.453.501	688.429.315	135.989.246.335

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	61.422.592.425	64.280.536.169

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	130.806.989.210	8.593.629.542	139.400.618.752
Tăng trong năm	20.398.627.248	1.633.526.500	22.032.153.748
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	151.205.616.458	10.227.156.042	161.432.772.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	82.689.977.233	6.858.140.096	89.548.117.329
Tăng trong năm	17.885.828.146	1.022.626.439	18.908.454.585
Hao mòn trong năm	*17.885.828.146*	*1.022.626.439*	*18.908.454.585*
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	100.575.805.379	7.880.766.535	108.456.571.914
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	48.117.011.977	1.735.489.446	49.852.501.423
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	50.629.811.079	2.346.389.507	52.976.200.586

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	60.134.899.356	56.348.978.356

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà và đất
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	277.373.066.215
Tăng trong năm	48.487.563.238
- *Mua mới*	*48.487.563.238*
Giảm trong năm	(5.195.787.025)
- *Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con*	*(5.195.787.025)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	320.664.842.428
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	80.605.315.201
Tăng trong năm	8.327.076.442
- *Hao mòn trong năm*	*8.327.076.442*
Giảm trong năm	(1.451.867.690)
- *Đánh giá tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con*	*(1.451.867.690)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	87.480.523.953
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	196.767.751.014
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	233.184.318.475

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI-IMF) mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VNĐ được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.914.495.000 VNĐ.

15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển phần mềm	34.927.073.550	16.491.752.828
Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	26.584.293.818
Tổng cộng	**34.927.073.550**	**43.076.046.646**

16 CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, đặt cọc của Công ty	32.586.638.490	32.586.638.490

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu là tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

17 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dài hạn	24.502.030.428	25.668.947.928

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất, chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì và bảo hành các phần mềm của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa 36 tháng.

18 TÀI SẢN/ PHẢI TRẢ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản/ phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết tạm thời không được khấu trừ thuế	4.248.099.320	1.426.060.000
Dự phòng giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	139.338.024	23.798.599
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh	1.369.870.544	2.773.984.204
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	9.193.461.645	9.193.461.645
Tổng cộng	**14.950.769.533**	**13.417.304.448**
Phải trả thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(4.507.801.066)	(4.613.022.047)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	11.090.142.625	25.831.585.081
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(948.258.278)	(948.258.278)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	35.367.752.676	94.953.970
Tổng cộng	**41.001.835.957**	**20.365.258.726**

19 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VNĐ/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VNĐ đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
Tổng cộng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

20 CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và đảm bảo thanh toán cho Chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn	**14.690.785.000.000**	**16.360.550.000.000**	
Tài sản tài chính FVTPL – tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 7.1)*	6.939.000.000.000	10.768.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Cổ phiếu niêm yết	*59.000.000.000*	*18.000.000.000*	
Trái phiếu chưa niêm yết	*780.000.000.000*	*2.000.000.000.000*	
Chứng chỉ tiền gửi	*6.100.000.000.000*	*8.750.000.000.000*	
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	6.560.000.000.000	4.400.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	750.000.000.000	800.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	98.250.000.000	292.550.000.000	Chứng quyền
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	343.535.000.000	–	Chứng quyền
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng *(Thuyết minh số 5)*	–	100.000.000.000	Chứng quyền
Dài hạn	**3.265.801.200.000**	**5.728.801.200.000**	
Trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 1 năm – tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)*	3.000.000.000.000	3.400.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm *(Thuyết minh số 11)*	–	2.000.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Đầu tư vào công ty liên kết – tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)*	265.801.200.000	328.801.200.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tổng cộng	**17.956.586.200.000**	**22.089.351.200.000**	

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết biến động số dư vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn của Công ty trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm (VNĐ)	Số vay trong năm (VNĐ)	Số đã trả trong năm (VNĐ)	Số cuối năm (VNĐ)
Vay thấu chi	Dưới 6,2	5.207.661.249.171	100.876.604.810.517	100.072.600.266.916	6.011.665.792.772
Vay ngắn hạn	Dưới 7,4	18.143.825.000.000	153.771.705.967.499	146.806.288.390.076	25.109.242.577.423
· Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		*3.685.000.000.000*	*11.934.812.000.000*	*11.519.812.000.000*	*4.100.000.000.000*
· Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		*4.312.000.000.000*	*16.896.000.000.000*	*16.768.000.000.000*	*4.440.000.000.000*
· Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		-	*9.000.000.000.000*	*6.000.000.000.000*	*3.000.000.000.000*
· Các ngân hàng khác		*10.146.825.000.000*	*50.177.900.000.000*	*50.058.925.000.000*	*10.265.800.000.000*
· Vay khác		-	*65.762.993.967.499*	*62.459.551.390.076*	*3.303.442.577.423*
Tổng cộng		**23.351.486.249.171**	**254.648.310.778.016**	**246.878.888.656.992**	**31.120.908.370.195**

22 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị trái phiếu chuyển đổi phát hành	**1.150.000.000.000**	**1.150.000.000.000**
Cấu phần vốn chủ sở hữu	113.779.095.785	113.779.095.785
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu (1)	1.036.220.904.215	1.036.220.904.215
Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu vào cấu phần nợ gốc		
Số đầu năm	*110.310.349.797*	*69.717.041.955*
Số phân bổ tăng trong năm	*3.468.745.988*	*40.593.307.842*
Số cuối năm (2)	*113.779.095.785*	*110.310.349.797*
Cơ cấu nợ gốc chuyển đổi trong năm (3)	*(1.150.000.000.000)*	-
Cấu phần nợ gốc tại ngày cuối năm = (1) + (2) + (3)	**-**	**1.146.531.254.012**

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.150 tỷ VNĐ và kỳ hạn 3 năm, lãi suất phát hành 4%/năm và trả lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 1 năm 2018 của Đại Hội đồng Cổ đông. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty cho đến khi đáo hạn trái phiếu, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Số lượng trái phiếu chuyển đổi mỗi lần không ít hơn 30% tổng giá trị trái phiếu phát hành và số lần chuyển đổi không nhiều hơn 03 lần.

Việc hạch toán các cấu phần vốn chủ sở hữu và cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, với lãi suất chiết khấu sử dụng để xác định cấu phần nợ gốc ban đầu và chi phí lãi trái phiếu là 7,76%/năm. Phần chênh lệch giữa chi phí lãi trái phiếu theo lãi suất chiết khấu và lãi danh nghĩa phải trả được định kỳ phân bổ vào cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

Ngày 05 tháng 2 năm 2021, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty thông báo về việc chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi được phát hành ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Điều 2 Nghị quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thành cổ phiếu phổ thông theo yêu cầu của Trái chủ, cụ thể như sau: Số lượng trái phiếu chuyển đổi là 1.150.000 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 VNĐ với giá chuyển đổi là 24.541 VNĐ/cổ phiếu (đã được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng) và số lượng cổ phần phát hành để chuyển đổi trái phiếu là 46.859.491 cổ phần.

Theo Quyết định số 06/2021/QĐ-CTHĐQT về ngày thực hiện chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Công văn số 398/2021/CV-SSIHO về Công bố chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi và báo cáo kết quả phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2021, toàn bộ số trái phiếu này đã được chuyển đổi thành cổ phiếu.

23 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	45.231.136.706	24.517.864.977
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*)	134.824.507.005	192.928.930.807
Tổng cộng	**180.055.643.711**	**217.446.795.784**

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành
ACB/8M/SSI/C/EU/Cash-12	15.000.000	906.400
FPT/5M/SSI/C/EU/Cash-10	18.000.000	9.039.500
FPT/4M/SSI/C/EU/Cash-12	17.000.000	799.500
HPG/5M/SSI/C/EU/Cash-10	37.500.000	32.450.700
HPG/8M/SSI/C/EU/Cash-12	22.000.000	16.860.900
KDH/5M/SSI/C/EU/Cash-11	6.500.000	2.106.200
MBB/5M/SSI/C/EU/Cash-11	8.000.000	7.393.000
MBB/4M/SSI/C/EU/Cash-12	23.000.000	10.186.900
MSN/5M/SSI/C/EU/Cash-10	12.000.000	895.000
MWG/5M/SSI/C/EU/Cash-10	7.000.000	1.327.800
MWG/4M/SSI/C/EU/Cash-12	12.000.000	3.536.300
NVL/5M/SSI/C/EU/Cash-11	5.500.000	4.485.000
PNJ/5M/SSI/C/EU/Cash-10	10.000.000	2.860.400
STB/5M/SSI/C/EU/Cash-11	8.000.000	5.295.000
TCB/5M/SSI/C/EU/Cash-11	11.000.000	9.420.200
TCB/8M/SSI/C/EU/Cash-12	23.000.000	15.674.000
VHM/5M/SSI/C/EU/Cash-10	13.500.000	6.140.300
VHM/8M/SSI/C/EU/Cash-12	15.000.000	1.882.700
VIC/5M/SSI/C/EU/Cash-10	11.000.000	9.776.300
VJC/5M/SSI/C/EU/Cash-10	4.500.000	739.800
VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-10	11.000.000	6.130.300
VPB/5M/SSI/C/EU/Cash-11	9.000.000	8.440.500
VRE/5M/SSI/C/EU/Cash-10	16.000.000	5.801.900
VRE/4M/SSI/C/EU/Cash-12	23.000.000	3.220.000
Tổng cộng	**338.500.000**	**165.368.600**

24 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.288.818.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Geek Up	1.755.552.000	7.940.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Viễn Thông Quốc Tế FPT	1.279.980.000	88.000.000
Công ty TNHH INFOBIP	1.124.550.130	564.700.460
Công ty TNHH Hệ Thống Thông tin FPT (FIS)	1.335.741.000	297.550.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng kỹ thuật và sản xuất - Chi nhánh Hà Nội	1.611.100.000	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	15.222.592.400
Phải trả người bán khác	13.854.002.834	15.140.164.728
Tổng cộng	**22.249.743.964**	**31.320.947.588**

25 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.837.070.183	569.127.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	222.198.744.178	55.954.590.638
Thuế thu nhập cá nhân	119.649.345.022	50.683.348.938
Các loại thuế khác (Thuế nhà thầu)	8.942.609.901	5.638.958.408
Tổng cộng	**352.627.769.284**	**112.846.025.401**

25 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC *(tiếp theo)*

CHI TIẾT THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
I	**Thuế**	**112.846.025.401**	**1.642.624.032.070**	**1.403.440.165.520**	**352.029.891.951**
1	Thuế giá trị gia tăng	569.127.417	8.882.378.973	7.614.436.207	1.837.070.183
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) *(Thuyết minh số 40.1)*	55.954.590.638	650.081.231.239	484.434.955.032	221.600.866.845
3	Trong đó:				
	· *Thuế TNDN phải nộp*				*222.198.744.178*
	· *Thuế TNDN thu lại từ nhà nước*				*(597.877.333)*
	Các loại thuế khác	56.322.307.346	983.660.421.858	911.390.774.281	128.591.954.923
	Thuế thu nhập cá nhân	*16.265.314.909*	*203.152.286.927*	*190.898.694.947*	*28.518.906.889*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*34.418.034.029*	*686.307.365.775*	*629.594.961.671*	*91.130.438.133*
	Thuế môn bài	–	*18.000.000*	*18.000.000*	–
	Thuế khác (thuế nhà thầu)	*5.638.958.408*	*94.182.769.156*	*90.879.117.663*	*8.942.609.901*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**–**	**5.664.419**	**5.664.419**	**–**
Tổng cộng		**112.846.025.401**	**1.642.629.696.489**	**1.403.445.829.939**	**352.029.891.951**

26 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi	–	19.166.666.665
Chi phí lãi vay phải trả	76.567.804.348	54.403.160.401
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	14.518.541.799	1.034.451.585
Phí dịch vụ	758.000.000	693.000.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	4.093.870.506	4.455.046.986
Các khoản khác	1.802.344.970	514.074.374
Tổng cộng	**97.740.561.623**	**80.266.400.011**

27 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán (1)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (2)	4.250.363.558.098	605.525.111.581
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	7.224.402.527	9.022.941.174
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	*6.672.786.400*	*8.341.645.750*
Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	*551.616.127*	*681.295.424*
Phải trả khác	49.448.395.524	2.861.497.284
Tổng cộng	**4.312.036.356.149**	**622.409.550.039**

(1). Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

(2). Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

28 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG)	12.890.045.591	12.890.045.591
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	9.277.932.564	9.277.932.564
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.600.000.000	1.800.000.000
Tổng cộng	**52.787.159.357**	**52.987.159.357**

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu và phần doanh thu chưa thực hiện khác.

29 VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	2.798.808.974.439	2.660.148.273.194
Lợi nhuận chưa thực hiện	129.004.010.702	16.667.889.632
· *Lãi/(lỗ) chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*133.613.475.933*	*(11.075.622.863)*
· *Lãi/(lỗ) chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện*	*(4.609.465.231)*	*27.743.512.495*
Tổng cộng	**2.927.812.985.141**	**2.676.816.162.826**

B05-CTCK/HN

29.2. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm	**6.029.456.130.000**	**29.470.756.034**	**113.779.095.785**	**(34.661.962.785)**	**(4.722.276.606)**	**39.377.296.810**	**522.187.344.649**	**437.679.749.965**	**2.676.816.162.826**	**63.414.755.641**	**9.872.797.052.319**
Lợi nhuận sau thuế	–	–	–	–	–	–	–	–	2.695.067.698.020	–	2.695.067.698.020
Phân phối Cổ phiếu Quỹ theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ Ngày 31/12/2020 của ĐHĐCĐ	–	1.712.190.903	–	13.827.809.097	–	–	–	–	–	–	15.540.000.000
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2020 của ĐHĐCĐ	75.000.000.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	75.000.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2021 của ĐHĐCĐ	2.182.925.380.000	(29.470.756.034)		–	–	–	(519.187.344.649)	–	(1.634.267.279.317)	–	–
Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2021 của ĐHĐCĐ	1.091.523.800.000	20.345.306.685		–	–	–	–	–	–	–	1.111.869.106.685
Chuyển đổi trái phiếu theo Quyết định số 06/2021/QĐ-CTHĐQT ngày 15/03/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị	468.594.910.000	795.184.185.785	(113.779.095.785)		–	–	–	–	–	–	1.150.000.000.000
Chi phí phát hành	–	(72.550.000)	–	–	–	–	–	–	–	–	(72.550.000)
Cổ tức SSI 2020 (10%) theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của ĐHĐCĐ	–	–	–	–	–	–	–	–	(645.860.984.000)	–	(645.860.984.000)
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	–	–	–	–	929.243.500	–	–	–	–	–	929.243.500
Mua cổ phiếu quỹ	–	–	–	(1.149.759.050)	–	–	–	–	–	–	(1.149.759.050)

B05-CTCK/HN

29.2. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Trích quỹ dự trữ điều lệ 5% LNST theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ")	–	–	–	–	–	–	58.252.419.507	–	(58.252.419.507)	–	–
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	–	–	–	–	–	–	–	58.252.419.507	(58.252.419.507)	–	–
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	–	–	–	–	–	–	–	–	(81.553.387.310)	–	(81.553.387.310)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con phát sinh trong năm	–	–	–	–	–	(5.753.060.721)	–	–	–	–	(5.753.060.721)
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	–	–	–	–	–	–	–	–	31.957.963.865	–	31.957.963.865
Tăng khác	–	–	–	–	–	–	–	–	1.311.406.840	–	1.311.406.840
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	–	–	–	–	–	–	–	–	846.243.231	(846.243.231)	–
Số cuối năm	**9.847.500.220.000**	**817.169.133.373**	**–**	**(21.983.912.738)**	**(3.793.033.106)**	**33.624.236.089**	**61.252.419.507**	**495.932.169.472**	**2.927.812.985.141**	**62.568.512.410**	**14.220.082.730.148**

29.3. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2021 và 1/1/2020)	2.660.148.273.194	3.194.600.794.526
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2021 và 31/12/2020)	(56.827.577.489)	(114.781.779.068)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	2.584.889.227.021	992.892.632.395
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	5.188.209.922.726	4.072.711.647.853
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(198.058.226.324)	(89.767.340.628)
· *Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*	*(58.252.419.507)*	*(44.883.670.314)*
· *Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ*	*(58.252.419.507)*	*(44.883.670.314)*
· *Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng*	*(81.553.387.310)*	-
6. Các khoản khác làm tăng/(giảm) lợi nhuận chưa phân phối	31.957.963.865	(7.822.160.099)
7. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(2.280.128.263.317)	(1.429.755.653.000)
· *Phát hành cổ phiếu trả cổ tức*	*(1.634.267.279.317)*	*(828.819.290.000)*
· *Trả cổ tức bằng tiền*	*(645.860.984.000)*	*(600.936.363.000)*
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	**2.741.981.396.950**	**2.545.366.494.126**

29.4 CỔ PHIẾU

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**984.750.022**	**602.945.613**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**984.750.022**	**602.945.613**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	984.750.022	602.945.613
· *Cổ phiếu phổ thông*	*984.750.022*	*602.945.613*
· *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(2.406.549)**	**(3.930.698)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(2.406.549)	(3.930.698)
· *Cổ phiếu phổ thông*	*(2.406.549)*	*(3.930.698)*
· *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**982.343.473**	**599.014.915**
· *Cổ phiếu phổ thông*	*982.343.473*	*599.014.915*
· *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

30.1. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	4.228.999,65	6.464.712,88
EUR	112,41	123,41
GBP	118,64	129,64

30.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN ("VSD") CỦA CTCK

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	255.390.090.000	593.689.600.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	324.801.200.000	346.801.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	59.999.000.000	14.614.500.000
Tổng cộng	**640.190.290.000**	**955.105.300.000**

30.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	19.480.520.000	9.481.380.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	**20.480.520.000**	**10.481.380.000**

30.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CTCK

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	21.549.000.000	19.521.900.000

30.5 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	10.000.000.000	-
Cổ phiếu	135.201.210.000	73.795.030.000
Trái phiếu	6.268.070.300.000	5.650.000.000.000
Tổng cộng	**6.413.271.510.000**	**5.723.795.030.000**

30.6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	63.676.892.129.000	46.235.417.609.100
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.164.444.740.000	637.211.680.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	11.559.652.470.000	7.585.201.590.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	269.126.600.000	292.252.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.522.592.691.000	1.291.635.498.900
Tổng cộng	**78.192.708.630.000**	**56.041.719.348.000**

30.7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	518.015.120.000	573.756.680.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	51.623.000.000	51.990.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	145.000.000	145.000.000
Tổng cộng	**569.783.120.000**	**625.891.680.000**

30.8. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu và chứng quyền	1.595.243.646.000	1.232.619.088.600

30.9. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	23.585.470.000	51.572.580.000

30.10. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	1.812.141.070.000	38.864.880.000

30.11. TIỀN GỬI NHÀ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.473.319.613.124	4.372.810.873.724
• *Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*5.937.442.160.600*	*4.041.299.586.482*
• *Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*535.877.452.524*	*331.511.287.242*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	744.150.173.589	407.563.136.036
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	17.818.952.433	19.711.153.662
Tổng cộng	**7.235.288.739.146**	**4.800.085.163.422**

30.12 TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	1.926.199.000	95.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	9.250.274.509	12.298.964.512
Tổng cộng	**11.176.473.509**	**12.299.059.512**

30.13 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA CTCK

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	7.217.469.786.713	4.780.374.009.760
• Của Nhà đầu tư trong nước	*6.285.272.187.678*	*4.203.647.551.737*
• Của Nhà đầu tư nước ngoài	*932.197.599.035*	*576.726.458.023*
Tổng cộng	**7.217.469.786.713**	**4.780.374.009.760**

30.14 PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	1.926.199.000	95.000

30.15 PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	9.250.274.509	12.298.964.512

B05-CTCK/HN

31 LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

31.1. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (Đơn vị)	Giá bán bình quân (VNĐ/đơn vị)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
I	**LÃI BÁN**						
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**477.690.076**		**14.121.558.061.106**	**13.240.529.330.732**	**881.028.730.374**	**289.160.755.383**
	FPT	11.123.800	79.478	884.093.890.000	805.759.736.498	78.334.153.502	27.597.478.523
	HPG	22.238.600	47.361	1.053.234.185.000	984.082.771.421	69.151.413.579	77.876.977.980
	MWG	8.987.900	134.927	1.212.720.070.000	1.154.795.504.595	57.924.565.405	8.884.485.729
	TCB	28.517.200	42.944	1.224.633.915.000	1.131.747.628.369	92.886.286.631	3.375.123.865
	VPB	18.149.300	45.426	824.452.610.000	763.780.881.330	60.671.728.670	5.468.522.604
	Chứng quyền do Công ty phát hành	127.807.810		399.075.715.476	260.485.151.908	138.590.563.568	58.351.621.304
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	260.865.466		8.523.347.675.630	8.139.877.656.611	383.470.019.019	107.606.545.378
2	**Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết**	**9.460.096**		**218.847.348.028**	**134.470.704.093**	**84.376.643.935**	**45.599.186.736**
3	**Trái phiếu niêm yết**	**166.828.146**		**17.516.585.869.749**	**17.509.725.550.000**	**6.860.319.749**	**2.620.100.000**
4	**Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết**	**9.256.599**		**108.255.164.305.431**	**107.970.174.804.671**	**284.989.500.760**	**197.750.120.588**
5	**Lãi vị thế của hợp đồng CKPS**					**102.569.866.000**	**145.434.778.000**
	Tổng cộng	**663.234.917**		**140.112.155.584.314**	**138.854.900.389.496**	**1.359.825.060.818**	**680.564.940.707**
II	**LỖ BÁN**						
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**286.631.182**		**6.183.316.873.583**	**6.779.193.539.514**	**(595.876.665.931)**	**(399.379.283.319)**
	ELC	4.225.400	14.372	60.729.348.000	89.759.291.923	(29.029.943.923)	(69.485.547.489)
	HPG	13.725.108	45.734	627.701.491.800	679.077.095.294	(51.375.603.494)	(19.889.445.974)
	VIC	2.286.700	102.007	233.258.380.000	245.484.848.273	(12.226.468.273)	(1.312.430.980)
	VPB	5.372.800	41.570	223.347.675.000	234.121.462.279	(10.773.787.279)	(4.194.045.808)
	Chứng quyền do Công ty phát hành	169.547.070		1.265.038.091.768	1.615.486.262.780	(350.448.171.012)	(63.941.271.323)
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	91.474.104		3.773.241.887.015	3.915.264.578.965	(142.022.691.950)	(240.556.541.745)
2	**Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết**	**425.571**		**33.995.462.622**	**34.668.183.980**	**(672.721.358)**	**-**
3	**Trái phiếu niêm yết**	**80.600.000**		**8.417.962.500.000**	**8.421.249.000.000**	**(3.286.500.000)**	**(2.375.550.000)**
4	**Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết**	**12.489**		**10.605.025.016.173**	**10.688.095.600.477**	**(83.070.584.304)**	**(48.630.734.070)**
5	**Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS**					**(312.210.422.000)**	**(87.531.037.000)**
	Tổng cộng	**367.669.242**		**25.240.299.852.378**	**25.923.206.323.971**	**(995.116.893.593)**	**(537.916.604.389)**

B05-CTCK/HN

31.2 CHÊNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I	**Loại FVTPL**	**12.016.161.724.823**	**12.023.091.791.637**	**6.930.066.814**	**43.840.580.326**	**(36.910.513.512)**
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**1.072.947.011.743**	**1.102.268.396.860**	**29.321.385.117**	**36.345.474.343**	**(7.024.089.226)**
	FPT	18.052.188.015	17.358.171.000	(694.017.015)	5.350.261.200	(6.044.278.215)
	MBB	8.400.183.626	8.472.844.200	72.660.574	760.259.039	(687.598.465)
	MWG	212.961.242.814	210.655.464.300	(2.305.778.514)	634.037.935	(2.939.816.449)
	SGN	407.684.911.102	420.402.968.000	12.718.056.898	12.119.366.898	598.690.000
	VPB	70.064.308.000	69.355.375.800	(708.932.200)	551.928.545	(1.260.860.745)
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	355.784.178.186	376.023.573.560	20.239.395.374	16.929.620.726	3.309.774.648
2	**Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền**	**756.070.971.658**	**753.490.336.500**	**(2.580.635.158)**	**27.052.024.071**	**(29.632.659.229)**
	HPG	73.542.487.719	68.496.144.000	(5.046.343.719)	9.779.153.415	(14.825.497.134)
	FPT	92.779.827.372	89.622.612.000	(3.157.215.372)	1.698.618.628	(4.855.834.000)
	MBB	86.665.742.393	87.415.390.600	749.648.207	1.104.962.268	(355.314.061)
	TCB	92.253.707.851	90.075.000.000	(2.178.707.851)	4.006.471.996	(6.185.179.847)
	MWG	106.291.665.063	105.091.470.000	(1.200.195.063)	187.352.981	(1.387.548.044)
	Cổ phiếu khác	304.537.541.260	312.789.719.900	8.252.178.640	10.275.464.783	(2.023.286.143)
3	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**104.339.454.012**	**84.528.770.867**	**(19.810.683.145)**	**(19.556.918.088)**	**(253.765.057)**
4	**Trái phiếu niêm yết**	**100.074.600.000**	**100.074.600.000**	**-**	**-**	**-**
5	**Trái phiếu chưa niêm yết**	**3.209.941.475.120**	**3.209.941.475.120**	**-**	**-**	**-**
6	**Chứng chỉ tiền gửi**	**6.772.788.212.290**	**6.772.788.212.290**	**-**	**-**	**-**
II	**Loại AFS**	**276.320.839.159**	**271.579.547.769**	**(4.741.291.390)**	**(5.670.534.889)**	**929.243.499**
1	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**276.320.839.159**	**271.579.547.769**	**(4.741.291.390)**	**(5.670.534.889)**	**929.243.499**
	Tổng cộng	**12.292.482.563.982**	**12.294.671.339.406**	**2.188.775.424**	**38.170.045.437**	**(35.981.270.013)**

31.3 CHÊNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ LẠI PHẢI TRẢ CHỨNG QUYỀN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Danh mục các loại chứng quyền Công ty phát hành	Giá trị phát hành theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
1	FPT/5M/SSI/C/EU/Cash-10	30.051.231.175	14.643.990.000	15.407.241.175	-	15.407.241.175
2	HPG/5M/SSI/C/EU/Cash-10	64.106.470.553	1.622.535.000	62.483.935.553	-	62.483.935.553
3	KDH/5M/SSI/C/EU/Cash-11	6.904.706.872	8.403.738.000	(1.499.031.128)	-	(1.499.031.128)
4	VIC/5M/SSI/C/EU/Cash-10	11.483.001.458	195.526.000	11.287.475.458	-	11.287.475.458
5	VPB/5M/SSI/C/EU/Cash-11	19.015.567.271	5.401.920.000	13.613.647.271	-	13.613.647.271
6	Chứng quyền khác	176.404.834.087	104.556.798.000	71.848.036.087	(28.989.664.142)	100.837.700.229
	Tổng cộng	**307.965.811.416**	**134.824.507.000**	**173.141.304.416**	**(28.989.664.142)**	**202.130.968.558**

31.4 CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS, CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	458.917.668.706	394.982.988.385
Từ tài sản tài chính HTM	720.362.424.624	850.012.190.191
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.570.741.031.737	525.089.898.914
Từ tài sản tài chính AFS	834.475.000	232.822.214.148
· *Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS*	*834.475.000*	*5.108.690.166*
· *Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại*	-	*227.713.523.982*
Tổng cộng	**2.750.855.600.067**	**2.002.907.291.638**

32 CHI PHÍ/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(22.249.965)	(57.055.385)
Hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi	(57.404.239.582)	(6.628.833.484)
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.110.196.600	7.130.300.000
Tổng cộng	**(43.316.292.947)**	**444.411.131**

33 THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	7.914.495.000	9.340.048.636
Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	12.236.647	6.028.021
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	45.339.714.598	14.714.128.742
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác	31.868.302.961	8.025.053.814
Doanh thu khác	78.656.590.138	15.336.068.538
Tổng cộng	**163.791.339.344**	**47.421.327.751**

34 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	1.493.958.919.195	625.814.988.058
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	17.207.268.283	8.317.086.067
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	27.668.812.977	39.188.162.483
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	20.115.010.683	18.976.542.088
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	41.468.448.535	32.491.874.038
Chi phí hoạt động khác *(Thuyết minh số 35)*	199.151.939.549	136.512.419.528
Tổng cộng	**1.799.570.399.222**	**861.301.072.262**

CHI TIẾT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	457.520.134.607	159.007.766.177
Chi phí hoạt động lưu ký	39.982.985.714	30.971.915.108
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	952.566.697.517	361.319.420.123
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	29.567.039.670	21.285.785.688
Chi phí vật tư văn phòng	920.653.356	1.037.171.759
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.706.107.124	1.339.553.278
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	44.310.595.049	38.935.760.497
Chi phí dự phòng	50.000.000	120.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.231.940.327	148.156.976.839
Chi phí về vốn	60.473.564.831	62.313.196.801
Chi phí chia sẻ lợi tức của hoạt động quản lý quỹ	347.976.082	3.044.576.928
Chi phí khác	20.892.704.945	33.768.949.064
Tổng cộng	**1.799.570.399.222**	**861.301.072.262**

35 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động quản lý quỹ	41.747.993.527	17.916.078.746
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	2.328.859.660	431.788.418
Chi phí hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ	2.350.876.931	3.107.450.126
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	45.930.426.415	52.012.163.236
Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	19.597.664.650	18.838.847.221
Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	50.000.000	120.000.000
· Trích lập chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	*50.000.000*	*120.000.000*
Chi phí khác	87.146.118.366	44.086.091.781
Tổng cộng	**199.151.939.549**	**136.512.419.528**

36 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	10.840.924.272	28.659.748.695
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.954.611.074	12.996.728.146
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết *(Thuyết minh số 11)*	33.537.927.279	20.537.702.917
Lãi từ giảm tỷ lệ sở hữu công ty liên kết	241.303.599.806	13.701.612.484
Doanh thu khác về đầu tư	38.660.380.923	132.857.759.580
Tổng cộng	**343.297.443.354**	**208.753.551.822**

37 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	37.681.359.241	12.458.888.106
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	14.713.190.434	86.595.617.907
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.015.145.295.413	742.835.705.182
Chi phí tài chính khác	47.056.563.263	95.254.840.329
Tổng cộng	**1.114.596.408.351**	**937.145.051.524**

38 CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	77.394.898.824	61.723.594.024
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	6.366.066.740	4.908.142.224
Chi phí văn phòng phẩm	2.040.898.101	1.124.064.601
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.873.308.000	1.289.024.639
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.111.362.866	12.212.662.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.172.185.868	94.406.368.697
Chi phí khác	22.050.943.486	8.492.283.412
Tổng cộng	**265.009.663.885**	**184.156.140.350**

39 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	114.101.341.802	5.273.691.839
· Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	*537.927.272*	*508.340.052*
· Thu nhập khác	*113.563.414.530*	*4.765.351.787*
Chi phí khác	(1.373.330.333)	(178.063.632)
· Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản	*(22.415.224)*	*(153.893.526)*
· Chi phí khác	*(1.350.915.109)*	*(24.170.106)*
Tổng cộng	**112.728.011.469**	**5.095.628.207**

40 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

40.1. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	**3.365.038.841.169**	**1.557.553.285.063**
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	***(187.123.563.003)***	***(235.324.618.850)***
Các khoản điều chỉnh tăng	474.356.277.530	654.218.166.079
· *Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết cuối năm*	*21.240.496.600*	*7.130.300.000*
· *Hoàn nhập dự phòng chứng khoán trong năm*	*62.746.745.234*	*177.477.561.574*
· *Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL*	*248.642.119.067*	*405.750.139.075*
· *Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*92.641.163.644*	*56.474.106.102*
· *Chênh lệch từ thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên BCTC hợp nhất so với BCTC riêng*	*49.085.752.985*	*7.386.059.328*
Các khoản điều chỉnh giảm	(661.479.840.533)	(889.542.784.929)
· *Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN – Cổ tức*	*(33.908.194.016)*	*(67.204.924.604)*
· *Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết đầu năm*	*(7.130.300.000)*	–
· *Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL*	*(211.731.605.555)*	*(687.399.813.784)*
· *Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*(294.772.132.202)*	*(16.430.581.508)*
· *Các khoản điều chỉnh khác*	*(9.145.779.795)*	*(89.270.936.475)*
· *Lợi nhuận trước thuế từ công ty con*	*(71.253.901.686)*	*(8.698.825.641)*
· *Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết*	*(33.537.927.279)*	*(20.537.702.917)*
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**3.177.915.278.166**	**1.322.228.666.213**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**635.583.055.633**	**264.445.733.242**
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	**14.637.672.748**	**2.493.238.522**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	55.954.590.638	30.583.472.184
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	(139.497.142)	309.106.670
Thuế TNDN đã trả trong năm	(484.434.955.032)	(241.876.959.980)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**221.600.866.845**	**55.954.590.638**

40.2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu năm	13.417.304.448	31.924.169.171
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do tăng/(giảm) chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	2.822.039.320	1.426.060.000
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	–	(17.813.844.969)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay	115.539.425	(295.423.254)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí tạm thời chịu thuế	(1.404.113.660)	(1.823.656.500)
Số cuối năm	**14.950.769.533**	**13.417.304.448**
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	20.365.258.726	76.389.478.897
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	105.220.981	(489.464.276)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	(14.741.442.456)	18.482.750.934
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	–	(71.890.743.123)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	35.272.798.706	(2.126.763.706)
Số cuối năm	**41.001.835.957**	**20.365.258.726**

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do (trích lập)/hoàn nhập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(2.822.039.320)	(1.426.060.000)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	-	17.813.844.969
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do (trích lập)/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(115.539.425)	295.423.254
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí phát sinh tạm thời chịu thuế	1.604.113.660	1.823.656.500
Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	105.220.981	(489.464.276)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL và đánh giá giảm phải trả chứng quyền	20.531.356.248	16.355.987.227
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**19.303.112.144**	**34.373.387.674**

41 LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(4.722.276.606)	-	929.243.500	(3.793.033.106)

42 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	34.198.614.205	5.321.803.840
• Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*1.311.406.840*	*5.321.803.840*
• Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại	*929.243.500*	-
• Lãi phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	*31.957.963.865*	-
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(72.550.000)	(272.039.605.738)
• Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán và khác	-	*(264.217.445.639)*
• Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	-	*(7.822.160.099)*
• Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*(72.550.000)*	-
Tổng cộng	**34.126.064.205**	**(266.717.801.898)**

43 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ theo tỷ lệ 7%. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VNĐ	2.512.948.745.113	1.173.936.074.297
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	880.992.801	818.782.365
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VNĐ	2.852	1.434

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2020 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021.

44 THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập 7%, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VNĐ	2.512.948.745.113	1.173.936.074.297
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VNĐ	-	86.593.307.842
· *Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm*	-	*86.593.307.842*
Lợi nhuận sau điều chỉnh – VNĐ	2.512.948.745.113	1.260.529.382.139
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu phổ thông tiềm năng để tính thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (*)	950.667.987	869.473.823
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VNĐ	2.643	(**)

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành theo chương trình ESOP cho người lao động của Công ty, chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận các nội dung trên theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 5 năm 2021.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty, sau khi trình bày lại, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

45 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

45.1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
	Thành viên Hội đồng Quản trị SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc NDH
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,7% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KAC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha	Công ty liên kết
Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

B05-CTCK/HN

45.1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VNĐ

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	10.042.652.181	-	10.042.652.181	42.652.181
Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	22.929.700.000	(6.405.864.237)	16.523.835.763	(1.035.364.237)
Công ty Cổ phần Đầu tư KAC	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	23.312.500.000	(6.525.380.334)	16.787.119.666	(275.380.334)
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	(229.716.891.035)	(2.285.214.861.113)	2.225.050.130.157	(289.881.621.991)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	(621.478.748)	(10.470.267.838)	10.740.530.426	(351.216.160)	(10.470.267.838)
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.726.760.211	(1.726.760.211)	-	1.726.760.211
	Chi phí mua hàng hóa	-	(3.827.900.000)	3.827.900.000	-	(3.827.900.000)
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	750.597.292.625	68.894.140.211	(294.827.747.374)	524.663.685.462	34.806.019.669
	Phải trả khác	-	(6.618.729.339)	6.618.729.339	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán	-	7.849.461.334.000	(7.849.461.334.000)	-	17.887.200.136
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(5.652.465.421.000)	5.652.465.421.000	-	-
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	-	11.446.111.200	(6.215.000.000)	5.231.111.200	10.554.166.750
	Ứng trước hợp đồng tư vấn	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)	-
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	216.829.675	(216.829.675)	-	216.829.675
	Phí quản lý danh mục	16.653.336	199.840.080	(199.840.080)	16.653.336	199.840.080
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	3.640.000.000	5.014.540.500	(6.516.385.500)	2.138.155.000	4.558.673.181
	Giao dịch bán chứng khoán	-	18.698.365.791.500	(18.698.365.791.500)	-	16.557.672.757
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(17.671.132.170.000)	17.671.132.170.000	-	-
	Ứng trước phí dịch vụ	178.906.200	(539.298.188)	143.550.000	(216.841.988)	(699.348.188)
	Cổ tức SSI	-	(62.825.126.000)	62.825.126.000	-	-
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	5.406.584.405	(5.406.584.405)	-	5.315.232.085
	Phí hoa hồng phải trả	(1.865.788.366)	(10.122.149.785)	10.806.317.598	(1.181.620.553)	(10.122.149.785)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	2.048.960.550	3.085.793.933	(3.784.031.066)	1.350.723.417	3.085.793.933
	Doanh thu tư vấn đầu tư quỹ	3.639.834.293	3.013.313.313	(3.883.326.764)	2.769.820.842	2.359.211.997
	Cổ tức SSI	-	(118.294.620.000)	118.294.620.000	-	-
	Phải thu khác	-	493.790.548	-	493.790.548	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.359.695.877	(1.359.695.877)	-	1.359.695.877
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	10.785.668.095	(10.785.668.095)	-	27.756.710
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	55.244.190	(55.244.190)	-	55.244.190
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	-	(628.551.094.630)	628.551.094.630	-	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	-	(351.974.946)	351.974.946	-	(351.974.946)
	Cổ tức SSI	-	(36.600.713.000)	36.600.713.000	-	
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.564.888.820	(1.564.888.820)	-	1.557.879.947
	Giao dịch bán chứng khoán	-	41.213.904.985	(41.213.904.985)	-	692.451.000
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(10.297.758.340)	10.297.758.340	-	-
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	-	(113.023.824.484)	107.523.824.484	(5.500.000.000)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	-	(100.790.031)	99.806.701	(983.330)	(100.790.031)
	Cổ tức SSI	-	(13.291.052.000)	13.291.052.000	-	-
	Phí quản lý danh mục	6.708.534	80.726.014	(80.502.396)	6.932.152	80.726.014

B05-CTCK/HN

45.1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

Thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác

Đơn vị tính: VNĐ

		Năm nay		Năm trước	
Họ tên	**Chức danh**	**Tiền lương**	**Thù lao**	**Tiền lương**	**Thù lao**
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Chủ tịch Hội đồng đầu tư, và Chủ tịch Tiểu ban chiến lược	6.545.900.000	-	6.500.000.000	-
Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	-	504.900.000	-	-
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	-	1.645.500.000	-	-
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	-	300.000.000	-	300.000.000
Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Hồng Nam	Tổng giám đốc	4.660.900.000	-	4.279.545.455	-

45.2. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1)	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2021						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	4.140.700.691.133	2.727.410.636.248	838.030.291.718	100.675.670.854	93.763.406.716	7.900.580.696.669
2. Các chi phí trực tiếp	2.081.840.338.255	1.719.421.901.695	357.757.405.876	39.476.170.600	72.036.375.190	4.270.532.191.616
3.Khấu hao và các chi phí phân bổ	188.686.880.684	25.440.927.733	16.960.618.489	12.455.454.202	21.465.782.776	265.009.663.884
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**1.870.173.472.194**	**982.547.806.820**	**463.312.267.353**	**48.744.046.052**	**261.248.750**	**3.365.038.841.169**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021						
1. Tài sản bộ phận	23.704.430.505.996	14.725.253.129.856	11.510.588.129.804	55.790.297.887	15.848.562.840	50.011.910.626.383
2. Tài sản phân bổ	250.992.876.862	33.841.736.206	22.561.157.471	16.568.350.018	28.553.964.924	352.518.085.481
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	428.627.850.218
Tổng tài sản	**23.955.423.382.858**	**14.759.094.866.062**	**11.533.149.287.275**	**72.358.647.905**	**44.402.527.764**	**50.793.056.562.082**
4. Nợ phải trả bộ phận	18.748.969.256.620	6.941.331.029.142	10.059.273.937.233	5.694.736.250	11.744.044.203	35.767.013.003.448
5. Nợ phân bổ	273.853.468.994	36.924.063.235	24.616.042.157	18.077.405.959	31.154.678.355	384.625.658.700
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	421.335.169.786
Tổng công nợ	**19.022.822.725.614**	**6.978.255.092.377**	**10.083.889.979.390**	**23.772.142.209**	**42.898.722.558**	**36.572.973.831.934**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

B05-CTCK/HN

45.2. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN *(tiếp theo)*

***Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)*

Đơn vị tính: VNĐ

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1)	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2020						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.378.399.664.618	2.048.002.526.693	1.029.488.952.274	27.506.404.337	97.430.763.702	4.580.828.311.624
2. Các chi phí trực tiếp	842.422.354.690	1.355.082.231.972	552.810.252.609	18.237.019.696	70.567.027.242	2.839.118.886.209
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	125.226.175.440	18.820.757.543	11.914.902.281	9.189.391.404	19.004.913.684	184.156.140.352
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**410.751.134.488**	**674.099.537.178**	**464.763.797.384**	**79.993.237**	**7.858.822.776**	**1.557.553.285.063**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
1. Tài sản bộ phận	9.232.293.798.160	14.811.594.746.607	11.145.128.560.060	57.468.007.697	13.671.427.226	35.260.156.539.750
2. Tài sản phân bổ	184.544.848.970	27.736.005.242	17.558.899.601	13.542.335.241	28.007.394.726	271.389.483.780
3. Tài sản không phân bổ	–	–	–	–	–	237.981.984.710
Tổng tài sản	**9.416.838.647.130**	**14.839.330.751.849**	**11.162.687.459.661**	**71.010.342.938**	**41.678.821.952**	**35.769.528.008.240**
4. Nợ phải trả bộ phận	2.173.948.026.776	9.838.271.216.524	13.463.058.112.646	1.896.281.678	6.644.664.873	25.483.818.302.497
5. Nợ phân bổ	174.075.359.330	26.162.502.535	16.562.758.454	12.774.059.457	26.418.495.710	255.993.175.486
6. Nợ không phân bổ	–	–	–	–	–	156.919.477.938
Tổng công nợ	**2.348.023.386.106**	**9.864.433.719.059**	**13.479.620.871.100**	**14.670.341.135**	**33.063.160.583**	**25.896.730.955.921**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 0,65% đến 1,2%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

45.3. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	103.840.735.917	84.436.215.870
Trên 1 - 5 năm	286.784.024.066	252.641.648.524
Trên 5 năm	201.678.403.284	214.408.573.656
Tổng cộng	**592.303.163.267**	**551.486.438.050**

45.4. CAM KẾT THEO HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	602.807.907.478	3.314.249.856.844
Hà Nội	481.547.009.768	1.830.245.872.903
Nguyễn Công Trứ	109.101.913.942	578.943.894.086
Mỹ Đình	31.765.237.156	179.395.516.971
Hải Phòng	19.511.581.979	73.748.491.144
Tổng cộng	**1.244.733.650.323**	**5.976.583.631.948**

45.5. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với ngân hàng thương mại.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản vay gốc ngoại tệ của Công ty có tổng giá trị là 267.500.000 USD (tương ứng 6.171.800.000.000 VNĐ). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VNĐ có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí tài chính từ chi phí lãi vay của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 1.855.758.733.360 VNĐ. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 7.3*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9*, Ban Tổng giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

Đơn vị tính: VNĐ

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 90 ngày	91-180 ngày	181-210 ngày	>210 ngày
Số đầu năm	9.226.158.205.627	30.296.258.180	9.195.818.564.551	6.642.864	8.102.521	706.586	27.930.925
Số cuối năm	23.697.887.241.454	30.100.170.311	23.667.744.128.240	10.329.042	4.939.540	488.597	27.185.724

B05-CTCK/HN

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Quá hạn (bao gồm số dư đã trích lập dự phòng)	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	***474.197.771.229***	***640.037.260.272***	-	-	***1.114.235.031.501***
Tài sản tài chính	***30.143.113.214***	***13.240.018.381.209***	***30.556.556.994.800***	-	***3.689.345.130.340***	***47.516.063.619.563***
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	12.023.091.791.637	-	-	-	12.023.091.791.637
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	7.834.159.908.363	-	3.086.855.720.098	10.921.015.628.461
Các khoản cho vay	30.143.113.214	945.347.041.803	22.722.397.086.437	-	-	23.697.887.241.454
Sẵn sàng để bán	-	271.579.547.769	-	-	-	271.579.547.769
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	602.489.410.242	602.489.410.242
Tài sản khác	***244.874.879.748***	***416.154.302.652***	-	***223.892.520.471***	***233.184.318.475***	***1.118.106.021.346***
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược		36.419.285.840	-	-	-	36.419.285.840
Phải thu khác	244.874.879.748	327.395.699.799	-	-	-	572.270.579.547
Tài sản khác		52.339.317.013	-	-	-	52.339.317.013
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	223.892.520.471	233.184.318.475	457.076.838.946
Tổng cộng	**275.017.992.962**	**14.130.370.455.090**	**31.196.594.255.072**	**223.892.520.471**	**3.922.529.448.815**	**49.748.404.672.410**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	6.011.665.792.772	25.109.242.577.423	-	-	31.120.908.370.195
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	45.231.136.706	134.824.507.005	-	-	180.055.643.711
Chi phí phải trả	-	6.654.215.476	91.086.346.147	-	-	97.740.561.623
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	352.627.769.284	-	-	-	352.627.769.284
Phải trả, phải nộp khác	-	463.548.200.715	4.255.363.558.098	-	-	4.718.911.758.813
Tổng cộng	**-**	**6.879.727.114.953**	**29.590.516.988.673**	**-**	**-**	**36.470.244.103.626**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**275.017.992.962**	**7.250.643.340.137**	**1.606.077.266.399**	**223.892.520.471**	**3.922.529.448.815**	**13.278.160.568.784**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

45.6. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CỦA CÔNG TY CON

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	58.377.057.070	42.337.534.904
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	1.317.490.551.668	164.770.694.532
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	1.074.683.053	776.564.658
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	6.199.299.297	13.085.465.139

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá
MBB	–	–	–	32.600	753.060.000	(3.260.000)
SCI	34.100	1.398.100.000	(146.630.000)	–	–	–
DPR	115.300	9.130.555.489	(771.305.489)	–	–	–
HLM	55.625	11.013.850.000	(11.013.850.000)	55.625	11.013.850.000	(11.013.850.000)
RICONS	1.216	130.311.996	(51.271.996)	101.216	8.130.411.996	(382.327.196)
OCB	41.000	1.128.635.290	(9.335.290)	–	–	–
GEX	–	–	–	148.530	3.463.585.923	(121.660.923)
SIP	–	–	–	22.900	4.115.626.973	(110.416.973)
Khác	8.254.448	665.839.669.213	(4.617.464.580)	240.400	10.327.416.295	(180.076.295)
Tổng	**8.501.689**	**688.641.121.988**	**(16.609.857.355)**	**601.271**	**37.803.951.187**	**(11.811.591.387)**

45.7. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	Chỉ số năm 2021	Chỉ số năm 2020
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,63%	81,19%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	8,37%	18,81%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	72,00%	72,40%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	28,00%	27,60%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5,31%	3,51%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	19,04%	12,80%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	27,37%	20,83%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	34,61%	27,45%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,28	1,12
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn]/ Nợ ngắn hạn)	1,23	1,11

46 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

THÔNG TIN KHÁC

07

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT & Uỷ ban Kiểm toán: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT và Uỷ ban Kiểm toán được trình bày chi tiết tại mục Tóm lược về Công ty và Bộ máy Tổ chức.
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do UBCKNN cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
5	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách Quản trị Doanh nghiệp kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
6	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

CỔ PHIẾU

- Ngày 16/03/2021, Công ty đã hoàn thành phát hành 46.859.491 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;
- Ngày 03/06/2021, Công ty đã hoàn thành phát hành 7.500.000 cổ phiếu theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Ngày 09/09/2021, Công ty đã hoàn thành phát hành 218.292.538 cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Ngày 21/10/2021, Công ty đã hoàn thành phát hành 109.152.380 cổ phiếu theo hình thức chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ của SSI là 9.847.500.220.000 VNĐ, tương ứng 984.750.022 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.
  Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ TRONG NĂM

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2021 là 2.406.549 cổ phiếu, giảm so với thời điểm tại ngày 31/12/2020 là 3.930.698 cổ phiếu, do trong năm 2021 Công ty có bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Cụ thể:

Bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động

- Thời gian thực hiện: ngày 03/06/2021
- Giá giao dịch: 10.000 VNĐ
- Số lượng cổ phiếu giao dịch: 1.554.000 cổ phiếu

Mua lại cổ phiếu lô lẻ từ các nhà đầu tư trong năm 2021 : 29.851 cổ phiếu

Tháng 1	Giao dịch các ngày 08/01, 19/01, 22/01 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 53 cổ phiếu
Tháng 2	Giao dịch ngày 23/02 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 62 cổ phiếu
Tháng 3	Giao dịch các ngày 09/03, 10/03, 16/03, 17/3, 18/03, 19/03, 22/03, 23/03, 24/03, 25/03, 26/03, 29/03, 30/03, 31/03 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 7.112 cổ phiếu
Tháng 4	Giao dịch các ngày 01/04, 02/04, 05/04, 06/04, 07/04, 08/04, 09/04, 12/04, 13/04, 14/04, 15/04, 16/04, 19/04, 20/04, 22/04, 23/04, 26/04, 27/04, 29/04 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 5.701 cổ phiếu
Tháng 5	Giao dịch các ngày 05/05, 06/05, 12/05, 24/05, 25/05, 27/05 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 260 cổ phiếu
Tháng 6	Giao dịch các ngày 09/06, 14/06, 16/06, 23/06, 24/06, 25/06, 28/06 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 602 cổ phiếu
Tháng 7	Giao dịch các ngày 07/07, 08/07, 12/07, 22/07, 23/07 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 201 cổ phiếu
Tháng 8	Giao dịch các ngày 10/08, 12/08, 24/08 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 75 cổ phiếu
Tháng 9	Giao dịch ngày 08/09, 15/09 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 85 cổ phiếu
Tháng 10	Giao dịch các ngày 07/10, 08/10, 22/10, 25/10, 27/10, 28/10, 29/10 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 323 cổ phiếu
Tháng 11	Giao dịch các ngày 01/11, 09/11, 10/11, 11/11, 12/11, 15/11, 16/11, 17/11, 18/11, 19/11, 22/11, 23/11, 26/11, 29/11 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 10.604 cổ phiếu
Tháng 12	Giao dịch các ngày 02/12, 06/12, 08/12, 09/12, 10/12, 13/12, 14/12, 21/12, 22/12, 23/12, 27/12 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 4.773 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này.
Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

PHỤ LỤC 1. GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SSI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	10.209.044	1,693%	6.284.700	0,64%	Ngày 17/03/2021: bán 6.919.244 cổ phiếu Ngày 03/06/2021: mua 900.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Ngày 09/09/2021: tăng 1.396.600 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 698.300 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và Người được ủy quyền CBTT	1.512.000	0,25%	2.792.999	0,28%	Ngày 11/6/2021: bán 350.000 cổ phiếu Ngày 03/06/2021: mua 700.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Ngày 09/09/2021: tăng 620.666 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 310.333 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT, Trưởng Uỷ ban Kiểm toán	208.800	0,024%	115.700	0,01%	Ngày 04/01/2021: bán 60.000 cổ phiếu Ngày 23/02/2021: bán 40.000 cổ phiếu Ngày 15/03/2021: bán 35.000 cổ phiếu Ngày 03/06/2021: mua 30.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Ngày 09/09/2021: tăng 34.600 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 17.300 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu Ngày 08/12/2021: bán 40.000 cổ phiếu
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, thành viên Uỷ ban Kiểm toán	92.800	0,015%	145.199	0,01%	Ngày 11/06/2021: bán 26.000 cổ phiếu Ngày 03/06/2021: mua 30.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Ngày 09/09/2021: tăng 32.266 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 16.133 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	1.044.000	0,173%	1.865.999	0,19%	Ngày 03/06/2021: mua 200.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Ngày 09/09/2021: tăng 414.666 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 207.333 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	0	0,000%	0	0,000%	Không thay đổi
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	1.928.152	0,320%	2.709.436	0,28%	Tháng 01/2021: bán 14.700 cổ phiếu Tháng 02/2021: bán 19.600 cổ phiếu Tháng 03/2021: bán 4.900 cổ phiếu Tháng 04/2021: bán 14.700 cổ phiếu Tháng 05/2021: bán 14.700 cổ phiếu Tháng 06/2021: bán 14.700 cổ phiếu Ngày 03/06/2021: mua 250.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Tháng 07/2021: bán 19.600 cổ phiếu Tháng 08/2021: bán 19.900 cổ phiếu Tháng 09/2021: bán 9.800 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 683.484 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủv sở hữu Ngày 29/09/2021 – 30/09/2021: chuyển nhượng 2.050.452 quyền mua cổ phiếu theo phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Tháng 11/2021:bán 19.600 cổ phiếu
8	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	197.200	0,03%	228.900	0,02%	Tháng 01/2021: bán 10.000 cổ phiếu Tháng 02/2021: bán 8.700 cổ phiếu Tháng 04/2021: mua 6.000 cổ phiếu Tháng 05/2021: bán 15.000 cổ phiếu Tháng 06/2021: bán 11.100 cổ phiếu Ngày 03/6/2021: mua 60.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Tháng 07/2021: bán 6.000 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 70.800 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 35.400 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu Tháng 11/2021: bán 19.700 cổ phiếu Tháng 12/2021: bán 70.000 cổ phiếu

PHỤ LỤC 01. GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SSI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
9	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty	507.400 (*)	0,08%	964.648	0,10%	Ngày 25/02/2021: bán 4.500 cổ phiếu Ngày 03/6/2021: tăng 150.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Tháng 07/2021: bán 9.800 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 214.366 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 107.182 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (*) Số liệu lấy tại thời điểm ngày 18/01/2021
10	Daiwa Securities Group Inc.	Người có liên quan của thành viên HĐQT Ông Hironori Oka	118.294.620	18,00%	154.491.930	15,69%	Tháng 08/2021: bán 15.300.000 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 34.331.540 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 17.165.770 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
11	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT SSI	55.905.882	9,272%	94.237.688	9,57%	Ngày 17/03/2021: mua 6.919.244 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 20.941.708 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 10.470.854 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
12	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Người có liên quan của thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Nguyễn Hồng Nam	36.250.713	6,012%	54.901.068	5,58%	Ngày 11/6/2021: mua 350.000 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 12.200.237 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 6.100.118 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
13	Nguyễn Mạnh Hùng	Em ruột của Chủ tịch HĐQT	5.800.000	0,962%	5.000.000	0,508%	Ngày 20/07/2021: bán 800.000 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 1.666.666 cổ phiếu do nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 833.333 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu Ngày 30/11/2021: bán 2.499.999 cổ phiếu
14	Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Công ty do em ruột của Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc SSI làm chủ sở hữu	2	0%	2.500.001	0,254%	Ngày 30/11/2021: mua 2.499.999 cổ phiếu
15	Hoàng Thị Khánh Duyên	Em ruột của Kế toán trưởng	16.240	0,003%	0	0%	Tháng 01/2021: bán 1.500 cổ phiếu Tháng 02/2021: bán 1.500 cổ phiếu Tháng 03/2021: bán 1.540 cổ phiếu Tháng 04/2021: mua 3.000 cổ phiếu Tháng 05/2021: bán 7.000 cổ phiếu Tháng 06/2021: bán 1.700 cổ phiếu
16	Hoàng Nguyễn Quang Huy	Em ruột của Kế toán trưởng	0	0%	0	0%	Tháng 11/2021: mua 5.000 cổ phiếu Tháng 11/2021: bán 4.800 cổ phiếu Tháng 12/2021: bán 200 cổ phiếu
17	Phùng Thị Ngọc Linh	Em dâu của Giám đốc Tài chính	34.360	0,006%	44.640	0,005%	Ngày 03/6/2021, tăng 20.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2020 Tháng 11/2021: bán 18.100 cổ phiếu Tháng 12/2021: bán 18.800 cổ phiếu Ngày 09/09/2021: tăng 18.120 cổ phiếu do nhận cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu Ngày 21/10/2021: tăng 9.060 cổ phiếu do thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

CÁC GIAO DỊCH KHÁC
(các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn điều lệ
Quỹ Đầu tư thành viên SSI	Công ty con SSI nắm giữ 80% vốn điều lệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch HĐQT SSI là chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc của Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch HĐQT SSI cũng là Chủ tịch HĐQT của PAN, công ty liên kết Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Thành viên HĐQT của PAN
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em ruột Chủ tịch HĐQT SSI

PHÂN BỔ CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Căn cứ theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020 và Điều 1 Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2020 của ĐHĐCĐ, SSI thực hiện chương trình phát hành ESOP nhằm mục đích gắn kết lợi ích của Nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những Cán bộ, Nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Đợt phát hành ESOP 2020 hoàn thành vào ngày 03/06/2021. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	900.000
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Người được ủy quyền CBTT	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán	30.000
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán	30.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000

SỐ DƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI NGÀY 31/12/2021
(theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính : VNĐ

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	274.400.000.000			274.400.000.000	
	Khoản ứng trước		129.600.000.000		129.600.000.000	
Quỹ đầu tư Công nghệ số Việt Nam	Góp vốn đầu tư		10.000.000.000		10.000.000.000	
Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	45.000.000.000		75.000.000.000	
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	281.464.002	4.985.333.711	(5.076.455.604)	190.342.109	4.933.196.754
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	157.972.876.090	192.455.096.551	(6.944.724.458)	343.483.248.183	
	Chi phí quản lý danh mục	(2.008.139.664)	(12.575.274.372)	9.427.152.025	(5.156.262.011)	(12.575.274.372)
	Phí dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	(175.000.000)		175.000.000		
	Doanh thu hợp đồng tư vấn		2.673.909.626		2.673.909.626	2.503.554.205
	Phải trả khác		(2.563.214.748)	205.403.722	(2.357.811.026)	

SỐ DƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI NGÀY 31/12/2021 *(tiếp theo)*

(theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính : VNĐ

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		216.829.675	(216.829.675)		216.829.675
	Giao dịch bán chứng khoán		18.698.365.791.500	(18.698.365.791.500)		16.557.672.757
	Giao dịch mua chứng khoán		(17.671.132.170.000)	17.671.132.170.000		
	Ứng trước phí dịch vụ	178.906.200	(539.298.188)	143.550.000	(216.841.988)	(699.348.188)
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	3.640.000.000	5.014.540.500	(6.516.385.500)	2.138.155.000	4.558.673.181
	Cổ tức SSI		(62.825.126.000)	62.825.126.000		
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		5.406.584.405	(5.406.584.405)		5.315.232.085
	Phí hoa hồng phải trả	(1.865.788.366)	(10.122.149.785)	10.806.317.598	(1.181.620.553)	(10.122.149.785)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn đầu tư	2.048.960.550	3.085.793.933	(3.784.031.066)	1.350.723.417	3.085.793.933
	Cổ tức SSI		(118.294.620.000)	118.294.620.000		
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		1.726.760.211	(1.726.760.211)		1.726.760.211
	Doanh thu hợp đồng tư vấn		11.446.111.200	(6.215.000.000)	5.231.111.200	10.554.166.750
	Giao dịch mua chứng khoán		(5.652.465.421.000)	5.652.465.421.000		
	Giao dịch bán chứng khoán		7.849.461.334.000	(7.849.461.334.000)		17.887.200.136
	Chi phí mua hàng hóa		(3.827.900.000)	3.827.900.000		(3.827.900.000)
	Ứng trước hợp đồng tư vấn		(100.000.000)	(100.000.000)		
	Cổ tức được nhận		20.791.396.500	(20.791.396.500)		20.791.396.500
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	(229.716.891.035)	(2.285.214.861.113)	2.225.050.130.157	(289.881.621.991)	
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	(621.478.748)	(10.470.267.838)	10.740.530.426	(351.216.160)	(10.470.267.838)
	Phải trả khác		(6.618.729.339)	6.618.729.339		
Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		1.359.695.877	(1.359.695.877)		1.359.695.877
	Phải thu giao dịch ký quỹ		10.785.668.095	(10.785.668.095)		27.756.710
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		55.244.190	(55.244.190)		55.244.190
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác		(628.551.094.630)	628.551.094.630		
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác		(351.974.946)	351.974.946		(351.974.946)
	Cổ tức SSI		(36.600.713.000)	36.600.713.000		
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		1.564.888.820	(1.564.888.820)		1.557.879.947
	Giao dịch bán trái phiếu		41.213.904.985	(41.213.904.985)		692.451.000
	Giao dịch mua trái phiếu		(10.297.758.340)	10.297.758.340		
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác		(113.023.824.484)	107.523.824.484	(5.500.000.000)	
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác		(100.790.031)	99.806.701	(983.330)	(100.790.031)
	Cổ tức SSI		(13.291.052.000)	13.291.052.000		

PHỤ LỤC 02 . CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	**Cổ đông Nhà nước**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2	**Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	**Cổ đông lớn**	**303.630.686**	**30,84%**	**3**	**3**	
	Trong nước	149.138.756	15,15%	2	2	
	Nước ngoài	154.491.930	15,69%	1	1	
4	**Công đoàn Công ty**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	**Cổ phiếu quỹ**	**2.402.757**	**0,24%**	**0**	**0**	
6	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Cổ đông khác	**678.716.579**	**68,92%**	**78.117**	**290**	**77.827**
	Trong nước	452.418.725	45,94%	75.082	171	74.911
	Nước ngoài	226.297.854	22,98%	3.035	119	2.916
	TỔNG CỘNG	**984.750.022**	**100,00%**	**78.120**	**293**	**77.827**
	Trong đó: *Trong nước*	601.557.481	61,09%	75.084	173	74.911
	Nước ngoài	380.789.784	38,67%	3.036	120	2.916
	Cổ phiếu quỹ	2.402.757	0,24%			-

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 984.750.022 cổ phiếu

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI HÌNH

Đối tượng		Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (**)
I.	**Người nội bộ và Người có liên quan**	**8.240.460**	**318.102.250**	**326.342.710**	**33,14%**
	1. Hội đồng Quản trị (*)	4.919.600	3.531.998	8.451.598	0,86%
	2. Ban Giám đốc	1.862.000	930.999	2.792.999	0,28%
	3. Giám đốc Tài chính	748.000	1.961.436	2.709.436	0,28%
	4. Kế toán trưởng	184.500	54.400	238.900	0,02%
	5. Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty	472.000	492.648	964.648	0,10%
	6. Những người có liên quan	54.360	311.130.769	311.185.129	31,60%
II.	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**2.402.757**	**2.402.757**	**0,24%**
III.	**Công đoàn Công ty**	**-**	**-**	**-**	**-**
IV.	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**	**-**	**-**	**-**	**-**
V.	**Cổ đông khác**	**19.097.735**	**636.906.820**	**656.004.555**	**66,62%**
	1. Trong nước	18.507.735	411.198.966	432.109.458	43,88%
	1.1.Cá nhân	18.507.735	379.198.062	397.705.797	40,39%
	1.2. Tổ chức	0	32.000.904	32.000.904	3,50%
	2. Nước ngoài	590.000	225.707.854	226.297.854	22,98%
	2.1. Cá nhân	590.000	16.718.405	17.308.405	1,76%
	2.2. Tổ chức	0	208.989.449	208.989.449	21,22%
TỔNG CỘNG		**27.338.195**	**957.411.827**	**984.750.022**	**100,00%**

(*) Không bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành viên HĐQT đồng thời là Tổng giám đốc Công ty
(**) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 984.750.022 cổ phiếu

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC (SỞ HỮU TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước							
					-	-	-
Tổng Cộng A					**-**	**-**	**-**
B. Cổ đông lớn							
	Daiwa Securities Group Inc.	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiy-oda-ku, Tokyo, Nhật Bản	154.491.930	15,69%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TH1551742	08/09/2006	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pa-cific Place, Pacific Place 88 Queen-sway, Hồng Kông			-
	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	30/10/2014	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội	94.237.688	9,57%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	220895567	20/06/2009	Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Ng-hĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội			-
	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	0312490624	04/10/2013	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	54.901.068	5,58%	-
	Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	024100737	02/03/2004	Nhà D8, Số 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh			-
Tổng Cộng B					**303.630.686**	**30,84%**	**-**
C. Cổ đông chiến lược							
	Daiwa Securities Group Inc. Đại diện: Hironori Oka	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiy-oda-ku, Tokyo, Nhật Bản	154.491.930	15,69%	-
Tổng Cộng C					**154.491.930**	**15,69%**	**-**
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)							
					-	-	-
Tổng Cộng D					**-**	**-**	**-**
Tổng Cộng (A+B+C+D)					**303.630.686**	**30,84%**	**-**

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 984.750.022 cổ phiếu

DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	4.189.800	2.094.900	6.284.700	0,64%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc/Người được ủy quyền CBTT	1.862.000	930.999	2.792.999	0,28%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT, Trưởng Uỷ ban Kiểm toán	101.400	54.300	155.700	0,02%
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, Thành viên Uỷ ban Kiểm toán	96.400	48.799	145.199	0,01%
5	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
	Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Inc		-	154.491.930	154.491.930	15,69%
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	532.000	1.333.999	1.865.999	0,19%
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	748.000	1.961.436	2.709.436	0,28%
8	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	184.500	54.400	238.900	0,02%
9	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty	472.000	492.648	964.648	0,10%
	TỔNG CỘNG		**8.186.100**	**6.971.481**	**15.157.581**	**1,54%**

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

PHÍA NAM

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3824 2897
Fax: (028) 3824 2997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Tầng 7 Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8567
Fax: (028) 3821 3867

Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ

Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 0123
Fax: (028) 3622 6667

Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 2666
Fax: (028) 3622 2333

Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh

Tầng 5-6, 11 Đường D2, Shophouse Saigon Pearl số 92 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 2233
Fax: (028) 3622 2277

Phòng Giao dịch Cách Mạng Tháng Tám

Tầng 6, Tòa nhà Lim II
Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 7788
Fax: (028) 3622 5666

Phòng Giao dịch Lê Lợi

Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3636 3688
Fax: (028) 3636 3668

PHÍA BẮC

Chi nhánh Hà Nội

1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 6321
Fax: (024) 3936 6311

Chi nhánh Mỹ Đình

Tầng G, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Đường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3794 6699
Fax: (024) 3794 6677

Phòng Giao dịch Lê Văn Lương

Tầng 1, Tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3209 1256
Fax: (024) 3568 0738

Chi nhánh Hải Phòng

22 Lý Tự Trọng
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 356 9123
Fax: (0225) 356 9130

Phòng Giao dịch Vạn Phúc

Tầng 1, Tòa Nhà The Imperial Suites, 01-N1, Ngõ 40, Phố Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3773 4999
Fax: (024) 3771 4999

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 6321
Fax: (024) 3936 6337

Phòng Giao dịch Times City

Tầng 1, 2 và 3, Toà nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3941 3383
Fax: (024) 3941 3385

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 028 38 242 897 - Fax : 028 38 242 997

www.ssi.com.vn

VUI LÒNG XEM BÁO CÁO
ONLINE TẠI ĐÂY